

THERAVĀDA

*Lộ Trình
Tâm Và Sắc Pháp*



*Process of
Consciousness and Matter*

Tác giả: **Bhaddanta Dr. Rewata Dhamma**

Người dịch: **Pháp Triêu**

PL: 2559

DL: 2016



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Lộ Trình Tâm Và Sắc Pháp

(Process of Consciousness and Matter)

*Nguyên Tác Tiếng Anh của
Bhaddanta Dr. Rewata Dhamma*

Bản Dịch Tiếng Việt của Pháp Trầu

LỜI NGƯỜI DỊCH

Trong quá trình tra cứu tài liệu nhằm phục vụ cho việc biên dịch bộ sách *Handbook of Abhidhamma Studies* của Sayādaw U Silānanda (mà đã dẫn đến sự ra đời của các tác phẩm “Cẩm Nang Nghiên Cứu Thắng Pháp”), chúng tôi đã rất may mắn tìm được một số tài liệu Thắng Pháp (Abhidhamma) quan trọng và hữu ích được viết bằng ngôn ngữ tiếng Anh. Một trong số các tài liệu này là tiểu luận *Process of Consciousness and Matter* do Bhaddanta Dr Rewata Dhamma biên soạn. Giới thiệu một cách ngắn gọn, tiểu luận này là tài liệu chi tiết và chuyên sâu về hai chương thứ tư (về lộ trình tâm) và thứ sáu (về sắc pháp) của cuốn sách *A Comprehensive Manual of Abhidhamma* do Bhikkhu Bodhi làm chủ biên, cũng như của bộ sách *Handbook of Abhidhamma Studies*. Độc giả có thể xem thêm Lời Tựa của U Silānanda dành cho tiểu luận cũng như chính phần Giới Thiệu của Dr Rewata Dhamma về cuốn sách để biết được giá trị của tài liệu này (Chúng tôi có chuyển ngữ hai phần này và có đính kèm trong bản dịch).

Riêng đối với bản thân chúng tôi, tiểu luận này là một tác phẩm rất tuyệt vời. Ngoài việc là một tài liệu khá chuyên sâu về lộ trình tâm và sắc pháp như đã được đề cập, tiểu luận này còn cung cấp những giải đáp thỏa đáng cho những thắc mắc và tò mò đó đây của chúng tôi trong quá trình nghiên cứu Thắng Pháp (Abhidhamma). Độc giả đã có từng suy tư về việc tại sao chỉ có bậc Thánh Bất Lai và bậc Thánh A-la-hán mới có thể nhập thiền diệt

(nirodha-samāpatti) không? Độc giả đã có từng ước muốn có một sự giải thích rõ ràng mình bạch về sự khác nhau giữa môn (dvāra) và vật (vatthu) không? Là một Phật tử, bản thân chúng tôi có một sự thương mến vô bờ và một lòng tôn kính tột bậc dành cho Đức Phật. Chúng tôi luôn hiếu kỳ muốn tìm hiểu những chi tiết về bản thân và về cuộc đời của Ngài. Độc giả đã có từng muốn biết trong kiếp sống cuối cùng của mình, Ngài đã đi tục sinh bằng tâm gì và tâm đó bắt cảnh gì không? Những chi tiết như vậy được trình bày trong tiểu luận đã thúc đẩy chúng tôi cầm bút biên dịch tài liệu, nhằm chia sẻ đến độc giả những kiến thức tuyệt diệu và cao quý.

Chúng tôi đã cố gắng tôn trọng nguyên tác trong quá trình chuyển ngữ. Dưới đây là một vài chia sẻ chúng tôi muốn gửi đến cùng độc giả trong quá trình biên dịch:

1. Nguyên tác có khá nhiều lỗi chi pháp. Chúng tôi đã mạo phép chỉnh sửa và có chú thích phía dưới những nơi tương ứng.
2. Tại một vài nơi, chúng tôi không hiểu rõ ý tác giả muốn trình bày, phần lớn là do ngữ pháp và câu cú tại những nơi đó không được chuẩn. Chúng tôi đã mạo phép điền vào những chi tiết phù hợp với văn cảnh và có chú thích phía dưới những nơi tương ứng.

Phước thiện này đã không thể được thành tựu viên mãn nếu không nhờ vào sự động viên, hỗ trợ và giúp đỡ nhiệt tâm của rất nhiều đạo hữu. Thượng tọa Giác Nguyên đã rất quan tâm và tận tâm giải đáp những thắc mắc của

chúng tôi trong quá trình biên dịch. Đạo hữu Thiện Tuệ đóng vai trò chính yếu trong việc đọc kỹ bản thảo và góp ý chỉnh sửa lời văn. Đạo hữu cũng là người trình bày bản thảo và là người đại diện chúng tôi liên hệ với nhà xuất bản và nhà in. Các đạo hữu Tâm Lan, Tuệ Phương, Tâm Hiền và Vũ Thị Châu Giang đã dành rất nhiều thời gian và công sức kêu gọi hùn phước và giúp lưu hành ấn phẩm đến tay độc giả. Chị Nguyễn Thị Hồng Nga đã dành thời gian quý báu xem qua bản thảo. Chúng tôi vô cùng tri ân sự quan tâm và hỗ trợ quý báu của tất cả các đạo hữu. Chúng tôi cũng nhân dịp này gửi lời cảm ơn chân thành đến Đại đức Nguyên Tuệ, Tu nữ Phước Thủy và đạo hữu Tuệ Ân đã giúp chúng tôi đăng sách đến các tự viện cũng như phân phát sách đến các Phật tử tại Việt Nam. Chúng tôi cũng xin ghi nhận và tán dương công đức của những đạo hữu trong nước và hải ngoại đã đóng góp tịnh tài hùn phước in ấn và vận chuyển các tác phẩm đến tay độc giả. Nguyện cầu hồng ân Tam Bảo hộ trì cho các đạo hữu thân tâm thường an lạc và vững bước trên đường tu tập.

Dẫu cẩn thận đến mức nào, chúng tôi vẫn khó có thể tránh khỏi những sai sót trong quá trình biên dịch. Kính mong các bậc tôn túc trưởng thượng và độc giả lượng tình bỏ qua và chỉ bảo, chúng tôi sẽ tiếp nhận bằng sự tri ân.

Chúng tôi xin chia đều phần phước phát sanh từ việc thiện này đến thầy tổ, gia quyến và tất cả chúng sanh trong tam giới. Mong cầu phước thiện này hãy hộ trì cho tất cả được an vui, có trí tuệ và tu hành tinh tấn chóng đến ngày giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Pháp Thí Thắng Mọi Thí (Sabbadānaṃ Dhammadānaṃ Jināti). Chúng tôi nguyện cầu do phước thiện này, quả vị Phật Chánh Đẳng Giác (Sammāsambuddho) sẽ trở thành hiện thực cho chúng tôi trong ngày vị lai.

Monterey Park, ngày 25 tháng 2 năm 2016

Pháp Triều

MỤC LỤC

--ooOoo--

Lời Người Dịch	i
Mục Lục	v
Các Từ Viết Tắt (Tên Của Các Tài Liệu).....	1
Các Ký Tự Được Dùng Trong Các Bảng Nêu.....	2
Lời Tựa	6
Tiểu Sử Vắn Tắt Của Dr. Rewata Dhamma	8
Giới Thiệu	10
Danh Và Sắc.....	14
Những Sự Nghiên Cứu Và Học Hỏi Về Thắng Pháp (Abhidhamma)	16
Tiến Trình Tâm Thức	18

--ooOoo--

CHƯƠNG I

TÂM VÀ CÁC TÂM SỞ

Thắng Pháp (Abhidhamma)	21
Pháp Chân Đế (Paramattha).....	22
Bốn Sự Thật	24
Tâm (Citta).....	25
Phân Loại Tâm	26

Phân Loại Theo Tầng Hiện Hữu.....	26
Tâm (Citta) Siêu Thế Và Thiên (Jhāna)	28
Phân Loại Theo Bản Chất (Jāti)	29
Nhìn Sơ Lược 89 Và 121 Tâm (Citta)	29
Tâm Sở (Cetasika)	31
Tâm Sở (Cetasika) Tợ Tha	33
Tâm Sở (Cetasika) Bất Thiện.....	34
Tâm Sở (Cetasika) Tịnh Hảo	34
Nhìn Sơ Lược 52 Tâm Sở	36
Những Sự Phân Loại Khác Nữa	39
Thọ (Vedanā)	39
Nhân (Hetu).....	42
Chức Năng Hay Sự (Kicca)	43
Chức Năng Tục Sinh (Paṭisandhi Kicca)	44
Chức Năng Hộ Kiếp Hay Chức Năng Hữu Phần (Bhavaṅga Kicca).....	44
Chức Năng Từ (Cuti Kicca).....	45
Chức Năng Hương Tâm (Āvajjana Kicca)	46
Chức Năng Thấy, Vân Vân (Dassanādi Kicca)	46
Chức Năng Tiếp Thâu, Vân Vân (Sampaṭicchanaṅgādi Kicca)	47
Chức Năng Đồng Lực (Javana Kicca).....	48

Chức Năng Na Cảnh (Tadālam̐bana Kicca) 48

Các Con Số Về Các Chức Năng 49

Môn (Dvāra)..... 49

Đối Tượng Hay Cảnh (Ālambana)..... 52

Các Tâm (Citta) Và Đối Tượng Dựa Theo Các Môn 52

Các Tâm (Citta) Riêng Lẻ Và Đối Tượng..... 53

Vật (Vatthu) 56

Thức Giới57

Phân Loại Tâm (Citta) Theo Vật57

--ooOoo--

CHƯƠNG II

LỘ TRÌNH TÂM (CITTA VĪTHI)

Những Dữ Kiện Cơ Bản59

Những Sát-na Tâm..... 59

Trật Tự Cố Định Của Tâm Thức 60

Đối Tượng 61

Đời Sống Của Tâm (Citta)..... 62

Đời Sống Của Sắc Pháp (Rūpa) 63

Sáu Loại Thức (Viññāṇa)..... 63

Sáu Loại Lộ Tâm (Vīthi) 64

Các Nguyên Nhân Làm Sinh Khởi Các Lộ Tâm..... 65

Lộ Ngũ Môn (Pañca-dvāra Vīthi) 66

Lộ Tâm Ngũ Môn Cảnh Rất Lớn Kết Thúc Với Na Cảnh 66

 Lộ Tâm Với Cảnh Rất Lớn..... 68

 Giải Thích 69

 Ví Dụ Về Trái Xoài.....72

Các Lộ Tâm Ngũ Môn74

 Lộ Tâm Nhãn Môn74

 Lộ Tâm Nhĩ Môn75

 Lộ Tâm Tỷ Môn76

 Lộ Tâm Thiệt Môn.....77

 Lộ Tâm Thân Môn 78

Lộ Tâm Cảnh Rất Lớn Kết Thúc Với Đồng Lực.....79

 Cảnh Ngũ (Cảnh Dục)79

 Tiến Trình Đồng Lực (Javana) Và Na Cảnh..... 80

 Hữu Phần (Bhavaṅga) Khách..... 80

 Lộ Tâm Không Có Hữu Phần Khách81

 Lộ Tâm Nhãn Môn Không Có Hữu Phần (Bhavaṅga) Khách 83

 Lộ Tâm Với Hữu Phần (Bhavaṅga) Khách..... 84

 Lộ Tâm Nhãn Môn Với Hữu Phần Khách 86

 Ấn Tượng Hay Sự Nhận Thức Giác Quan 87

Lộ Tâm Với Cảnh Lớn.....	88
Lộ Tâm Đầu Tiên	88
Lộ Tâm Cảnh Lớn Đầu Tiên Tại Nhãn Môn Không Có Hữu Phần (Bhavaṅga) Khách	89
Lộ Tâm Với Hữu Phần (Bhavaṅga) Khách.....	90
Lộ Tâm Cảnh Lớn Thứ Nhất Tại Nhãn Môn Với Hữu Phần (Bhavaṅga) Khách.....	92
Lộ Tâm Thứ Hai Tại Nhãn Môn	93
Lộ Tâm Thứ Hai Với Hữu Phần (Bhavaṅga) Khách	94
Lộ Tâm Cảnh Rất Lớn Và Cảnh Lớn Với Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) Khách.....	95
Lộ Tâm Cảnh Nhỏ.....	96
Lộ Tâm Cảnh Nhỏ Thứ Nhất	97
Giải Thích	97
Các Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Nhỏ.....	99
Lộ Thứ Nhất.....	99
Lộ Thứ Hai.....	100
Lộ Thứ Ba	101
Lộ Thứ Tư	102
Lộ Thứ Năm.....	103
Lộ Thứ Sáu.....	104
Lộ Tâm Cảnh Rất Nhỏ	105

Các Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Rất Nhỏ 107

 Lộ Thứ Nhất..... 107

 Lộ Thứ Hai..... 108

 Lộ Thứ Ba 109

 Lộ Thứ Tư 110

 Lộ Thứ Năm..... 111

 Lộ Thứ Sáu..... 112

Những Lộ Tâm Ngũ Môn..... 113

Các Tâm (Citta) Trong Những Lộ Ngũ Môn..... 114

Đối Tượng Và Vật..... 116

Cõi Hiện Hữu 118

Chúng Sanh..... 118

Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) 119

Phân Tích Những Hạng Chúng Sanh 120

--ooOoo--

CHƯƠNG III

LỘ TÂM Ý MÔN (MANODVĀRA VĪTHI)

Lộ Đồng Lực Dục Giới (Kāma-javana Vīthi)... 124

 Đồng Lực (Javana) Dục Giới 124

 Lộ Tâm Kết Thúc Với Na Cảnh..... 124

Lộ Tâm Cảnh Rõ Kết Thúc Với Na Cảnh..... 126

Lộ Tâm Ý Môn Thứ Nhất 126

Lộ Tâm Ý Môn Thứ Hai 127

Lộ Tâm Ý Môn Thứ Ba 128

Lộ Tâm Ý Môn Thứ Tư 129

Lộ Tâm Ý Môn Thứ Năm 130

Lộ Tâm Ý Môn Thứ Sáu 132

Bốn Loại Lộ Ý Môn 133

Chú Thích Về Sự Kết Thúc Với Tâm Na Cảnh 134

Lộ Tâm Cảnh Rõ Kết Thúc Với Đồng Lực (Javana) 135

 Lộ Tâm Kết Thúc Với Đồng Lực (Javana) 135

 Lộ Tâm Ý Môn Thứ Nhất 136

 Lộ Tâm Ý Môn Thứ Hai 137

 Lộ Tâm Ý Môn Thứ Ba 138

 Lộ Tâm Ý Môn Thứ Tư 139

 Lộ Tâm Ý Môn Thứ Năm 140

 Lộ Tâm Ý Môn Thứ Sáu 141

 Lộ Tâm Ý Môn Thứ Bảy 142

 Giải Thích 143

Những Lộ Tâm Với Những Cảnh Khác 144

 Giải Thích 145

Lộ Tâm Trong Chiêm Bao 146

Giải Thích Lộ Tâm Chiêm Bao.....146

Những Lộ Ý Môn Thuần Túy 147

Các Tâm (Citta), Đối Tượng Và Cảnh Giới.....148

Đối Tượng Của Lộ Tâm Ý Môn.....149

Lộ Tâm Nối Đuôi (Tadanuvattika-manodvāra Vīthi) 152

Giải Thích Về Bốn Loại Lộ Tâm Nối Đuôi..... 153

Lộ Tâm Thấu Hiểu Pháp Biểu Tri (Viññattigahaṇa Vīthi) 160

Giải Thích Về Lộ Tâm Thấu Hiểu Pháp Biểu Tri (Viññattigahaṇa Vīthi)..... 161

--ooOoo--

CHƯƠNG IV

LỘ TÂM Ý MÔN ĐỒNG LỰC KIÊN CỐ (APPANĀ JAVANAVĀRA-MANODVĀRA VĪTHI)

Lộ Tâm Ý Môn Đồng Lực Kiên Cố (Appanā-javanavāra) 164

Lộ Đặc Thiền Của Hành Giả Độn Căn..... 165

Lộ Đặc Thiền Của Hành Giả Lợi Căn 165

Lộ Nhập Thiền166

Giải Thích.....166

Sự Chứng Đặc Thiền (Jhāna) Sắc Giới 167

Sự Chứng Đặc Thiền (Jhāna) Vô Sắc.....	170
72 Lộ Tâm Thiền (Jhāna)	172
Lộ Tâm Phản Khán	172
192 Lộ Tâm Phản Khán.....	173
Tâm Và Đối Tượng Trong Lộ Tâm Thiền	174
Cõi, Chúng Sanh Và Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga).....	174
Đối Tượng	177
Lộ Tâm Nhập Thiền	178
Lộ Tâm Phản Khán	179
Lộ Tâm Đạo (Magga Vīthi).....	179
Lộ Tâm Đạo Nhập Lưu Sơ Thiền Độn Căn.....	180
Lộ Tâm Đạo Nhập Lưu Sơ Thiền Lợi Căn	180
Lộ Tâm Đạo Cao Hơn Sơ Thiền Độn Căn	180
Lộ Tâm Đạo Cao Hơn Sơ Thiền Lợi Căn.....	181
Giải Thích.....	181
Ba Giả Thuyết.....	183
Lộ Tâm Đạo Và Lộ Tâm Phản Khán	183
Tâm (Citta) Và Đối Tượng	184
Cõi Và Chúng Sanh	185
Những Lộ Tâm Đạo Và Thiền (Jhāna) Cao Hơn.....	185
Lộ Tâm Quả (Phalasaṃpatti Vīthi)	187

Lộ Tâm Nhập Thiền Quả 187

Lộ Tâm Nhập Sơ Thiền Nhập Lưu Quả Của Người Độn Căn 188

Lộ Tâm Nhập Sơ Thiền Nhập Lưu Quả Của Người Lợi Căn 188

Giải Thích..... 188

Thuận Thứ (Anuloma)189

Lộ Tâm Thân Thông (Abhiññā Vīthi) 191

Lộ Thiền Cơ Bản Hay Lộ Thiền Nền192

Lộ Tâm Làm Công Việc (Chuẩn Bị) Sơ Bộ192

Lộ Tâm Thân Thông (Abhiññā).....193

Giải Thích.....193

Lộ Tâm Nhập Thiền Diệt (Nirodha-samāpatti Vīthi)..... 197

Lộ Tâm Nhập Thiền Diệt199

Giải Thích..... 200

Bốn Điều Ước Nguyện 200

Lộ Tâm Tử (Maraṇāsanna Vīthi) 204

Lộ Tử Ngũ Môn 204

Lộ Tử Với Tâm Tử Sanh Lên Sau Đồng Lực (Javana) 205

Giải Thích..... 207

Lộ Tử Ý Môn.....212

Giải Thích..... 213

Tiến Trình Hộ Kiếp (Bhavaṅga)..... 214

Lộ Nhập Diệt Hay Lộ Níp-bàn (Parinibbāna Vithi) 218

Giải Thích..... 218

Đối Tượng Của Tâm (Citta) Tử Của Đức Phật..... 221

Lộ Liên Thiền (Jhāna) 223

Lộ Liên Phản Khán 223

Lộ Liên Thông..... 224

Lộ Đắc Đạo Tột Mạng (Jīvitasamasīsī) 225

--ooOoo--

CHƯƠNG V

LỘ TRÌNH SẮC PHÁP

Sắc Pháp (Rūpa)..... 227

Sắc Pháp Được Tạo Ra Một Cách Cụ Thể..... 229

Sắc Pháp Được Tạo Ra Một Cách Không Cụ Thể.... 230

Kalāpa - Một Nhóm Các Yếu Tố 231

Các Kalāpa Do Nghiệp (Kamma) Tạo (9)..... 231

Các Kalāpa Do Tâm Tạo (6)..... 233

Các Kalāpa Do Nhiệt Lượng Tạo (4)..... 234

Các Kalāpa Do Dưỡng Tố Tạo (2)..... 235

Sự Diễn Ra Của Lộ Trình Sắc Pháp 235

Lộ Trình Của Các Kalāpa 237

Các Kalāpa Do Nghiệp (Kamma) Tạo.....237

Các Kalāpa Do Tâm Tạo..... 238

Các Kalāpa Do Nhiệt Lượng Tạo 238

Các Kalāpa Mạng Quyền..... 240

Các Kalāpa Do Dưỡng Tố Tạo.....241

Kalāpa Nhãn, Vân Vân..... 243

Lộ Tâm Ngũ Môn 244

Lộ Tâm Nhập Thiên Diệt 244

Thời Điểm Từ..... 245

--ooOoo--

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: BẢNG NÊU CHI PHÁP

Table 1: Tiến Trình Của Các Kalāpa Tại Thời Điểm Tục Sinh..... 247

Table 2: Tiến Trình Của Các Kalāpa Tại Lúc Sinh Khởi Của Các Kalāpa Mạng Quyền 249

Table 3: Tiến Trình Của Các Kalāpa Tại Lúc Sinh Khởi Của Các Kalāpa Do Dưỡng Tố Tạo..... 251

Table 4: Tiến Trình Của Các Kalāpa Tại Lúc Sinh Khởi Của Nhóm Nhãn, Vân Vân 253

Table 5: Tiến Trình Của Các Kalāpa Tại Lúc Sinh Khởi
 Của Lộ Tâm Ngũ Môn 255

Table 6: Tiến Trình Của Các Kalāpa Tại Lúc Nhập Thiền
 Diệt 258

Table 7: Tiến Trình Của Các Kalāpa Tại Lúc Xuất Khởi
 Thiền Diệt..... 260

Table 8: Tiến Trình Của Các Kalāpa Tại Lúc Tử..... 262

**PHỤ LỤC 2: BẢNG LIỆT KÊ THUẬT NGỮ
 PĀLI – VIỆT**

A 264

B 266

C 266

D 267

E 267

G 267

H 267

I 268

J 268

K 269

L 270

M 270

N 270

O 271

P	271
R.....	272
S.....	272
T	274
U.....	275
V	275
Y	276
Tài Liệu Tham Khảo	277
Phương Danh Thí Chủ	278
Địa Chỉ Phân Phối	282

Các Từ Viết Tắt (Tên Của Các Tài Liệu)

AP	=	Abhidhamma Pakasani
As	=	Atthasalini
AnA	=	Anguttara Atthakatha
BS	=	Basic Sangaha (ở Miến Điện)
CMA	=	A Comprehensive Manual of Abhidhamma
Dhp.	=	Dhammapada
Di	=	Dighanikaya
DiA	=	Dighanikaya Atthakatha
MA	=	Manual of Abhidhamma
PCM	=	Process of Consciousness and Matter
PD	=	Paramattha Dipani
PP	=	The Path of Purification
SbT	=	Sangaha Bhāsā Tīkā (ở Miến Điện)
Smv	=	Sammohavinodanī (Chánh Sớ Giải của Vibhaṅga)
Vb	=	Vibhaṅga
VS	=	Vīthi & Hso yoe (ở Miến Điện)
Vism	=	Visuddhimagga

Các Ký Tự Được Dùng Trong Các Bảng Nêu

Lộ Tâm Ngũ Môn

ooo = ba tiểu sát-na sanh, trụ và diệt của một sát-na tâm

SB = dòng hữu phần (bhavaṅga)

PB = hữu phần (bhavaṅga) vừa qua

VB = hữu phần (bhavaṅga) rúng động

AB = hữu phần (bhavaṅga) dứt dòng

Cons = tâm

FA = hướng ngũ môn

EC = nhãn thức

RC = tâm tiếp thân

IC = tâm quan sát

DC = tâm đoán định

JC = tâm đồng lực (javana)

RS = na cảnh

HC = nhĩ thức

SC = tỷ thức

TC = thiết thức

BD = thân thức

*Lộ Tâm Cảnh Rất Lớn Kết Thúc Với Tâm Đồng Lực
(Javana)*

SB = dòng hữu phần (bhavaṅga)

PB = hữu phần (bhavaṅga) vừa qua

VB = hữu phần (bhavaṅga) rúng động

AB = hữu phần (bhavaṅga) dứt dòng

FA = hướng ngũ môn

EC = nhãn thức

RC = tâm tiếp thân

IC = tâm quan sát

DC = tâm đoán định

JC = tâm đồng lực (javana)

BC = tâm hữu phần (bhavaṅga)

RC = na cảnh

TB = hữu phần khách (āgantuka bhavaṅga)

Lộ Tâm Ý Môn

SB = dòng hữu phần (bhavaṅga)

PB = hữu phần (bhavaṅga) vừa qua

VB = hữu phần (bhavaṅga) rúng động

AB = hữu phần (bhavaṅga) dứt dòng

MA = hướng ý môn

JC = tâm đồng lực (javana)

RS = na cảnh

BC = tâm hữu phần (bhavaṅga)

Lộ Tâm Đồng Lực (Javana) Thiên

SB = dòng hữu phần (bhavaṅga)

VB = hữu phần (bhavaṅga) rúng động

AB = hữu phần (bhavaṅga) dứt dòng

MA = hướng ý môn

PR = chuẩn bị

AC = tâm cận hành

CO = thuận thứ

CL = chuyển tộc

JH = tâm thiền (jhāna citta)

Lộ Tâm Đạo

MC = tâm đạo

FC = tâm quả

PF = dĩ tịnh (vodāna)

Lộ Nhập Thiên Quả

FJ = đồng lực (javana) quả

... = đồng lực (javana) quả (nhiều theo ý nguyện)

LỜI TỰA

(được chuyển ngữ từ nguyên tác tiếng Anh)

Bất cứ khi nào sử dụng đến hay bàn đến *Abhidhammatthasāṅgaha* (chương IV) trong lúc giảng dạy Thắng Pháp (*Abhidhamma*), tôi luôn tự tìm thấy mình ước ao rằng có một tài liệu bằng tiếng Anh về Lộ Trình Tâm được miêu tả ở đó. Có rất nhiều luận thư bằng tiếng Miến Điện về chủ đề này nhưng các học viên của tôi không thể truy cập chúng được và tôi lại không có thời gian giải thích cụ thể vì tôi không muốn khóa học Thắng Pháp (*Abhidhamma*) trở nên quá dài và quá lâu. Do đó, một tài liệu bằng tiếng Anh về chủ đề này thì sẽ rất là hữu ích và thích hợp cho các học viên bởi họ có thể tự đọc và chỉ cần vị thầy hướng dẫn giải thích ở những nơi khó hiểu.

Hiện tại, bạn của tôi tại Birmingham, Dr. Rewata Dhamma Aggamahāpaṇḍita, đã có viết một tiểu luận với tựa đề *Process of Consciousness and Matter*, đúng ngay tài liệu mà tôi đã ước muốn. Ngài là một chuyên gia về Thắng Pháp (*Abhidhamma*) và cũng là đồng tác giả của tài liệu *A Comprehensive Manual of Abhidhamma*, một cuốn sách đã trở thành tài liệu giáo khoa về môn học này. Trong tiểu luận *Process of Consciousness and Matter*, ngài giải thích rất chi tiết những khía cạnh của các lộ trình tâm thức và sắc pháp.

Chủ đề này chỉ được bàn đến một cách sơ lược trong các Chánh Sở Giải và Phụ Sở Giải, nhưng các giáo thọ sư cổ xưa người Miến Điện của chúng tôi đã viết nhiều luận thư chi tiết giảng giải kỹ về những gì đã được bàn đến và làm nó trở thành một đề tài nghiên cứu đặc biệt. Trước đây, các bạn khó có thể tìm

thấy được những đề tài nghiên cứu như vậy trong bất kỳ ngôn ngữ nào khác ngoài tiếng Miến Điện. Tại Miến Điện, các tu sĩ phải học từ những nguồn tài liệu nghiên cứu này để trở nên thuần thục và lão luyện về Thắng Pháp (Abhidhamma). Bây giờ, Dr. Rewata Dhamma đã viết sách của mình bằng ngôn ngữ tiếng Anh, cho nên, bất kỳ ai mà có thể đọc hiểu được tiếng Anh thì cũng có thể hiểu thấu đáo những tiến trình tâm thức và sắc pháp.

Sự đóng góp của Dr. Rewata Dhamma vào kho tài liệu nghiên cứu Thắng Pháp (Abhidhamma) như vậy sẽ làm thỏa mãn được một nhu cầu mà đã được khao khát từ lâu. Theo nhận định của tôi, tài liệu này của ngài sẽ được cả các học viên của môn Thắng Pháp (Abhidhamma) nói riêng cũng như những học giả nói chung đánh giá là một sự đóng góp độc đáo và quý giá vào kho tài liệu nghiên cứu đó.

U. Silānanda

Dhammānanda Vihāra

17450 South Cabrillo Hwy

Half Moon Bay, CA 94019-2518

TIỂU SỬ VĂN TẮT CỦA DR. REWATA DHAMMA

Sinh ra tại Miến Điện vào năm 1929, Ven. Rewata Dhamma từ bé đã theo tu học dưới sự hướng dẫn của nhiều học giả tu sĩ. Sau khi hoàn thành những việc tu học bậc cao, ngài đã nhận được học bổng quốc gia vào năm 1956 để đi học Hindi và Sanskrit tại Ấn Độ. Ngài đã tiếp tục nghiên cứu triết học Ấn Độ và Phật giáo Đại thừa (Mahayana) và nhận được bằng Tiến sĩ (PhD) từ Varanasi University vào năm 1967. Ngài đã biên tập và phát hành Abhidhammattha Sangaha cùng với chú giải của nó vào năm 1965 và bản dịch sang tiếng Hindi cùng với những chú giải của chính mình bằng tiếng Hindi vào năm 1967. Với tác phẩm bằng tiếng Hindi, ngài đã nhận được giải thưởng Kalidasa Prize từ Hindi Academy công nhận đó là một trong những luận thư xuất sắc của năm và tài liệu đó vẫn còn được dùng làm sách giáo khoa ở cấp đại học tại Ấn Độ.

Vào năm 1975, ngài đã được mời đến Anh quốc, tại đây ngài sau đó đã lập nên West Midlands Buddhist Centre, nơi mà cuối cùng đã trở thành Birmingham Buddhist Vihara. Từ cơ sở này, ngài đã du hành khắp Châu Âu cũng như sang Hòa Kỳ, Mexico và Brazil để dạy Phật Pháp và hướng dẫn các khóa thiền Minh sát tại nhiều trung tâm và đại học khác nhau. Ngài cũng được coi trọng rất cao tại Châu Á và có là thành viên của một vài ủy ban và tổ chức Phật giáo quốc tế. Vào năm 2000, Chính phủ Miến Điện đã ban tặng cho ngài chức vị cao trọng Aggamahāpaṇḍita.

Vào năm 1998, Sayadaw đã hoàn thành được ước mơ của mình, tôn thờ xá lợi của Đức Phật (trước đó thuộc

vào quyền sở hữu của hoàng gia Miến Điện) vào Dhammatalaka Peace Pagoda mà đã được khánh thành vào cùng năm đó. Tiếp theo sau đó, ngài đã khánh thành Sangharama Monastery trong cùng khuôn viên và cũng đã đang lên kế hoạch xây dựng một học viện Phật giáo ở đó trước ngày mất của ngài vào ngày 26 tháng 5 năm 2004.

Những tác phẩm của Dr. Rewata Dhamma bao gồm *A Comprehensive Manual of Abhidhamma* (biên soạn cùng với Bhikkhu Bodhi, Buddhist Publication Society, Sri Lanka, 1993); *The First Discourse of the Buddha* (Wisdom Publications, USA, 1997); *The Buddha and His Disciples* (Dhammatalaka Publications, UK, 2001); *Emptying the Rose-Apple Seat* (Triple Gem Publications, USA, 2003) và *The Buddha's Prescription* (Triple Gem Publications, USA, 2005).

Ngài Dr. Rewata Dhamma qua đời một cách an bình trong giấc ngủ vào buổi bình minh của ngày 26 tháng 5 năm 2004.

GIỚI THIỆU

Cuốn sách này được dành cho tất cả những học viên muốn nghiên cứu chuyên sâu về Thắng Pháp (Abhidhamma). Nó được xem là phần bổ sung cho tài liệu *A Comprehensive Manual of Abhidhamma* của Bhikkhu Bodhi, và có bàn luận về những khía cạnh quan trọng khác nhau một cách chi tiết hơn – đặc biệt là về lộ trình tâm.

Tất cả giáo lý trong Phật giáo, bao gồm mọi trường phái, và thông qua những phương cách tiếp cận khác nhau, đều có chung một mục đích cơ bản: đó là chứng đạt sự giải thoát. Trong Phật giáo, sự giải thoát có nghĩa là trở nên không còn bị ràng buộc bởi những ranh giới và sự khổ đau mà vốn là đặc tính của sự hiện hữu của chúng ta trong vòng luân hồi. Đức Phật đã dạy rằng chúng ta chỉ có thể thực chứng sự giải thoát dựa vào sự nỗ lực của chính mình, mà được hưởng thẳng đến sự hiểu biết sâu sắc về chính bản thân và về thế giới xung quanh chúng ta. Chúng ta sẽ không đơn giản chứng đạt được sự hiểu biết như vậy thông qua việc được ai đó “trao tặng”, cho đâu cho người đó được tôn kính hay thậm chí là một bậc thiêng liêng đến mức nào.

Giáo lý trong Phật giáo có thể được xem là có hai thành phần chính: những lời dạy mang tính quy ước và những lời dạy tối hậu. Nơi lưu trữ chính của những lời dạy mang tính quy ước của Đức Phật là Tạng Kinh (Sutta Pitaka). Trong những bài kinh (sutta) này, hầu hết những lời chỉ dạy được hướng trực tiếp đến những luân lý, đạo đức, và giải thích việc bằng cách nào chúng sanh đang còn vướng mắc trong vòng luân hồi (samsara) có thể sống đời sống của mình một cách chân thiện hơn. Đức Phật đã biết rằng, rất nhiều hay thậm chí là hầu như

mọi chúng sanh sẽ không chúng đạt sự giải thoát ngay lập tức. Cho nên, điều họ cần làm là cố gắng tiến từng bước một đến sự giải thoát. Tùy thuộc vào nghiệp quá khứ và sự nỗ lực hiện tại của họ, họ có thể chúng ngộ sự giải thoát trong kiếp sống này, hay điều đó có thể xảy ra trong kiếp sống kế tiếp của họ, hay trong một kiếp sống nào đó trong tương lai.

Tuy nhiên, trong giáo lý “tối hậu” như được trình bày trong Tạng Thắng Pháp (Abhidhamma Pitaka), chúng ta lại được cung cấp một hướng nhìn khác hay một góc độ khác. Ngôn ngữ của Thắng Pháp (Abhidhamma) trừu tượng hơn ngôn ngữ của Tạng Kinh (Sutta Pitaka). Những lời giảng dạy trong Thắng Pháp (Abhidhamma), tức là những lời giảng dạy “đặc biệt” hay “siêu thế”, định nghĩa vũ trụ này thông qua hay bằng các hiện tượng danh (nāma) và sắc (rūpa). Mục đích của Thắng Pháp (Abhidhamma) là dẫn chúng ta đến một sự hiểu biết sâu sắc về bản chất thật của chính mình và của thế giới xung quanh chúng ta. Để chúng đạt được sự giải thoát cuối cùng, chúng ta phải trực tiếp nhìn thấy được những sự thật này.

Ở một vài phương diện, chúng ta có thể thấy những sự tương tự giữa Thắng Pháp (Abhidhamma) và khoa học Tây phương đương thời. Chúng ta cần phải nhận thức rằng Đức Phật đã thuyết giảng cách đây trên 2.600 năm, trong một nền văn hóa và truyền thống Á châu. Do đó, những lời giảng dạy được trình bày theo phong cách và định dạng mà để giúp cho người của thời đó và ở bản địa đó đã có thể tiếp thu được một cách tốt nhất. Ngày nay, nhìn vào giáo lý Thắng Pháp (Abhidhamma), chúng ta tìm thấy có nhiều khái niệm và thuật ngữ mà không có những tương đồng trong ngôn ngữ và văn hóa Tây phương.

Thắng Pháp (Abhidhamma) không phải chỉ là siêu hình học, mà thật ra, nó là một hệ thống đạo-đức-tâm-lý học hoàn chỉnh. Hơn nữa, Thắng Pháp (Abhidhamma) không chỉ liên quan đến sự phát triển tâm linh. Nó còn bàn một cách chi tiết về cả thân xác vật lý của con người và tâm thức, và nhiều chánh số lẫn phụ số đã được viết bởi những giáo thọ sư Phật giáo người Đông phương về những chủ đề này. Tại Miến Điện, một dạng y học cổ truyền đã được phát triển dựa trên Thắng Pháp (Abhidhamma). Chúng ta có thể thấy ở đây một sự biểu hiện song song, như trong việc y học Tây phương thì dựa trên sự hiểu biết mang tính nền tảng cơ bản hơn mà được phát triển trong những chủ đề “cơ bản” như sinh học, vật lý học và hóa học.

Khi Thắng Pháp (Abhidhamma) bàn về tâm ý, nó đề cập đến sự kết hợp của hai yếu tố riêng biệt nhưng lại có liên quan với nhau, đó là “tâm” (citta) và “các tâm sở” (cetasika). Trong ngôn ngữ hằng ngày, chúng ta thường nói về “tâm ý” tức là những yếu tố tâm lý, nhưng nếu nói đúng hơn theo ngôn ngữ của Thắng Pháp (Abhidhamma) thì chúng ta thật ra đang đề cập đến hay đang nói đến những tâm sở (cetasika). Thắng Pháp (Abhidhamma) giải thích rằng tâm (citta) và tâm sở (cetasika) không thể sanh lên một cách riêng biệt, mà thật ra là luôn luôn “cùng tồn tại” với nhau. Có tất cả 52 tâm sở (cetasika), mỗi một trong số chúng luôn luôn sanh lên cùng với tâm (citta) đi cùng. Tại bất kỳ một thời điểm nào đó, một vài tâm sở (cetasika) có thể có mặt trong tâm ý tùy thuộc vào các tình huống. Một vài tâm sở (cetasika) có hiệu quả làm trong sạch tâm ý, một vài có thể làm nhơ bẩn nó, và những số khác thì có tính trung lập. Trạng thái tổng thể của tâm ý phụ thuộc vào cách những tâm sở (cetasika) cá nhân này kết hợp với nhau, và những sự kết hợp này có thể tạo ra đến 121 tâm

(citta). Đây là sự kết hợp của những tâm sở (cetasika) mà khiến cho chúng ta đôi lúc hạnh phúc, đôi lúc buồn rầu, và đôi lúc trung hòa. Những tâm (citta) và những tâm sở (cetasika) đi cùng với chúng thì liên tục sanh lên và diệt đi, hàng triệu lần trong một giây¹. Một tâm trí trần tục thì không thể thấu hiểu được sự hoạt động tinh thần không ngừng nghỉ này.

Trong Phật giáo, tâm ý thì rất quan trọng: “Ý dẫn đầu các pháp, ý làm chủ, ý tạo tác”². Để hiểu được cái bản chất thay đổi không ngừng nghỉ của tâm ý, hành giả phải phát triển nó theo nhiều cách khác nhau. Đức Phật đã dạy hai loại thiền: thiền chỉ tịnh (samatha) và thiền minh sát (vipassanā). Nếu hành giả thực hành thiền chỉ tịnh (samatha), tâm ý của hành giả trở nên trong sáng và được tập trung. Chỉ với một tâm trí được tập trung, hành giả mới có thể nhìn thấy được các pháp như thật (tức là đúng theo bản chất thật của chúng), đây là cái nhìn sâu sắc của thiền minh sát (vipassanā). Ở đây, chúng ta có thể dẫn chứng sự tương tự đối với một nhà khoa học đương thời (chẳng hạn như một nhà sinh vật học hay một nhà vật lý học) cần công cụ hay thiết bị đặc biệt để thực hiện công việc của mình. Nhà sinh vật học có thể cần một máy kính hiển vi, hay nhà vật lý học có thể cần một máy gia tốc hạt nhân. Họ cần những thiết bị này để thực hiện việc nghiên cứu một cách có hiệu quả và có tổ chức trong lãnh vực tương ứng của họ - tức là trong lãnh vực hữu cơ và vô cơ. Theo phương cách tương tự, hành giả muốn tìm hiểu về những sự thật nền tảng được đề cập đến trong Thắng Pháp (Abhidhamma) thì phải cần

¹ (Ekaccharakkhaṇe koṭīsatassahasasankhyā uppajjitvā nirujjhanti) Smv. P. 31 (Accharasanghātakkaṇe anekakoṭī satasahasassa sankhā vedanā uppajjhanti ti hi aṭṭhakathāyaṃ vuttaṃ) PD, p. 148

² Dh. Vers. I

một “công cụ” và công cụ đó không là gì khác hơn ngoài chính tâm ý tập trung cao độ của hành giả. Để hướng đến mục tiêu đó, học viên của Thắng Pháp (Abhidhamma) phải nỗ lực đáng kể để huấn luyện, phát triển và thanh lọc tâm ý. Sự nỗ lực này phải là bao gồm toàn diện, và Đức Phật đã thuyết giảng ba khía cạnh: giới (sīla), định (samātha) và tuệ (paññā). Nếu không có sự nỗ lực trong tất cả các lãnh vực này thì việc chứng đạt sự giải thoát cuối cùng thông qua việc thực hành thiền minh sát (vipassanā) sẽ không thể nào đạt được.

Danh Và Sắc

Thắng Pháp (Abhidhamma) phân tích và thảo luận chi tiết về tất cả những hiện tượng danh sắc và sự phụ thuộc lẫn nhau của chúng. Trong triết học Tây phương, tâm không được phân tích và thảo luận chi tiết như là một bản thể riêng biệt, thay vào đó, nó chỉ được đề cập đến thông qua phương cách bộ não dùng tâm thức. Thậm chí tâm lý học Tây phương cũng không tiếp cận, nghiên cứu và giải quyết bản chất của chính tâm thức, mà thay vào đó chỉ giới hạn sự nghiên cứu của nó ở hành vi hay cách ứng xử (của loài người hay thú vật).

Trong Phật giáo, một con người được xem là chi có danh và sắc (tâm ý và vật chất) và không là gì khác hơn nữa. Cho nên, Thắng Pháp (Abhidhamma) đề cập và nghiên cứu về tâm ý và vật chất một cách rất chi tiết¹. Trong thực tế, khi chúng ta thấy cái mà chúng ta gọi là một “con người”, chúng ta thật ra đang thấy một sự hiển thị hay sự biểu lộ của một sự thật tiềm ẩn sâu hơn ở bên dưới, tức là những hiện tượng danh sắc cụ thể nào đó đã kết nối với nhau. Thắng Pháp (Abhidhamma) liệt kê 28

¹ AS Xem (Ch. I & IV)

sắc pháp, và cũng có miêu tả những phần tử vi tế mà được biết đến là các nhóm sắc (kalāpa). Những phần tử vi tế này không thể được nhìn thấy bằng mắt trần hay được cảm nhận bằng sự đụng chạm, mà chúng ta phải trải nghiệm chúng trong cơ thể như là những đặc tính hay những nguồn năng lượng.

Thắng Pháp (Abhidhamma) miêu tả cách các trạng thái tâm thức, các trạng thái tâm ý và các trạng thái vật chất sanh lên và diệt đi hàng triệu lần trong một giây như thế nào. Hành giả có tâm ý được phát triển thông qua sự thực hành thiền thì có thể trải nghiệm những sự thật này, cách chúng sanh lên và diệt đi tại từng thời điểm một. Trong thực tế, các tâm và các phần tử vật chất sanh lên và diệt đi hàng triệu lần trong từng mỗi thời khắc. Một người không biết gì về Thắng Pháp (Abhidhamma) sẽ gặp khó khăn để hiểu được tiến trình cực nhanh này.

Chúng ta có thể trình bày một sự tương tự trong khoa học hiện đại như sau: Nếu một người đọc một cuốn sách về vật lý lý thuyết, người đó có thể có được một sự hiểu biết sâu rộng hơn về cấu trúc của nguyên tử chẳng hạn. Tuy nhiên, để đi sâu hơn với ví dụ này về khoa học hiện đại, chúng ta phải nhận ra rằng kiến thức về vật lý lý thuyết thì chỉ có vậy, tức là nó chỉ là kiến thức hiểu biết mang tính lý thuyết. Chỉ khi nào nhà vật lý học sử dụng thiết bị thích ứng (chẳng hạn như một máy gia tốc hạt nhân) để trực tiếp quan sát vật chất, thì họ mới sẽ thật sự có được sự trải nghiệm trực tiếp về những hiện tượng trong thế giới vật chất mà họ muốn tìm hiểu. Nhà sinh vật học hay nhà sinh hóa học phải đi vào phòng thí nghiệm và sử dụng kính hiển vi hay một thiết bị nào đó để thật sự chính mắt thấy được những vi trùng và

những cấu trúc phân tử phức tạp mà họ đã được học từ giảng đường.

Theo cách tương tự đó, nếu một người nghiên cứu Thắng Pháp (Abhidhamma) thì dĩ nhiên, trí văn của người đó về những sự thật mà Thắng Pháp trình bày với chi tiết sẽ trở nên thâm sâu hơn. Tuy nhiên, chỉ bằng sự thực hành thiền thì những sự thật này mới thật sự có thể được trải nghiệm. Trong tập sách này, tôi sẽ cố gắng diễn giải tiến trình tâm thức và sắc pháp theo giáo lý Thắng Pháp (Abhidhamma). Tôi hoàn toàn nhận thức rằng, nếu độc giả không có kiến thức sẵn có ban đầu về thứ ngôn ngữ và thuật ngữ chuyên môn được dùng trong Thắng Pháp (Abhidhamma) thì độc giả sẽ không thể hiểu được những gì tôi sẽ trình bày. Điều này giống như một ai đó chưa học toán học nhưng lại cố gắng đọc một khảo luận về cơ học lượng tử đầy những phương trình toán học và thuật ngữ trừu tượng thì có lẽ sẽ cảm thấy nản chí một cách nghiêm trọng. Tuy nhiên, tôi hy vọng rằng nếu độc giả có nền tảng kiến thức cần thiết và nghiên cứu Thắng Pháp (Abhidhamma) một cách thật tâm thì sự hiểu biết của độc giả sẽ dần dần trở nên thâm sâu.

Những Sự Nghiên Cứu Và Học Hỏi Về Thắng Pháp (Abhidhamma)

Những độc giả là Phật tử hay ít nhất đã có tiếp cận với Phật giáo thì sẽ biết rằng Thắng Pháp (Abhidhamma) đại diện hay biểu hiện cho một phần rất quan trọng (nếu không nói là rất khó) của giáo lý của Đức Phật. Ở mặt khác, nhiều người, mặc dầu thường xem Phật giáo là nguồn cảm hứng rất lớn nhưng lại thật sự chưa nghiên cứu Thắng Pháp và do đó, đã chưa thể sử

dụng nguồn trí tuệ trong Phật giáo để mang lại lợi ích cho chính mình. Tuy nhiên, với sự truyền bá và sự lan truyền rộng rãi của Phật giáo trên toàn thế giới, tôi đang nhận thấy rằng có một sự quan tâm thích thú trở lại trong việc học hỏi và nghiên cứu Thắng Pháp (Abhidhamma). Tôi được biết có nhiều nhóm nghiên cứu Thắng Pháp (Abhidhamma) rất nhiệt tâm tại châu Âu, châu Mỹ và châu Á.

Vào những năm đầu thập kỷ 90, Bhikkhu Bodhi đã có đề nghị tôi viết một đoạn giới thiệu ngắn cho tập sách của ngài: *A Comprehensive Manual of Abhidhamma*. Tập sách này sau đó đã được Buddhist Publication Society tại Sri Lanka phát hành vào năm 1993. Bhikkhu Bodhi đã cụ thể yêu cầu tôi chỉ viết một chú thích rất ngắn gọn, vì ngài đã biết cuốn sách của tôi về chủ đề này (được viết bằng ngôn ngữ Hindi) là rất dài, trên 1.000 trang. Tập sách của Bhikkhu Bodhi đã được đón nhận rất nồng nhiệt bởi các học viên Thắng Pháp (Abhidhamma) ở Tây phương và đã được tái bản lại một vài lần.

Một đặc tính của tập sách *A Comprehensive Manual of Abhidhamma* là nó chỉ miêu tả tiến trình tâm thức rất ngắn gọn, dựa trực tiếp vào chánh văn Pāli nguyên thủy rất vắn tắt. Nhiều học viên của tôi tại châu Âu sau này đã yêu cầu tôi biên soạn chi tiết hơn về chủ đề này để họ có thể có được sự hiểu biết chuyên sâu hơn. Trong tập sách hiện tại này, tôi không chỉ viết về tiến trình tâm thức mà còn viết về các tiến trình sắc pháp, đặc biệt là về các nhóm sắc (kalāpa). Những gì tôi đã soạn viết là ít nhiều dựa trên chú giải ban đầu của tôi bằng ngôn ngữ Hindi và cũng dựa trên những tài liệu tiếng Miến Điện đang hiện hữu. Để cho học viên tìm kiếm được dạng tài liệu này bên ngoài Miến Điện thì rất

khó. Từ thế kỷ thứ mười bảy, các giáo thọ sư người Miến Điện về Thăng Pháp (Abhidhamma) đã cho ra nhiều tài liệu và chú giải về Thăng Pháp (Abhidhamma) với chất lượng rất cao. Tôi tin rằng thật khó có thể hiểu Thăng Pháp (Abhidhamma) một cách chi tiết nếu không truy nhập được vào kho tài liệu này.

Trong tập sách này, bất kỳ điều gì tôi giảng giải về lộ trình tâm thức và sắc pháp là với ý định bổ sung cho những gì đã được trình bày trong tài liệu của Bhikkhu Bodhi, *A Comprehensive Manual of Abhidhamma*. Tôi khuyến khích các học viên nghiêm túc nên đọc đi đọc lại tài liệu đó nhiều lần để làm quen với các thuật ngữ và ngôn ngữ được dùng trong lãnh vực này. Tôi cũng muốn nói thêm rằng tôi cảm thấy Chương 8 trong tài liệu đó cần có thêm những chi tiết hơn nữa về các mối quan hệ nhân duyên, và tôi dự định sẽ viết thêm về vấn đề này trong tương lai.

Tiến Trình Tâm Thức

Là nhân loại, những tâm giác quan của chúng ta, mà xảy ra tại mỗi một trong năm môn giác quan, sanh lên và diệt đi hàng triệu lần trong mỗi giây. Điều cần phải hiểu là, vì có nhiều môn giác quan, do đó không chỉ có một lộ tâm xảy ra, mà có nhiều lộ tâm. Cho nên, ví dụ như khi chúng ta ngồi hành thiền, chúng ta có thể trải nghiệm nhiều lộ tâm, chẳng hạn như cảm nhận được sự xúc chạm với mặt đất, và cũng như thấy, nghe và vân vân. Tuy nhiên, chính những tâm giác quan thì lại không xảy ra cùng một lúc, mặc dầu dường như là chúng đang xảy ra trong cùng một thời điểm của tâm trí. Chúng dường như là xảy ra cùng một lúc chỉ vì do chúng đi theo nhau với một tốc độ cực kỳ nhanh. Do đó, trước hết, tôi

sẽ giải thích rằng những lộ tâm sanh lên tại năm môn giác quan thì sanh lên phù hợp với những đối tượng hay những cảnh khác nhau tương ứng của chính chúng¹. Rồi tôi sẽ giải thích việc tâm giác quan sanh lên tại mỗi môn giác quan như thế nào. Đối với môn giác quan thứ sáu, tức là tâm ý, tôi sẽ giải thích rằng lộ tâm ý môn là một tiến trình mang tính tinh thần thuần túy: ví dụ một suy nghĩ hiện tại có thể làm cho một ký ức sanh lên. Tôi cũng sẽ giải thích lộ ý môn nối đuôi, mà đi theo sau ý môn². Đối với lộ tâm ý môn này, tôi cũng sẽ miêu tả các tiến trình hành thiền và sự chứng đắc những loại kiên cố thiền khác nhau. Tôi sẽ miêu tả những loại tiến trình khác nhau như lộ tâm thần thông, lộ tâm phản khán, lộ tâm tử, lộ tâm tiền Níp-bàn và lộ tâm vô dư Níp-bàn (tức là lộ tâm nhập diệt)³. Những lộ tâm này chỉ được nhắc đến một cách rất vắn tắt trong cuốn Cẩm Nang (ND: của Bhikkhu Bodhi). Tiến trình tử thì có liên quan rất mật thiết với tiến trình tái sinh⁴. Thắng Pháp (Abhidhamma) phân tích và xử lý chúng một cách riêng biệt và giải thích cách chúng kết nối với nhau như thế nào – sau tử là tái sanh. Tôi hy vọng nhiều người, đặc biệt là các độc giả Tây phương – sẽ quan tâm đến sự miêu tả này về tiến trình tái sinh.

Phần cuối cùng của tập sách này bàn về tiến trình của sắc pháp⁵. Các hiện tượng sắc pháp hay các đặc tính sắc pháp xuất nguồn từ nghiệp (kamma), tâm, nhiệt lượng và dưỡng tố⁶. Tôi sẽ giải thích những đặc tính hay

¹ PCM Xem (Pañcadvāra vīthi)

² PCM Xem (Manodvāra vīthi)

³ PCM Xem (Ch. III)

⁴ PCM Xem (Ch. III, lộ tâm tử)

⁵ PCM Xem (Ch. IV)

⁶ PCM Xem (Ch. VI, p. 246)

những hiện tượng sắc pháp này kết hợp với nhau như thế nào tại thời điểm thụ thai và diễn tiến trong suốt đời sống. Tôi cũng sẽ giải thích cái gì xảy ra tại thời điểm tử và theo sau đó. Tại thời điểm thụ thai, sự hình thành của những hiện tượng này xảy ra trong vòng mười bảy sát na tâm và rồi ngay lập tức những hiện tượng mới bắt đầu sanh lên và rồi diệt đi và diễn tiến như vậy không ngừng nghỉ trong suốt đời sống, cho đến thời điểm tử.

Tiền sĩ Rewata Dhamma

Birmingham Buddhist Vihara

UK

25/02/2004

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa

Chương I: Tâm Và Các Tâm Sở

Thắng Pháp (Abhidhamma)

Thắng Pháp (Abhidhamma), giáo lý đặc biệt của Đức Phật, được kính ngưỡng tại vị trí cao nhất và được tôn thờ như là vương miện của kinh điển Phật giáo. Tất cả các trường phái cổ xưa theo truyền thống Phật giáo đều có phương cách riêng của mình trong việc hệ thống hóa Thắng Pháp (Abhidhamma). Tuy nhiên, (ngoại trừ một vài bộ sách, như bộ Abhidharmakosa của truyền thống Vasubandhu và bộ Abhidharmadīpa) hầu hết các trường phái đã mất đi giáo lý và hệ thống Thắng Pháp (Abhidhamma) của họ, đầu là trong ngôn ngữ nguyên thủy Pāli hay trong ngôn ngữ Sanskrit. Trường phái Thượng Tọa Bộ (Theravāda) với sự cẩn trọng cực độ đã may mắn lưu giữ được toàn bộ giáo lý Thắng Pháp (Abhidhamma), cùng với những chánh sở và phụ sở giải có liên quan. Điều cần phải được hiểu là giáo lý Thắng Pháp (Abhidhamma) không phải là những bài thuyết giảng hay những cuộc thảo luận xảy ra trong những khung cảnh sinh hoạt hằng ngày. Mà thật ra, giáo lý Thắng Pháp (Abhidhamma) được phân tích một cách rất chi tiết, được sắp xếp một cách bài bản, được định nghĩa một cách tinh tế và được phân loại một cách tỉ mỉ bằng một khối ngôn từ vô cùng phức tạp nhưng thiết yếu, bao gồm những thuật ngữ trừu tượng. Cho nên, do bởi tầm quan trọng to lớn của nó, phương pháp phân tích và xử lý tuyệt vời của nó và vì nó dẫn đến sự giải thoát cho

người thực hành, nó được gọi là Thắng Pháp (Abhidhamma)¹, tức là giáo lý đặc biệt của Đức Phật.

Pháp Chân Đế (Paramattha)

Theo Thắng Pháp (Abhidhamma), có hai loại sự thật: sự thật chế định (sammuti) và sự thật chân đế (paramattha). Những sự thật chế định là những khái niệm, tức là điểm tham chiếu của những suy nghĩ mang tính khái niệm thông thường (paññatti), và những chế độ biểu hiện (vohāra) mang tính quy ước. Chúng bao gồm những thực thể như chúng sanh, loài người, đàn ông, đàn bà, thú vật, cây cối, cây cỏ, núi rừng và vân vân. Chúng ta hiểu và đặt tên gọi cho những thực thể này dựa theo hình thể, màu sắc của chúng và vân vân. Tuy nhiên, giáo lý Thắng Pháp (Abhidhamma) chủ trương rằng những khái niệm này không sở hữu giá trị tuyệt đối. Những đối tượng mà chúng đại diện hay biểu hiện thì không tồn tại trong chính quyền hạn của chúng như là những sự thật không thể chia chẻ được nữa. Chế độ tồn tại của chúng mang tính chế định, chứ không phải thực chất. Chúng là những sản phẩm của sự kiến tạo mang tính tinh thần (parikappanā), chứ không phải là những sự thật tồn tại do bởi chính tự bản chất của chúng.

Trong khi đó, những sự thật chân đế thì tồn tại do bởi chính bản chất nội tại (sabhāva) của chúng. Những pháp này là những hiện tượng danh và sắc mà là những thành phần hiện hữu cuối cùng không thể chia chẻ được nữa, những thực thể có được từ sự phân tích đúng đắn về thế giới của các hiện tượng. Như vậy, giống như việc chúng ta có thể chiết dầu từ hạt mè, chúng ta cũng có thể tách ra được những pháp chân đế từ những sự thật chế

¹ Asl. p. 3

định. Do đó, những pháp chân đế được miêu tả không chỉ từ góc nhìn của bản thể luận là những thực thể tối hậu thật và đúng, mà còn từ quan điểm của nhận thức luận là đối tượng tối hậu của sự nhận thức đúng đắn. Ví dụ, cái mà được gọi là “chúng sanh”, “người đàn ông” hay “người đàn bà” là một sự thật chế định hay là một khái niệm. Tuy nhiên, trong thực tế, “chúng sanh”, “người đàn ông” hay “người đàn bà” thì chỉ là một sự kết hợp của những pháp chân đế. Khi chúng ta phân tích những sự thật chế định hay những khái niệm dưới ánh sáng của Thắng Pháp (Abhidhamma), chúng ta tìm thấy rằng chúng không sở hữu bất kỳ sự thật tối hậu nào, mặc dầu điều này có thể dường như được ẩn tàng hay được bao hàm bởi những khái niệm. Chúng chỉ là một sự thật chế định bao gồm một tập hợp của những yếu tố mãi mãi biến đổi, tức là những tiến trình danh pháp và sắc pháp. Như vậy, bằng cách quán chiếu những sự thật chế định với trí tuệ, chúng ta sẽ cuối cùng nhận ra rằng chỉ có những pháp chân đế (paramattha dhamma) mới duy trì được bản chất nội tại của chúng một cách độc lập.

Thuật ngữ “paramattha” là một từ ghép, gồm “parama” và “attha”. “Parama” được định nghĩa là bất biến (aviparīta) hay trừu tượng (nibbattita). “Attha” có nghĩa là vật. Mặc dầu từ “bất biến” được dùng ở đây, nhưng nó không nên được diễn giải theo nghĩa: tất cả những pháp chân đế là thường hằng hay vĩnh cửu. Trong thực tế, tất cả những yếu tố danh và sắc luôn hứng chịu sự đổi thay, chúng là vô thường và thật ra là đang biến đổi một cách không ngừng. Tuy nhiên, những đặc tính riêng biệt của chúng thì không thay đổi bất kỳ lúc nào chúng sanh lên. Mặc dầu tất cả các hiện tượng thay đổi, nhưng bản chất nội tại của chúng lại là không. Chúng ta hãy lấy tham (lobha) làm ví dụ, tham sanh lên tại mỗi thời điểm, nhưng tham không bao giờ mất đi bản chất

nội tại của nó, đó là bám víu, nắm bắt, dính mắc. Do đó, sự chuyển ngữ tốt nhất của thuật ngữ “Paramattha” thật ra có lẽ là sự thật “trừu tượng”.

Bốn Sự Thật

Trong các bài Kinh (sutta), Đức Phật thường phân tích một chúng sanh hay một cá nhân thành ngũ uẩn (pañcakkhandha), tức là năm loại pháp chân đế, mười hai xứ (āyatana) và mười tám giới (dhātu). Trong Thắng Pháp (Abhidhamma), các pháp chân đế được liệt kê thành bốn thể loại: tâm (citta), tâm sở (cetasika), sắc pháp (rūpa) và níp-bàn (nibbāna). Trong số chúng, ba thể loại đầu tiên là những pháp chân đế hữu vi và sự thật cuối cùng, tức là níp-bàn (nibbāna), là vô vi¹.

Mặc dầu các pháp chân đế (paramattha dhamma) tồn tại trong lòng của tất cả những hiện tượng danh và sắc như là những cốt lõi cụ thể hay vững chắc của các pháp, nhưng chúng lại rất vi tế và sâu thẳm đến nỗi một người bình thường nếu không có sự huấn luyện kỹ càng trong thiền định sẽ không thể cảm nhận được chúng. Một người chưa được đào tạo như vậy không thể thấy được các pháp chân đế vì tâm trí của ông ta bị che ám bởi những khái niệm (paññatti). Một người bình thường cảm nhận mọi sự vật theo hình thể của chúng, tức là cái mà định đặt ra sự biểu hiện của chúng theo tính quy ước. Chỉ có người được huấn luyện hay được đào tạo một cách kỹ càng trong thiền và là người đã phát triển được cái nhìn sâu sắc và sự suy nghĩ đúng đắn về các sự vật (yoniso manasikāra) thì mới có thể thấy được các sự vật vượt qua khỏi các khái niệm, nhìn nhận ra chúng như là đối tượng của sự nhận biết. Do đó, pháp chân đế

¹ CMA p. 25

(paramattha dhamma) được miêu tả là lãnh vực của sự hiểu biết cao tột, tức là sự hiểu biết sâu sắc.

Tâm (Citta)

Thuật ngữ “citta” đến từ gốc từ Pāli “citi”, có nghĩa là biết hay nhận biết. Các nhà chú giải Thắng Pháp (Abhidhamma) trình bày ba ý nghĩa cho từ “citta”. Các vị định nghĩa “citta” như là nhân tố, là công cụ và là hoạt động. “Citta” khi làm nhân tố thì là yếu tố nhận biết đối tượng (Āramaṇaṃ cintetīti cittaṃ). Khi làm công cụ, “citta” được định nghĩa là phương tiện mà thông qua đó các tâm sở đi cùng nhận biết đối tượng (Etena cintetīti cittaṃ). Cuối cùng, “citta” khi làm hoạt động thì chỉ đơn giản là suy nghĩ (Cintanamattaṃ cittaṃ). Một câu hỏi được đưa ra là: tại sao các nhà chú giải lại đi định nghĩa “citta” theo ba cách như vậy? Câu trả lời là do tư tưởng về một bản ngã (atta hay ātman) đã được chôn sâu vào tâm trí của con người. Với lý do này, các nhà tư tưởng tôn giáo cổ xưa đã ủng hộ ý tưởng về một linh hồn (ātman hay atta). Trong tư tưởng của họ, chính bản ngã (atta hay ātman) là cái suy nghĩ những ý nghĩ, là cái cảm giác những cảm thọ và là cái thực hiện những hành động. Tuy nhiên, trong quan điểm của Thắng Pháp (Abhidhamma), chính tâm (citta) là cái nhận thức những đối tượng và tất cả những trạng thái tinh thần khác thì sanh lên cùng với tâm. Chính tâm (citta) được đánh đồng với sự suy nghĩ. Hai định nghĩa đầu tiên chứng minh rằng bản ngã (ātman) không có tồn tại. Chính tâm (citta) là yếu tố làm việc suy nghĩ. Do đó, chúng ta có thể nói rằng không có người suy nghĩ mà chỉ có sự suy nghĩ.

Đặc tính của tâm (citta) là sự biết đối tượng. Chức năng của tâm (citta) là kẻ dẫn đầu của các tâm sở, tức là

nó làm người chủ tọa và được đi cùng bởi chúng. Nó biểu hiện trong tâm trí của hành giả là sự liên tục của các tiến trình. Tuy nhiên, tâm không thể tự mình sanh lên. Mà đúng hơn là nó phụ thuộc vào các tâm sở và sắc pháp, tức là các hiện tượng vật chất. Tâm (citta) chỉ có một đặc tính là nhận thức đối tượng, một đặc tính luôn được giữ nguyên không thay đổi trong tất cả những sự biểu hiện đa dạng của nó. Cái mà chúng ta thường nghĩ là tâm thức thì thật ra là một chuỗi bao gồm những tâm (citta), tức là những hoạt động tâm thức tại từng thời điểm một, xảy ra liên tiếp, cực nhanh đến nỗi chúng ta không thể khám phá ra được các thời điểm riêng lẻ của những loại tâm khác nhau. Thắng Pháp (Abhidhamma) không chỉ phân biệt giữa các loại tâm khác nhau mà quan trọng hơn, còn phân loại chúng thành một tổng hợp thống nhất và đan xen vào nhau một cách gần gũi.

Phân Loại Tâm

Phân Loại Theo Tầng Hiện Hữu

Thắng Pháp (Abhidhamma) đã phân loại tâm theo một vài nguyên tắc. Những sự phân loại theo tầng hiện hữu và theo bản chất đóng những vai trò rất quan trọng trong Thắng Pháp (Abhidhamma). Có bốn tầng cấp của tâm thức. Ba tầng là hiệp thế: dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Tầng thứ tư là siêu thế; nó cũng là trạng thái tâm thức. Từ “giới”, dùng để định danh ba tầng đầu tiên, trong ngữ cảnh này có nghĩa là “cái mà di chuyển xung quanh trong đó hay là hay lui tới một địa điểm cụ thể”. Địa điểm được hay lui tới là tầng hiện hữu. Nó cũng được gọi là cõi (bhūmi) và được định đặt theo tên gọi là cảnh giới. Tuy nhiên, những tâm dục giới được trải nghiệm không chỉ trong dục giới mà còn ở những cảnh

giới khác nữa. Điều này cũng đúng đối với những tâm sắc giới và những tâm vô sắc.

Như vậy, tâm có thể được chia thành bốn loại theo tầng hiện hữu:

1. Tâm dục giới, hầu hết được trải nghiệm trong dục giới. Tổng số tâm dục giới là 54:

i. 12 tâm (citta) bất thiện (8 nhân tham, 2 nhân sân, và 2 nhân si)

ii. 18 tâm (citta) vô nhân (7 quả bất thiện, 8 quả thiện, và 3 duy tác vô nhân)

iii. 24 tâm (citta) dục giới tịnh hảo (8 đại thiện hay thiện dục giới, 8 đại quả hay quả dục giới, và 8 đại duy tác hay duy tác dục giới)

2. Tâm sắc giới, hầu hết được trải nghiệm trong sắc giới. Tổng số tâm sắc giới là 15: 5 thiện, 5 quả và 5 duy tác.

3. Tâm vô sắc, hầu hết nhưng không phải luôn luôn được trải nghiệm trong vô sắc giới. Số tâm vô sắc là 12: 4 thiện, 4 quả và 4 duy tác.

4. Tâm siêu thế, được trải nghiệm bởi các bậc Thánh nhân. Tám tâm siêu thế là: 4 tâm (citta) đạo và 4 tâm (citta) quả.

Như vậy, tổng số tâm là 89: 54 tâm dục giới, 15 tâm sắc giới, 12 tâm vô sắc và 8 tâm siêu thế (54+15+12+8=89). Trong số chúng, ba nhóm hay ba hạng đầu tiên được định đặt là những tâm (citta) hiệp

thế, tổng số chúng là 81. Nhóm hay hạng cuối cùng là tâm (citta) siêu thế, chỉ có 8 tâm (citta) như vậy.

Tâm (Citta) Siêu Thế Và Thiên (Jhāna)

Có hai cỗ xe (yāna), tức là hai phương tiện, để chúng đạt được các tâm (citta) siêu thế: cỗ xe minh sát (vipassanā yāna) và cỗ xe chỉ tịnh (samatha yāna). Hành giả mà chỉ thực hành thiên minh sát (vipassanā) thôi thì trải nghiệm bốn tâm (citta) đạo và bốn tâm (citta) quả. Do đó, chỉ có tám tâm (citta) siêu thế cho hành giả chứng ngộ tâm (citta) siêu thế thông qua thiên minh sát (vipassanā). Tuy nhiên, nếu hành giả trước hết thực hành thiên chỉ (samatha) và chứng đắc thiên (jhāna) thứ nhất để làm nền tảng cho thiên minh sát (vipassanā) của mình thì tâm đạo thứ nhất của hành giả sẽ được đi kèm theo bởi thiên (jhāna) thứ nhất. Cho nên, nó được biết đến là tâm (citta) nhập lưu đạo sơ thiên. Tương tự, chúng ta có tâm nhập lưu đạo nhị thiên, tâm nhập lưu đạo tam thiên, tâm nhập lưu đạo tứ thiên và tâm nhập lưu đạo ngũ thiên. Như vậy, có năm tâm (citta) nhập lưu đạo được kết hợp với các tầng thiên (jhāna). Nói một cách khác, tâm (citta) nhập lưu đạo được nhân lên với năm tầng thiên (jhāna). Cũng theo cách này, có năm tâm nhất lai đạo, năm tâm bất lai đạo và năm tâm A-la-hán (Arahant) đạo. Như vậy, tổng cộng có 20 tâm đạo. Vì quả đi liền theo sau tâm (citta) đạo mà không có khoảng cách thời gian nào, cho nên cũng có 20 tâm (citta) quả. Có tất cả 40 loại tâm siêu thế. Tính tất cả thì có 121 tâm (citta): 81 tâm (citta) hiệp thế và 40 tâm (citta) siêu thế.

Phân Loại Theo Bản Chất (Jāti)

Các tâm cũng có thể được phân chia thành các nhóm hay các loại theo bản chất (jāti). Có bốn nhóm hay bốn loại như vậy:

1. 12 tâm (citta) bất thiện: 8 tâm (citta) có nhân tham, 2 tâm (citta) có nhân sân và 2 tâm (citta) có nhân si ($8+2+2=12$)

2. 21 tâm (citta) thiện: 8 tâm (citta) thiện dục giới, 5 tâm thiện sắc giới, 4 tâm thiện vô sắc và 4 tâm (citta) đạo ($8+5+4+4=21$)

3. 36 tâm (citta) quả: 7 tâm quả bất thiện vô nhân, 8 tâm quả thiện vô nhân, 8 tâm quả dục giới, 5 tâm quả sắc giới, 4 tâm quả vô sắc và 4 tâm (citta) quả siêu thế ($7+8+8+5+4+4=36$)

4. 20 tâm (citta) duy tác: 3 tâm duy tác vô nhân, 8 tâm duy tác dục giới, 5 tâm duy tác sắc giới và 4 tâm duy tác vô sắc ($3+8+5+4=20$)

Chúng ta có thể thấy thêm rằng nếu các tâm (citta) đạo và quả siêu thế được nhân lên với năm tầng thiền (jhāna) thì sẽ có 20 tâm (citta) đạo và 20 tâm (citta) quả siêu thế. Như vậy, số tâm (citta) thiện trở thành 37 và số tâm (citta) quả trở thành 52.

Nhìn Sơ Lược 89 Và 121 Tâm (Citta)¹

TÂM HIỆP THẾ

81

¹ CMA p. 28

Tâm dục giới	54
Tâm bất thiện	12
(1-8) Tâm tham	8
(9-10) Tâm sân	2
(11-12) Tâm si	2
Tâm vô nhân	18
(13-19) Tâm quả bất thiện	7
(20-27) Tâm quả thiện	8
(28-30) Tâm duy tác vô nhân	3
Tâm dục giới tịnh hảo	24
(31-38) Tâm thiện dục giới	8
(39-46) Tâm quả dục giới	8
(47-54) Tâm duy tác dục giới	8
Tâm sắc giới	15
(55-59) Tâm thiện sắc giới	5
(60-64) Tâm quả sắc giới	5
(65-69) Tâm duy tác sắc giới	5
Tâm vô sắc giới	12
(70-73) Tâm thiện vô sắc	4

(74-77) Tâm quả vô sắc	4
(78-81) Tâm duy tác vô sắc	4
TÂM SIÊU THỂ	8 hay 40
Tâm thiện siêu thể	4 hay 20
(82) hay (82-86) Nhập lưu đạo	1 hay 5
(83) hay (87-91) Nhất lai đạo	1 hay 5
(84) hay (92-96) Bất lai đạo	1 hay 5
(85) hay (97-101) A-la-hán đạo	1 hay 5
Tâm quả siêu thể	4 hay 20
(86) hay (102-106) Nhập lưu quả	1 hay 5
(87) hay (107-111) Nhất lai quả	1 hay 5
(88) hay (112-116) Bất lai quả	1 hay 5
(89) hay (117-121) A-la-hán quả	1 hay 5

Tâm Sở (Cetasika)

Cùng với tâm (citta) thì có các tâm sở (cetasika) sanh lên. Tất cả những trạng thái tinh thần, những hoạt động tinh thần, những yếu tố tinh thần và những hiện tượng tinh thần đều được xem là những tâm sở (cetasika). Những tâm sở (cetasika) luôn luôn xảy ra đồng thời, tức là sanh lên cùng với các tâm (citta). Tâm sở (cetasika) được định nghĩa là yếu tố tinh thần sanh lên cùng với tâm (citta) và rời diệt đi tại thời điểm tâm

(citta) diệt đi. Không có đối tượng thì không có tâm (citta) nào có thể sanh lên. Điều này cũng đúng cho tâm sở vì nó luôn luôn chia sẻ cùng đối tượng với tâm (citta) có liên quan. Bất kỳ khi nào một tâm (citta) nào đó sanh lên, có ít nhất bảy tâm sở cũng sanh lên. Sự sanh lên của các tâm sở phụ thuộc vào đối tượng, cá nhân và cảnh giới cụ thể mà chúng sanh đó trú ngụ.

Tâm sở (cetasika) không thể sanh lên mà không có tâm (citta), tâm (citta) cũng không thể sanh lên mà không có tâm sở (cetasika); chúng hoàn toàn phụ thuộc vào nhau. Tại thời điểm nhận thức, tâm (citta) và tâm sở (cetasika) cùng nhau hoạt động. Các tâm sở (cetasika) có thể được xem là những đặc tính tinh thần. Tâm (citta) thì không thể được nhìn thấy; cho nên, chúng ta chỉ có thể cảm nhận được hiệu quả của tâm, tức là “cittasika”. Tâm (citta) luôn luôn thể hiện hay biểu hiện tùy theo tâm sở (cetasika) tương ứng. Ví dụ, khi sự tức giận sanh lên, nó tự biểu hiện ra là trạng thái tinh thần giận dữ. Trong trường hợp này, yếu tố được đề cập đến sau là tâm sở (cetasika) và yếu tố được đề cập đến trước là tâm (citta). Sự sanh lên của một tâm cụ thể nào đó và tâm sở liên quan của nó là trùng lặp với nhau. Mỗi quan hệ tương hỗ lẫn nhau này được thể hiện tốt nhất thông qua ví dụ sau. Khi nước trong sạch được hòa trộn với chất nhuộm màu xanh thì điều duy nhất được nhìn thấy là nước có màu xanh. Theo cùng cách đó, tâm sở (cetasika) sanh lên phụ thuộc vào loại tâm (citta) nào đang hiện hữu. Tuy nhiên, tâm (citta) là chính, là chủ. Sự ưu thế của nó có thể được minh họa bằng ví dụ sau. Khi tin truyền rằng: “Nhà vua đang đến” thì nhà vua sẽ ngự đến hợp thời, nhưng không phải chỉ một mình mà là cùng ngự đến với đoàn tùy tùng. Tương tự, bất kỳ lúc nào tâm (citta) sanh lên, nó không sanh lên một mình; nó luôn luôn được đi cùng bởi những tâm sở (cetasika) thích

hợp. Tâm (citta) và các tâm sở (cetasika) luôn luôn sanh lên cùng nhau, với cảnh và vật thích hợp. Tóm lại, chúng ta có thể nói rằng mọi tâm (citta) sanh lên trong sự kết hợp với những tâm sở (cetasika) tương ứng của nó. Chúng chia sẻ cùng đối tượng và cùng một vật. Chúng cũng diệt đi cùng với nhau.

Tâm Sở (Cetasika) Tợ Tha

Trong Thắng Pháp (Abhidhamma), có tất cả 52 tâm sở (cetasika). Những tâm sở này được phân chia thành ba nhóm cơ bản: các tâm sở tợ tha (aññasamāna¹ cetasika), những tâm sở bất thiện (akusala cetasika) và những tâm sở tịnh hảo (sobhana cetasika).

Trong 52 tâm sở (cetasika) này, bảy tâm sở được phân loại là Biến Hành và sáu tâm sở được phân loại là Biệt Cảnh. Xếp chung với nhau, mười ba tâm sở này là tợ tha (aññasamāna). Thuật ngữ “aññasamāna” nghĩa đen có nghĩa là “chung hay phổ biến với cái kia”. Những tâm (citta) bất tịnh hảo được gọi là “cái kia” (añña) đối với những tâm (citta) tịnh hảo. Những tâm (citta) tịnh hảo được gọi là “cái kia” đối với những tâm (citta) bất tịnh hảo. Do đó, tất cả mười ba tâm sở này được gọi là tợ tha (aññasamāna), tức là chung hay phổ biến với cả những tâm sở (cetasika) tịnh hảo và bất tịnh hảo. Trong số chúng, những tâm sở sau đây được gọi là Biến Hành (sabba-citta-sādhāraṇa) (vì chúng được kết hợp với tất cả các tâm (citta) mà không có ngoại lệ nào): xúc (phassa), thọ (vedanā), tưởng (saññā), tư (cetanā), nhất tâm (ekaggatā), mạng quyền (jāvitindriya) và tác ý (manasikāra).

¹ ND: Trong nguyên tác ghi là aññanamāna. Có lẽ là lỗi biên tập hay in ấn.

Tuy nhiên, tầm (vitakka), tứ (vicāra), thẳng giải (adhimokkha), cần (vīriya), hỷ (pīti) và dục (chanda) được gọi là những tâm sở Biệt Cảnh (pakiṇṇaka cetasika). Sáu tâm sở này không được kết hợp với tất cả mọi tâm (citta) mà chỉ với một vài tâm cụ thể.

Tâm Sở (Cetasika) Bất Thiện

Nhóm những tâm sở (cetasika) thứ hai được gọi là những tâm sở bất thiện (akusala cetasika). Chúng bao gồm mười bốn tâm sở và tất cả đều được kết hợp một cách tương ứng với những tâm bất thiện. Trong số chúng, si (moha), vô tâm (ahirika), vô úy (anottappa) và phóng dật (uddhacca) được kết hợp với tất cả mười hai tâm bất thiện (akusala citta). Tuy nhiên, tham (lobha), tà kiến (diṭṭhi) và ngã mạn (māna) chỉ được kết hợp duy nhất với tâm tham (lobha citta), tức là chúng có tham làm nhân. Sân (dosa), tật (issā), lận (macchariya) và hối (kukkucca) chỉ được kết hợp với hai tâm sân (dosa citta), tức là chúng có sân làm nhân. Hôn trầm (thina) và thụ miên (middha) được tìm thấy trong năm tâm hữu trợ (sasankhārika). Tuy nhiên, hoài nghi (vicikicchā) chỉ được kết hợp với tâm si hoài nghi (vicikicchā citta)².

Tâm Sở (Cetasika) Tịnh Hảo

Nhóm những tâm sở (cetasika) thứ ba được gọi là những tâm sở tịnh hảo (sobhana cetasika), bao gồm 25 tâm sở. Chúng được gọi là “tịnh hảo” vì chúng chỉ được kết hợp với những tâm tịnh hảo.

¹ CMA p. 77

² CMA p. 83

Trong số chúng, mười chín tâm sở (cetasika) được biết đến là “những tâm sở tịnh hảo biến hành” (sobhana-sādhāraṇa) vì tất cả chúng đều được kết hợp với tất cả 59 tâm tịnh hảo. Chúng là: tín (saddhā), niệm (sati), tầm (hirī), úy (ottappa), vô tham (alobha), vô sân (adosa), hành xả (tatramajjhataṭṭā) và tĩnh tánh (kāyapassaddhi), tĩnh tâm (cittapassaddhi), khinh tánh (kāyalahutā), khinh tâm (cittalahutā), nhu tánh (kāyamudutā), nhu tâm (cittamudutā), thích tánh (kāyakammaññatā), thích tâm (cittakammaññatā), thuần tánh (kāyapāguññatā), thuần tâm (cittapāguññatā), chánh tánh (kāyujukatā) và chánh tâm (cittujukatā).

Có ba sự kiêng tránh (viratī): chánh ngữ (sammāvācā), chánh nghiệp (sammākammanta) và chánh mạng (sammā-ājīva)¹. Ba tâm sở tịnh hảo này được kết hợp với mỗi tâm siêu thế, tất cả chung với nhau và tại mọi lúc. Tuy nhiên, chúng được kết hợp chỉ trong một phần thời gian và từng mỗi cái một với tám tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Nhóm tâm sở (cetasika) tiếp theo bao gồm hai tâm sở và được gọi là vô lượng phần (appamaññā): bi mẫn (karuṇā) và tùy hỷ (muditā)². Hai tâm sở này được kết hợp với 28 tâm: mười hai tâm đáo đại (loại trừ những tâm thiện (jhāna citta) thứ năm), tám tâm thiện dục giới tịnh hảo và tám tâm duy tác dục giới tịnh hảo.

Tâm sở cuối cùng trong số 25 tâm sở (cetasika) này là trí tuệ (paññā)³. Tâm sở này được kết hợp với 47 tâm.

¹ CMA p. 85

² CMA p. 88

³ CMA p. 89

Do đó, tuệ (paññā) được kết hợp với mười hai tâm dục giới tịnh hảo hợp trí và với tất cả 35 tâm đạo đại (mahaggata) và tám tâm siêu thế¹. Cuối cùng, 25 tâm sở tịnh hảo này được kết hợp với những tâm dục giới tịnh hảo và những tâm siêu thế đạo đại tương ứng.

Nhìn Sơ Lược 52 Tâm Sở

TÂM SỞ TỶ THA	13
Tâm sở Biến Hành	7
Xúc	
Thọ	
Tưởng	
Tư	
Nhất tâm	
Mạng quyền	
Tác ý	
Tâm sở Biệt Cảnh	6
Tâm	
Tứ	

¹ ND: Chi pháp ở đây không được rõ ràng. Nhưng chúng tôi nghĩ ngài Rewata muốn nhấn mạnh là tâm sở trí tuệ đi cùng với tất cả các tâm đạo đại và siêu thế (bao gồm 27 tâm đạo đại và 8 tâm siêu thế).

Thắng giải

Cần

Hỷ

Dục

TÂM SỞ BẤT THIỆN 14

Tâm sở Biến Hành bất thiện 4

Si

Vô tà

Vô úy

Phóng dật

Tâm sở Biệt Cảnh bất thiện
10

Tham

Tà kiến

Ngã mạn

Sân

Tật

Lận

Hối

Hôn trầm

Thụy miên

Hoài nghi

TÂM SỞ TỊNH HẢO

25

Tâm sở Biến Hành tịnh hảo

19

Tín

Niệm

Tàm

Úy

Vô tham

Vô sân

Hành xả

Tĩnh tánh

Tĩnh tâm

Khinh tánh

Khinh tâm

Nhu tánh

Nhu tâm

Thích tánh	
Thích tâm	
Thuần tánh	
Thuần tâm	
Chánh tánh	
Chánh tâm	
Tâm sở giới phần	3
Chánh ngữ	
Chánh nghiệp	
Chánh mạng	
Tâm sở vô lượng phần	2
Bi mẫn	
Tùy hỷ	
Tâm sở vô si	1
Tuệ quyền	

Những Sự Phân Loại Khác Nữa Thọ (Vedanā)

Thọ (vedanā) là một tâm sở (cetasika) biến hành và rất quan trọng trong đời sống của chúng ta. Điều được

ghi nhận là: “Sabbe dhammā vedanā samodhānā”, có nghĩa là “các pháp được bao gồm trong thọ”. Điều này nên cần được hiểu với nghĩa là thọ thì có chung cho tất cả mọi sự trải nghiệm. Bất cứ cái gì được trải nghiệm thông qua sáu giác quan, thấy, nghe và vân vân, đều được định nghĩa là thọ. Do đó, điều được ghi nhận là: “Đời sống không có gì khác ngoài cảm thọ”. Cảm thọ được phân tích là có ba hoặc có năm. Khi cảm thọ được phân tích theo bản chất tình cảm thì nó có ba:

1. Lạc (sukha)
2. Khổ (dukkha)
3. Không lạc không khổ (adukkha-masukha).

Trong sự phân loại này, lạc (sukha) ám chỉ cảm thọ dễ chịu ở trong tâm trí hay ở trong cơ thể. Khổ (dukkha) ám chỉ cảm thọ khó chịu ở trong tâm trí hay ở trong cơ thể.

Khi cảm thọ được phân tích theo căn quyền (indriya) thì nó có năm. Trong sự phân loại này, lạc (sukha) được chia thành thọ hỷ (somanassa) và thọ lạc (sukha). Mặt khác, khổ (dukkha) được chia thành thọ ưu (domanassa) và thọ khổ (dukkha), trong khi thọ không lạc không khổ thì được nhận dạng với thọ xả (upekkhā), tức là cảm thọ trung lập.

1. Lạc (sukha)
2. Khổ (dukkha)
3. Hỷ (somanassa)
4. Ưu (domanassa)

5. Xả (upekkhā)

Những loại cảm thọ được nhắc đến ở trên được gọi là “quyền” (indriya) vì chúng thể hiện quyền quản trị hay sự điều khiển trên những yếu tố tinh thần được kết hợp với chúng tùy theo chế độ tình cảm của việc trải nghiệm đối tượng. Trong năm loại cảm thọ này, thọ lạc (sukha) có đặc tính trải nghiệm cảnh xúc được khao khát. Thọ lạc có chức năng làm tăng cường những trạng thái được kết hợp hay được đi cùng và có sự biểu hiện là việc tận hưởng hay sự khoái lạc mang tính thân xác. Thọ khổ (dukkha) có đặc tính trải nghiệm cảnh xúc không được khao khát, và chức năng của nó là sự tiêu tan hay sự khô héo của những pháp được kết nối. Sự biểu hiện của thọ khổ (dukkha) là sự đau đớn hay khổ sở thân xác. Thọ hỷ (somanassa) có đặc tính trải nghiệm đối tượng được khao khát; chức năng của nó là dự phần vào khía cạnh được khao khát của đối tượng. Sự biểu hiện của thọ hỷ (Somanassa) là sự tận hưởng mang tính tinh thần. Thọ ưu (domanassa) có đặc tính trải nghiệm đối tượng không được khao khát; chức năng của nó là dự phần vào khía cạnh không được khao khát của đối tượng. Sự biểu hiện của thọ ưu (domanassa) là sự đau khổ mang tính tinh thần. Thọ xả (upekkhā) có đặc tính là được cảm nhận như là cảm thọ trung tính, chức năng của nó là không làm tăng cường và cũng không gây ra sự giảm thiểu của những trạng thái được liên kết. Sự biểu hiện của thọ xả (upekkhā) là sự an lạc.

1. Thọ lạc (sukha) được kết hợp với chỉ một tâm (citta), đó là tâm thân thức quả thiện vô nhân được đi cùng bởi thọ lạc.

2. Thọ khổ (dukkha) cũng được kết hợp với chỉ một tâm (citta), đó là tâm thân thức quả bất thiện vô nhân được đi cùng bởi thọ khổ.

3. Thọ hỷ (somanassa) được kết hợp với 62 tâm (citta): mười tám tâm (citta) dục giới¹, mười hai tâm (citta) đáo đại và 32 tâm (citta) siêu thế.

4. Thọ ưu (domanassa) được kết hợp với hai tâm (citta) bất thiện có nhân sân.

5. Thọ xả (upekkhā) được kết hợp với 55 tâm (citta): 32 tâm (citta) dục giới, mười lăm tâm (citta) đáo đại và tám tâm (citta) siêu thế.

Nhân (Hetu)²

Theo Thắng Pháp (Abhidhamma) thì có sáu nhân (hetu) chính, mà làm duyên cho sự sanh lên của tâm. Tất cả các tâm sanh lên đều phụ thuộc vào nhân (hetu), ngoại trừ mười tám tâm vô nhân (ahetu). Thuật ngữ “hetu” đồng nghĩa với từ “paccaya” mà có nghĩa là duyên hay điều kiện, với từ “kāraṇa” mà có nghĩa là nguyên nhân, và với từ “mūla” mà có nghĩa là nhân hay gốc rễ. Tuy nhiên, trong lãnh vực của Thắng Pháp (Abhidhamma), thuật ngữ “hetu” đặc biệt có nghĩa là nhân (mūla). Trong số sáu nhân, ba nhân được xác định là thiện (kusala); chúng là vô tham (alobha), vô sân (adosa) và vô si (amoha). Những nhân còn lại, tức là tham (lobha), sân (dosa) và si (moha), được xem là bất thiện; chúng là nguyên nhân của sự sanh lên của những trạng thái tâm thức bất thiện.

¹ ND: Trong nguyên tác ghi là 12 tâm dục giới là không đúng.

² CMA p. 119

Thăng Pháp (Abhidhamma) giải thích một cách rất đúng đắn và chi tiết việc tâm sanh lên phụ thuộc vào nhân (hetu) như thế nào. Nó cũng giải thích việc chất lượng của tâm phụ thuộc vào nhân của nó như thế nào, đầu nó là thiện hay bất thiện. Có hai tâm là chỉ có nhân si, trong khi tất cả những tâm còn lại thì có hai hay ba nhân tùy thuộc vào trạng thái tâm trí của chúng sanh đó.

1. 18 tâm (citta) vô nhân: đây là 7 quả bất thiện, 8 quả thiện và 3 duy tác vô nhân.

2. 71 tâm (citta) hữu nhân: đây là những tâm (citta) còn lại, và được chia nhỏ ra như sau:

a. 2 tâm (citta) một nhân: đó là 2 tâm (citta) bất thiện, có si làm nhân

b. 22 tâm (citta) nhị nhân: đó là 8 tâm (citta) bất thiện có gốc tham (có tham và si làm nhân), 2 tâm (citta) bất thiện có gốc sân (có sân và si làm nhân) và 12 tâm (citta) dục giới tịnh hảo lý trí (có vô tham và vô sân làm nhân).

c. 47 tâm (citta) tam nhân: đó là 12 tâm (citta) dục giới tịnh hảo hợp trí, 27 tâm (citta) đáo đại và 8 tâm (citta) siêu thế. Những tâm (citta) này có vô tham, vô sân và vô si làm nhân.

Chức Năng Hay Sự (Kicca)¹

Tất cả các tâm đều có chức năng riêng của chúng. Thăng Pháp (Abhidhamma) phân loại tất cả 89 tâm theo mười bốn chức năng như sau:

¹ CMA p. 122

Chức Năng Tục Sinh (Paṭisandhi Kicca)

Trong số tất cả các tâm, có mười chín tâm (citta) làm chức năng như những tâm tục sinh. Tại thời điểm hình thành của một đời sống mới, chỉ một trong số mười chín tâm này hoạt động như là mối nối giữa đời sống vừa qua và đời sống mới. Chỉ một tâm (citta) cụ thể nào đó có thể thực hiện chức năng này tùy thuộc vào chúng sanh và tầng hiện hữu mà chúng sanh đó sẽ trú ngụ. Trong thực tế, tâm (citta) tục sinh sanh lên chỉ trong bất kỳ sự tồn tại cá nhân nào và diễn ra tại chính thời điểm hình thành (của kiếp sống đó).

Chức Năng Hộ Kiếp Hay Chức Năng Hữu Phần (Bhavaṅga Kicca)

Thuật ngữ “bhavaṅga” được tạo thành bởi hai từ “bhava” có nghĩa là sự tồn tại hay sự hiện hữu và “aṅga” có nghĩa là yếu tố. Do đó, thuật ngữ “bhavaṅga” có nghĩa là “điều kiện cần thiết hay tất yếu của sự tồn tại”. “Bhavaṅga” cũng được định nghĩa là “chức năng của tâm mà hoạt động để bảo tồn sự hiện hữu cá nhân từ thời điểm tục sinh cho đến thời điểm tử”. Sau khi tâm tục sinh đầu tiên sanh lên và diệt đi, tâm hữu phần (bhavaṅga) sanh lên tại từng thời điểm cho đến khi một tâm năng động sanh lên. Trong thực tế, ba tâm, tức là tâm tục sinh, tâm hữu phần (bhavaṅga) và tâm tử, là một loại tâm; chỉ có cách chúng hoạt động hay chức năng của chúng là khác nhau. Tâm hữu phần (bhavaṅga citta) sanh lên và diệt đi tại mỗi một thời điểm trong đời sống của một chúng sanh, bất kỳ khi nào không có tiến trình tâm năng động diễn ra. Tâm hữu phần (bhavaṅga) thì hiển nhiên hay rõ rệt nhất trong quá trình ngủ sâu và không có mộng. Tuy nhiên, nó có xảy ra trong chốc lát và rất nhiều lần trong suốt đời sống tinh thức trong giai

đoạn ở giữa những lộ tâm. Một vài học giả cho rằng tâm hữu phần (bhavaṅga citta) thuộc vào vô thức, trong khi những vị khác lại cho rằng nó thuộc vào tiềm thức. Trong thực tế, tâm hữu phần (bhavaṅga) chính tự nó là tâm, và do đó, chúng ta không thể nói nó là thuộc vào vô thức hay thuộc vào tiềm thức. Tâm hữu phần (bhavaṅga) thật ra là chế độ thụ động của tâm thức, chứ không phải chế độ năng động. Tâm hữu phần (bhavaṅga citta) sanh lên và diệt đi từng mỗi thời điểm trong suốt giai đoạn thụ động của tâm thức, nó trôi chảy liên tục như một dòng suối hay dòng sông bất tận.

Chức Năng Tử (Cuti Kicca)

Chức năng này xảy ra tại thời điểm cuối cùng trong đời sống của một cá nhân. Nó là tâm (citta) đánh dấu sự giã từ một kiếp sống cụ thể nào đó. Tâm (citta) này cùng loại với tâm tục sinh và tâm hữu phần (bhavaṅga), tức là ở bên phía ngoại lộ của kiếp sống hay nói một cách khác là phần tâm thức trôi chảy bên ngoài tiến trình tâm năng động. Nó chỉ khác với hai tâm kia ở việc nó thực hiện một chức năng khác, tức là chức năng tử. Có mười chín tâm thực hiện ba chức năng này.

Tâm quan sát (santīraṇa) quả bất thiện làm việc này trong trường hợp của những chúng sanh tái sanh vào các đọa xứ - địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ (peta) và a-tu-la (asura). Tâm quan sát quả thiện thọ xả thực hiện những chức năng này trong trường hợp của một người nhân loại mù bẩm sinh, điếc bẩm sinh, đờ đẫn bẩm sinh, vân vân, cũng như trong những tầng lớp thiên nhân và phi nhân bậc thấp. Nó làm chức năng hộ kiếp (bhavaṅga) và tử (cuti) tại những thời điểm tương ứng. Tám tâm đại quả, tức là những tâm quả dục giới tịnh hảo (kāmāvacara sobhana vipāka) với hai và ba nhân, thực

hiện ba chức năng này cho những ai tái sinh vào những cõi dục thiện thú, như các thiên nhân và loài người mà không có các khuyết tật bẩm sinh. Mười tâm (citta) này thuộc về sự tục sinh trong dục giới.

Năm tâm quả sắc giới (rūpāvacara vipāka) làm tâm tục sinh, tâm hữu phần và tâm tử cho những ai tái sinh vào sắc giới. Bốn tâm quả vô sắc (arūpāvacara vipāka) làm tâm tục sinh, tâm hữu phần và tâm tử cho những ai tái sinh vào vô sắc giới.

Chức Năng Hướng Tâm (Āvajjana Kicca)

Khi một đối tượng tác động lên một trong những môn giác quan hay tại ý môn, dòng hữu phần (bhavaṅga) rung động trong một sát-na (bhavaṅgacalana). Sát-na tâm này được đi theo sau bởi một sát-na tâm khác được gọi là hữu phần dứt dòng (bhavaṅgupaccheda); đây là sự bắt giữ dòng hữu phần, tức là dòng hữu phần bị cắt đứt bởi sự kiện này. Ngay lập tức sau đó, một tâm (citta) sanh lên hướng về đối tượng tại một trong năm môn giác quan hay tại ý môn. Chức năng hướng về đối tượng này được gọi là “hướng tâm”. Tâm hướng ngũ môn (pañcadvārāvajjana) thực hiện chức năng này khi một cảnh ngũ tác động lên một trong năm môn giác quan. Tâm hướng ý môn (manodvārāvajjana) làm chức năng này khi một cảnh sanh lên tại ý môn. Cả hai tâm (citta) này là những tâm duy tác vô nhân (ahetuka-kiriya).

Chức Năng Thấy, Vân Vân (Dassanādi Kicca)

Trong một lộ tâm xảy ra tại những môn giác quan, sau sát-na hướng tâm, có một tâm (citta) sanh lên trực

tiếp nhận biết đối tượng. Tâm (citta) này và chức năng cụ thể mà nó thực hiện thì được xác định bởi bản chất của đối tượng. Nếu đối tượng là cảnh sắc thì tâm nhãn thức sanh lên để nhìn nó. Nếu nó là âm thanh thì tâm nhĩ thức sanh lên để nghe nó. Nếu đối tượng là khí hay mùi thì tâm tỷ thức sanh lên để ngửi nó. Nếu nó có thể nếm được thì tâm thiệt thức sanh lên để nếm nó. Nếu nó là cảnh xúc thì tâm thân thức sanh lên để cảm giác sự đụng chạm. Trong thực tế, những chức năng thấy, nghe, vân vân thì không đề cập đến những hoạt động tinh thần mang tính nhận thức hay nhận dạng đối tượng thông qua hình ảnh và âm thanh. Cho nên, việc thấy một đối tượng thì không giống với việc biết đối tượng đó. Nhóm hai tâm (citta) thực hiện mỗi một trong năm chức năng này là tâm nhãn thức quả thiện và quả bất thiện, vân vân.

Chức Năng Tiếp Thâu, Vân Vân (Sampāṭicchanādi¹ Kicca)

Đối với lộ tâm (vīthi) sanh lên thông qua một trong năm môn giác quan, có tâm (citta) sanh lên trước hết làm chức năng thấy, vân vân. Rồi có những tâm (citta) sanh lên kế tiếp thực hiện chức năng tiếp thâu, quan sát (santiraṇa) và đoán định (voṭṭhabbana) đối tượng. Trong trường hợp của một lộ tâm mà xảy ra chỉ tại ý môn, ba chức năng này không xảy ra. Trong trường hợp này, hướng ý môn ngay lập tức theo sau sự dừng lại của dòng hữu phần (bhavaṅga) mà không có những chức năng trung gian nào. Chức năng tiếp thâu được thực hiện bởi hai tâm tiếp thâu (sampāṭicchana). Chức năng quan sát được thực hiện bởi ba tâm quan sát (santiraṇa). Chức năng đoán định được thực hiện bởi tâm hướng ý

¹ ND: Nguyên tác tiếng Anh ghi là Sampāṭicchanādi.

môn (manodvārāvajjana). Tất cả những tâm này là những tâm vô nhân (ahetuka citta).

Chức Năng Đồng Lực (Javana Kicca)

Javana là một thuật ngữ chuyên môn của Thắng Pháp (Abhidhamma) mà hầu như không thể nào được chuyển ngữ một cách thỏa mãn và nhiều lúc tốt nhất là nên để nguyên không chuyển ngữ. Nghĩa đen của thuật ngữ này là “chạy vụt qua”. Ở đây, đồng lực (javana) có nghĩa là chạy bởi vì trong khung cảnh của lộ trình tâm thì nó chạy liên tiếp trong bảy sát-na hay trong năm sát-na bắt cùng một đối tượng. Trong trường hợp từ, hoặc khi Đức Phật thể hiện song thông lực (yamaka-pāṭihāriya), chỉ có năm đồng lực (javana) sanh lên. Tuy nhiên, trong lộ đồng lực (javana) siêu thế, tâm đạo chỉ sanh lên một lần. Giai đoạn đồng lực (javana) là chức năng hiểu biết rõ đối tượng và nó là giai đoạn quan trọng dưới quan điểm đạo đức vì tại giai đoạn này, những tâm (citta) thiện hay bất thiện khởi sanh¹. 55 tâm (citta) làm chức năng đồng lực (javana), đó là mười hai tâm bất thiện (akusala citta), 21 tâm thiện (kusala citta), bốn tâm quả siêu thế (phala citta) và mười tám tâm duy tác (kiriya citta), tức là ngoại trừ hai tâm (citta) hướng môn. (12+21+4+18=55)

Chức Năng Na Cảnh (Tadālamḃana Kicca)

Thuật ngữ “tadālamḃana” hay “tadārammaṇa” có nghĩa đen là “có đối tượng đó”. Nó biểu lộ chức năng bắt làm cảnh đối tượng mà đã được thấu hiểu bởi các đồng

¹ ND: Tâm duy tác không phải là thiện, cũng không phải bất thiện. Các tâm quả siêu thế cũng là tâm quả, chứ không phải thiện hay bất thiện.

lực (javana). Chức năng này được thực hiện trong hai sát-na tâm. Nó xảy ra ngay lập tức sau giai đoạn đồng lực (javana) trong lộ tâm dục giới, khi đối tượng hoặc là rất nổi bật trước các giác quan hoặc là rất rõ đối với tâm trí. Khi đối tượng thiếu đi sự nổi bật hay sự rõ rệt đặc biệt, cũng như trong những loại lộ tâm khác ngoài lộ tâm dục giới, thì chức năng này hoàn toàn không được thể hiện. Sau những sát-na na cảnh, dòng tâm thức chìm vào dòng hữu phần (bhavaṅga). Có mười một tâm (citta) làm chức năng na cảnh: ba tâm quan sát (santīraṇa citta) vô nhân và tám tâm quả dục giới (kāmaṅvacara vipāka citta).

Các Con Số Về Các Chức Năng

Trong số 89 tâm (citta), hai tâm (citta) quan sát thọ xả thực hiện năm chức năng: tục sinh, hộ kiếp, tử, na cảnh và quan sát. Tám tâm (citta) quả dục giới thực hiện bốn chức năng: tục sinh, hộ kiếp, tử và na cảnh. Chín tâm quả đáo đái (mahaggata-vipāka citta) thực hiện ba chức năng: tục sinh, hộ kiếp và tử. Tâm (citta) quan sát thọ hỷ thực hiện hai chức năng: quan sát và na cảnh. Tâm đoán định (voṭṭhabbana citta) thực hiện hai chức năng: đoán định và hướng tâm. Tất cả những tâm đồng lực (javana citta), ý giới (tức là tâm hướng ngũ môn (pañcadvārāvajjana) và hai tâm tiếp thấu (sampaṭicchana)) và ngũ song thức thực hiện chỉ một chức năng tương ứng.

Môn (Dvāra)¹

Môn (dvāra) trong Thắng Pháp (Abhidhamma) có nghĩa là phương tiện trung gian mà thông qua đó tâm trí tương tác hay giao tiếp với thế giới khách quan. Có sáu

¹ CMA p. 129

môn: nhãn môn, nhĩ môn, tỷ môn, thiệt môn, thân môn và ý môn. Thông qua những môn này, tâm và các tâm sở (cetasika) của nó đi ra để gặp những cảnh trần tương ứng của chúng; các đối tượng đi vào vùng nắm bắt của tâm (citta) và các tâm sở (cetasika). Năm môn đầu tiên liên quan đến các sắc pháp, tức là các yếu tố nhạy cảm (năm sắc thần kinh) trong năm giác quan. Mỗi sắc thần kinh này làm môn mà thông qua đó, các tâm (citta) và các tâm sở (cetasika) xảy ra trong tiến trình tâm thức tiếp cận được đến đối tượng của chúng và, mà thông qua đó, đối tượng có thể trở nên được tiếp cận cho các tâm (citta) và các tâm sở (cetasika). Ví dụ, thần kinh thị giác là môn cho các tâm (citta) ở trong lộ tâm nhãn môn, làm cho nó nhận biết các cảnh sắc thông qua con mắt. Điều này cũng áp dụng cho những sắc thần kinh khác đối với những lộ tâm và những đối tượng tương ứng.

Không giống với năm môn đầu tiên, ý môn không liên quan trực tiếp với các sắc pháp. Tâm trí liên quan với các danh pháp, tức là tâm hữu phần (bhavaṅga). Khi một đối tượng sẽ được nhận biết bởi một lộ tâm ý môn thì các tâm (citta) trong lộ tâm đó sẽ tiếp cận đến đối tượng đó chủ yếu thông qua ý môn, mà không có sự phụ thuộc trực tiếp vào bất kỳ một trong năm căn giác quan nào.

Tổng cộng có 54 tâm (citta) dục giới sanh lên tại năm cửa giác quan. Trong số chúng, 46 tâm (citta) sanh lên tại nhãn môn: 2 tâm nhãn thức, 2 tâm tiếp thâu, 3 tâm quan sát, một tâm đoán định (tâm hướng ý môn), 29 đồng lực (javana) dục giới (tức là 12 bất thiện, 8 thiện và 9 duy tác) và 8 na cảnh (11 tâm (citta) na cảnh, nhưng 3 quan sát đã được tính rồi, cho nên, chỉ có 8 tâm (citta) quả thiện được tính đến ở đây).

Tương tự, cũng có 46 tâm (citta) sanh lên tại nhĩ môn, tỷ môn, thiệt môn và thân môn; với nhãn thức được thay bằng nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức và thân thức tại các môn tương ứng. 67 tâm (citta) sanh lên tại ý môn: 1 hướng ý môn, 55 tâm đồng lực (javana citta) và 11 tâm (citta) na cảnh (3 quan sát và 8 quả thiện). (1+55+11=67)

Mặc dầu có 46 tâm (citta) sanh lên tại mỗi môn, nhưng chúng không thể sanh lên cùng với nhau trong một tiến trình. Thay vào đó, chúng sanh lên tùy thuộc vào những điều kiện cụ thể, đó là đối tượng, cảnh giới hiện hữu, loại chúng sanh và sự chú ý. Ví dụ, nếu đối tượng là không được khao khát thì tâm nhãn thức, tiếp thân, quan sát và na cảnh là quả bất thiện. Nếu đối tượng là được khao khát thì chúng là những tâm quả thiện. Nếu đối tượng là cực kỳ được khao khát thì tâm (citta) quan sát và na cảnh được đi kèm theo bởi thọ hỷ. Nếu đối tượng là chỉ được khao khát thông thường thì chúng được đi kèm theo bởi thọ xả. Cùng nguyên tắc cũng áp dụng cho những môn giác quan khác.

Nếu một trong năm lộ tâm ngũ môn xảy ra trong dục giới thì tất cả 46 tâm (citta) có thể sanh lên. Tuy nhiên, nếu lộ tâm xảy ra trong sắc giới thì tâm na cảnh không thể sanh lên vì na cảnh chỉ xảy ra cho những chúng sanh dục giới và trong dục giới. Nếu cá nhân đó là phạm nhân hay một bậc Thánh hữu học thì những tâm đồng lực (javana citta) sẽ là thiện hay bất thiện (trong trường hợp của các bậc Thánh hữu học thì điều này tùy thuộc vào mức độ chứng đắc). Nếu tâm trí của phạm nhân hay của bậc Thánh hữu học có tác ý khéo thì những đồng lực (javana) thiện sẽ sanh lên, nếu đó là tác ý không khéo thì những đồng lực (javana) bất thiện sẽ sanh lên. Nếu chúng sanh đó là một vị A-la-hán (Arahant) thì những đồng lực (javana) sẽ là duy tác.

Mười chín tâm (citta) mà làm chức năng tục sinh, hữu phần (bhavaṅga) và tử thì được xem là những tâm (citta) không có môn. Điều này là vì những chức năng của chúng không xảy ra tại những môn giác quan. Chúng không tiếp nhận bất kỳ cảnh mới nào trong kiếp sống hiện tại. Tuy nhiên, tại mỗi kiếp sống, đối tượng của chúng nói chung là giống y hệt với đối tượng của lộ tâm cuối cùng trong kiếp sống ngay kế trước. (Hãy xem chi tiết trong CMA, trang 132, 138)

Đôi Tượng Hay Cảnh (Ālambana)¹

Tâm cùng với những tâm sở tương ứng không thể sanh lên mà không có đối tượng. Tâm chỉ sanh lên khi đối tượng có mặt. Có sáu loại đối tượng tương ứng với sáu môn giác quan, đó là cảnh sắc, cảnh thính, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc và cảnh pháp. Trong số chúng, cảnh pháp được chia ra làm sáu: năm sắc thân kinh, mười sáu sắc tế (ngoại trừ năm sắc thân kinh và bảy sắc cảnh), tâm, các tâm sở (cetasika), Níp-bàn (Nibbāna) và các khái niệm (như là ấn tướng kaṣiṇa chẳng hạn). Các cảnh pháp không thể sanh lên tại năm môn giác quan.

Các Tâm (Citta) Và Đôi Tượng Dựa Theo Các Môn

1. 46 tâm mà sanh lên tại nhãn môn thì được biết đến là những tâm (citta) nhãn môn, chúng chỉ nhận biết cảnh sắc hiện tại.

2. 46 tâm mà sanh lên tại nhĩ môn thì được biết đến là những tâm (citta) nhĩ môn, chúng chỉ nhận biết cảnh thính hiện tại.

¹ CMA p. 135

3. 46 tâm mà sanh lên tại tỷ môn thì được biết đến là những tâm (citta) tỷ môn, chúng chỉ nhận biết cảnh khí hiện tại.

4. 46 tâm mà sanh lên tại thiệt môn thì được biết đến là những tâm (citta) thiệt môn, chúng chỉ nhận biết cảnh vị hiện tại.

5. 46 tâm mà sanh lên tại thân môn thì được biết đến là những tâm (citta) thân môn, chúng chỉ nhận biết cảnh xúc hiện tại.

6. 67 tâm mà sanh lên tại ý môn thì được biết đến là những tâm (citta) ý môn, chúng nhận biết tất cả sáu loại cảnh giác quan, mà có thể là hiện tại, quá khứ và vị lai hay vượt thời gian, tùy thuộc vào trường hợp.

Các Tâm (Citta) Riêng Lẻ Và Đối Tượng

1. Hai tâm nhãn thức chỉ nhận biết cảnh sắc hiện tại. Cũng theo cách đó, hai tâm nhĩ thức, hai tâm tỷ thức, hai tâm thiệt thức và hai tâm thân thức chỉ nhận biết các cảnh hiện tại tương ứng của chúng, đó là cảnh thanh, cảnh khí, cảnh vị và cảnh xúc. (10)

2. Ba tâm (citta) ý giới: tâm hướng ngũ môn và hai tâm tiếp thụ nhận biết năm cảnh giác quan hiện tại như ở trên. (3)

3. Mười một tâm na cảnh và tâm (citta) tiểu sinh nhận biết sáu cảnh giác quan bao gồm 54 tâm (citta) dục

giới, 52 tâm sở (cetasika) được kết hợp với chúng và 28 sắc pháp. (12)¹

4. Mười hai tâm (citta) bất thiện, bốn tâm (citta) thiện dục giới ly trí và bốn tâm (citta) duy tác dục giới ly trí nhận biết sáu cảnh giác quan hiệp thế bao gồm 81 tâm (citta) hiệp thế, 52 tâm sở (cetasika) được kết hợp với chúng, 28 sắc pháp và các khái niệm. (12+4+4=20)

5. Bốn tâm (citta) thiện dục giới hợp trí cùng với tâm thông thiện, tức là tâm (citta) thiện sắc giới thứ năm, thì nhận biết tất cả sáu cảnh giác quan - ngoại trừ đạo và quả A-la-hán (Arahant). Những đối tượng này bao gồm 87 tâm (citta), (tức là ngoại trừ đạo và quả A-la-hán (Arahant)), 52 tâm sở (cetasika) được kết hợp với chúng, 28 sắc pháp, các khái niệm và Níp-bàn (Nibbāna). (5)²

6. Bốn tâm (citta) duy tác dục giới hợp trí cùng với tâm thông duy tác, tức là tâm (citta) duy tác sắc giới thứ năm, và tâm (citta) đoán định nhận biết tất cả sáu cảnh

¹ ND: Nguyên tác tiếng Anh có khá nhiều lỗi. Thứ nhất, trong đó nhắc đến nhiều tâm (citta) tạo ra nụ cười. Thứ hai, thay vì ghi nhận 12 tâm trong dấu ngoặc thì trong đó lại ghi là 10+3+12=25. Chúng tôi không rõ những con số này có nghĩa là gì và từ đâu ra. Độc giả có thể tham khảo Cẩm Nang Nghiên Cứu Thắng Pháp, Tập Một, phần 3.3 để hiểu thêm.

² ND: Câu văn trong nguyên tác tiếng Anh không được rõ ràng. Chúng tôi đã tham khảo với Cẩm Nang Nghiên Cứu Thắng Pháp, Tập Một, phần 3.3.

giác quan bao gồm 89 tâm (citta), 52 tâm sở (cetasika), 28 sắc pháp, các khái niệm và Níp-bàn (Nibbāna). (6)¹

7. Mười lăm tâm (citta) sắc giới, ngoại trừ hai tâm thần thông, có các khái niệm là đối tượng. (15)

8. Ba tâm thuộc về không vô biên xứ và ba tâm thuộc về vô sở hữu xứ có không gian vô tận và sự trống không làm đối tượng tương ứng của chúng. (6) (15+6=21)²

9. Ba tâm thuộc về thức vô biên xứ và ba tâm thuộc về phi tưởng phi phi tưởng xứ có hai tâm thiện và duy tác thuộc về không vô biên xứ và hai tâm thiện và duy tác thuộc về vô sở hữu xứ làm đối tượng tương ứng của chúng. (6)

10. Tám tâm (citta) siêu thế có Níp-bàn (Nibbāna) làm đối tượng của chúng. (8)

11. Mười chín tâm mà hoạt động như là tâm (citta) tục sinh, hộ kiếp (bhavaṅga) và tử thì có nghiệp (kamma), nghiệp tướng hay thú tướng làm đối tượng của chúng. (19)

¹ ND: Câu văn trong nguyên tác tiếng Anh cũng không được rõ ràng. Chúng tôi cũng đã tham khảo với Cẩm Nang Nghiên Cứu Thắng Pháp, Tập Một, phần 3.3.

² ND: 15+6=21 muốn nói đến 15 tâm trong 8. và 6 tâm trong 9. bắt khái niệm làm cảnh.

Vật (Vatthu)¹

Trong các tầng hiện hữu mà có sắc pháp, tâm (citta) và các tâm sở (cetasika) sanh lên phụ thuộc vào một điều kiện được gọi là vật. Vật là sự hỗ trợ mang tính vật lý cho sự sanh khởi của tâm. Năm vật đầu tiên thì trùng lặp với năm môn đầu tiên, tức là năm sắc thần kinh. Tuy nhiên, vật thì không giống hệt với môn, vì nó đóng một vai trò khác trong sự khởi nguồn của tâm thức. Môn là con kênh mà thông qua đó các tâm (citta) và các tâm sở (cetasika) của một lộ tâm tiếp cận với đối tượng. Vật là sự hỗ trợ mang tính vật lý cho sự sanh lên của các tâm (citta) và các tâm sở (cetasika). Ví dụ, trong lộ nhãn môn, ngoài tâm nhãn thức, còn nhiều tâm (citta) khác sanh lên lấy thần kinh thị giác làm môn của chúng. Tuy nhiên, thần kinh thị giác là vật chính yếu duy nhất của nhãn thức, chứ không phải của những tâm (citta) khác mà cũng sử dụng nhãn môn. Hãy lưu ý rằng những tâm (citta) khác nhau mà hoạt động như là tâm tục sinh, tâm hữu phần (bhavaṅga) và tâm tử thì được xem là “ngoại môn”, tức là xảy ra không với môn nào cả. Tuy nhiên, trong các tầng hiện hữu bao gồm cả danh và sắc, không có tâm (citta) nào có thể xảy ra mà không dựa vào một vật nào đó.

Có sáu vật, đó là thần kinh thị giác, thần kinh thính giác, thần kinh vị giác, thần kinh khứu giác, thần kinh xúc giác và sắc ý vật. Tất cả các vật này được tìm thấy trong dục giới. Tuy nhiên, trong sắc giới chỉ có ba vật được tìm thấy, đó là mắt, tai và sắc ý vật. Trong vô sắc giới thì không có vật nào tồn tại cả.

¹ CMA p. 144

Thức Giới

Trong Thắng Pháp (Abhidhamma), tất cả 89 tâm (citta) được chia thành bảy thức giới (viññāṇa-dhātu):

1. Nhãn thức giới (cakkhu-viññāṇa-dhātu): hai tâm nhãn thức, chúng phụ thuộc vào nhãn vật để sanh lên.

2. Nhĩ thức giới (sota-viññāṇa-dhātu): hai tâm nhĩ thức, chúng phụ thuộc vào nhĩ vật để sanh lên.

3. Tỷ thức giới (ghāṇa-viññāṇa-dhātu): hai tâm tỷ thức, chúng phụ thuộc vào tỷ vật để sanh lên.

4. Thiệt thức giới (jīvhā-viññāṇa-dhātu): hai tâm thiệt thức, chúng phụ thuộc vào thiệt vật để sanh lên.

5. Thân thức giới (kāya-viññāṇa-dhātu): hai tâm thân thức, chúng phụ thuộc vào thân vật để sanh lên.

6. Ý giới (mano-dhātu): ba tâm (citta), đó là hương ngũ môn và hai tâm (citta) tiếp thu, chúng phụ thuộc vào sắc ý vật để sanh lên.

7. Ý thức giới (mano-viññāṇa-dhātu): 72 tâm (citta) còn lại, ngoại trừ bốn tâm quả vô sắc (arūpa vipāka), phụ thuộc vào sắc ý vật để sanh lên.

Phân Loại Tâm (Citta) Theo Vật

1. Ngũ song thức (tức là năm cặp tâm giác quan) luôn luôn phụ thuộc vào năm vật giác quan tương ứng, tức là mắt, tai, mũi, lưỡi và thân.

2. 33 tâm (citta) luôn luôn phụ thuộc vào sắc ý vật để sanh lên, tức là hai tâm (citta) sân, ba ý giới, ba tâm

(citta) quan sát, một tâm (citta) tiểu sinh, tám tâm (citta) quả dục giới tịnh hảo, mười lăm tâm (citta) sắc giới và một tâm (citta) nhập lưu đạo. $(2+3+3+1+8+15+1=33)^1$

3. 42 tâm (citta) đôi lúc phụ thuộc vào một vật và đôi lúc không phụ thuộc vào vật nào cho sự sanh khởi của chúng. Chúng là: mười² tâm (citta) bất thiện (tức là trừ hai tâm sân), tám tâm (citta) thiện dục giới tịnh hảo và tám tâm (citta) duy tác dục giới tịnh hảo, bốn tâm (citta) thiện vô sắc và bốn tâm (citta) duy tác vô sắc, bảy tâm siêu thế (trừ tâm nhập lưu đạo) và một tâm (citta) hướng ý môn. Những tâm (citta) này phụ thuộc vào vật khi chúng sanh lên trong 26 cõi có vật chất. Chúng không phụ thuộc vào vật khi chúng sanh lên trong vô sắc giới.

4. Bốn tâm (citta) không bao giờ phụ thuộc vào vật để sanh khởi. Đây là bốn tâm (citta) quả vô sắc mà chỉ sanh lên trong vô sắc giới.

¹ ND: Trong nguyên tác tiếng Anh ghi là 43 tâm, chứ không phải 33 tâm, mặc dầu theo sự liệt kê, chúng ta chỉ có 33 tâm. Độc giả có thể tham khảo thêm Cẩm Nang Nghiên Cứu Thắng Pháp, Tập Một, phần 3.5 và A Comprehensive Manual of Abhidhamma, Table 3.8. Trong nguyên tác còn ghi thêm ở cuối là $33+10=43$. Chúng tôi không rõ con số này có nghĩa là gì.

² ND: Trong nguyên tác tiếng Anh ghi tám tâm là không đúng vì chúng ta có tám tâm tham và hai tâm si. Độc giả có thể tham khảo thêm Cẩm Nang Nghiên Cứu Thắng Pháp, Tập Một, phần 3.5.

Chương II: Lộ Trình Tâm

(Citta Vīthi)

Những Dữ Kiện Cơ Bản

Những Sát-na Tâm

Tâm thức của một chúng sanh hữu tình diễn ra như là một tiến trình bao gồm những giai đoạn trong một chuỗi của những sự kiện nhận thức rời rạc, cái này đi sau cái kia theo một trật tự đều đặn và đồng nhất. Trật tự này được gọi là *citta-niyāma*, tức là trật tự cố định của tâm thức. Trong Thắng Pháp (*Abhidhamma*), nó được gọi là lộ trình tâm (*citta-vīthi*). Thuật ngữ “*vīthi*” có nghĩa là con đường hay con lộ, nhưng ở đây nó được dùng với nghĩa một tiến trình (*parampara*). Một lộ trình tâm bao gồm một vài sát-na tâm nhưng một sát-na tâm thì không bao giờ được gọi là *citta-vīthi*, thay vào đó nó được gọi là *cittakkhaṇa*.

Theo Thắng Pháp (*Abhidhamma*) thì không có một khoảnh khắc nào mà chúng ta lại không trải nghiệm một tâm cụ thể nào đó. Nói một cách khác, chúng ta luôn luôn nắm giữ vào một đối tượng nào đó – nó có thể là vật chất hay tinh thần. Đời sống của một tâm như vậy được gọi là một sát-na tâm. Sự diễn tiến nhanh chóng của những sát-na tâm như vậy khó có thể được cảm nhận bởi tâm trí của phàm phu. Điều được ghi nhận là trong vòng một tia chớp, hay trong một nháy mắt, hàng tỷ sát-na tâm có thể sanh lên và diệt đi.

Mỗi sát-na tâm bao gồm ba tiểu sát-na (*khaṇa*). Chúng là sanh (*uppāda*), trụ (*ṭhiti*) và diệt (*bhanga*). Giai

đoạn trụ giữa sanh và diệt còn được xem là suy đồi hay tan rã¹.

Ngay sau giai đoạn diệt của một sát-na tâm là giai đoạn sanh của sát-na tâm tiếp theo. Như vậy, khi mỗi sát-na tâm diệt đi, nó làm duyên cho sát-na tâm tiếp theo sanh lên và gởi truyền tất cả những tiềm năng của nó vào sát-na tâm đi theo sau này. Do đó, chúng ta có một dòng chảy liên tục của tâm thức như là một dòng suối hay một dòng sông mà không có sự gián đoạn.

Trật Tự Cố Định Của Tâm Thức

Khi một đối tượng vật chất được hiện bày đến tâm ý thông qua một trong năm môn giác quan, một lộ tâm sanh lên. Lộ tâm này bao gồm một chuỗi những sát-na tâm riêng lẻ, sát-na tâm này đi sau sát-na tâm kia theo một trật tự đồng nhất cụ thể. Trật tự này được biết đến là lộ trình tâm (*citta-niyāma*). Để có được sự nhận thức toàn diện về một đối tượng vật chất thông qua một trong những môn giác quan, phải đúng mười bảy sát-na tâm sanh lên. Như vậy, đời sống của một phần tử vật chất căn bản hay nền tảng thì được cố định ở mười bảy sát-na tâm. Sau khi khoảng thời gian đó chấm dứt, một phần tử vật chất căn bản hay nền tảng biến mất, làm khởi sanh lên đời sống của một phần tử khác. Tiểu sát-na thứ nhất được xem là sanh (*uppāda*), tiểu sát-na cuối cùng là diệt (*bhanga*) và 49 tiểu sát-na² ở giữa là tan rã hay là phát triển (*ṭhiti*).

¹ Vibhv. 105

² $17 \times 3 = 51$, $51 - 2 = 49$ tiểu sát-na

Đối Tượng

Khi một đối tượng đi vào vùng nắm bắt của một trong những tâm thông qua bất kỳ một môn nào, một tâm hữu phần (bhavaṅga) trôi qua. (Tâm hữu phần này được gọi là hữu phần vừa qua (atīta-bhavaṅga)) Tiếp theo, lộ tâm tương ứng diễn ra không ngắt quãng trong mười sáu sát-na tâm. Đối tượng được hiện bày ở đây được xem là “rất lớn”¹.

Nếu lộ tâm kết thúc ngay sau các tâm đồng lực (javana) mà không có hai tâm na cảnh (tadālambaṇa) sanh lên, tức là hoàn thành chỉ với mười bốn sát-na tâm, thì đối tượng được gọi là “lớn” (mahanta).

Đôi lúc, lộ tâm kết thúc tại sát-na đoán định (voṭṭhabbana) mà không có những đồng lực (javana) sanh lên, tức là hoàn thành chỉ với bảy sát-na tâm. Trong trường hợp này, đối tượng được gọi là “nhỏ” (paritta).

Đôi lúc, đối tượng đi vào các môn giác quan nhưng rồi chỉ có sự rung động của dòng hữu phần mà thôi thì đối tượng này được gọi là “rất nhỏ” (atiparitta).

Khi một đối tượng “rất lớn” hay “lớn” được nhận biết thông qua một trong năm môn giác quan và rồi sau đó được thấu hiểu thông qua ý môn thì đối tượng đó được xem là “rõ”. Tương tự, khi một lộ tâm sanh lên thông qua ý môn và kéo dài đến giai đoạn lưu giữ thì đối tượng đó được xem là “rõ” (vibhūta).

¹ ND: Trong bản tiếng Anh có ghi chú ở đây là atīta-bhavaṅga, nhưng đó có nghĩa là hữu phần vừa qua chứ không phải cảnh rất lớn (atimahanta).

Khi một lộ tâm sanh lên tại ý môn và chấp dứt tại giai đoạn đồng lực (javana) thì đối tượng đó được gọi là “mờ nhạt” (avibhūta).

Ví dụ, giả sử một người nhìn lên mặt trăng tỏa sáng vào một đêm không mây. Trước hết, ông ta cũng có được một cái nhìn mờ nhạt về những ngôi sao ở xung quanh. Rồi ông ta tập trung vào mặt trăng, nhưng vẫn không thể tránh bỏ được sự hiện diện của những ngôi sao ở xung quanh. Mặt trăng được xem là một cảnh lớn, trong khi các vì sao được xem là những cảnh nhỏ. Cả mặt trăng và các vì sao đều được nhận thức bởi tâm trí tại những thời điểm khác nhau. Theo Thắng Pháp (Abhidhamma) thì không đúng khi nói rằng các vì sao thì được nhận thức bởi tiềm thức còn mặt trăng thì được nhận thức bởi tâm thức¹.

Đời Sống Của Tâm (Citta)

Tâm (citta) sanh lên và diệt đi trong một con người ở một tốc độ cực nhanh, nhiều hơn một ngàn tỷ lần trong một nháy mắt và có khoảng 250 nháy mắt trong một giây. Cho nên, đời sống của tâm (citta) thì ngắn hơn là một phần ngàn tỉ của một giây.

Đời sống của tâm (citta) được đo tính bởi ba tiểu sát-na, biểu trưng cho những đặc tính riêng biệt trong quá trình sanh diệt của tâm (citta). Chúng là: (i) sanh (uppāda), (ii) trụ (ṭhiti) và (iii) diệt (bhanga). Ba thời điểm ngắn ngủi (khaṇa) này được gọi là một sát-na tâm (cittakkhaṇa). Như vậy, đời sống của tâm (citta) thì bằng

¹ PD 122 Xem Vibhv. 105

ba thời điểm sanh, trụ và diệt của tâm (citta), tức là bằng với một sát-na tâm (cittakkhaṇa)¹.

Đời Sống Của Sắc Pháp (Rūpa)

Đời sống của sắc pháp (rūpa) bằng mười bảy lần đời sống của tâm (citta). Cho nên, chúng ta có thể nói rằng đời sống của sắc pháp (rūpa) là bằng mười bảy sát-na tâm (cittakkhaṇa) hay bằng 51 tiểu sát-na ($17 \times 3 = 51$) vì có ba tiểu sát-na trong mỗi sát-na tâm.

Như vậy, sắc pháp (rūpa) cũng sanh lên và diệt đi ở một tốc độ nhanh hơn 58 tỷ lần trong một giây. Sự khác nhau giữa tâm (citta) và sắc pháp (rūpa) là như sau: tâm (citta) sanh lên cái này kế tiếp cái kia, trong khi sắc pháp (rūpa) sanh lên với hàng ngàn đơn vị trong từng một khoảnh khắc nhỏ và cứ diễn tiến đều đặn theo thời gian. Cho nên, sắc pháp (rūpa) có thể tích lũy để trở thành những khối lượng lớn mà có thể thấy được bằng mắt trần, trong khi dòng chảy của tâm thức thì không thể thấy được bởi mắt trần².

Sáu Loại Thức (Viññāṇa)

Thức (Viññāṇa) có thể được phân loại theo sáu môn và sáu vật (vatthu) như sau:

1. Nhãn thức (cakkhu-viññāṇa)
2. Nhĩ thức (sota-viññāṇa)
3. Tỷ thức (ghāṇa-viññāṇa)

¹ Smv. 34 Xem PD 123

² Vibhv. 106 Xem PD 126

4. Thiệt thức (jīvhā-viññāṇa)
5. Thân thức (kaya-viññāṇa)
6. Ý thức (mano-viññāṇa)

Nhãn thức sanh lên tại nhãn môn phụ thuộc vào nhãn vật (cakkhu-vatthu). Theo cách này: nhĩ thức sanh lên tại nhĩ môn phụ thuộc vào nhĩ vật (sota-vatthu), tỷ thức sanh lên tại tỷ môn phụ thuộc vào tỷ vật (ghāṇa-vatthu), thiệt thức sanh lên tại thiệt môn phụ thuộc vào thiệt vật (jīhvā-vatthu), thân thức sanh lên tại thân môn phụ thuộc vào thân vật (kaya-vatthu) và ý thức sanh lên tại ý môn phụ thuộc vào sắc ý vật (hadaya-vatthu).

Năm loại thức (viññāṇa) đầu tiên bao gồm hai tâm cho mỗi loại; trong khi ý thức (mano-viññāṇa) thì bao gồm 79 tâm.

Sáu Loại Lộ Tâm (Vīthi)

Lộ trình tâm (vīthi) cũng được chia thành sáu loại. Chúng có thể được gọi tên theo môn hay thức (viññāṇa) như sau:

1. Lộ nhãn môn (cakkhu-dvāra-vīthi) hay lộ nhãn thức (cakkhu-viññāṇa-vīthi). Đây là lộ tâm được nối với nhãn môn hay với nhãn thức.
2. Lộ nhĩ môn (sota-dvāra-vīthi) hay lộ nhĩ thức (sota-viññāṇa-vīthi). Đây là lộ tâm được nối với nhĩ môn hay với nhĩ thức.

3. Lộ tử môn (ghāṇa-dvāra-vīthi) hay lộ tử thức (ghāṇa-viññāṇa-vīthi). Đây là lộ tâm được nối với tử môn hay với tử thức.

4. Lộ thiệt môn (jīvhā-dvāra-vīthi) hay lộ thiệt thức (jīvhā-viññāṇa-vīthi). Đây là lộ tâm được nối với thiệt môn hay với thiệt thức.

5. Lộ thân môn (kāya-dvāra-vīthi) hay lộ thân thức (kāya-viññāṇa-vīthi). Đây là lộ tâm được nối với thân môn hay với thân thức.

6. Lộ ý môn (Mano-dvāra-vīthi) hay lộ ý thức (mano-viññāṇa-vīthi). Đây là lộ tâm được nối với ý môn hay với ý thức.

Các Nguyên Nhân Làm Sinh Khởi Các Lộ Tâm

Có bốn nguyên nhân cho việc sinh khởi của mỗi lộ tâm (vīthi). Đối với lộ tâm nhãn môn (cakkhu-dvāra-vīthi), những điều kiện sau đây cần phải có: nhãn môn, cảnh sắc, ánh sáng và sự chú ý. Đối với lộ tâm nhĩ môn (sota-dvāra-vīthi): nhĩ môn, âm thanh, khoảng trống và sự chú ý. Đối với lộ tâm tử môn (ghāṇa-dvāra-vīthi): tử môn, khí mùi, yếu tố gió và sự chú ý. Đối với lộ tâm thiệt môn (jīvhā-dvāra-vīthi): thiệt môn, vị chất, yếu tố chất lỏng, chẳng hạn như nước bọt, và sự chú ý. Đối với lộ tâm thân môn (kāya-dvāra-vīthi): thân môn, cảnh xúc, yếu tố cứng chắc và sự chú ý. Đối với lộ tâm ý môn (mano-dvāra-vīthi): ý môn, cảnh pháp, sắc ý vật và sự chú ý.

Lộ Ngũ Môn (Pañca-dvāra Vīthi)

Có hai loại lộ trình tâm: lộ tâm ngũ môn và lộ tâm ý môn. Các vật giác quan như mắt, tai, mũi, lưỡi và thân thì được gọi là “ngũ môn” và tâm hữu phần (bhavaṅga) thì được gọi là “ý môn”. Mỗi một trong năm lộ ngũ môn lại được chia thành bốn loại, tùy thuộc vào cường độ về thời hạn của đối tượng được bắt, tức là rất lớn, lớn, nhỏ và rất nhỏ. Lộ tâm cảnh rất lớn có hai loại: lộ tâm kết thúc với na cảnh (tadālaṃbana-vāra) và lộ tâm kết thúc với đồng lực (javana-vāra). (Trong tài liệu *Abhidhammatthasaṅgaha*, ngài Ācariya Anuruddha chỉ nhắc về lộ tâm kết thúc với na cảnh. Tuy nhiên, theo quy luật của đồng lực (javana) và na cảnh, phải nên có thêm lộ tâm kết thúc với đồng lực (javana)¹.)

Lộ Tâm Ngũ Môn Cảnh Rất Lớn Kết Thúc Với Na Cảnh

Chúng ta hãy xem sự diễn tiến của lộ tâm nhãn môn khi một cảnh sắc với cường độ rất lớn đi vào nhãn môn. Lộ tâm tương ứng sanh lên và kết thúc với na cảnh như sau:

Khi một cảnh sắc và thần kinh thị giác đồng thời sanh lên, tại thời điểm sanh khởi của tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua, đối tượng vật chất cần một sát-na tâm để phát triển đầy đủ. Nó trở nên rõ ràng tại nhãn môn tại thời điểm sanh lên của tâm hữu phần (bhavaṅga) rung động, tức là nó đi vào vùng nắm bắt của con mắt, và rồi tâm hữu phần (bhavaṅga citta) rung động trong hai sát-na tâm và bị bắt giữ. Rồi, tâm hướng

¹ CMA 153

ngũ môn sanh lên và diệt đi, hướng dòng tâm thức đến cùng cảnh sắc đó. Ngay sau đó, những tâm sau sanh lên và diệt đi theo thứ tự: nhãn thức nhìn thấy đối tượng đó, tâm tiếp thu tiếp nhận nó, tâm quan sát nhìn ngắm nó và tâm đoán định xác định nó. Theo sau đó, một trong 29 đồng lực (javana) dục giới sanh lên trong bảy sát-na liên tiếp. Sau những đồng lực (javana), hai tâm quả na cảnh sanh lên một cách thích ứng. Rồi lộ tâm kết thúc tại tiểu sát-na diệt của tâm na cảnh thứ hai sau mười bảy sát-na tâm như đã được trình bày. Và rồi là sự trở lại của dòng hữu phần (bhavaṅga).

Như vậy, mười bảy sát-na tâm đã được hoàn thành. Lộ tâm này được gọi là “Tadārammaṇa vāra atimahantārammaṇa cakkhuvāra vīthi”, có nghĩa là lộ tâm nhãn môn với cảnh có cường độ rất lớn và kết thúc với tâm na cảnh.

Lộ Tâm Với Cảnh Rất Lớn

SB	000	"PB	VB	AB	FA	EC	RC	IC	DC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	RS	RS"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Ghi chú: ooo = ba tiểu sát-na sanh, trụ và diệt của một sát-na tâm; SB = dòng hữu phần (bhavaṅga); PB = hữu phần (bhavaṅga) vừa qua; VB = hữu phần (bhavaṅga) rung động; AB = hữu phần (bhavaṅga) dứt dòng; FA = hướng ngũ môn; EC = nhãn thức; RC = tâm tiếp thụ; IC = tâm quan sát; DC = tâm đoán định; JC = tâm đồng lực (javana); RS = na cảnh.

Giải Thích

ooo = Ba vòng tròn nhỏ đại diện cho ba tiểu sát-na (sanh, trụ, diệt) của một sát-na tâm.

SB = Dòng tâm hữu phần (bhavaṅga): điều này chỉ ra rằng luôn có một dòng tâm hữu phần (bhavaṅga citta) hiện hữu trước khi bất kỳ một lộ tâm nào diễn ra.

PB = Hữu phần vừa qua (atīta-bhavaṅga): cảnh sắc sanh lên tại tiểu sát-na sanh của tâm (citta) này.

VB = Hữu phần rung động (bhavaṅgalana): tại tiểu sát-na sanh của tâm (citta) này, cảnh sắc xuất hiện hay trở nên rõ ràng tại thần kinh thị giác (tức là nhãn môn). Sau khi sanh lên, cảnh rất lớn cần một sát-na tâm để phát triển đầy đủ.

AB = Hữu phần dứt dòng (bhavaṅgupaccheda): dòng hữu phần (bhavaṅga) bị cắt đứt tại tiểu sát-na diệt của tâm (citta) này.

FA = Hướng ngũ môn (pañcadvārāvajjana): tâm (citta) này được xem là tâm (citta) đầu tiên trong lộ tâm ngũ môn. Nó hướng dòng tâm thức đến cảnh ngũ.

EC = Nhãn thức (cakkhuviññāṇa): tâm nhãn thức thấy cảnh sắc. Nó chỉ ghi nhận ấn tượng về cảnh và truyền gởi ấn tượng đó đến tâm (citta) kế tiếp trước khi nó diệt đi.

RC = Tâm tiếp thân (sampaṭicchana): tâm này tiếp nhận cảnh sắc cùng với ấn tượng về cảnh và gởi truyền nó đến tâm (citta) tiếp theo.

IC = Tâm quan sát (santīraṇa): tâm này điều tra, quan sát đối tượng và ấn tượng về cảnh.

DC = Tâm đoán định (voṭṭhabbana): tâm này xác định cảnh là tốt hay xấu.

JC = Tâm đồng lực (javana citta): tâm này trải nghiệm hương vị¹ của cảnh vật chất. Một trong 29 tâm (citta) dục giới sanh lên (thường thường là bảy lần). 29 tâm (citta) dục giới là: mười hai tâm (citta) bất thiện, tám tâm đại thiện, tám tâm đại duy tác và tâm duy tác tiểu sinh.

RS = Na cảnh (tadārammaṇa): đây là một trong mười một tâm (ba tâm quan sát và tám tâm (citta) đại quả dục giới). Nó lập tức theo sau tâm đồng lực (javana) và kéo dài trong hai sát-na tâm để trải nghiệm hương vị của cảnh vật chất. Tại tiểu sát-na diệt của tâm (citta) na cảnh thứ hai, cảnh sắc và thần kinh thị giác cùng diệt đi vì do đời sống dài mười bảy sát-na tâm đến bây giờ đã hoàn thành.

¹ Trong Thắng Pháp (Abhidhamma), từ “hương vị (taste)” trong ngữ cảnh này bao gồm tất cả các cảm nhận từ bất kỳ một trong năm môn giác quan.

Ghi chú: Tâm hữu phần (bhavaṅga) (SB) đầu tiên và cuối cùng sau tâm na cảnh không được bao gồm trong lộ tâm này. Điều này chỉ để chỉ ra rằng dòng tâm hữu phần (bhavaṅga) trôi chảy trước và sau lộ tâm năng động. Tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua (PB), hữu phần (bhavaṅga) rúng động (VB) và hữu phần (bhavaṅga) dứt dòng (AB) cũng không nằm trong tiến trình; chúng là những tâm (citta) ngoại lộ. Tuy nhiên, vì cảnh sắc sanh lên và tồn tại trong mười bảy sát-na tâm rồi mới diệt đi vì đó là tuổi thọ của sắc pháp, cho nên nó được tính từ tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua. Trong thực tế, lộ tâm thật sự bao gồm từ tâm (citta) hướng ngũ môn cho đến tâm (citta) na cảnh.

Điều cần lưu ý là toàn bộ lộ tâm xảy ra mà không có một cá nhân hay chủ thể cai trị nào cả ở phía sau nó như là một “người điều khiển ẩn tàng bên trong” hay “một ai đó” đang trải nghiệm những ý nghĩ này. Như vậy, trong Thắng Pháp (Abhidhamma), không có “người biết” ở bên ngoài phạm vi của chính lộ tâm. Điều này khác với triết học Hindu mà có chủ trương “ātman”, tức là bản ngã (atta). Thắng Pháp (Abhidhamma) dạy rằng chính những sát-na tâm (citta) ngắn ngủi tạm thời này thể hiện tất cả những chức năng cần thiết cho việc nhận thức, và sự thống nhất của hoạt động nhận thức này được phát khởi từ sự điều phối của chúng thông qua những quy luật quan hệ có điều kiện. Bên trong lộ tâm, từng tâm (citta) một sanh khởi tùy thuộc vào quy luật cố định của tâm thức (citta-niyāma). Như vậy, mỗi tâm (citta) sanh lên phụ thuộc vào những điều kiện khác nhau, bao gồm tâm (citta) đi trước, đối tượng, môn và vật. Sau khi sanh lên, nó thực hiện chức năng duy nhất của chính nó trong lộ tâm và rồi diệt đi, làm duyên cho tâm (citta) tiếp theo sanh lên.

Ví Dụ Về Trái Xoài

Sự diễn ra của lộ tâm tại một môn giác quan với cảnh rất lớn có thể được so sánh với ví dụ về trái xoài. Một khách bộ hành mệt mỏi với đầu che kín ngủ dưới một cây xoài đang ra trái. Một trái xoài chín trở nên lỏng rớt ra từ cuống và rơi xuống đất chạm vào lỗ tai của ông ta. Bị đánh thức bởi âm thanh, người khách bộ hành mở mắt ra để nhìn. Rồi ông ta duỗi tay ra, nhặt trái xoài, bóp nhẹ nó và ngửi nó. Sau khi làm xong những việc đó, ông ta ăn trái xoài, nuốt xuống trong khi thường thức hương vị của nó và rồi đi ngủ trở lại¹.

Thời gian mà người khách bộ hành ngủ dưới gốc cây xoài là tương ứng với dòng chảy lặng lẽ của dòng hữu phần (bhavaṅga). Thời điểm trái xoài chín rơi xuống từ cái cuống của nó và chạm vào tai của người khách bộ hành thì giống với thời điểm đối tượng tác động vào một trong các môn giác quan. Khi người khách bộ hành thức giấc do nghe âm thanh, điều này thì giống với tâm hướng ngũ môn hướng về đối tượng. Thời điểm người khách bộ hành mở mắt nhìn thì giống với tâm nhãn thức hoàn thành chức năng thấy của nó. Thời điểm vươn tay ra để lượm trái xoài thì giống với thời điểm tâm tiếp thân tiếp nhận đối tượng. Thời điểm bóp trái xoài thì giống với thời điểm tâm quan sát xem xét đối tượng. Thời điểm ngửi trái xoài thì giống với thời điểm tâm đoán định xác định đối tượng. Thời điểm ăn trái xoài thì giống với thời điểm tâm đồng lực (javana) tận hưởng hương vị của cảnh. Việc nuốt xuống trong khi cảm kích hương vị của trái xoài thì giống với tâm na cảnh bắt cùng đối tượng của giai đoạn đồng lực (javana). Sau cùng, việc

¹ Vh. 109 Xem Smv. 219

người khác bộ hành ngũ trở lại thì giống với sự chìm lại vào dòng hữu phần (bhavaṅga).

Theo cách tương tự, những lộ tâm khác xảy ra khi những cảnh dục tương ứng của chúng đi vào vùng nắm bắt của những môn giác quan tương ứng, chẳng hạn như: âm thanh, khí mùi, vị chất và các đối tượng đụng chạm đi vào những môn giác quan tương ứng của tai, mũi, lưỡi và thân.

Các Lộ Tâm Ngũ Môn

Lộ Tâm Nhãn Môn

SB	"PB	VB	AB	FA	EC	RC	IC	DC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	RS	RS"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Tâm Tỷ Môn

SB	"PB	VB	AB	FA	SC	RC	IC	DC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	RS	RS"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Tâm Thiệt Môn

SB	"PB	VB	AB	FA	TC	RC	IC	DC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	RS	RS"	SB	
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Tâm Cảnh Rất Lớn Kết Thúc Với Đồng Lực

Những lộ tâm kết thúc với tâm na cảnh hay kết thúc với tâm đồng lực (javana) là tương tự nhau. Sự khác nhau giữa hai lộ tâm này là lộ đầu tiên có liên quan đến tâm na cảnh trong khi lộ tâm thứ hai không có na cảnh mà chỉ có đồng lực (javana). Lộ tâm kết thúc với na cảnh chỉ sanh lên trong chúng sanh dục giới trong dục giới. Lộ tâm kết thúc với đồng lực không chỉ xảy ra cho các chúng sanh trong dục giới¹ mà còn có cho những chúng sanh trong sắc giới. Điều sau được ghi nhận: “Tâm na cảnh xảy ra, trong sự kết nối với các đối tượng lớn và rất lớn, khi có sự hiện hữu của những đồng lực (javana) dục giới nhất định, chúng sanh dục giới, và đối tượng dục giới.”²

Cảnh Ngũ (Cảnh Dục)

Cảnh ngũ được phân chia thành ba loại: không được khao khát (aniṭṭha), được khao khát một cách trung bình (iṭṭha hay iṭṭhimajjhatta) và được khao khát vô cùng (ati-iṭṭha). Trong khi đối tượng “được khao khát” được chia nhỏ thành hai loại thì những đối tượng không được khao khát chỉ đơn giản được gọi là “không được khao khát”.

Việc một người tại một thời điểm nào đó trải nghiệm một đối tượng không được khao khát, một đối tượng được khao khát một cách bình thường hay một đối tượng rất được khao khát thì được điều phối bởi nghiệp (kamma) quá khứ của người đó. Do đó, đối tượng

¹ Trong Thắng Pháp (Abhidhamma), “các chúng sanh trong dục giới” được dùng để chỉ cho loài người và chư Thiên (deva).

² CMA 175

được trải nghiệm thì cung cấp cơ hội để cho nghiệp (kamma) được chín muồi dưới dạng các tâm quả. Các tâm (citta) quả thì tương thích với bản chất của đối tượng một cách tự phát mà không cần sự dẫn dắt hay suy xét nào, giống như hình ảnh ở trong gương thì phù hợp với những đặc tính của khuôn mặt.

Tiến Trình Đồng Lực (Javana) Và Na Cảnh

Vì các cảm thọ dễ chịu và các cảm thọ đau đớn là hoàn toàn đối nghịch, những tâm (citta) được đi kèm theo bởi một trong hai loại thọ này không thể sanh lên ngay sau những tâm (citta) được đi kèm theo bởi loại thọ còn lại. Tuy nhiên, những tâm (citta) được đi kèm theo bởi bất kỳ loại nào trong hai loại cảm thọ đối nghịch này đều có thể được đi theo sau lập tức bởi những tâm được đi kèm theo bởi các cảm thọ trung tính. Do đó, khi các đồng lực (javana) được đi kèm theo bởi thọ ưu (domanassa), tức là tâm (citta) có nhân sân, nếu có dịp hay cơ hội cho những tâm (citta) na cảnh sanh lên thì chúng phải được đi kèm theo bởi thọ xả. Nếu trong trường hợp những tâm (citta) na cảnh không thể sanh lên, tâm đồng lực (javana) được đi kèm theo bởi thọ ưu sẽ được đi theo sau ngay lập tức bởi tâm hữu phần (bhavaṅga) chỉ nếu như tâm hữu phần (bhavaṅga) được đi kèm theo bởi thọ xả.

Hữu Phần (Bhavaṅga) Khách

Chúng ta hãy xem trường hợp một người có tâm hữu phần (bhavaṅga) là một trong bốn tâm đại quả được đi kèm theo bởi thọ hỷ. Nếu không có tâm (citta) na cảnh đi theo sau tiến trình đồng lực (javana) mà được đi kèm theo bởi thọ ưu thì tâm đồng lực (javana citta) cuối cùng không thể được đi theo sau ngay lập tức bởi dòng hữu phần (bhavaṅga) vì quy luật đã nói rằng những tâm

(citta) với những cảm thọ đối nghịch không thể sanh lên kế tiếp nhau. Trong trường hợp như vậy, các giáo thọ sư cổ xưa của Thắng Pháp (Abhidhamma) chủ trương rằng tâm quan sát (santīraṇa citta) được đi kèm theo bởi thọ xả sẽ sanh lên trong một sát-na làm nhiệm vụ như là một vùng đệm giữa thọ ưu của tâm đồng lực (javana) và thọ hỷ của tâm hữu phần (bhavaṅga).

Trong trường hợp như vậy, tâm (citta) này không thực hiện chức năng quan sát, mà thật ra nó bắt một đối tượng khác với đối tượng của lộ tâm. Đối tượng này là một cảnh dục giới nào đó không liên quan mà người này đã quen thuộc từ trước. Như vậy, tâm (citta) này chỉ đơn giản có chức năng lót nền cho dòng tâm thức quay trở lại dòng chảy bình thường của dòng hữu phần (bhavaṅga). Tâm (citta) đặc biệt này có tên gọi là āgantuka-bhavaṅga. Thuật ngữ “āgantuka” có nghĩa đen là “một vị khách” và một vài học giả đã chuyển ngữ nó thành “hữu phần khách”¹.

Lộ Tâm Không Có Hữu Phần Khách

Tiến trình này có hai loại: lộ tâm có hữu phần khách (āgantuka bhavaṅga) hay lộ tâm không có hữu phần khách. Điều nên được lưu ý là, trong một đời sống cụ thể, tâm tục sinh (paṭisandhi citta), tâm hộ hiệp (bhavaṅga citta) và tâm tử (cuti citta) phải là cùng một loại. Nếu đối tượng là vô cùng được khao khát, tâm quan sát và tâm na cảnh phải được đi kèm theo bởi thọ hỷ. Một phản ví dụ như sau: Giả sử một kẻ dị giáo hay ngoại đạo² có tâm tục sinh được đi kèm theo bởi thọ xả thấy đối tượng rất lớn và cực kỳ được khao khát: Đức

¹ CMA 174

² Kẻ dị giáo hay ngoại đạo là người chưa bao giờ có trải nghiệm với giáo lý của Đức Phật.

Phật và Giáo Pháp của Ngài. Nếu đồng lực (javana) của người này được đi kèm theo bởi thọ ưu thì tâm na cảnh được đi kèm theo bởi thọ hỷ không thể sanh lên, nhưng hai sát-na tâm hữu phần (bhavaṅga citta) được đi kèm theo bởi thọ xả sẽ sanh lên, tức là cùng loại tâm với tâm tục sinh.

Lộ tâm không có tâm hữu phần (bhavaṅga) khách và với cảnh rất lớn diễn tiến như sau:

Khi một cảnh sắc và thần kinh thị giác đồng thời sanh lên, tại thời điểm sanh khởi của tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua, đối tượng vật chất cần một sát-na tâm để phát triển đầy đủ. Nó trở nên rõ ràng tại nhãn môn tại thời điểm sanh lên của tâm hữu phần (bhavaṅga) rung động, tức là nó đi vào vùng nắm bắt của con mắt, và rồi tâm hữu phần (bhavaṅga citta) rung động trong hai sát-na tâm và bị bắt giữ. Rồi, tâm hướng ngũ môn sanh lên và diệt đi, hướng dòng tâm thức đến cùng cảnh sắc đó. Ngay sau đó, những tâm sau sanh lên và diệt đi theo thứ tự: nhãn thức nhìn thấy đối tượng đó, tâm tiếp thu tiếp nhận nó, tâm quan sát nhìn ngắm nó và tâm đoán định xác định nó. Theo sau đó, một trong 29 đồng lực (javana) dự giới sanh lên trong bảy sát-na liên tiếp. Sau những đồng lực (javana), hai tâm hữu phần (bhavaṅga) sanh lên một cách thích ứng. Rồi lộ tâm kết thúc tại tiểu sát-na diệt của tâm hữu phần (bhavaṅga) thứ hai sau mười bảy sát-na tâm như đã được trình bày. Và rồi là sự trở lại của dòng hữu phần (bhavaṅga)¹.

¹ CMA 153

Ghi chú: 000 = ba tiểu sát na sanh, trụ và diệt; SB = dòng hữu phần (bhavaṅga); PB = hữu phần (bhavaṅga) vừa qua; VB = hữu phần (bhavaṅga) rung động; AB = hữu phần (bhavaṅga) dứt dòng; FA = hướng ngũ môn; EC = nhãn thức; RC = tâm tiếp thân; IC = tâm quan sát; DC = tâm đoán định; JC = tâm đồng lực (javana); BC = tâm hữu phần (bhavaṅga); RS = na cảnh¹.

Lộ Tâm Với Hữu Phần (Bhavaṅga) Khách

Giả sử một kẻ dị giáo hay ngoại đạo có tâm tục sinh được đi kèm theo bởi thọ hỷ thấy đối tượng rất lớn và cực kỳ được khao khát: Đức Phật và Giáo Pháp của Ngài. Lộ tâm cảnh rất lớn và cực kỳ được khao khát diễn ra như sau:

Khi một cảnh sắc và thần kinh thị giác đồng thời sanh lên tại thời điểm sanh khởi của tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua, đối tượng vật chất cần một sát-na tâm để phát triển đầy đủ và nó trở nên rõ ràng tại nhãn môn tại thời điểm sanh lên của tâm hữu phần (bhavaṅga) rung động, tức là nó đi vào vùng nắm bắt của con mắt, và rồi tâm hữu phần (bhavaṅga citta) rung động trong hai sát-na tâm và bị bắt giữ. Rồi, tâm hướng ngũ môn sanh lên và diệt đi, hướng dòng tâm thức đến cùng cảnh sắc đó. Ngay sau đó, những tâm sau sanh lên và diệt đi theo thứ tự: nhãn thức nhìn thấy đối tượng đó, tâm tiếp thân tiếp nhận nó, tâm quan sát nhìn ngắm nó và tâm đoán định xác định nó. Theo sau đó, một trong 29 tâm đồng lực (javana citta) dục giới² được đi kèm

¹ ND: Tuy rằng không có tâm na cảnh trong lộ tâm này, nhưng trong phần **Ghi chú** của nguyên tác vẫn có ghi nhận.

² ND: Trong nguyên tác ghi là “một trong 29 tâm đồng lực dục giới (mà) được đi kèm theo bởi thọ ưu”. Theo chuyên môn, nói như vậy

theo bởi thọ ưu sanh lên trong bảy sát-na liên tiếp. Sau những đồng lực (javana), tâm hữu phần (bhavaṅga) khách sanh lên, rồi những tâm hữu phần (bhavaṅga citta) sanh lên một cách thích ứng. Rồi lộ tâm kết thúc tại tiểu sát-na diệt của tâm hữu phần (bhavaṅga) cuối cùng sau đúng mười bảy sát-na tâm như đã được trình bày. Và rồi là sự trở lại của dòng hữu phần (bhavaṅga)¹.

không có gì sai. Nhưng chúng ta có thể nói ngắn gọn là “một trong hai tâm sân”.

¹ Vism. 7

Lộ Tâm Nhãn Môn Với Hữu Phần Khách

SB	000	"PB	VB	AB	FA	EC	RC	IC	DC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	TB	BC"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Ghi chú: TB = tâm hữu phần khách (āgantuka bhavaṅga); BC = tâm hữu phần (bhavaṅga).

Cũng theo cách này, những lộ tâm khác xảy ra khi những cảnh dục tương ứng của chúng đi vào vùng nắm bắt của những môn giác quan tương ứng của chúng, chẳng hạn như khi âm thanh, khí mùi, vị chất và các đối tượng đụng chạm đi vào những môn giác quan tương ứng của tai, mũi, lưỡi và thân.

Ấn Tượng Hay Sự Nhận Thức Giác Quan

Trong lộ tâm ngũ môn, ý nghĩa và chức năng của những tâm thành phần đã được giải thích một cách chi tiết ở trên như đã được trình bày trong ví dụ về trái xoài. Tuy nhiên, lộ tâm ngũ môn chỉ là một sự nhận thức đối tượng chứ chưa phải là sự hiểu biết trọn vẹn. Do đó, đối tượng chỉ mới được xử lý ở mức mà nó có thể được phân loại một cách sơ lược là tốt hoặc xấu. Hình, dạng, các đặc điểm chi tiết và tên gọi của đối tượng thì chưa được biết đến. Trong thực tế, sự kết thúc của mỗi lộ tâm ngũ môn là sự chìm vào dòng hữu phần (bhavaṅga) trong hai hay ba sát-na tâm. Để hiểu biết đối tượng, chúng phải nhanh chóng được đi theo sau bởi ít nhất là hai sát-na tâm¹ nữa tùy thuộc vào đối tượng. Những lộ tâm ý môn theo sau (tadanuvattika-manodvāra) bắt cùng đối tượng giác quan của lộ tâm ngũ môn làm cảnh quá khứ. Các chi tiết sẽ được giải thích trong lộ tâm ý môn.

¹ ND: Trong nguyên tác ghi là “hai sát-na tâm”. Chúng tôi nghĩ đây là lỗi biên tập; theo chúng tôi, tác giả muốn nói đến “hai lộ tâm ý môn” thì đúng hơn, tức là những lộ tâm ý môn nối đuôi.

Lộ Tâm Với Cảnh Lớn

Lộ Tâm Đầu Tiên

Có hai lộ tâm với cảnh lớn: lộ thứ nhất bao gồm hai tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua, trong khi lộ thứ hai bao gồm ba tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua. Cả hai lộ tâm đều kết thúc với tâm đồng lực (javana) và cả hai đều có hai loại, tức là có và không có tâm hữu phần (bhavaṅga) khách. Lộ tâm thứ nhất với cảnh lớn và không có tâm hữu phần (bhavaṅga) khách tại nhãn môn diễn ra như sau:

Khi một cảnh sắc và thần kinh thị giác đồng thời sanh lên tại thời điểm sanh khởi của tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua thứ nhất, đối tượng vật chất cần hai sát-na tâm để phát triển đầy đủ và nó trở nên rõ ràng tại nhãn môn tại thời điểm sanh lên của tâm hữu phần (bhavaṅga) rúng động, tức là nó đi vào vùng nắm bắt của con mắt, và rồi tâm hữu phần (bhavaṅga citta) rung động trong hai sát-na tâm và bị bắt giữ. Rồi, tâm hướng ngũ môn sanh lên và diệt đi, hướng dòng tâm thức đến cùng cảnh sắc đó. Ngay sau đó, những tâm sau sanh lên và diệt đi theo thứ tự: nhãn thức nhìn thấy đối tượng đó, tâm tiếp thu tiếp nhận nó, tâm quan sát nhìn ngắm nó và tâm đoán định xác định nó. Theo sau đó, một trong 29 đồng lực (javana) dự giới sanh lên trong bảy sát-na liên tiếp. Rồi, một tâm hữu phần (bhavaṅga) sanh lên và lộ tâm kết thúc tại tiểu sát-na diệt của tâm hữu phần (bhavaṅga) này, sau đúng mười bảy sát-na tâm như đã được trình bày. Và rồi là sự trở lại của dòng hữu phần (bhavaṅga)¹.

¹ CMA 159

Ghi chú: 000 = ba tiểu sát na sanh, trụ và diệt; SB = dòng hữu phần (bhavaṅga); PB = hữu phần (bhavaṅga) vừa qua; VB = hữu phần (bhavaṅga) rúng động; AB = hữu phần (bhavaṅga) dứt dòng; FA = hướng ngũ môn; EC = nhãn thức; RC = tâm tiếp thân; IC = tâm quan sát; DC = tâm đoán định; JC = tâm đồng lực (javana); BC = tâm hữu phần (bhavaṅga); RS = na cảnh.¹

Lộ Tâm Với Hữu Phần (Bhavaṅga) Khách

Giả sử có một người dị giáo hay ngoại đạo có tâm tục sinh được đi kèm theo bởi thọ hỷ, người này thấy đối tượng cực kỳ được khao khát: Đức Phật và Giáo Pháp của Ngài. Lộ tâm với cảnh rất lớn² và cực kỳ được khao khát diễn ra như sau:

Khi một cảnh sắc và thần kinh thị giác đồng thời sanh lên tại thời điểm sanh khởi của tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua thứ nhất, đối tượng vật chất cần ba³ sát-na tâm để phát triển đầy đủ và nó trở nên rõ ràng tại nhãn môn tại thời điểm sanh lên của tâm hữu phần (bhavaṅga) rúng động, tức là nó đi vào vùng nắm bắt của con mắt, và rồi tâm hữu phần (bhavaṅga citta) rung động trong hai sát-na tâm và bị bắt giữ. Rồi, tâm hướng ngũ môn sanh lên và diệt đi, hướng dòng tâm thức đến cùng cảnh sắc đó. Ngay sau đó, những tâm sau sanh lên và diệt đi theo thứ tự: nhãn thức nhìn thấy đối tượng đó, tâm tiếp thân tiếp nhận nó, tâm quan sát nhìn ngắm nó

¹ ND: Trong nguyên tác thiếu RC, IC và DC

² ND: Ở đây, trong nguyên tác, ghi là “cảnh rất lớn”, nhưng chúng ta lại đang bàn về cảnh lớn!

³ ND: Có một sự không đồng nhất giữa điểm này (ba tâm hữu phần vừa qua, tức là xảy ra cho cảnh lớn) và điểm được chú thích ở trên (cảnh rất lớn).

và tâm đoán định xác định nó. Theo sau đó, một trong 29¹ đồng lực (javana) dục giới, được kết hợp với thọ ưu, sanh lên trong bảy sát-na liên tiếp. Sau những đồng lực (javana), tâm hữu phần (bhavaṅga) khách sanh lên và lộ tâm kết thúc tại tiểu sát-na diệt của tâm hữu phần (bhavaṅga) khách này, sau đúng mười bảy sát-na tâm như đã được trình bày². Và rồi là sự trở lại của dòng hữu phần (bhavaṅga)³.

¹ ND: Như đã được nhắc đến ở trên, tại đây, chúng ta có thể nói ngắn gọn và chính xác là một trong hai tâm sân.

² ND: Độc giả có thể thấy rằng tại đây có lỗi, vì nếu tính cả tâm hữu phần khách thì chúng ta có mười tám sát-na tâm chứ không phải mười bảy sát-na tâm.

³ Vism. 9

Lộ Tâm Cảnh Lớn Thứ Nhất Tại Nhãn Môn Với Hữu Phần (Bhavaṅga) Khách

SB	"PB	PB	VB	AB	FA	EC	RC	IC	DC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	TB"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Tâm Thứ Hai Với Hữu Phần (Bhavaṅga) Khách

SB	"PB	PB	PB	PB	PB	VB	AB	FA	EC	RC	IC	DC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC"	TB	
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Trong lộ tâm cảnh lớn thứ hai, cường độ của cảnh dục thì yếu hơn một chút so với cường độ của đối tượng trong lộ tâm thứ nhất. Do đó, sau sự sanh lên của cảnh dục tại nhãn môn, ba sát-na tâm hữu phần (bhavaṅga citta) vừa qua trôi qua trước khi đối tượng trở thành phát triển hoàn thiện và rõ ràng tại nhãn môn. Tại tiểu sát-na diệt của đồng lực (javana) thứ bảy, đối tượng và thần kinh thị giác (nhãn môn) cũng diệt đi. Cho nên, lộ tâm diệt đi và chìm vào dòng hữu phần (bhavaṅga). Như vậy, lộ tâm này được biết đến là lộ tâm kết thúc với đồng lực (javanavāra).

Cũng theo cách này, những lộ tâm khác xảy ra khi những cảnh dục tương ứng của chúng đi vào vùng nắm bắt của những môn giác quan tương ứng của chúng, chẳng hạn như khi âm thanh, khí mùi, vị chất và các đối tượng đụng chạm đi vào những môn giác quan tương ứng của tai, mũi, lưỡi và thân.

Lộ Tâm Cảnh Rất Lớn Và Cảnh Lớn Với Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) Khách

Trong lộ tâm với cảnh rất lớn, nếu đối tượng là cực kỳ được khao khát thì tâm na cảnh được đi kèm theo bởi thọ hỷ không thể sanh lên sau tâm đồng lực (javana) được đi kèm theo bởi thọ ưu. Do đó, tâm hữu phần (bhavaṅga) khách phải sanh lên. Nếu đối tượng là được khao khát một cách bình thường, tâm (citta) na cảnh quả thiện được đi kèm theo bởi thọ xả sẽ sanh lên. Nếu đối tượng là không được khao khát, tâm na cảnh quả bất thiện được đi kèm theo bởi thọ xả sẽ sanh lên. Tâm hữu phần (bhavaṅga) khách sẽ không sanh lên nếu đối tượng là được khao khát một cách bình thường hoặc không được khao khát.

Tuy nhiên, chúng ta hãy xem lộ tâm với cảnh lớn đối với người có tâm tục sinh được đi cùng với thọ ưu. Sau đồng lực (javana) được đi kèm theo bởi thọ ưu, tâm hữu phần (bhavaṅga) được đi kèm theo bởi thọ hỷ không thể sanh lên, do đó, tâm hữu phần (bhavaṅga) khách phải sanh lên giữa chúng cho đầu đối tượng là cực kỳ được khao khát, chỉ được khao khát một cách bình thường hoặc không được khao khát. Nếu tâm đồng lực (javana) được đi kèm theo thọ ưu thì bất kể chất lượng của đối tượng, tâm hữu phần (bhavaṅga) khách phải sanh lên và rồi tâm hữu phần (bhavaṅga) nguyên gốc được đi kèm theo bởi thọ hỷ sẽ sanh lên. Như vậy, trong lộ tâm cảnh rất lớn, nếu đối tượng là cực kỳ được khao khát thì chuỗi sau đây sẽ xảy ra: sau tâm đồng lực (javana) với thọ ưu, tâm hữu phần (bhavaṅga) khách sanh lên. Trong lộ tâm cảnh lớn, cho đầu đối tượng là cực kỳ được khao khát, được khao khát một cách bình thường hoặc không được khao khát, sau tâm đồng lực (javana) được đi kèm theo bởi thọ ưu, tâm hữu phần (bhavaṅga) khách sanh lên. Đây là những sự khác nhau giữa hai lộ tâm này.

Lộ Tâm Cảnh Nhỏ

Có sáu lộ tâm cảnh nhỏ tùy thuộc vào số tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua. Từ bốn cho đến chín tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua sẽ trôi qua trước tiên và sẽ không có tâm đồng lực (javana) nào sanh lên. Tâm (citta) đoán định sẽ xảy ra hai hay ba lần, sau đó lộ tâm sẽ rơi vào dòng hữu phần (bhavaṅga). Tiến trình này cũng được gọi là voṭṭhabbanavāra, tức là lộ tâm kết thúc với tâm đoán định.

Lộ Tâm Cảnh Nhỏ Thứ Nhất

Khi một cảnh sắc và thần kinh thị giác đồng thời sanh lên tại thời điểm sanh khởi của tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua thứ nhất, đối tượng vật chất cần bốn sát-na tâm để phát triển đầy đủ và nó trở nên rõ ràng tại nhãn môn tại thời điểm sanh lên của tâm hữu phần (bhavaṅga) rúng động, tức là nó đi vào vùng nắm bắt của con mắt, và rồi tâm hữu phần (bhavaṅga citta) rung động trong hai sát-na tâm và bị bắt giữ. Rồi, tâm hướng ngũ môn sanh lên và diệt đi, hướng dòng tâm thức đến cùng cảnh sắc đó. Ngay sau đó, những tâm sau sanh lên và diệt đi theo thứ tự: nhãn thức nhìn thấy đối tượng đó, tâm tiếp thu tiếp nhận nó, tâm quan sát nhìn ngắm nó, tâm đoán định sanh lên ba lần, rồi bốn tâm hữu phần (bhavaṅga citta) sanh lên và lộ tâm kết thúc tại tiểu sát-na diệt của tâm hữu phần (bhavaṅga) thứ tư này, sau đúng mười bảy sát-na tâm như đã được trình bày. Và rồi là sự chìm vào lại dòng hữu phần (bhavaṅga).

Giải Thích

Trong tình huống thông thường, đồng lực (javana) xảy ra bảy lần, nhưng nếu không có đủ thời gian thì nó không xảy ra gì cả. Nói một cách khác, vì đối tượng không rõ ràng và không được biết một cách đúng đắn, cho nên, không có đồng lực (javana) sanh lên để tận hưởng hương vị của đối tượng. Do đó, hai tâm (citta) đoán định nữa sanh lên thế chỗ cho những đồng lực (javana) để xác định thêm hai lần nữa đối tượng là tốt hay xấu. Sau đó, dòng tâm thức chìm vào dòng hữu phần (bhavaṅga). Cảnh dục và nhãn môn diệt đi tại tiểu sát-na diệt của tâm hữu phần (bhavaṅga) thứ tư và dòng hữu phần (bhavaṅga) lại trôi chảy như thường sau đó. Những lộ tâm này xảy ra trong những chúng sanh có các môn

giác quan hay các sắc thần kinh yếu kém; do đó, mặc dầu các cảnh dục có cường độ mạnh, nhưng sự biểu hiện của chúng thì không rõ ràng.

Năm lộ tâm tiếp theo nên được hiểu theo cách tương tự với sự thay đổi về số tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua và số tâm hữu phần (bhavaṅga) thông thường. Ví dụ, số tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua sẽ tăng lên từng tâm một khi đối tượng trở nên yếu dần và yếu dần. Theo đó, số tâm hữu phần (bhavaṅga) ở phía cuối phải bị bỏ bớt đi từng tâm một vì tổng số sát-na tâm không thể vượt quá đời sống của mười bảy sát-na tâm. Điều này là vì nó không thể vượt quá đời sống của cảnh dục vật chất và sắc thân kinh tương ứng của nó. Như vậy, ở lộ tâm thứ sáu, lộ tâm kết thúc sau tâm (citta) đoán định thứ hai.

Các Lộ Tâm Nhãn Môn Cảnh Nhỏ

Lộ Thứ Nhất

SB	"PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	VB	AB	FA	EC	RC	IC	DC	DC	BC	BC	BC	BC"	SB	
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Thứ Hai

SB	"PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	AB	FA	EC	RC	IC	DC	DC	BC	BC	BC"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Thứ Ba

SB	"PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	AB	FA	EC	RC	IC	DC	DC	BC	BC"	SB	
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Thứ Tư

SB	"PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	AB	FA	EC	RC	IC	DC	DC	DC	BC"	SB	
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Thứ Năm

SB	"PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	VB	AB	FA	EC	RC	IC	DC	DC	DC"	SB	
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Thứ Sáu

SB	"PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	AB	FA	EC	RC	IC	DC	DC"	SB	
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Cũng theo cách này, những lộ tâm khác xảy ra khi những cảnh dục tương ứng của chúng đi vào vùng nắm bắt của những môn giác quan tương ứng của chúng, chẳng hạn như khi âm thanh, khí mùi, vị chất và các đối tượng đụng chạm đi vào những môn giác quan tương ứng của tai, mũi, lưỡi và thân.

Lộ Tâm Cảnh Rất Nhỏ

Trong lộ tâm này, không có tâm (citta) khách quan mà chỉ có sự rung động của các tâm hữu phần (bhavaṅga). Trong suốt đời sống dài mười bảy sát-na tâm của đối tượng, từ mười đến mười lăm sát-na sẽ được chiếm giữ bởi những tâm hữu phần (bhavaṅga citta) vừa qua, hai sát-na bởi những tâm hữu phần (bhavaṅga) rung động và phần còn lại bởi những tâm hữu phần (bhavaṅga) đi theo sau sự rung động. Lộ tâm này (mà có sáu loại) được gọi là lộ đuôi hư thoát (moghavāra).

Ví dụ, khi một cảnh sắc rất nhỏ sanh lên tại nhãn môn, đối tượng đó cần từ mười đến mười lăm sát-na tâm để phát triển đầy đủ. Thậm chí như vậy rồi, cường độ của đối tượng yếu đến nỗi nó làm cho dòng hữu phần rung động chỉ trong hai sát-na mà không bị bắt giữ. Do đó, không có tâm (citta) (ND: năng động) nào sanh khởi và đối tượng không được biết đến gì cả. Sau hai tâm hữu phần (bhavaṅga) rung động, những tâm hữu phần (bhavaṅga) khác tiếp tục trôi chảy. Cảnh dục và thần kinh thị giác sẽ diệt cùng nhau tại điểm kết thúc của mười bảy sát-na tâm sau sự sanh khởi của chúng.

Năm lộ tâm tiếp theo nên được hiểu theo cách tương tự với sự thay đổi về số tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua và số tâm hữu phần (bhavaṅga) thông thường, tức là số tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua tăng lên

tùng tâm một khi đối tượng trở nên yếu dần và yếu dần. Nương theo đó, số tâm hữu phần (bhavaṅga citta) phải bị bỏ bớt từng tâm một vì do tổng số sát-na tâm không thể vượt quá mười bảy sát-na, tức là tuổi thọ hay đời sống của quá trình mà một cảnh dục vật chất tiếp xúc với những sắc thần kinh (tức là các môn giác quan).

Theo cách này, những lộ tâm khác xảy ra khi các đối tượng giác quan tương ứng của chúng đi vào vùng nắm bắt của các môn giác quan tương ứng của chúng, chẳng hạn như khi âm thanh, khí mùi, vị chất và các đối tượng đụng chạm đi vào các môn giác quan tương ứng của tai, mũi, lưỡi và thân.

Những Lộ Tâm Ngũ Môn

Trong những loại lộ tâm này¹, có bốn phương thức diễn ra dựa theo bốn cách hiện bày của các đối tượng:

1. Phương thức kết thúc với tâm na cảnh (tadārammaṇa-vāca)
2. Phương thức kết thúc với đồng lực (javana-vāca)
3. Phương thức kết thúc với sự đoán định (voṭṭhabbana-vāca)
4. Phương thức hư thoát (moghavāca)

Theo truyền thống như được trình bày trong tài liệu *A Comprehensive Manual of Abhidhamma*, có một loại lộ tâm xảy ra với cảnh rất lớn, có hai loại lộ tâm xảy ra với cảnh lớn, có sáu loại lộ tâm xảy ra với cảnh nhỏ và sáu loại lộ tâm xảy ra với cảnh rất nhỏ. Như vậy, có tất cả là mười lăm loại lộ tâm xảy ra tại nhãn môn. Vì mỗi loại trong số này đều có thể xảy ra trong tất cả năm môn, cho nên chúng ta có tất cả là 75 lộ tâm ngũ môn

¹ ND: Trong bản tiếng Anh, ghi là “in three types of process”. Chúng tôi cho rằng đây là lỗi chính tả, tức là “these” thay vì “three”. Vì thật ra nếu là “three” thì chúng tôi không rõ “ba loại lộ tâm” nào đang được đề cập đến.

($15 \times 5 = 75$). Tuy nhiên, trong tài liệu này, tiến trình tâm thức bao gồm chuỗi tâm mà xảy ra không có tâm na cảnh trong lộ tâm và kết thúc với đồng lực (javana) như trong mục (ii.) ở trên. Loại lộ tâm này được chia nhỏ ra thành hai loại: có và không có tâm hữu phần (bhavaṅga) khách. Do đó, có ba loại lộ tâm: lộ tâm với cảnh rất lớn và hai lộ tâm nữa, tức là có và không có tâm hữu phần (bhavaṅga) khách. Điều này có nghĩa là có ba lộ tâm cho cảnh rất lớn, bốn cho cảnh lớn, sáu cho cảnh nhỏ và sáu cho cảnh rất nhỏ. Do đó, có tất cả là mười chín lộ tâm tại nhãn môn. Vì có năm môn, cho nên chúng ta có tất cả là 95 lộ tâm ngũ môn ($19 \times 5 = 95$).

Các Tâm (Citta) Trong Những Lộ Ngũ Môn

Có bảy loại tâm tham dự trong các lộ tâm ngũ môn. Chúng là: (i) tâm hưởng ngũ môn, (ii) tâm giác quan (một trong năm tâm giác quan), (iii) tâm tiếp thấu, (iv) tâm quan sát, (v) tâm đoán định, (vi) tâm đồng lực (javana), (vii) tâm na cảnh. Mười bốn giai đoạn hay mười bốn trạng thái của tâm thức có được bằng cách tính tâm đồng lực (javana) bảy lần và tâm na cảnh hai lần. Tất cả 54 tâm (citta) dự giới xảy ra trong năm môn giác quan tương ứng và trong số chúng, 46 tâm sanh lên tại nhãn môn: một tâm hưởng ngũ môn, hai tâm nhãn thức, hai tâm tiếp thấu, ba tâm quan sát, một tâm đoán định, 29 đồng lực (javana) dự giới và tám tâm na cảnh¹. Cùng những loại tâm (citta) này sanh lên tại những môn khác với các đối tượng tương ứng của chúng, ngoại trừ

¹ ND: Có mười một tâm làm chức năng na cảnh: ba tâm quan sát và tám tâm đại quả dự giới. Nhưng vì ba tâm quan sát đã được tính rồi, nên chỉ tám tâm đại quả dự giới được tính đến ở đây.

trong mỗi trường hợp, đôi tâm giác quan sẽ được thay đổi phù hợp tương ứng với môn giác quan.

Mặc dầu có tổng cộng 46 tâm (citta) sanh lên tại nhãn môn, nhưng toàn bộ chúng không thể sanh lên cùng với nhau trong một lộ tâm. Mà thật ra chúng chỉ sanh lên tùy thuộc vào hay được xác định bởi các điều kiện, tức là đối tượng, cõi hiện hữu, loại chúng sanh và sự tác ý. Ví dụ, nếu đối tượng là không được khao khát thì tâm nhãn thức, tâm tiếp xúc, tâm quan sát và tâm na cảnh là những tâm quả bất thiện. Nếu đối tượng là được khao khát thì chúng là những tâm quả thiện. Nếu đối tượng là cực kỳ được khao khát thì tâm quan sát và tâm na cảnh được đi kèm theo bởi thọ hỷ. Nếu đối tượng chỉ là được khao khát một cách thông thường thì chúng được đi kèm theo bởi thọ xả.

Nếu lộ tâm nhãn môn xảy ra trong dục giới thì tất cả 46 tâm (citta) có thể sanh lên. Nhưng nếu lộ tâm xảy ra trong sắc giới thì tâm na cảnh không thể sanh lên, do chức năng na cảnh bị giới hạn trong dục giới.

Nếu chúng sanh là phàm nhân hay là bậc Thánh hữu học thì các tâm đồng lực (javana citta) sẽ là thiện hay bất thiện tùy thuộc vào mức độ chứng đắc của họ. Nếu chúng sanh là một vị A-la-hán (Arahanta) thì các đồng lực (javana) sẽ là duy tác.

Nếu phàm nhân hay vị Thánh hữu học có tác ý khéo (yoniso manasikāra), các đồng lực (javana) thiện sẽ sanh lên. Nếu họ có tác ý không khéo, các đồng lực (javana) bất thiện sẽ sanh lên.

Tương tự, các tâm (citta) sanh lên là hữu trợ hay vô trợ thì cũng được/bị chi phối bởi các tình huống.

Đối Tượng Và Vật

Trong các lộ tâm ngũ môn, tất cả các tâm (citta) (ngoại trừ những tâm hữu phần (bhavaṅga citta)) bắt đối tượng tương ứng của chúng trong có liên quan với những cảnh dục hiện tại. Ví dụ, đối với những tâm (citta) trong lộ nhãn môn, đó là cảnh sắc; đối với lộ nhĩ môn, đó là âm thanh; đối với lộ tỷ môn, đó là khí mùi; đối với lộ thiệt môn, đó là vị chất; và đối với thân môn, đó là cảnh xúc. Các cảnh dục không chỉ là đối tượng của những tâm giác quan (ND: tức là ngũ song thức). Tâm hướng ngũ môn, tâm tiếp xúc, tâm quan sát, tâm đoán định, các đồng lực và các tâm na cảnh cũng diễn ra với cùng cảnh dục đó làm đối tượng của chúng. Như vậy, khi chúng đang xảy ra trong lộ tâm nhãn môn, những tâm (citta) này bắt chỉ cảnh sắc hiện tại làm đối tượng. Nội trong lộ tâm đó, chúng không thể nhận thức được bất kỳ đối tượng nào khác. Chúng ta cũng nên hiểu như vậy cho những môn giác quan khác. Đối tượng của tất cả những tâm hữu phần (bhavaṅga citta) có thể là bất kỳ loại nào trong năm cảnh dục, quá khứ hay hiện tại, hay nó có thể là một cảnh pháp. Đối tượng này có thể là một trong ba loại: nó có thể là nghiệp (kamma)¹, tức là một hành động tốt hay xấu được thực hiện trước đây trong cùng đời sống; nó có thể là một nghiệp tướng (kamma-nimitta), tức là một đối tượng hay một hình ảnh có liên quan với hành động mà sẽ xác định việc tái sinh hay một công cụ được dùng để thực hiện hành động đó; hay nó có thể là một thú tướng (gati-nimitta), tức là một biểu tượng của cảnh giới mà người đang chết sẽ tái sinh vào.

¹ ND: Trong nguyên tác có ghi chú kamma-nimitta tại đây. Đây chắc phải là lỗi biên tập.

Trong những cảnh giới nơi mà có vật chất tồn tại, các tâm (citta) sanh lên phụ thuộc vào một điều kiện được gọi là vật. Vật là sự hỗ trợ mang tính vật chất cho sự sanh khởi của tâm thức. Năm vật đầu tiên trùng lặp với năm môn, tức là năm sắc thần kinh. Tuy nhiên, vật thì không giống hết với môn vì nó đóng một vai trò khác trong việc sanh khởi của tâm thức. Môn là một cái kênh mà thông qua đó các tâm (citta) của lộ tâm tiếp cận với đối tượng, trong khi vật là sự hỗ trợ mang tính vật lý cho sự sanh khởi của các tâm (citta). Tất cả các tâm trong ngũ song thức đều dựa vào những vật hiện tại tương ứng của chúng, những vật này đã sanh lên cùng với các cảnh dục tại tiểu sát-na sanh của tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua. Vật có cùng tuổi thọ với cảnh dục, tức là đối tượng giác quan. Tất cả những tâm (citta) còn lại, bao gồm luôn cả những tâm hữu phần (bhavaṅga citta), lấy sắc ý vật làm nơi hỗ trợ; sắc ý vật này đã sanh lên cùng với những tâm (citta) đi trước. Ví dụ, tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua thì dựa trên sắc ý vật đã sanh lên cùng với tâm hữu phần (bhavaṅga) đi trước đó, tâm hữu phần (bhavaṅga) rúng động thì dựa trên sắc ý vật đã sanh lên cùng với tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua, tâm (citta) hướng ngũ môn thì dựa trên sắc ý vật đã sanh lên cùng với tâm hữu phần (bhavaṅga citta) rúng động¹ và tâm tiếp thân thì dựa trên sắc ý vật đã sanh lên cùng với tâm giác quan (ND: tức là một trong ngũ song thức). Sắc ý vật là dạng sắc pháp do nghiệp (kamma) tạo, mà xảy ra tại từng tiểu sát-na sanh, trụ và diệt, kể từ lúc tâm tục sinh sanh lên tại thời điểm tục sinh (thọ thai). Tâm (citta) quan sát thì dựa trên sắc ý vật đã sanh lên cùng với tâm (citta) tiếp thân, và vân vân.

¹ ND: Tâm hữu phần dứt dòng thật ra cũng là tâm hữu phần rúng động. Nói một cách khác, có hai sát-na tâm hữu phần rúng động.

Cõi Hiện Hữu

Trong bối cảnh này, chúng ta đang nói về cõi hiện hữu (bhūmi), chứ không phải tầng cấp tâm thức. Tất cả 95 lộ tâm ngũ môn xảy ra trong dục giới. Trong sắc giới, ba lộ tâm tứ môn, thiết môn và thân môn không có mặt, chỉ có hai lộ tâm nhãn môn và nhĩ môn không có na cảnh và không có hữu phần (bhavaṅga) khách là có xảy ra. Do đó, có tất cả 30 lộ tâm xảy ra trong sắc giới. Không có lộ ngũ môn nào có thể xảy ra trong vô sắc giới vì không có vật nào ở nơi đó.

Chúng Sanh

Cơ bản là có hai hạng chúng sanh, phàm nhân và Thánh nhân. Phàm nhân được chia ra làm bốn loại: người vô nhân ác thú, người vô nhân thiện thú, người nhị nhân và người tam nhân. Thánh nhân cũng có tám loại: bốn người đạo và bốn người quả. Loại Thánh nhân cuối cùng là bậc A-la-hán (Arahant) và những loại Thánh nhân còn lại là các bậc Thánh hữu học. (Hãy xem phần Phân Tích với nhiều chi tiết hơn)

Lộ tâm ngũ môn không thể sanh lên trong những người đạo vì những người này chỉ tồn tại hay chỉ diễn ra trong một sát-na tâm. Các lộ tâm ngũ môn sanh lên trong bốn loại phàm nhân và bốn người quả. Tuy nhiên, các bậc Bất Lai và A-la-hán (Arahant) đã tẩy trừ sân và do đó, lộ tâm có hữu phần (bhavaṅga) khách không sanh lên trong các bậc này.

Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga)

Trong Thắng Pháp (Abhidhamma), có mười chín tâm hữu phần (bhavaṅga citta)¹. Nếu một lộ tâm sanh lên trong những chúng sanh dục giới thì một trong mười tâm hữu phần (bhavaṅga) dục giới đang sanh lên. Nếu nó sanh lên trong sắc giới thì một trong năm tâm hữu phần (bhavaṅga) sắc giới sẽ sanh lên. Hơn nữa, trong dục giới, nếu chúng sanh đó là một trong những người vô nhân ác thú thì tâm hữu phần (bhavaṅga) là bất thiện. Tâm đó là tâm (citta) quan sát quả bất thiện được đi kèm theo bởi thọ xả. Nếu chúng sanh đó là một trong những người vô nhân thiện thú thì tâm hữu phần (bhavaṅga) là tâm (citta) quan sát quả thiện được đi kèm theo bởi thọ xả. Nếu chúng sanh đó là người nhị nhân thì tâm hữu phần (bhavaṅga) là một trong bốn tâm (citta) quả thiện ly trí. Nếu chúng sanh đó là người phạm tam nhân hay là một vị Thánh, thì tâm hữu phần (bhavaṅga) là một trong bốn tâm (citta) quả thiện hợp trí. Nếu chúng sanh đó là trong sắc giới thì một trong năm tâm (citta) quả sắc giới sẽ sanh lên làm tâm hữu phần (bhavaṅga), tùy thuộc vào sự chứng đắc thiền của chúng sanh đó.² Chúng ta phải hiểu rằng tất cả tâm hữu phần (bhavaṅga) mà sanh lên trong các lộ tâm thì sanh lên theo cách như vừa được miêu tả, tùy thuộc vào cõi hiện hữu và tùy thuộc vào hạng người.

¹ 2 tâm quan sát thọ xả (upekkhāsantīraṇa citta), 8 tâm đại quả (mahāvipāka citta), 5 tâm sắc giới (rūpāvacara citta) và 4 tâm vô sắc (arūpāvacara citta) (Xem CMA, III, p. 122)

² ND: Ở đây, nguyên tác tiếng Anh không nhắc đến chúng sanh trong vô sắc giới, nhưng chúng ta hiểu ngầm là, đối với chúng sanh trong vô sắc giới, tâm hữu phần sẽ là một trong bốn tâm quả vô sắc tùy thuộc vào cõi hiện hữu của chúng sanh đó.

Phân Tích Những Hạng Chúng Sinh

Cơ bản là có hai hạng chúng sanh: phàm nhân và Thánh nhân. Phàm nhân được chia thành bốn thứ lớp:

1. Người vô nhân ác thú (duggati-ahetuka-puggala): Đây là chúng sanh có tâm tục sinh là tâm (citta) quan sát quả bất thiện vô nhân được đi kèm theo bởi thọ xả.

2. Người vô nhân thiện thú (sugati-ahetuka-puggala): Đây là chúng sanh có tâm tục sinh là tâm (citta) quan sát quả thiện vô nhân được đi kèm theo bởi thọ xả.

3. Người nhị nhân (duhetuka-puggala): Đây là chúng sanh có tâm tục sinh là tâm (citta) đại quả ly trí, tức là một trong bốn tâm (citta) nhị nhân.

4. Người tam nhân (tihatuka-puggala): Đây là chúng sanh có tâm tục sinh là tâm (citta) đại quả hợp trí, tức là một trong bốn tâm (citta) tam nhân.

Những ai có tâm (citta) tục sinh hợp trí thì được phân loại là người tam nhân (tihatuka-puggala). Những chúng sanh này có thể là phàm nhân hay có thể là các bậc Thánh. Dĩ nhiên, các bậc Thánh (tức là các bậc Thánh hữu học và các bậc A-la-hán (Arahant)) đã đạt được trạng thái này sau khi tái sanh thông qua việc giác ngộ sự thật, chứ không phải do bởi đức hạnh của tâm tục sinh của các ngài.

Trong số các phàm nhân, người vô nhân trong các cõi ác thú chỉ có thể trải nghiệm 37 tâm (citta): 12 tâm bất thiện + 8 tâm đại thiện + 15 tâm quả vô nhân + 2

tâm hướng môn. Trong những chúng sanh như vậy, những đồng lực (javana) duy tác (mà trong thực tế chỉ dành riêng cho các vị A-la-hán (Arahant)) không thể sanh lên; và cũng vậy, những chúng sanh như thế không thể chứng đắc được sự thâm thấu hay sự kiên cố cả về thiền (jhāna) cũng như về đạo. Đối với những chúng sanh như vậy, những tâm (citta) duy nhất có thể sanh lên thực hiện chức năng na cảnh là ba tâm quan sát vô nhân.¹

Tiếp theo, chúng ta sẽ tìm hiểu một chúng sanh (người vô nhân hay người nhị nhân) tái sanh vào một cõi thiện thú. Loại chúng sanh này trải nghiệm thêm bốn tâm đại quả ly trí, tức là trải nghiệm tất cả 41 tâm (citta). Trong những chúng sanh này, những tâm (citta) đại quả tam nhân không sanh lên làm vai trò na cảnh. Những tâm (citta) làm chức năng na cảnh có thể sanh lên ở đây chỉ là những tâm quả của những chúng sanh vô nhân hoặc nhị nhân².

Người phạm tam nhân trải nghiệm nhiều nhất là 54 tâm (citta): 12 tâm bất thiện + 17 tâm thiện (trừ 4 tâm đạo) + 23 tâm quả dục giới + 2 tâm hướng môn. Con số tổng cộng này có bao gồm tất cả chín tâm thiền (jhāna). Dĩ nhiên, con số tổng cộng này sẽ giảm xuống đối với những ai thiếu những tầng thiền (jhāna) nào đó.

Có tám hạng người Thánh. Đây là bốn người đạo mà trải nghiệm các tâm đạo và bốn người quả mà trải nghiệm các tâm quả. Bốn người đạo trải nghiệm trạng

¹ ND: Chúng tôi tin rằng cấu trúc của câu văn gốc tiếng Anh là không chuẩn. Chúng tôi mạn phép dịch thoáng như vậy.

² ND: Chúng tôi cũng tin rằng cấu trúc của câu văn gốc tiếng Anh là không chuẩn. Chúng tôi mạn phép dịch thoáng như vậy.

thái này trong chỉ một sát-na. Khi họ đang thực chứng những tuệ minh sát tương ứng, những tâm đạo ngay lập tức theo sau những tuệ này. Và rồi, họ trở thành vị Nhập Lưu, vị Nhất Lai, vị Bất Lai hay vị A-la-hán (Arahant). Trong số những hạng người này, hạng người đã chứng đạt quả vị A-la-hán quả (arahatta phala) cuối cùng thì được gọi là bậc A-la-hán (Arahant) và những hạng còn lại là các bậc Thánh hữu học.

Tại lúc chứng đắc Nhập Lưu đạo, các phiền não tà kiến và hoài nghi được tẩy trừ. Do đó, bốn tâm (citta) hợp tà và một tâm hợp hoài nghi được loại bỏ. Các vị Nhập Lưu và các vị Nhất Lai có thể trải nghiệm 50 tâm (citta) sau, bao gồm luôn cả các tâm thiền (jhāna): 7 tâm bất thiện + 17 tâm thiện + 23 tâm quả dục giới + 2 tâm hướng môn + 1 tâm quả siêu thế. Tâm cuối này sẽ là tâm quả Nhập Lưu hay là tâm quả Nhất Lai, tùy thuộc vào tầng chứng ngộ thích hợp. Các vị Bất Lai, do đã loại trừ thêm sự ghét bỏ, nên không còn trải nghiệm hai tâm (citta) sân. Do đó, các ngài trải nghiệm tâm quả Bất Lai, dẫn đến tổng số tâm tối đa là 48¹. Chúng ta có thể nói rằng các bậc Thánh hữu học trải nghiệm toàn bộ tối đa là 56 tâm (citta); con số này có được từ việc nhóm lại ba quả siêu thế và bằng cách cộng lại bốn tâm đạo một cách thích hợp.

Các bậc A-la-hán (Arahant) đã tẩy trừ tất cả các phiền não, và do đó, không còn trải nghiệm bất kỳ tâm (citta) bất thiện nào. Các ngài có thể trải nghiệm 44 tâm (citta) như sau: 18 tâm vô nhân + 8 tâm đại duy tác + 8 tâm đại quả + 5 tâm duy tác sắc giới + 4 tâm duy tác vô sắc + 1 tâm quả A-la-hán (Arahant). Những con số này là dành cho những chúng sanh trong dục giới. Chúng sẽ bị

¹ 50-2=48

giảm xuống cho những chúng sanh trong sắc giới và vô sắc giới bằng cách trừ đi những tâm (citta) mà không thể sanh lên trong những cảnh giới đó.

Chương III: Lộ Tâm Ý Môn (Manodvāra Vīthi)

Lộ Đồng Lực Dục Giới (Kāma-javana Vīthi)

Đồng Lực (Javana) Dục Giới

Có hai loại lộ tâm tại ý môn: lộ đồng lực (javana) dục giới và lộ đồng lực (javana) kiên cố. Trong số chúng, lộ tâm đồng lực (javana) dục giới lại có hai loại khác nhau: lộ tâm ý môn thuần túy và lộ tâm ý môn nối đuôi. Lộ tâm ý môn thuần túy lại có hai loại: lộ tâm kết thúc với na cảnh và lộ tâm kết thúc với đồng lực (javana).

Lộ Tâm Kết Thúc Với Na Cảnh

Lộ tâm kết thúc với na cảnh sanh lên cùng với đối tượng rõ ràng, nhưng cảnh này có hai loại: (i) sắc pháp hiện tại được tạo ra một cách cụ thể, tức là sắc pháp có bản chất nội tại; (ii) sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể quá khứ và tương lai, và tâm (citta) và tâm sở (cetasika) dục giới trong ba thời (quá khứ, hiện tại và vị lai). Trong số những loại này, lộ tâm mà xảy ra với sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể hiện tại thì có năm loại: lộ tâm với một, hai, ba, bốn hay năm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua.

Lộ tâm ý môn thứ nhất, với đối tượng là sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể hiện tại, xảy ra như sau:

Khi một trong những sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể, xảy ra trong thời điểm hiện tại, sanh lên trong vùng nắm bắt của ý môn, sau khi trải qua một sát-

na tâm hữu phần (bhavaṅga), dòng hữu phần (bhavaṅga) rung động trong hai sát-na và bị bắt giữ (tâm hữu phần (bhavaṅga) rung động thứ hai được gọi là tâm hữu phần (bhavaṅga) dứt dòng)¹. Rồi tâm hướng ý môn sanh lên và diệt đi, hướng đến cùng đối tượng đó vào lộ tâm ý môn. Ngay lập tức sau đó, một trong 29 tâm đồng lực (javana citta) dục giới sanh lên trong bảy sát-na tâm và rồi hai sát-na tâm quả na cảnh sanh lên và diệt đi. Rồi bốn tâm hữu phần (bhavaṅga citta) sanh lên và diệt đi. Đối tượng tan rã đi tại tiểu sát-na diệt của tâm hữu phần (bhavaṅga) thứ tư vì tuổi thọ của mười bảy sát-na tâm đã kết thúc, và rồi có sự chìm vào dòng hữu phần (bhavaṅga).

Cũng theo cách này, chúng ta phải hiểu những lộ tâm thứ hai, thứ ba, thứ tư và thứ năm với hai, ba, bốn và năm tâm hữu phần (bhavaṅga citta) đã trôi qua, với lộ tâm diên tiến cho đến khi sát-na tâm thứ mười bảy được hoàn thành như được trình bày trong các hình minh họa ở dưới.

¹ Bhavaṅgacalana

Lộ Tâm Cảnh Rõ Kết Thúc Với Na Cảnh

Lộ Tâm Ý Môn Thứ Nhất

SB	SB	000	000
"PB	VB	000	000
AB	MA	000	000
JC	JC	000	000
JC	JC	000	000
JC	JC	000	000
JC	JC	000	000
JC	JC	000	000
JC	JC	000	000
JC	JC	000	000
JC	JC	000	000
JC	JC	000	000
JC	JC	000	000
JC	JC	000	000
JC	JC	000	000
JC	JC	000	000
RS	RS	000	000
BC	BC	000	000
BC	BC	000	000
BC	BC	000	000
BC"	BC"	000	000
SB	SB	000	000

Lộ Tâm Ý Môn Thứ Hai

SB	"PB	PB	VB	AB	MA	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	RS	RS	BC	BC	BC"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Tâm Ý Môn Thứ Ba

SB	"PB	PB	PB	PB	PB	VB	AB	MA	JC	JC	JC	JC	JC	JC	RS	RS	BC	BC"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Tâm Ý Môn Thứ Tư

SB	"PB	PB	PB	PB	PB	PB	VB	AB	MA	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	RS	RS	BC"	SB	
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Tâm Ý Môn Thứ Năm

SB	"PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	AB	MA	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	RS	RS"	SB	
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Nếu đối tượng là một trong những sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể trong quá khứ hay trong vị lai, hay nếu một tâm hay tâm sở dục giới sanh lên trong vòng nắm bắt của ý môn một cách rõ ràng thì hai tâm hữu phần (bhavaṅga) rúng động sanh lên và bị bắt giữ mà không có tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua. Sau đó, tâm hướng ý môn sanh lên và diệt đi, hướng về cùng đối tượng đó đến lộ tâm ý môn. Ngay sau đó, một trong 29 tâm đồng lực (javana citta) sanh lên trong bảy sát-na tâm và rồi hai sát-na quả na cảnh sanh lên và diệt đi. Và rồi, lộ tâm chìm vào dòng hữu phần (bhavaṅga).

Trong lộ tâm này, sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể không phải là pháp hiện tại; cho nên, những tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua không cần đến. Thêm nữa, chúng ta không cần thiết phải tính cho đủ mười bảy sát-na tâm. Những lộ tâm này được gọi là “những lộ tâm cảnh rõ kết thúc với na cảnh”.

Lộ Tâm Ý Môn Thứ Sáu

SB	"VB	AB	MA	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	RS	RS"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Ghi chú: ooo = ba tiểu sát-na sanh, trụ và diệt của một sát-na tâm; SB = dòng hữu phần (bhavaṅga); PB = hữu phần (bhavaṅga) vừa qua; VB = hữu phần (bhavaṅga) rúng động; AB = hữu phần (bhavaṅga) dứt dòng; MA = hướng ý môn; JC = tâm đồng lực (javana); RS = tâm na cảnh; BC = tâm hữu phần (bhavaṅga).

Bốn Loại Lộ Ý Môn

Khi một lộ tâm xảy ra tại một trong các môn giác quan thì, thật ra, có hai môn được bao gồm đến: môn giác quan vật chất và ý môn, tức là tâm hữu phần (bhavaṅga) (mà từ đó lộ tâm hiện khởi lên). Cái được gọi là lộ tâm ý môn là một lộ tâm chỉ xảy ra thông qua ý môn mà không có sự trộn lẫn với những môn giác quan nào. Loại lộ tâm này được gọi là lộ tâm ý môn thuần túy (suddha-manodvāra-vīthi).

Lộ tâm mà theo sau lộ tâm ngũ môn thì được gọi là lộ tâm ý môn nối đuôi. Điều này giống như việc khi cái chiêng bị gõ một lần và rồi nó phát đi một chuỗi liên tục những tiếng ngân vang. Cũng như vậy, khi một trong năm môn giác quan bị một cảnh giác quan tác động lên một lần thì sau khi lộ tâm ngũ môn diệt đi, cảnh giác quan quá khứ đi vào vùng nắm bắt của ý môn và làm khởi sanh lên một chuỗi những lộ tâm ý môn. Vì những lộ tâm (ý môn) này sanh lên theo sau như là hậu quả của lộ tâm ngũ môn, cho nên chúng được biết đến là những lộ tâm nối đuôi (“tadanuvattika manodvārika vīthi” hay “anubandika vīthi”)¹.

¹ Tadanuvattika manodvāra hay Anubandhika vīthi

Chú Thích Về Sự Kết Thúc Với Tâm Na Cảnh

Trong lộ tâm kết thúc với na cảnh này, đối tượng phải chỉ là cảnh rõ rệt như được ghi nhận trong quy luật của tâm na cảnh: “Tâm na cảnh xảy ra trong mỗi quan hệ với các đối tượng rõ rệt và rất lớn.” Đối với những cảnh vật chất mà có tuổi thọ mười bảy sát-na tâm, các giáo thọ sư Thắng Pháp (Abhidhamma) thường thường chọn 22 sắc pháp, tức là loại trừ hai sắc biểu tri và bốn sắc tướng trạng (Các bạn hãy xem chương về sắc pháp để biết thêm chi tiết). Tuy nhiên, tất cả mười sắc pháp không được tạo ra một cách cụ thể¹, tức là những sắc pháp không sở hữu bản chất nội tại, thì không phải là những pháp chân đế thật sự. Tâm quan sát và những tâm (citta) đại quả, làm chức năng na cảnh, bắt những pháp chân đế thật làm đối tượng. Những pháp chân đế thật bao gồm mười tám sắc pháp chân đế (nippanna rūpa), những pháp chân đế không thật bao gồm mười hai sắc pháp phi thực tính (anippanna rūpa)². Cho nên, tâm quan sát chọn chỉ mười tám sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể làm các đối tượng thật. Điều này là vì những tâm (citta) na-cảnh bắt các đối tượng dục giới (bao gồm lộ tâm thứ sáu trong những lộ tâm kết thúc với na cảnh), mà xảy ra với đối tượng là những sắc pháp được sanh ra một cách cụ thể quá khứ và tương lai, và những tâm (citta) và tâm sở (cetasika) dục giới quá khứ, hiện tại và tương lai.

¹ Anippanna rūpa có nghĩa là sắc pháp không sở hữu bản chất nội tại.

² CMA, p. 240. ND: Ở đây, hai pháp biểu tri (thân biểu tri và ngữ biểu tri) được tính hai lần. Cho nên, thật ra chỉ là mười, chứ không phải mười hai.

Lộ Tâm Cảnh Rõ Kết Thúc Với Đồng Lực (Javana)

Lộ Tâm Kết Thúc Với Đồng Lực (Javana)

Lộ tâm kết thúc với đồng lực (javana) có hai dạng: lộ tâm cảnh rõ và lộ tâm cảnh mờ nhạt. Lộ tâm cảnh rõ lại được chia ra thành hai loại: sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể và sắc pháp không cụ thể. Lộ tâm với sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể trong hiện tại có bảy loại: với một, hai, ba, bốn, năm, sáu hay bảy hữu phần (bhavaṅga) vừa qua tùy thuộc vào cường độ của cảnh tại ý môn. Trong số những lộ tâm này, khi cảnh hiện tại (một trong mười tám sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể với cường độ rõ ràng) đi vào vùng nắm bắt của ý môn, sau một hữu phần (bhavaṅga) vừa qua, nó xuất hiện một cách rõ ràng tại ý môn. Rồi, tâm hữu phần (bhavaṅga) rung động hai lần và bị bắt giữ. Rồi, tâm hướng ý môn sanh lên và diệt đi, hướng về cùng đối tượng đến lộ tâm ý môn. Ngay sau đó, một trong 29 tâm đồng lực (javana citta) dục giới sanh lên trong bảy sát-na và rồi diệt đi. Rồi sáu tâm hữu phần (bhavaṅga citta) sanh lên và diệt đi, hoàn thành đời sống của đối tượng (tức là mười bảy sát-na tâm). Đối tượng diệt đi tại tiểu sát-na diệt của tâm hữu phần (bhavaṅga) thứ sáu và rồi có sự chìm vào dòng hữu phần (bhavaṅga).

Theo cách đó, chúng ta cũng phải hiểu về những lộ tâm khác mà trong đó số tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua tăng lên và số tâm hữu phần (bhavaṅga) ở phía cuối giảm đi một cách tương ứng. Đời sống của sắc pháp theo quy luật là mười bảy sát-na tâm. Do đó, mỗi lộ tâm có mười bảy sát-na tâm. Nếu đối tượng mờ nhạt đi vào vùng nắm bắt của ý môn, bảy lộ tâm khác nhau sẽ diễn

ra cùng theo cách này giống như đối với đối tượng rõ ràng.

Lộ Tâm Ý Môn Thứ Nhất

SB	000	"PB	VB	AB	MA	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Tâm Ý Môn Thứ Hai

SB	"PB	PB	VB	AB	MA	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	BC	BC	BC	BC	BC	BC"	SB	
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Tâm Ý Môn Thứ Ba

SB	"PB	PB	PB	PB	PB	PB	VB	AB	MA	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	BC	BC	BC	BC	BC"	SB	
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Tâm Ý Môn Thứ Tư

SB	"PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	MA	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	BC	BC	BC	BC"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Tâm Ý Môn Thứ Năm

SB	000	"PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	VB	AB	MA	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	BC	BC"	SB	
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Tâm Ý Môn Thứ Sáu

SB	"PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	VB	AB	MA	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC	BC"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Tâm Ý Môn Thứ Bảy

SB	"PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	PB	AB	MA	JC	JC	JC	JC	JC	JC	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Giải Thích

Khi các sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể¹ trong hiện tại sanh lên, thậm chí là một cảnh rõ rệt, tâm na cảnh sẽ không sanh lên nếu nó đang xảy ra trong cảnh giới của các Phạm thiên (Brahma). Có ba điều kiện cần thiết cho tâm na cảnh sanh lên: đồng lực (javana) dục giới, cảnh giới của chúng sanh dục giới và đối tượng dục giới. Tuy nhiên, trong một vài trường hợp, thậm chí khi lộ tâm diễn ra với cảnh rõ rệt trong cảnh giới của chúng sanh dục giới, nhưng tâm na cảnh vẫn không sanh lên. Do đó, mặc dầu ba điều kiện trên có đầy đủ, nhưng tâm na cảnh có thể sanh lên hoặc không sanh lên. Chánh sử của Bộ Phân Tích (Vibhaṅga)² có nói rằng: nếu trong lộ tâm diễn ra tại thời điểm từ, đối tượng là thú tướng hiện tại; và cũng có đồng lực (javana) dục giới, một chúng sanh và cảnh rất lớn; tâm na cảnh sẽ không sanh lên. Sau khi từ, tâm tục sinh kế liền và sáu tâm hữu phần (bhavaṅga citta) khác nữa bắt cảnh hiện tại đó. Như vậy, có đồng lực (javana) dục giới nhưng đối tượng thì không phải là cảnh rõ rệt và do đó, tâm na cảnh sẽ không sanh lên. Đối tượng có thể là rõ rệt hay rất lớn; nhưng nếu không có chúng sanh dục giới thì sẽ không có tâm na cảnh. Như vậy, trong tiến trình mà kết thúc với đồng lực (javana) này, hai loại lộ tâm xảy ra, một với cảnh rõ rệt và một với cảnh mờ nhạt.

Những sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể trong hiện tại có tuổi thọ kéo dài trong mười bảy sát-na tâm, tức là bao gồm những tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua cũng như những tâm hữu phần (bhavaṅga) ở phía đui. Do đó, tiến trình tâm thức có những sắc pháp được tạo

¹ Nippahanna rūpa có nghĩa là sắc pháp sở hữu bản chất nội tại.

² Smv. 391 (Nyā ṇavibhaṅga Aṭṭhakathā)

ra một cách cụ thể trong hiện tại làm cảnh và kết thúc với đồng lực (javana) thì gồm có bảy lộ tâm cho cảnh rõ rệt và cũng bảy lộ tâm cho cảnh mờ nhạt.

Nếu đối tượng chỉ có thể phát triển hoàn thiện đầy đủ sau một vài tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua thì đối tượng đó phải là cảnh mờ nhạt, như trong các lộ tâm ngũ môn. Tại sao cả hai lộ tâm cảnh rõ rệt và cảnh mờ nhạt đều có cùng số tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua? Nguyên nhân là vì: cường độ của cảnh không phụ thuộc vào những lộ tâm ý môn mà là phụ thuộc vào sức mạnh của tâm. Bao nhiêu tâm hữu phần (bhavaṅga) vừa qua sanh lên không quan trọng; nếu năng lực của tâm trí được tăng cường thì lộ tâm sẽ là lộ tâm rõ ràng. Ví dụ, chúng ta hãy lấy trường hợp hành giả bắt yếu tố đất trong hiện tại làm đề mục hành thiền. Tại giai đoạn khởi đầu của việc hành thiền, đối tượng xuất hiện là một cảnh mờ nhạt, với một vài hữu phần (bhavaṅga) vừa qua sanh lên. Tuy nhiên, ngay khi sự tập trung, tức là định, của hành giả phát triển thì sự tỉnh thức của hành giả cũng phát triển và đối tượng trở nên rõ ràng. Trong tình huống này, đối tượng xuất hiện sau một, hai hay ba hữu phần (bhavaṅga) vừa qua. Do đó, có một lượng bằng nhau về số tâm hữu phần (bhavaṅga) trong cả hai lộ tâm với cảnh rõ ràng và cảnh mờ nhạt.

Những Lộ Tâm Với Những Cảnh Khác

Khi một trong các đối tượng, chẳng hạn như tâm (citta), tâm sở (cetasika), sắc pháp, níp-bàn (nibbāna) hay một khái niệm (ngoại trừ các sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể trong hiện tại), đi vào vùng nắm bắt của ý môn một cách rõ ràng, dòng hữu phần (bhavaṅga)

rung động hai lần và bị bắt giữ. Rồi tâm hướng ý môn sanh lên và diệt đi hướng đến cùng đối tượng đó về lộ tâm ý môn. Ngay sau đó, một trong 29 tâm đồng lực (javana citta) sanh lên trong bảy sát-na tâm và rồi diệt đi. Cũng những đối tượng này, ngoại trừ níp-bàn (nibbāna), đi vào ý môn như là cánh mờ nhạt và cùng lộ tâm sanh lên giống như với cánh rõ ràng.

SB	"VB	AB	MA	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Giải Thích

Những đối tượng khác bao gồm tâm (citta) và tâm sở (cetasika) quá khứ, tương lai và hiện tại, các sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể trong quá khứ và tương lai và các sắc pháp được tạo ra một cách không cụ thể, níp-bàn (nibbāna) và các khái niệm. Khi một trong những đối tượng này đi vào vùng nắm bắt của ý môn, không có những hữu phần (bhavaṅga) vừa qua vì không cần thiết phải thẩm định chúng khi chúng sanh lên và diệt đi. Không có sự khác biệt giữa lộ tâm cảnh rõ rệt và lộ tâm cảnh mờ nhạt. Ở đây, bảy sát-na đồng lực (javana) là quy luật chung cho lộ tâm dục giới. Trong tài liệu *A Manual of Abhidhamma* có ghi nhận như sau: “Trong số các đồng lực (javana), trong lộ đồng lực (javana) dục giới, đồng lực (javana) sanh lên chỉ bảy hay sáu lần. Nhưng trong trường hợp của một lộ tâm yếu đuối, chẳng hạn như tại thời điểm tử, vân vân, chúng chỉ sanh lên năm lần. Đối với Đức Phật, tại thời điểm thể hiện ‘Song

Thông Lực' và tương tự, khi tiến trình xảy ra cực nhanh, chỉ có bốn hay năm tâm phản khán xảy ra."¹

Lộ tâm phản khán các chi thiên được bao gồm trong phần những lộ tâm với những cảnh khác. Thêm nữa, các lộ tâm cảnh rõ ràng hay mờ nhạt, có hoặc không có hữu phần (bhavaṅga) khách, cũng đều được tìm thấy trong (loại) tiến trình này. Xin hãy xem quy luật của tâm na cảnh² để có được sự giải thích chi tiết về đối tượng và các đồng lực của những lộ tâm này, mà có liên hệ đến thọ ưu.

Lộ Tâm Trong Chiêm Bao

Khi một trong những cảnh mờ nhạt sanh lên trong chiêm bao, chúng ta dường như là thật sự đang thấy hay đang nghe, vân vân. Tâm hữu phần (bhavaṅga) rung động hai lần và bị bắt giữ. Rồi, tâm hướng ý môn sanh lên trong hai hay ba sát-na và ngay sau đó là sự chìm vào lại dòng hữu phần (bhavaṅga).

SB	"VB	AB	MA	MA	MA"	SB
ooo	ooo	ooo	ooo	ooo	ooo	ooo

Giải Thích Lộ Tâm Chiêm Bao

Trong khi ngủ, không có lộ tâm nào sanh lên, chỉ có tâm hữu phần (bhavaṅga); những tâm (citta) hữu phần sanh lên và diệt đi từng sát-na một. Nếu gió hay những thứ khác quấy nhiễu giấc ngủ thì những đối tượng hay cảnh mới có thể sanh lên trong khi đang mơ. Trong

¹ CMA 175

² CMA 171

suốt thời gian đang mơ, một người có thể di chuyển tay chân hay có thể nói một cái gì đó. Những hoạt động này có thể xảy ra một cách tự nhiên, với thân biểu tri hay ngữ biểu tri¹. Những đồng lực (javana) dục giới và thần thông (abhiññā) được cho là những nguyên nhân duy nhất tạo ra các sắc biểu tri. Cho nên, lộ tâm kết thúc với na cảnh và đồng lực (javana) có thể xảy ra trong suốt thời gian chiêm bao. Tuy nhiên, không có đồng lực (javana) xảy ra trong lộ tâm trên; thay vào đó, chỉ có những tâm vô ký có thể sanh lên mà đã được giải thích ở trước. Theo phụ số giải của Bộ Phân Tích (Vibhaṅga)², hai hay ba tâm (citta) hướng ý môn sẽ sanh lên. Tuy nhiên, ngài Ācariya Ānanda, tức là chính vị viết phụ số giải này, lại không xem trọng, tức là không thừa nhận lộ tâm này trong những giấc mơ.

Những Lộ Ý Môn Thuần Túy

Tính theo những lộ tâm ở trên, có năm lộ tâm cảnh rõ rệt diễn ra với những sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể trong hiện tại làm cảnh và kết thúc với na cảnh. Có một lộ tâm cảnh rõ rệt diễn ra với những sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể trong quá khứ và tương lai, hay tâm (citta) và tâm sở (cetasika) quá khứ, hiện tại và vị lai làm cảnh và kết thúc với na cảnh. Có bảy lộ tâm cảnh rõ rệt và bảy lộ tâm cảnh mờ nhạt diễn ra với các sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể trong hiện tại làm cảnh và kết thúc với đồng lực (javana). Có một lộ tâm cảnh rõ rệt và một lộ tâm cảnh mờ nhạt diễn ra với đối tượng khác hơn là những đối tượng ở trên, và có một lộ tâm vô ký (chiêm bao). Như vậy, có tất cả 23 lộ tâm.

¹ Kāyaviññattirūpa và Vacīviññattirūpa

² VhT. (Mulatika-Nyāṇavibhaṅga)*****

Các Tâm (Citta), Đối Tượng Và Cảnh Giới

Có ba chế độ tâm thức hay có ba loại tâm (citta) tham dự trong những lộ tâm ý môn: hướng ý môn, đồng lực (javana) và na cảnh. Có 41 tâm trong số 54 tâm dục giới. Những tâm này có được là do loại trừ ngũ song thức (10), một tâm hướng ngũ môn, hai tâm tiếp thân (hay nếu tính theo một cách khác thì 41 tâm là bao gồm một hướng ý môn, 29 đồng lực (javana) dục giới và mười một na cảnh). Do đó, có tất cả là 41 tâm¹.

Trong lộ tâm cảnh rõ rệt kết thúc với na cảnh, tất cả các tâm (citta), ngoại trừ những tâm hữu phần (bhavaṅga citta), bắt những sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể trong hiện tại làm cảnh, và cũng bắt tâm (citta) và tâm sở (cetasika) dục giới hiện tại, quá khứ và tương lai cũng như những sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể trong quá khứ và tương lai làm cảnh. Tương tự, các tâm (citta) và tâm sở (cetasika) dục giới quá khứ và tương lai bắt các sắc pháp cụ thể quá khứ và tương lai tương ứng làm đối tượng của chúng; như thường lệ, các tâm hữu phần (bhavaṅga citta) sanh lên với đối tượng là nghiệp (kamma), nghiệp tướng hoặc thú tướng.

Trong những lộ tâm kết thúc với đồng lực (javana), cả hai loại lộ tâm cảnh rõ rệt và lộ tâm cảnh mờ nhạt đều có cùng những loại đối tượng, như là: tâm (citta), tâm sở (cetasika), sắc pháp và khái niệm. Tuy nhiên, nếu đối tượng là sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể trong hiện tại thì có hữu phần (bhavaṅga) vừa qua sanh lên, nếu không phải thì không có hữu phần (bhavaṅga) vừa qua diễn ra. Chỉ có lộ tâm cảnh rõ rệt mới có thể bắt Níp-bàn (Nibbāna) làm cảnh.

¹ 1+29+11=41

Lộ tâm cảnh rõ rệt kết thúc với na cảnh chỉ được tìm thấy trong dục giới. Lộ tâm cảnh rõ rệt và lộ tâm cảnh mờ nhạt kết thúc với đồng lực (javana) có thể được tìm thấy trong 30 cõi, tức là loại trừ cõi vô tưởng. Tính theo loại người thì tất cả các lộ tâm có thể sanh lên trong bốn hạng phàm nhân và bốn bậc Thánh (Nhập Lưu, Nhất Lai, Bất Lai và A-la-hán (Arahant)). Lộ tâm chiêm bao, tức là lộ tâm vô ký, có thể được tìm thấy trong cõi nhân loại trong phàm nhân, bậc Thánh Nhập Lưu và Nhất Lai. Các bậc Thánh Bất Lai, A-la-hán (Arahant) và những loại chúng sanh khác trong những cõi cao hơn không có chiêm bao, tức là không có giấc mơ.

ĐỐI TƯỢNG CỦA LỘ TÂM Ý MÔN

Các giáo thọ sư Thăng Pháp (Abhidhamma) tại Miến Điện đã có soạn ra nhiều công thức khác nhau miêu tả các lộ tâm, dựa trên tài liệu *A Manual of Abhidhamma* và những chánh số và phụ số khác. Trong trường hợp lộ tâm ý môn, các ngài thường nhắc đến tất cả sáu cảnh dục. Những đối tượng này có thể là quá khứ, hiện tại, vị lai hay ngoại thời và có thể xuất hiện tại ý môn cho tất cả các lộ tâm mà không có sự khác biệt nào. Sáu loại cảnh dục bao gồm: cảnh sắc, âm thanh, khí mùi, vị chất, cảnh xúc và các đối tượng tinh thần (ND: cảnh pháp). Các đối tượng tinh thần (cảnh pháp) lại có sáu loại: sắc thần kinh, sắc tế, tâm (citta), các tâm sở (cetasika), Níp-bàn (Nibbāna) và các khái niệm. Trong tài liệu này, sáu loại đối tượng ấy được chia nhỏ đến mức có thể được cho nhiều lộ tâm khác nhau. Ví dụ, các sự chia chẻ được trình bày ở đây như là: các sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể trong hiện tại, các sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể trong quá khứ và tương lai, tâm

(citta) quá khứ, hiện tại và tương lai, các tâm sở (cetasika), Níp-bàn (Nibbāna) và khái niệm, vân vân.

Ngài Leḍi Sayādaw trong cuốn Paramatthadīpanī¹ có nói rằng có bốn cách biểu hiện của đối tượng trong lộ tâm ý môn, giống như trong lộ ngũ môn. Bốn cách biểu hiện là: (i) lộ tâm cảnh rất rõ (ati-vibhūta), (ii) lộ tâm cảnh rõ (vibhūta), (iii) lộ tâm cảnh mờ nhạt (avibhūta) và (iv) lộ tâm cảnh rất mờ nhạt (ati-avibhūta). Trong số những lộ tâm này, lộ tâm kết thúc với na cảnh được biết đến là lộ tâm cảnh rất rõ rệt; lộ tâm kết thúc với đồng lực (javana) được biết đến là lộ tâm cảnh rõ; lộ tâm kết thúc với hướng ý môn được biết đến là lộ tâm cảnh mờ nhạt. Lộ tâm có cảnh dục rất mờ nhạt chỉ làm cho dòng hữu phần rung động hai lần mà không bị bắt giữ, cho nên không có tâm (ND: năng động) nào xảy ra và đối tượng không được biết đến và do đó, nó được gọi là lộ tâm cảnh rất mờ nhạt hay lộ tâm thiếu vắng các tâm (citta)² (ND: tâm năng động).

Hầu hết các giáo thọ sư Thắng Pháp (Abhidhamma)³ đều có một giả thuyết dựa vào đoạn văn sau trong *A Manual of Abhidhamma*: “khi một đối tượng rõ rệt đi vào vùng nắm bắt của ý môn, vân vân.” Các ngài nói rằng: “Nếu lộ tâm là cảnh rõ thì phải có na cảnh. Nếu đối tượng của lộ tâm là đáo đại, tâm hay tâm sở siêu thế, Níp-bàn (Nibbāna) hay khái niệm thì sẽ không có na cảnh vì chúng không phải là pháp dục giới; và nếu không có na cảnh, nó phải là lộ tâm cảnh mờ nhạt.”

¹ PD 165

² Xem CMA Ch. IV để có thêm chi tiết

³ Yadi vibhūta-marammaṇaṃ āpāta māgacchati. (CMA 163)

Theo giả thuyết này, không có lộ tâm cảnh rõ rệt nào sẽ sanh lên trong những Phạm thiên bởi vì không có na cảnh. Vì trạng thái tinh thần của Phạm thiên rất là trong sáng và rõ ràng, cho nên vấn đề sau có thể được đặt ra: Tại sao các lộ tâm cảnh rõ rệt lại không sanh lên trong họ? Trong thực tế, những lộ tâm cảnh rõ rệt sẽ sanh lên trong họ, nhiều hơn cả trong những chúng sanh trong dục giới. Và cũng khó để hiểu được tại sao Níp-bàn (Nibbāna) lại được bao gồm trong lộ tâm cảnh mờ nhạt. Trong thực tế, những tâm đồng lực (javana citta) dục giới mà có khả năng bắt Níp-bàn (Nibbāna) làm cảnh là những tâm (citta) rất có năng lực trong lộ tâm phản khán xem lại sự chứng đắc đạo quả. Sự thấu ngộ Níp-bàn (Nibbāna) bởi những tâm này thì không mờ nhạt chút nào. Tuy nhiên, sau sự chứng đắc trí tuệ đạo và quả, hành giả ôn lại hay quan sát lại với tâm trí rất trong sáng và mạnh mẽ. Trước lộ tâm đạo và quả, Níp-bàn (Nibbāna) không thể được bắt làm cảnh. Cho nên, Níp-bàn (Nibbāna) chắc chắn phải là lộ tâm cảnh rõ rệt¹.

Khá thú vị khi tìm hiểu xem tại sao các đối tượng như các tâm (citta) và các tâm sở (cetasika) đáo đại và siêu thế, Níp-bàn (Nibbāna) và các khái niệm lại được bao gồm trong những đối tượng của lộ tâm cảnh mờ nhạt². Chúng ta hãy xem xét trường hợp phản khán các chi thiền sau khi chứng đắc một tầng thiền (jhāna). Chúng ta cũng hãy xem xét trường hợp phản khán các chi đạo và quả sau khi chứng đắc đạo và quả. Khi hành giả thực hành thiền trên đề mục hoàn tịnh (kasiṇa) về yếu tố đất, ngay trước lúc có sự phát triển hoàn thiện và thời điểm những đồng lực (javana) dục giới sanh lên, thì những đối tượng này không thể là cảnh mờ nhạt, chúng

¹ Vibhūta rammaṇa

² Avibhūta rammaṇa

phải là những cảnh rất rõ rệt. Như vậy, chúng ta phải hiểu rằng Níp-bàn (Nibbāna) thì luôn luôn là một cảnh rõ rệt, trong khi những tâm (citta), những tâm sở (cetasika), các sắc pháp và những khái niệm khác có thể là những cảnh rõ rệt hay mờ nhạt.

Lộ Tâm Nối Đuôi (Tadanuvattika-manodvāra Vīthi)

Lộ tâm nối đuôi cũng có năm loại: lộ tâm theo sau lộ nhãn môn, theo sau lộ nhĩ môn, theo sau lộ tỷ môn, theo sau lộ thiệt môn, theo sau lộ thân môn. Lộ tâm theo sau lộ nhãn môn có bốn loại: (i) lộ tâm bắt cảnh quá khứ mà đã được nhận thức trong lộ nhãn môn (atītaggahaṇa vīthi); (ii) lộ tâm phân định ra được đối tượng như là một tổng thể (samūhaggahaṇa vīthi); (iii) lộ tâm phân định ra được hình dáng của đối tượng (atthaggahaṇa vīthi) và (iv) lộ tâm phân định ra được tên gọi của đối tượng (nāmaggahaṇa vīthi). Trong những lộ tâm này, lộ tâm bắt cảnh quá khứ, mà đã được nhận thức trong lộ nhãn môn, diễn ra như sau:

“Tại điểm kết thúc của lộ nhãn môn, các tâm hữu phần (bhavaṅga citta) sanh lên như được cần thiết, đối tượng của lộ tâm nhãn môn xuất hiện lại tại ý môn làm cảnh quá khứ, dòng tâm hữu phần (bhavaṅga) rung động hai lần và bị bắt giữ. Rồi tâm (citta) hướng ý môn sanh lên, đồng lực (javana) sanh lên bảy lần (nếu đối tượng là cảnh rõ rệt thì tâm na cảnh sanh lên hai lần, nhưng nếu nó là cảnh mờ nhạt thì tâm na cảnh không sanh lên) và rồi lộ tâm chìm vào dòng hữu phần (bhavaṅga).”

Sau đó, các lộ tâm khác còn lại diễn ra theo thứ tự như sau: lộ tâm phân định ra các phần của đối tượng như là một tổng thể, lộ tâm phân định ra hình dạng mà cảnh sắc biểu hiện và lộ tâm phân định ra tên gọi chung hay tên gọi tổng quát của đối tượng. Những lộ tâm nối đuôi theo sau lộ tâm tỷ môn, lộ tâm thiết môn và lộ tâm thân môn cũng sanh lên theo thứ tự này. Tuy nhiên, các lộ tâm nối đuôi theo sau lộ tâm nhĩ môn thì xảy ra theo thứ tự hơi khác một chút: lộ tâm phân định ra các phần của âm thanh như là một tổng thể, lộ tâm phân định ra tên gọi của âm thanh đó và rồi là lộ tâm phân định ra hình dạng (được diễn đạt bởi) âm thanh đó.

Giải Thích Về Bốn Loại Lộ Tâm Nối Đuôi

(i) Lộ tâm bắt cảnh quá khứ được gọi là *aṭṭaggahaṇa vīthi*¹. Ví dụ, tại điểm kết thúc của lộ tâm nhãn môn, những tâm hữu phần (*bhavaṅga citta*) chen vào trong một vài sát-na và rồi lộ tâm ý môn nối đuôi đi theo sau bắt cảnh quá khứ của lộ nhãn môn đó, tức là cảnh mà tại lúc này đã diệt rồi. Đối tượng của lộ tâm ý môn này có thể là rõ rệt hay mờ nhạt.

Ví dụ, khi một người nhìn thấy một người đàn ông với chỉ bằng một lộ tâm nhãn môn (và lộ tâm ý môn nối đuôi với cảnh quá khứ thì chưa thấy người đàn ông), nếu người này thấy cái đầu trước chẳng hạn thì người này trước hết sẽ bắt một phần nhỏ của cái đầu làm cảnh sắc. Rồi, bằng cách di chuyển qua những phần khác của cái đầu, cái chuỗi gồm những lộ tâm nhãn môn và tất cả bốn lộ tâm ý môn nối đuôi sanh lên tùy thuộc vào kích cỡ của cái đầu. Rồi lộ tâm nhãn môn lại sanh lên bắt tất cả các

¹ *Aṭṭa* = cảnh quá khứ, *gahaṇa* = bắt, *vīthi* = tiến trình

phần của cảnh sắc làm cảnh tổng thể và tất cả bốn lộ tâm ý môn diễn ra.

(ii) Lộ tâm đang diễn ra với cảnh sắc tổng thể quá khứ, tức là một cảnh dục giới; để rồi nếu nó là cảnh rõ rệt thì tâm na cảnh sẽ sanh lên. Ở đây, “cảnh sắc tổng thể” không phải là một khái niệm mà là một pháp chân đế. Điều này là do cảnh sắc này có đặc tính vật chất; không có điều này thì nó không phải là đối tượng tổng thể. Điều này có nghĩa là thấy mỗi cảnh sắc như là một tổng thể (samūhaggahaṇa vīthi)¹.

(iii) Lộ tâm với cảnh tổng thể diễn ra nhiều lần, được ngắt quãng bởi những tâm hữu phần (bhavaṅga). Rồi lộ tâm ý môn nối đuôi diễn ra nhiều lần, phân định ra hình dáng của cái đầu mà làm nền cho cảnh sắc. Ở đây, đối tượng hình dáng của cái đầu này là một khái niệm. Cho nên, không có na cảnh cho cả lộ tâm cảnh rõ hay cảnh mờ nhạt, và thay vào đó thì những lộ ý môn này kết thúc với đồng lực (javana) (atthagahaṇa vīthi)².

(iv) Rồi những lộ tâm ý môn nối đuôi diễn ra nhiều lần bắt cái tên gọi chung của đối tượng là “cái đầu”. “Tên gọi” của đối tượng là một khái niệm, cho nên sẽ không có na cảnh cho cả đối tượng rõ rệt hay đối tượng mờ nhạt (nāmagahaṇa vīthi)³.

Như vậy, để nhận thức ra được cái đầu, tâm thức diễn ra nhiều lộ trình cho đến khi lộ tâm ý môn nối đuôi phân định ra được tên gọi. Rồi cũng theo cách đó, nhiều lộ tâm diễn ra cho mỗi bộ phận của cơ thể như cổ, vai,

¹ Samūha = cảnh tổng thể, gahaṇa = bắt

² Attha = hình dạng, gahaṇa = bắt

³ Nāma = tên của đối tượng, gahaṇa = bắt

ngực, vân vân. Sau khi hoàn thành tất cả những bộ phận của cơ thể, toàn bộ cơ thể sẽ được bắt lấy làm thành một đối tượng. Rồi lộ tâm nhãn môn và các lộ tâm nối đuôi lại diễn ra cho đến lộ tâm mà phân định ra tên gọi của đối tượng; cuối cùng, người đó biết rõ ràng rằng đây là một người đàn ông. Số lộ tâm cần thiết để biết đối tượng thì phụ thuộc vào kích cỡ và bản chất của đối tượng và phụ thuộc vào việc đối tượng đó là rõ rệt hay mờ nhạt. Nếu người đó biết tên gọi phổ biến hay thông thường thì, sau lộ tâm mà biết rõ hình dáng của đối tượng, lộ tâm biết rõ tên gọi của đối tượng sẽ diễn ra. Nếu tên gọi phổ biến hay thông thường không được biết đến thì lộ tâm biết rõ tên gọi của đối tượng sẽ không đi theo sau. Đối với những ai mà không biết trước tên gọi phổ biến hay thông thường thì sẽ không có lộ tâm mà có thể phân định được tên gọi của đối tượng.

Một vài giáo thọ sư cổ xưa của Thắng Pháp (Abhidhamma) lại thích nói như thế này hơn: những lộ tâm mà biết rõ hình dáng của đối tượng và tên gọi của đối tượng là những lộ tâm ý môn thuần túy, chứ không phải là những lộ tâm ý môn nối đuôi. Các ngài nói như vậy vì những lộ tâm này không bắt cảnh quá khứ của những lộ ngũ môn, mà thay vào đó, chúng diễn ra với hình dáng hay tên gọi của cảnh sắc, vân vân, làm cảnh. Cho nên, các ngài nói rằng, những lộ tâm này không thể được gọi là những lộ tâm ý môn nối đuôi. Mặc dầu những đối tượng là khác, nhưng chúng vẫn là một chuỗi của những lộ tâm ngũ môn. Do đó, tất cả các lộ tâm được nối với những lộ tâm ngũ môn thì được bao gồm ở đây vào trong những lộ tâm ý môn nối đuôi. Tuy nhiên, chúng ta không thể nói là sau những lộ tâm ngũ môn, phải có những lộ tâm nối đuôi. Những lộ tâm này không phải luôn luôn diễn ra sau những lộ tâm ngũ môn. Ở những lúc nào đó, chúng có thể không luôn luôn sanh

lên và thay vào đó, tại điểm kết thúc của lộ tâm mà diễn ra với cảnh quá khứ của những lộ tâm ngũ môn, có thể có sự chìm vào dòng hữu phần (bhavaṅga) mà không có những lộ tâm nào khác thêm sanh lên.

Bây giờ, chúng ta hãy xem xét những lộ tâm ý môn nối đuôi đi theo sau những lộ tử môn, lộ thiết môn và lộ thân môn. Đối với cảnh khí hay cảnh mùi, những lộ tâm phân định ra cảnh khí diễn ra từng lộ một và bắt toàn bộ khí mùi đó làm đối tượng. Lộ tâm phân định ra nền tảng hay nguồn phát sanh của khí mùi thì bắt chất liệu hay dạng chất mùi đó làm cảnh. Tiến trình phân định ra tên gọi của đối tượng, ví dụ như đầu thơm hay mùi của bông hoa, vân vân, bắt nó làm đối tượng và diễn ra trong nhiều lộ tâm với những tâm hữu phần (bhavaṅga) chen vào giữa, cho đến khi người đó biết được khí mùi đó một cách hoàn toàn.

Trong trường hợp của cảnh vị, các lộ tâm phân định ra tất cả các phần hay các loại của vị chất xảy ra từng lộ một, hay toàn bộ vị chất được bắt làm cảnh. Với lộ tâm xác định nền tảng hay nguồn phát sanh của vị chất thì chất liệu được bắt làm cảnh. Tiến trình phân định ra tên gọi của đối tượng diễn ra trong nhiều lộ tâm với những tâm hữu phần (bhavaṅga citta) chen vào giữa, cho đến khi người đó biết được vị chất đó một cách hoàn toàn.

Trong trường hợp của cảnh xúc, các lộ tâm phân định ra tất cả các phần hay các loại của đối tượng được/bị đụng chạm xảy ra từng lộ một, hay là toàn bộ cảm giác đụng chạm được bắt làm cảnh. Một lộ tâm xảy ra bắt nền tảng hay nguồn xuất phát của hình dạng của đối tượng đó làm cảnh. Tiến trình phân định ra tên gọi của đối tượng diễn ra trong nhiều lộ tâm với những tâm

hữu phần (bhavaṅga citta) chen vào giữa, cho đến khi người đó biết được cảnh xúc đó một cách trọn vẹn hay hoàn toàn.

Bây giờ, chúng ta hãy xem xét những lộ tâm ý môn nối đuôi theo sau lộ tâm nhĩ môn. Khi một người nghe từ “cow” (con bò), âm thanh của từ đó được bắt làm cảnh hiện tại. Một lộ tâm nhĩ môn diễn ra, một vài sát-na tâm hữu phần (bhavaṅga) xen vào và rồi lộ tâm ý môn nối đuôi diễn ra bắt cái đã được nghe (tức là từ “cow”) làm cảnh. Chúng ta nên lưu ý rằng, hai lộ tâm này sanh lên nhiều lần, tùy thuộc vào thời lượng của âm thanh đã được nghe. Theo Thắng Pháp (Abhidhamma), trong vòng một khoảnh khắc¹, một trăm ngàn Crore tâm sanh lên và diệt đi (một Crore thì bằng mười triệu). Do đó, rất nhiều lộ tâm diễn ra bắt âm thanh của mỗi âm tiết làm cảnh hiện tại. Những lộ tâm nối đuôi của chúng diễn ra với âm thanh quá khứ của mỗi âm tiết (làm cảnh). Giữa những lộ tâm này, nhiều tâm hữu phần (bhavaṅga citta) chen vào giữa cũng sanh lên và diệt đi. Sau khi những lộ tâm này diễn ra được kết hợp với từng âm tiết của từ được nghe thì một lộ tâm theo sau bắt toàn bộ âm thanh làm đối tượng. Tuy nhiên, nếu âm thanh là ngắn và chỉ có một âm tiết thì sẽ không có lộ tâm nào diễn ra bắt toàn bộ âm thanh. Rồi nhiều lộ tâm diễn ra với những tâm hữu phần (bhavaṅga citta) xen kẽ để hiểu rõ tên gọi của âm thanh. Trong thực tế, trong suốt những tiến trình này, khi mà bắt âm thanh quá khứ làm cảnh, tâm trí thật ra không “biết” âm thanh đó, tất cả những gì diễn ra chỉ là “nghe”. Người đó chỉ biết âm thanh đó khi một lộ tâm khác diễn ra phân định tên gọi của âm thanh đó. Theo sau lộ tâm phân định tên gọi của âm thanh, nhiều lộ tâm nữa có thể diễn ra. Những lộ tâm này có thể bắt ý nghĩa

¹ ND: Từ tiếng Anh được dùng là “one moment”.

của âm thanh làm cảnh, hay hình dáng của vật thể được chỉ định đến hay được đề cập đến (trong ví dụ của chúng ta là một con bò (cow)). (Các bạn hãy lưu ý rằng trong trường hợp của nhĩ môn, lộ tâm ghi nhận tên gọi diễn ra trước và được theo sau bởi lộ tâm phân định ý nghĩa, hình dáng).

Saddaṃ pathama cittaena, atītaṃ dutiya cetasā;

Nāmaṃ tatiya cittaena, atthaṃ catuttha cetasā.¹

(Âm thanh được biết bởi lộ nhĩ môn đầu tiên, cảnh quá khứ (âm thanh) được biết bởi lộ ý môn thứ hai, tên gọi của đối tượng (con bò (cow)) được biết bởi lộ ý môn thứ ba và ý nghĩa của đối tượng được biết bởi lộ ý môn thứ tư.)

Tuy nhiên, điều nên được hiểu là lộ tâm phân định tên gọi của âm thanh và lộ tâm theo sau đó, tức là lộ tâm phân định ý nghĩa của âm thanh, có thể sanh lên hoặc không sanh lên. Điều này phụ thuộc vào người đã nghe âm thanh đó. Ví dụ, nếu một người đã biết từ trước ý nghĩa của một âm thanh thì ngay khi nghe âm thanh đó, ông ta có thể nhớ được ý nghĩa. Tuy nhiên, nếu ông ta chưa biết nó từ trước thì không thể có sự nhớ lại ý nghĩa của âm thanh và do đó, lộ tâm bắt ý nghĩa của âm thanh làm cảnh sẽ không diễn ra. Nếu một người nghe tiếng ngoại quốc hay một âm thanh không quen biết thì sẽ không có lộ tâm sanh lên với cảnh là ý nghĩa của điều đã được nghe. Có hai điều kiện trợ giúp cho sự sanh lên của lộ tâm hiểu rõ ý nghĩa của âm thanh: sự nghe hay lộ tâm nhĩ môn, và sự nhận ra hay việc có ký ức về âm thanh đó.

¹ Saddatthabhedacint, Câu kệ số 11

Một vài giáo thọ sư Thăng Pháp (Abhidhamma) đề nghị rằng có ba lộ tâm diễn ra giữa lộ tâm phân định tên gọi của âm thanh và lộ tâm phân định ý nghĩa của âm thanh. Như vậy, một người giữ cái ký ức “âm thanh này có nghĩa là thứ như thế này như thế kia” như là một dấu ấn về ý nghĩa theo như những trải nghiệm trước đây của người đó. Một lộ tâm ý môn nối đuôi (sanketaggahaṇa vīthi) sanh lên bắt lấy dấu hiện được nhận ra như vậy làm cảnh. Một lộ tâm diễn ra với sự kết nối giữa dấu hiệu được nhận ra và âm thanh (sambandhaggahaṇa vīthi). Đi theo sau sự quyết định này, một lộ tâm diễn ra bắt “âm thanh này có nghĩa là cái mà một người đã nhận ra là hình dáng của...” làm đối tượng (vinicchayaggahaṇa vīthi). Cũng theo cách này, có ba lộ tâm diễn ra giữa lộ tâm phân định tên gọi của cảnh sắc và lộ tâm phân định ý nghĩa của đối tượng trong lộ nhãn môn.

Về những lộ tâm ý môn nối đuôi, ngài Ledi Sayadaw, trong tài liệu Paramatthadīpanī, giải thích rằng sự nhìn nhận đối tượng một cách minh bạch đã xảy ra chính trong những lộ tâm nối đuôi này. Sự nhìn nhận như vậy không xảy ra trong lộ tâm ngũ môn thuần túy. Chúng ta hãy lấy lộ tâm nhãn môn làm ví dụ. Tại đây, lộ tâm nhãn môn thuần túy được đi theo sau trước tiên bởi lộ ý môn định hình (tadanuvattika manodvāravīthi), tức là lộ tâm mà tạo ra lại tại ý môn đối tượng vừa mới nhận thức được trong lộ ngũ môn. Rồi là lộ tâm phân định ra đối tượng là một tổng thể (samudayagāhikā). Rồi một lộ tâm diễn ra nhận ra màu sắc (vaṇṇasallakkhaṇā). Lộ tâm này được đi theo sau bởi một lộ tâm phân định ra được vật thể (vatthugāhikā). Rồi một lộ tâm xây ra nhận ra vật thể (vatthusallakkhaṇa) và được theo sau bởi một lộ tâm phân định ra được tên gọi (nāmagāhikā). Sau đó, một lộ tâm diễn ra nhận ra tên gọi (nāmasallakkhaṇa).

Theo ngài Ledi Sayadaw¹, lộ tâm phân định ra được đối tượng là một tổng thể là một lộ tâm ý môn. Lộ tâm này nhận thức được cái tổng quát từ những hình thể trong những khung hình cá nhân được tiếp nhận lập đi lập lại bởi hai lộ tâm đi trước (tức là lộ tâm ngũ môn ban đầu và lộ tâm ý môn định hình). Lộ tâm này thực hiện chức năng tổng hợp, liên kết lại những sự nhận thức từ những “góc nhìn” riêng biệt về đối tượng thành sự nhận thức về một khối tổng thể, như trong trường hợp của một cây đuốc lửa quay vòng vòng thành một vòng tròn lửa. Chỉ khi điều này đã xảy ra thì sự nhận ra màu sắc mới có thể được thực hiện. Khi sự nhận định về màu sắc xảy ra, người đó sẽ nhận ra được màu sắc như: “Tôi thấy màu xanh”. Khi sự nhận định về thực thể xảy ra, hành giả sẽ nhận ra được thực thể đó hay hình dáng đó. Khi sự nhận định về tên gọi xảy ra, người đó sẽ nhận ra được tên gọi. Do đó, ngài Ledi Sayadaw² xác nhận rằng chỉ khi nào lộ tâm nhận định xảy ra nhằm vào một đặc điểm cụ thể này hay một đặc điểm cụ thể khác thì một người mới biết: “Tôi thấy đặc điểm này hay tôi thấy đặc điểm kia.”

Lộ Tâm Thấu Hiểu Pháp Biểu Tri (Viññattiggaḥaṇa Vīthi)

Biểu tri là phương thức mà thông qua đó một người truyền đạt ý tưởng, cảm giác và thái độ của mình, tức là thông qua những chuyển động của thân xác và những sự diễn đạt bằng ngôn ngữ. Cả hai đều có chức năng biểu hiện dự định hay chủ ý. Khi một người nhìn thấy thân biểu tri, lộ tâm nhãn môn diễn ra, và rồi trong quá trình

¹ PD 164

² PD 164

hiểu ý nghĩa của sự biểu tri, những lộ tâm ý môn nổi đuôi diễn ra.

Chúng ta hãy lấy ví dụ việc thể hiện bàn tay với chủ ý vẫy gọi thân mật hoặc với chủ ý đưa nắm đấm giận dữ. Trước hết, lộ tâm nhãn môn diễn ra bắt cảnh sắc của bàn tay làm đối tượng. Tiếp theo, lộ tâm ý môn nổi đuôi diễn ra ghi nhận cảnh quá khứ. Sau lộ tâm này, một lộ tâm ý môn sanh lên phân định chức năng của bàn tay, bắt thân biểu tri làm đối tượng của nó. Sau cùng, lộ tâm ý môn diễn ra thấu hiểu ý nghĩa của sự biểu tri đó, tức là nó là cử chỉ thân thiện hay là cử chỉ hung bạo.

Đối với sự diễn đạt bằng ngôn ngữ, chúng ta hãy lấy ví dụ như nghe âm thanh “đến (đây)”¹. Trước hết, lộ tâm nhãn môn diễn ra với cảnh thính hiện tại. Tiếp theo, một lộ tâm ý môn nổi đuôi diễn ra với cảnh thính quá khứ. Sau đó, một lộ tâm ý môn khác xảy ra phân định sự biểu tri của âm thanh đó. Cuối cùng, lộ tâm ý môn diễn ra thấu hiểu ý nghĩa của âm thanh làm đối tượng của nó.

Giải Thích Về Lộ Tâm Thấu Hiểu Pháp Biểu Tri (Viññattiggahaṇa Vīthi)²

Trong sự biểu tri, có lộ tâm thấu hiểu. Tuy nhiên, việc này không nhắc đến những tiến trình phân định cái biểu tri tổng thể hay là tiến trình phân định cái thực thể hay hình tướng của đối tượng. Như vậy, bằng việc thấy chỉ một phần nhỏ của bàn tay, một người không thể hiểu được toàn bộ sự biểu tri và ý nghĩa trọn vẹn. Phải có nhiều lộ tâm nhãn môn bắt tất cả những bộ phận của bàn tay làm cảnh. Cũng phải có nhiều lộ tâm ý môn nổi

¹ ND: Từ tiếng Anh là “come”.

² ND: Trong bản tiếng Anh ghi là Viññattigahāna Vīthi.

đuôi bắt cảnh quá khứ của mỗi một lộ tâm nhãn môn đi trước mà đã phân định sự biểu tri. Rồi, lộ tâm ý môn diễn ra phân định toàn bộ cái biểu tri tổng thể. Sau đó, lộ tâm ý môn lại diễn ra phân định chức năng của bàn tay đó. Rồi một lần nữa, lộ tâm ý môn diễn ra, nhưng lần này hiểu biết rõ ý nghĩa của sự biểu tri.

Trong lộ nhĩ môn, nếu âm thanh là ngăn hay chỉ có một âm tiết thì sẽ không có lộ tâm diễn ra với toàn bộ âm thanh (làm cảnh). Tùy thuộc vào số âm tiết, sẽ có nhiều lộ tâm nhĩ môn, được theo sau bởi những lộ tâm ý môn nối đuôi diễn ra với âm thanh quá khứ của mỗi lộ tâm nhĩ môn. Chúng ta hãy quay lại ví dụ khi chúng ta nghe từ “đến (đây)”. Lộ ý môn diễn ra phân định tên gọi hay âm thanh của từ “đến (đây)”¹. Rồi, một lộ tâm diễn ra phân định chức năng của sự biểu tri của người đã nói từ “đến (đây)”. Sau đó, lộ tâm ý môn diễn ra hiểu biết rõ ý nghĩa của âm thanh đó. Đây là những lộ tâm chung chung và thường thấy. Tuy nhiên, một vài giáo thọ sư Thắng Pháp cho rằng còn có thêm ba lộ tâm nữa diễn ra với ấn tượng hay hình ảnh của ý nghĩa dựa vào sự trải nghiệm từ trước. Lộ tâm ý môn nối đuôi diễn ra bắt ấn tượng được nhận ra làm đối tượng. Lộ tâm này có tên gọi trong Pāli là “sanketaggahaṇa vīthi”. Rồi, lộ tâm ý môn diễn ra với sự kết nối giữa ấn tượng được nhận ra và âm thanh. Lộ tâm này có tên gọi trong Pāli là “sambandhaggahaṇa vīthi”. Lộ tâm này được theo sau bởi lộ tâm ý môn quyết định, tức là lộ tâm bắt đối tượng là “âm thanh được xác định mà người đó đã nhận ra từ trước”. Lộ tâm này có tên gọi trong Pāli là “vinicchayaggahaṇa vīthi”.

¹ Nghe từ “đến (đây)” chỉ là một ví dụ.

Trong phần này, những loại lộ tâm khác nhau của tiến trình đồng lực (javana) dục giới đã được giải giảng, như là một sự giới thiệu chung về các lộ tâm hoạt động và diễn tiến như thế nào. Tuy nhiên, còn có nhiều những lộ tâm khác nữa. Ví dụ, có lộ tâm đồng lực dục giới diễn ra chỉ với sáu sát na trong thời điểm hay trong điều kiện bình thường. Theo những vị trùng tuyên lại Trung Ngôn (Majjhima-bhāṇaka) thì có một lộ tâm mà trong đó tâm na cảnh sanh lên chỉ có một sát-na; vân vân và vân vân. Do đó, thật khó có thể diễn giải hết tất cả các loại lộ tâm.

Kết thúc Phần Lộ Tâm Đồng Lực (Javana) Dục Giới

Chương IV: Lộ Tâm Ý Môn

Đồng Lực Kiên Cố

(Appanā Javanavāra-Manodvāra Vīthi)

Lộ Tâm Ý Môn Đồng Lực Kiên Cố

(Appanā-javanavāra)

Tiến trình đồng lực (javana) kiên cố có năm loại: (i) lộ thiên (jhāna), (ii) lộ Đạo, (iii) lộ nhập thiên Quả, (iv) lộ thân thông và (v) lộ nhập thiên Diệt. Trong những loại này, lộ thiên (jhāna) được chia nhỏ thành hai loại: lộ tâm cho người khởi đầu (ādikammika), tức là lộ đắc thiên, và lộ nhập thiên (samāpajjana).

Chúng ta hãy lấy ví dụ một hành giả thực hành thiên kasiṇa. Để chứng đắc thiên, lộ tâm diễn ra như sau: Khi hành giả gần chứng đắc thiên, đối tượng kasiṇa xuất hiện trong vùng nắm bắt của ý môn, tâm hữu phần (bhavaṅga) rung động hai lần và bị bắt giữ. Rồi, tâm hướng ý môn sanh lên. Nếu hành giả là độn căn thì bốn đồng lực (javana) thẩm thấu sơ bộ xảy ra: chuẩn bị (parikamma), cận hành (upacāra), thuận thứ (anuloma) và chuyển tộc (gotrabhū). Nếu hành giả là lợi căn thì chỉ có ba đồng lực (javana) thẩm thấu sơ bộ xảy ra: cận hành, thuận thứ và chuyển tộc. Rồi, (trong cả hai trường hợp độn căn và lợi căn) một tâm đồng lực (javana) kiên cố, tức là tâm thiên, sanh lên. Sau đó, có sự chìm vào dòng hữu phần (bhavaṅga). Rồi, cùng với sự chen vào của những tâm hữu phần (bhavaṅga) như là những vùng đệm, những lộ tâm phản khán sanh lên xem xét lại từng chi thiên tương ứng.

Lộ Đắc Thiên Của Hành Giả Động Căn

SB	"VB	AB	MA	PR	AC	CO	CL	JH"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Đắc Thiên Của Hành Giả Lợi Căn

SB	"VB	AB	MA	AC	CO	CL	JH"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000

Ghi chú: SB = Dòng tâm hữu phần (Bhavaṅga); VB = hữu phần (bhavaṅga) rung động; AB = hữu phần (bhavaṅga) dứt dòng; MA = hướng ý môn; PR = chuẩn bị; AC = cận hành; CO = thuận thứ; CL = chuyển tộc; JH" = tâm thiên.

Lộ tâm nhập thiên diễn tiến như sau: Bất kỳ khi nào hành giả muốn nhập vào một trong các tầng thiên mà đã được chứng đắc từ trước, đối tượng thiên định mà hành giả thực hành sẽ đi vào vùng nắm bắt của ý môn. Rồi tâm hữu phần (Bhavaṅga) rung động hai lần và rồi bị bắt giữ. Sau đó là sự sanh lên của tâm hướng ý môn, cận hành, thuận thứ, chuyển tộc và rồi hai, ba hay nhiều tâm thiên, và theo sau đó là sự chìm vào dòng hữu phần (bhavaṅga). Sau khi hoàn thành việc nhập thiên (với những tâm hữu phần xen vào), những lộ tâm phản khán sanh lên xem xét lại các chi thiên tương ứng.

Lộ Nhập Thiên

SB	"VB	AB	MA	AC	CO	CL	JH	JH	JH"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Giải Thích

Trong lộ đồng lực (javana) kiên cố, không có sự khác biệt giữa đối tượng rõ rệt và đối tượng mờ nhạt. Điều này là vì sự chứng đắc thiên (ND: cả thiên định và đạo quả) chỉ có thể xảy ra khi đối tượng được nắm bắt một cách rõ ràng. Hơn nữa, tâm na cảnh không xảy ra ở đây vì na cảnh chỉ theo sau đồng lực (javana) dục giới, chỉ có trong những chúng sanh dục giới và chỉ có với những cảnh dục giới.

Rồi trong lộ đồng lực (javana) kiên cố, bất kỳ một trong tám đồng lực (javana) dục giới hợp trí sanh lên và diệt đi ba hay bốn lần. Những sát-na này xảy ra theo đúng thứ tự là chuẩn bị, cận hành, thuận thứ và chuyển tộc. Ngay sau khi chúng diệt đi, bất kỳ một trong 26 đồng lực (javana) đạo đại hay siêu thế sanh lên trong lộ tâm kiên cố, phù hợp với phương cách mà tâm trí được chuyển tải hay được truyền tải. Sau đó, tại điểm kết thúc của sự thâm thấu hay sự kiên cố, có sự chìm vào dòng tâm hữu phần (bhavaṅga).

Đối với người độn căn, vì trí tuệ của ông ta là chậm chạp, ông ta phải cần đến bốn đồng lực (javana) sơ bộ để chứng đạt trạng thái thiên (jhāna). Chúng là chuẩn bị, cận hành, thuận thứ và chuyển tộc.

Nó được gọi là chuẩn bị vì nó chuẩn bị dòng tâm thức cho sự chứng đắc đi theo ngay sau đó. Sát-na tiếp

theo được gọi là cận hành vì nó sanh lên trong sự tiếp cận với sự chứng đắc. Sát-na thứ ba được gọi là thuận thứ vì nó sanh lên trong sự phù hợp với cả những sát-na tâm đi trước và sự kiên cố hay thẩm thấu theo sau. Sát-na thứ tư được gọi là chuyển tộc. Trong trường hợp chứng đắc thiền định, nó có tên gọi này vì nó vượt qua dòng tộc dục giới và tiến vào dòng tộc của tâm (citta) đáo đại. Trong trường hợp chứng đắc đạo thứ nhất, sát-na này được gọi là chuyển tộc vì nó đánh dấu sự chuyển tiếp từ dòng tộc phàm nhân sang dòng tộc Thánh nhân. Thuật ngữ chuyển tộc (gotrabhū) được gọi là “dũ tịnh (vodāna)” khi nó là sát na chuyển tiếp đến những đạo và những quả cao hơn. Đối với người lợi căn, tức là người có trí tuệ nhạy bén, sát-na chuẩn bị được loại bỏ đi và do đó, chỉ có ba sát-na (javana) dục giới sơ bộ xảy ra trước sự thẩm thấu hay sự kiên cố.

Sự Chứng Đắc Thiền (Jhāna) Sắc Giới

Hiểu rõ được tiến trình chứng nhập thiền (nếu nó được giải thích ở đây) cũng như việc một hành giả chứng đạt các tầng thiền (jhāna) như thế nào thì sẽ có lợi ích cho độc giả. Thiền (jhāna) là một trạng thái thẩm thấu hay an trú trên đối tượng và trong thực tế, nó là sự kết hợp của năm chi thiền: (i) tâm (vittakka), sự đưa tâm đến đối tượng; (ii) tứ (vicāra), sự kiểm tra đối tượng nhiều lần; (iii) hỷ (pīti), sự quan tâm, thích thú trong đối tượng; (iv) thọ (vedanā), có hai loại: thọ lạc (sukha) trong bốn tầng thiền (jhāna) đầu tiên và thọ xả (upekkhā) trong tầng thiền thứ năm; (v) nhất tâm (ekaggatā) hay định (samādhi). Những chi thiền này hỗ trợ cho tâm trí gắn chặt vào một đối tượng. Chúng có thể được phát triển thông qua việc thực hành thiền chi tịnh (samatha). Tâm trí thông thường thì không lắng dịu và

yên tịnh. Nó bị kích động một cách thường hằng bởi năm triền cái, như là: tham dục, sân hận, hôn thụy, trạo hối và hoài nghi. Những triền cái này có thể được chế ngự và tạm thời loại bỏ bằng thiền chỉ tịnh.

Cách thực tập như thế nào? Trước hết, hành giả phải chọn một đối tượng hay đề mục thích hợp. Chúng ta hãy chọn làm ví dụ *kasiṇa* đất (*pathavī kasiṇa*) làm đề mục thiền. Một cái khay hay cái đĩa với đường kính khoảng mười hai inch¹ được đổ đầy bằng với đất sét hay đất có màu rặng đồng. Đối tượng này được đặt tại một khoảng cách thích hợp để hành giả có thể nhìn vào nó một cách thoải mái. Hành giả phải thực hành thiền, tập trung vào đối tượng đó và niệm trong tâm “đất, đất” hay “*pathavī, pathavī*” để phát triển ba ấn tượng. Vòng tròn *kasiṇa* mà hành giả đang thấy được biết đến là chuẩn (bị) tướng (*parikamma-nimitta*).

Bây giờ, năm chi thiền đang được phát triển một cách từ từ; tầm đưa hướng tâm trí về đối tượng, nó tạm thời làm tan biến đi hôn thụy; tứ giữ tâm trí trên đối tượng, nó cũng tạm thời làm tan biến đi hoài nghi; hỷ phát triển sự quan tâm thích thú trong đối tượng, nó cũng tạm thời chế ngự sân hận; thọ lạc giữ tâm trí trên đối tượng lâu hơn do bởi sự an lạc của nó, nó tạm thời loại bỏ trạo hối; định gắn tâm và các tâm sở vào đối tượng để đạt đến trạng thái của sự tập trung, nó tạm thời làm tan biến đi tham dục.

Khi các triền cái tạm thời lắng dịu xuống, tâm trí không còn phóng dật (khỏi đối tượng) thường xuyên như trước nữa và sự tập trung được phát triển ở một mức độ tốt hơn. Ở giai đoạn này, hành giả có thể thấy

¹ ND: 1 inch = 2,54 cm

vòng tròn đất với mắt nhắm lại giống như là thấy nó với mắt mở ra. Hình ảnh được hình dung ra này được gọi là thủ tướng hay học tướng (uggaha-nimitta).

Rồi, hành giả thực hành thiền trên thủ tướng này với mắt nhắm lại, niệm trong tâm “đất, đất” như trước đây. Khi hành giả phát triển được sự tập trung ở một mức cao hơn, ấn tướng đột nhiên thay đổi sang một màu sáng hơn và bề mặt của hình ảnh đó trở nên phẳng mịn như một tấm gương. Ấn tướng hay hình ảnh trong sáng mới này được gọi là quang tướng (paṭibhāga-nimitta). Tại thời điểm của học tướng, hành giả thấy tất cả những khuyết tật như có trong vật thể ban đầu, nhưng tại thời điểm của quang tướng, hành giả không thấy những khuyết tật nữa vì nó là một đối tượng rất sáng và phẳng mịn. Ngay khi quang tướng sanh lên, sự tập trung được phát triển đến giai đoạn của cận định (upacāra samādhi). Tại giai đoạn này, năm chi thiền trở nên mạnh mẽ và rõ rệt, hỷ và lạc trở nên ưu thế đến nỗi hành giả trải nghiệm niềm vui và hạnh phúc ngây ngất mà hành giả đã chưa từng trải nghiệm từ trước. Bây giờ, hành giả để cho quang tướng trải rộng ra vô tận theo mọi hướng bằng năng lực của ý chí trong khi vẫn tiếp tục chú niệm “đất, đất” như trước. Cuối cùng, hành giả đạt được kiên cố định (samādhi). Ở giai đoạn này, hành giả có thể tận hưởng sự tĩnh lặng, sự yên bình, hỷ và lạc của thiền (jhāna) nhiều lần chừng nào tùy theo ý thích của mình. Điều được ghi nhận là hành giả có thể an trú trong kiên cố định trong nhiều giờ hoặc thậm chí đến bảy ngày. Trong suốt thời gian an trú trong kiên cố định, có một sự tạm ngưng hoàn toàn của những hoạt động ngũ quan cũng như của năm triền cái. Trạng thái tâm trí thì hoàn toàn sáng suốt và minh mẫn.

Trong trạng thái thiền thứ nhất, cả năm chi thiền đều có mặt. Rồi bằng cách thực hành thiền nhiều hơn trên cùng quang tướng đó và loại bỏ những chi thiền thấp từng chi thiền một, hành giả có thể chứng đạt những trạng thái thiền cao hơn. Hành giả chứng đạt trạng thái thiền thứ hai khi tâm được loại bỏ, chứng đạt trạng thái thiền thứ ba khi tứ được loại bỏ thêm, chứng đạt trạng thái thiền thứ tư khi hỷ được loại bỏ và cuối cùng, chứng đạt trạng thái thiền thứ năm khi lạc được thay thế bởi xả và tâm trí duy trì với thọ xả thuần túy.

Sự Chứng Đắc Thiền (Jhāna) Vô Sắc

Hành giả đã phát triển năm tầng thiền (jhāna) sắc giới sẽ ước muốn chứng đắc những tầng thiền (jhāna) vô sắc vì ông ta nhận ra rằng cơ thể vật chất thì không thỏa đáng và nó hứng chịu đau khổ do nóng lạnh, khát, bệnh hoạn, già và chết. Khi hành giả trở nên ghê tởm với thân xác vật chất, hành giả trước hết phát triển thiền (jhāna) sắc giới thứ năm bằng cách hành thiền trên quang tướng của đối tượng (ví dụ như đẽ mục kasīṇa đất). Rồi hành giả xuất khỏi thiền (jhāna) thứ năm, và mặc dầu quang tướng vẫn còn duy trì trong tâm trí của mình, nhưng hành giả bỏ mặc nó và cố gắng tập trung vào khoảng không gian bị chiếm giữ bởi nó, và tiếp tục thực hành thiền trên khoảng không gian đó một cách liên tục. Khi sự ham muốn (nikanti) về quang tướng biến mất, hành giả kéo giãn cái không gian vô tận và tiếp tục tập trung vào cái không gian vô tận này một cách liên tục cho đến khi hành giả đạt đến trạng thái thiền vô sắc thứ nhất. Tầng thiền (jhāna) này được gọi là tâm gắn liền với không vô biên xứ¹.

¹ Ākāśānañcāyatana

Rồi, hành giả tiếp tục thực hành thiền trên tâm không vô biên xứ (ND: tức là lấy nó làm cảnh). Hành giả thực hành trên tâm này một cách liên tục cho đến khi hành giả đạt đến trạng thái thiền vô sắc thứ hai. Tầng thiền (jhāna) này được biết đến là tâm gắn liền với thức vô biên xứ¹. Để phát triển thiền (jhāna) vô sắc thứ ba, hành giả chú ý một cách liên tục đến sự không có gì cả của tâm thức, như là không có bất cứ cái gì cả (natthi kiñci), cho đến khi hành giả chứng đạt được trạng thái thiền thứ ba. Thiền (jhāna) này được gọi là tâm gắn liền với vô sở hữu xứ².

Bằng cách bắt tâm của tầng thiền (jhāna) vô sắc thứ ba làm đề mục thiền, hành giả có thể tiến đến phát triển tầng thiền (jhāna) vô sắc thứ tư. Tầng thiền (jhāna) này được gọi là tâm gắn liền với phi tưởng phi phi tưởng xứ³. Tên gọi này muốn chỉ đến việc tâm thiền (jhāna) vô sắc thứ tư vi tế và mờ nhạt đến nỗi chúng ta không thể nói một cách xác thực là có tâm hay không có tâm. Tâm không còn có thể được nhận thức tại giai đoạn thiền này.

Tất cả bốn tầng thiền (jhāna) vô sắc thuộc vào thể loại thiền (jhāna) thứ năm vì chúng dựa trên thiền (jhāna) sắc giới thứ năm. Tất cả chúng có hai chi thiền: xả và định. Điều nên được lưu ý là năm tầng thiền (jhāna) sắc giới khác nhau về số chi thiền, trong khi bốn tầng thiền (jhāna) vô sắc lại khác nhau về đề mục thiền.

¹ Viññāṇañcāyatana

² Ākincaññāyatana

³ Nevasaññā-nāsaññāyatana

72 Lộ Tâm Thiên (Jhāna)

Có năm tầng thiền (jhāna) sắc giới và bốn tầng thiền vô sắc ($5+4=9$), nhân với tâm thiên (jhāna) thiện và duy tác cho chúng ta mười tám lộ tâm ($9 \times 2=18$), rồi nhân với lộ tâm đặc thiên và lộ tâm nhập thiên cho chúng ta 36 lộ tâm ($18 \times 2=36$), và nhân với hai hạng người, tức là độn căn và lợi căn, cho chúng ta 72 lộ tâm ($36 \times 2=72$). Tính theo cách khác, tâm thiên (jhāna) thứ nhất nhân với hai lộ thiện và duy tác, nhân với hai lộ đặc thiên và nhập thiên ($2 \times 2=4$), và mỗi lộ cho hai hạng người, độn căn và lợi căn ($4 \times 2=8$), do đó, có tám lộ tâm thiên khác nhau đối với tầng thiền (jhāna) thứ nhất, và cũng tương tự cho tầng thiền (jhāna) thứ hai, thứ ba và thứ tư ($8 \times 4=32$)¹. Tầng thiền (jhāna) thứ năm thì có năm loại: một thiền (jhāna) sắc giới và bốn thiền vô sắc, nhân với thiện và duy tác, nhân với hai lộ tâm và rồi nhân với hai hạng người ($5 \times 2 \times 2 \times 2=40$)². Như vậy, có tổng cộng 72 lộ tâm thiên (jhāna) ($32+40=72$).

Lộ Tâm Phản Khán

Sau khi chúng đặc một tầng thiền, hay sau khi xuất khỏi tầng thiền đã được chúng đặc từ trước, hành giả xem xét lại hay quan sát lại tất cả những chi thiền từng chi một; việc này được gọi là tiến trình phản khán. Những lộ tâm này thì giống hệt như những lộ tâm ý môn thuần túy đồng lực (javana) dục giới. Trong tiến trình này, một vài giáo thọ sư cho rằng có năm đồng lực

¹ ND: Nguyên tác tiếng Anh trình bày là có hai hạng người cho mỗi tầng thiền: người đặc thiên lần đầu và người đã đặc thiên, và rồi có hai loại người cho mỗi hạng: người độn căn và lợi căn. Chúng tôi mạn phép dịch thoáng như vậy cho dễ hiểu.

² ND: Trong nguyên tác ghi là $5 \times 2=10 \times 2=20 \times 2=40$.

(javana) sanh lên. Tuy nhiên, việc phản khán các chi thiền được thực hiện bởi một lộ tâm dục giới. Theo quy luật của đồng lực (javana), trong (tiến trình tâm thức) dục giới thông thường, đồng lực (javana) sanh lên bảy lần. Khi Đức Phật thể hiện song thông lực và những pháp tương tự, tiến trình đó diễn ra rất nhanh, cho nên, chỉ có bốn hay năm đồng lực (javana) sanh lên trong lộ phản khán. Song thông lực là năng lực thần thông thâm diệu mà Đức Phật thể hiện vào một vài dịp trong suốt đời sống của Ngài. Với năng lực này, Đức Phật đã thể hiện việc phóng ra lửa và nước từ thân Ngài cùng một lúc. Ngài thực hiện năng lực này bằng cách nhập vào thiền (jhāna) thứ năm, bắt kasīna lửa và kasīna nước riêng biệt theo trình tự một cách rất nhanh, và rồi quyết định cho phóng ra lửa và nước từ thân Ngài. Sau khi xuất ra khỏi mỗi tầng thiền (jhāna), Đức Phật xem xét lại các chi thiền và Ngài thực hiện việc đó bằng những lộ đồng lực (javana) cực kỳ nhanh diễn ra chỉ trong bốn hay năm tâm đồng lực (javana citta). Trong tiến trình này, các đối tượng là những chi thiền đáo đại, cho nên không có na cảnh.

192 Lộ Tâm Phản Khán

Lộ tâm phản khán diễn ra với mỗi chi thiền. Có năm chi thiền cho mỗi một trong tám loại thiền (jhāna) thứ nhất, cho nên có 40 lộ phản khán trong thiền (jhāna) thứ nhất ($8 \times 5 = 40$). Có bốn chi thiền cho mỗi một trong tám loại thiền (jhāna) thứ hai, cho nên có 32 lộ phản khán trong thiền (jhāna) thứ hai ($8 \times 4 = 32$). Có ba chi thiền cho mỗi một trong tám loại thiền (jhāna) thứ ba, dẫn đến 24 lộ phản khán trong thiền (jhāna) thứ ba ($8 \times 3 = 24$). Có hai chi thiền cho mỗi một trong tám loại thiền (jhāna) thứ tư; và như vậy, có mười sáu lộ

phản khán trong thiền (jhāna) thứ tư ($8 \times 2 = 16$). Mỗi một trong số 40 loại thiền (jhāna) thứ năm có hai chi thiền; như vậy, có 80 lộ phản khán trong thiền (jhāna) thứ năm ($40 \times 2 = 80$). Như vậy, có tất cả 192 lộ phản khán.

Tâm Và Đối Tượng Trong Lộ Tâm Thiền

Trong lộ tâm đặc thiền (jhāna) thứ nhất, có các tâm sau tham dự: một tâm hướng ý môn, bốn tâm đồng lực (javana citta) dục giới (tức là những tâm (citta) thiện và duy tác tam nhân thọ hỷ hợp trí), và hai tâm (citta) thiện và duy tác thiền (jhāna) thứ nhất. Như vậy, tổng cộng là bảy tâm. Trong số những tâm này, những tâm đồng lực (javana citta) (dục giới) làm chức năng chuẩn bị, cận hành, thuận thứ và chuyển tột. Ở đây, tâm thiền (jhāna) thứ nhất được đi kèm theo bởi thọ hỷ; cho nên, bốn tâm đồng lực (javana citta) này cũng được đi kèm theo bởi thọ hỷ. Và nếu những tiến trình này sanh lên trong phàm nhân hay trong các bậc Thánh hữu học thì các tâm thiền (jhāna citta) phải là thiện. Tuy nhiên, nếu chúng sanh lên trong vị A-la-hán (Arahant), chúng phải là những tâm thiền (jhāna citta) duy tác.

Tâm hướng ý môn và tất cả các tâm thiền (jhāna citta), ngoại trừ các tâm hữu phần (bhavaṅga citta), sanh lên với một trong số 25 cảnh chế định; đây là những đối tượng của các tâm (citta) thiện sắc giới, và ngoại trừ khái niệm chúng sanh mà là đối tượng của tâm xả (upekkhā-brahmavihāra) trong tứ vô lượng tâm.

Cõi, Chúng Sanh Và Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga)

Các giáo thọ sư Thắng Pháp (Abhidhamma) người Miến Điện theo truyền thống nói rằng lộ tâm đặc thiền

(jhāna) thứ nhất sanh lên trong bảy cõi dục giới thiện thú. Chúng sanh lên trong bốn bậc Thánh và trong một hạng phàm nhân mà tục sinh bằng tâm (citta) quả dục giới tam nhân và vừa mới chứng đắc thiền (jhāna) thứ nhất. Lộ tâm sanh lên trong dục giới thiện thú; cho nên, một trong bốn tâm (citta) quả dục giới tam nhân làm chức năng hộ kiếp (bhavaṅga).

Những lộ tâm đắc thiền (jhāna) thứ hai và vân vân cũng tương tự như thiền (jhāna) thứ nhất, chúng ta chỉ cần cộng thêm vào những cõi và những tâm hữu phần (bhavaṅga). Ví dụ, lộ tâm đắc thiền (jhāna) thứ hai sanh lên trong bảy cõi dục giới thiện thú và cũng trong cõi sơ thiền của Phạm thiên (Brahma). Hơn nữa, một trong bốn tâm (citta) quả dục giới tam nhân và tâm (citta) quả thiền (jhāna) thứ nhất làm chức năng hộ kiếp (bhavaṅga). Trong lộ thiền (jhāna) thứ ba thì cần thiết cộng thêm cõi nhị thiền và tâm (citta) quả thiền (jhāna) thứ hai. Người đã chứng đắc thiền (jhāna) thứ tư sẽ tái sanh vào chỉ cõi tam thiền, do đó, lộ thiền (jhāna) thứ tư chỉ sanh lên trong bảy cõi dục giới thiện thú, cõi sơ thiền, cõi nhị thiền và không còn thêm cõi nào nữa. Đối với tâm làm chức năng hộ kiếp thì chúng ta cộng thêm tâm quả thiền (jhāna) thứ ba¹. Trong lộ thiền (jhāna) thứ năm thì chúng ta phải cộng thêm cõi tam thiền và tâm (citta) quả thiền (jhāna) thứ tư làm chức năng hộ kiếp (bhavaṅga).

¹ ND: Câu văn tiếng Anh không được chuẩn về ngữ pháp cũng như ngữ nghĩa (“One who was in the second jhāna plane, if his birth consciousness was the third jhānic resultant, in the fifth jhāna process we must add the third jhāna plane and the fourth jhāna resultant citta functions as bhavaṅga”). Do đó, chúng tôi không hiểu rõ ý của tác giả là gì. Chúng tôi điền vào chi tiết này dựa vào văn cảnh và dựa vào kiến thức cá nhân.

Lộ tâm thiền (jhāna) vô sắc thứ nhất sanh lên trong dục giới thiện thú và mười lăm cõi sắc giới, tức là trừ cõi của những chúng sanh vô tướng. Đối với lộ thiền (jhāna) vô sắc thứ hai, cõi thiền (jhāna) vô sắc thứ nhất được cộng thêm vào, và như vậy, đối với lộ thiền (jhāna) vô sắc thứ ba, cõi thiền (jhāna) vô sắc thứ hai được cộng thêm vào, và đối với lộ thiền (jhāna) vô sắc thứ tư, cõi thiền (jhāna) vô sắc thứ ba (được cộng vào). Cũng theo cùng phương thức này, chúng ta phải cộng vào thêm những tâm hộ kiếp (bhavaṅga citta) một cách tương ứng.

Như vậy, nếu người nhân loại và thiên nhân trong suốt thời gian sống trong dục giới có thực hành thiền và chứng đắc thiền (jhāna) thứ nhất, lộ đắc thiền (jhāna) thứ nhất sanh lên trong dục giới thiện thú. Khi người đó mất đi và tái sanh vào cõi sơ thiền, trạng thái thiền mà người đó đã chứng đạt trong cõi dục vẫn tồn tại trong chúng sanh Phạm thiên đó, cho nên, không có lộ đắc thiền (jhāna) thứ nhất ở đây. Tuy nhiên, nếu người đó sống trong sự thâm thấu hay an trú của thiền thì nó chỉ là lộ nhập thiền (samāpajjana vīthi) của thiền đã được chứng đắc từ trước. Cũng vậy, lộ đắc thiền (jhāna) thứ hai không diễn ra trong cõi nhị thiền mà chỉ có trong dục giới thiện thú và cõi sơ thiền. Trong thực tế, lộ đắc thiền của các cảnh giới cao hơn chỉ sanh lên trong cõi thấp hơn.

Tuy nhiên, Mahagandhayone Sayadaw, Ashin Janakābhivaṣṭa đã nói như sau: Đối với người đã chứng đắc thiền (jhāna) thứ nhất, thứ hai và vân vân trong bảy cõi dục giới thiện thú, khi người đó chết đi, thiền (jhāna) đó mất đi, nhưng người đó lại tái sanh vào cõi Phạm thiên (Brahma) tương ứng vì đó là quả của nghiệp (kamma) thiện thiền, và tâm (citta) quả thiền sẽ làm chức năng tục sinh và sẽ là tâm hữu phần (bhavaṅga

citta). Do đó, các Phạm thiên (Brahma), nếu không có bất kỳ đối tượng nào khác để bắt, thì chỉ sống trong trạng thái thẩm thấu hay kiên cố giống như là sống trong trạng thái của thiền (jhāna). Thật vậy, khi họ tái sinh vào thế giới Phạm thiên (Brahma) sơ thiên, họ phải thực hành thiền trở lại để chứng đắc thiền (jhāna) đó. Nếu họ không thực hành, sẽ không có lộ nhập thiền (jhāna) thứ nhất. Và nếu họ thực hành thiền trở lại trong cõi sơ thiên thì sẽ có sanh lên lộ đắc thiền (jhāna) thứ nhất. Cũng theo cách này, người đã chứng đắc thiền (jhāna) thứ hai và vân vân trong dục giới thiện thú hay trong cõi sơ thiên thì, sau khi chết, tái sinh vào cõi nhị thiên. Những tầng thiền (jhāna) mà người này đã chứng đắc trong kiếp sống trước biến mất; cho nên, ông ta phải thực hành lại để chứng đắc thiền (jhāna) thứ nhất và thứ hai và vân vân, tức là bất cứ cái gì đã được chứng đắc trong kiếp sống trước. Cho nên, lộ đắc thiền (jhāna) thứ nhất có thể sanh lên trong tất cả bảy cõi dục giới thiện thú và mười lăm cõi sắc giới.

Đôi Tượng

Những đối tượng của lộ đắc thiền (jhāna) thứ nhất¹ là mười kasiṇa, vân vân. Những đối tượng của thiền thứ hai, thứ ba và thứ tư là mười kasiṇa, khái niệm chúng sanh mà làm đối tượng của tâm từ, tâm bi và tâm hỷ của thiền vô lượng tâm và khái niệm hơi thở (vào và ra). Như vậy, tổng cộng là mười bốn. Đối tượng của thiền (jhāna) thứ năm là mười kasiṇa, khái niệm chúng sanh mà làm đối tượng của xả vô lượng tâm và khái niệm hơi thở. Như vậy, tổng cộng là mười hai. Các đối tượng của bốn lộ thiên (jhāna) vô sắc là (khái niệm) không gian vô

¹ ND: Trong nguyên bản tiếng Anh ghi là thiền thứ hai. Đây chắc phải là lỗi soạn thảo hay lỗi biên tập.

tận, tâm thiền (jhāna citta) vô sắc thứ nhất, (khái niệm) không có cái gì cả và tâm thiền (jhāna citta) vô sắc thứ ba một cách tương ứng.

Lộ Tâm Nhập Thiền

Một người mà đã chứng đắc tất cả chín tầng thiền (jhāna) ở trong dục giới có thể nhập vào các tầng thiền. Thêm vào đó, một người có thể chứng đắc tất cả chín tầng thiền (jhāna) ở trong cõi sơ thiền. Chín tầng thiền (jhāna) có thể được tìm thấy trong các cõi tịnh cư và trong cõi cao nhất. Các Phạm thiên (Brahma) trong các cõi tịnh cư phải đã trải nghiệm những tầng thiền (jhāna) sắc giới thấp hơn và những sự an trú thiền (jhāna) vô sắc để chứng đắc thần thông (abhiññā), cho nên, lộ nhập thiền có thể được tìm thấy trong bảy cõi dục giới thiện thú và mười lăm cõi sắc giới. Những Phạm thiên (Brahma) vô sắc ở trong những cõi cao hơn sẽ không có những trạng thái thiền (jhāna) thấp hơn và sẽ không thực hành để chứng đạt chúng, cho nên, lộ nhập thiền (jhāna) sắc giới sẽ không sanh lên trong cõi vô sắc thứ nhất, mà thay vào đó, chỉ có bốn lộ nhập thiền vô sắc sanh lên. Tuy nhiên, lộ thiền (jhāna) (vô sắc) thứ nhất sẽ không sanh lên trong cõi vô sắc thứ hai. Trong cõi vô sắc thứ hai chỉ có ba lộ thiền (jhāna) cao hơn sanh lên (tính luôn lộ thiền vô sắc thứ hai)¹. Trong cõi vô sắc thứ ba, hai lộ thiền (jhāna) cao hơn sanh lên (tính luôn lộ thiền vô sắc thứ ba) và trong cõi vô sắc thứ tư, chỉ có lộ thiền (jhāna) (vô sắc) thứ tư sanh lên.

¹ ND: Câu văn tiếng Anh không chuẩn. Chúng tôi mạn phép dịch thoáng dựa vào kiến thức cá nhân và dựa vào văn cảnh.

Lộ Tâm Phản Khán

Tổng cộng có mười bảy tâm (citta) tham dự vào các lộ tâm phản khán, đó là tâm (citta) hướng ý môn và mười sáu đồng lực (javana) dục giới (cả thiện và duy tác). Nếu cá nhân đó là một phàm nhân tam nhân hay một vị Thánh hữu học, một trong số những đồng lực (javana) thiện sanh lên, và nếu cá nhân đó là một vị A-la-hán (Arahant), tâm đồng lực (javana) chỉ là duy tác.

Đối tượng của tất cả những tâm (citta) trong lộ tâm này, ngoại trừ những tâm hữu phần (bhavaṅga), là những chi thiên. Nếu lộ tâm phản khán đi theo sau thiền (jhāna) sắc giới thứ nhất, đối tượng sẽ là một trong những chi thiên quá khứ: tầm, tứ, hỷ, lạc và định mà được đi kèm theo thiền (jhāna) thứ nhất. Nếu nó theo sau thiền (jhāna) vô sắc thứ tư, đối tượng sẽ là chi thiên xả hay định.

Lộ Tâm Đạo (Maggā Vīthi)

Lộ tâm đạo có bốn: nhập lưu đạo, nhất lai đạo, bất lai đạo và A-la-hán (Arahant) đạo. Trong số chúng, lộ nhập lưu đạo lại có năm: nhất, nhị, tam, tứ và ngũ thiên.

Lộ tâm nhập lưu đạo sơ thiên diễn ra như sau: Khi hành giả gần chứng đắc đạo, một trong ba tướng trạng của sự hiện hữu được nhận biết một cách rõ ràng trong vùng nắm bắt của ý môn, dòng hữu phần (bhavaṅga) rung động hai lần và bị bắt giữ, rồi tâm (citta) hướng ý môn sanh lên và rồi một trong bốn tâm (citta) thiện dục giới (ND: hợp trí) làm chức năng của những đồng lực (javana) sơ bộ. Nếu cá nhân đó là độn căn, tâm này sanh lên bốn lần: tương ứng với bốn giai đoạn là chuẩn bị, cận hành, thuận thứ và chuyển tộc. Rồi, một đồng lực

(javana) đạo¹ và hai đồng lực (javana) quả sanh lên. Tuy nhiên, nếu cá nhân đó là lợi căn, tâm thiện dục giới đó chỉ sanh lên ba lần: tương ứng với cận hành, thuận thứ và chuyển tộc. Rồi, một đồng lực (javana) đạo và ba đồng lực (javana) quả sanh lên, những tâm hữu phần (javana) chen vào một vài sát na² và rồi theo sau là những lộ phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp-bàn (Nibbāna), phản khán các phiền não được đoạn diệt và phản khán các phiền não chưa được đoạn diệt.

Lộ Tâm Đạo Nhập Lưu Sơ Thiên Độn Căn

SB	"VB	AB	MA	PR	AC	CO	CL	MC	FC	FC"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Tâm Đạo Nhập Lưu Sơ Thiên Lợi Căn

SB	"VB	AB	MA	AC	CO	CL	MC	FC	FC	FC"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Tâm Đạo Cao Hơn Sơ Thiên Độn Căn

SB	"VB	AB	MA	PR	AC	CO	PF	PC	FC	FC"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

¹ ND: Trong bản tiếng Anh không nhắc đến “đạo”.

² ND: Ngữ pháp câu tiếng Anh bị sai.

Lộ Tâm Đạo Cao Hơn Sơ Thiên Lợi Căn

SB	"VB	AB	MA	AC	CO	PF	PC	FC	FC	FC"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Chú thích: SB = dòng hữu phần (bhavaṅga); VB = hữu phần (bhavaṅga) rúng động; AB = hữu phần (bhavaṅga) dứt dòng; MA = tâm hướng ý môn; PR = chuẩn bị; AC = cận hành; CO = thuận thứ; CL = chuyển tộc; MC/PC = tâm đạo; FC = tâm quả; PF = dữ tịnh (vodanā).

Giải Thích

Khi một người thực hành thiền minh sát (Vipassanā) trên các pháp hữu vi hay trên hiện tượng danh và sắc, rồi đến lúc sự hành thiền phát triển, người đó nhận thấy được ba tướng trạng vô thường, khổ và vô ngã. Rồi người đó đạt đến các đạo và quả siêu thế. Tuy nhiên, các hành giả có khác nhau theo mức độ phát triển định của họ. Những ai phát triển minh sát mà không có nền tảng của thiền (jhāna) được gọi là các hành giả hành thiền minh sát khô (sukkhavipassaka). Khi những vị này đạt đến đạo và quả, những tâm (citta) đạo và quả của họ xảy ra tại tầng mức ngang bằng với thiền (jhāna) thứ nhất. Những ai phát triển minh sát trên nền tảng thiền (jhāna) sẽ chứng đạt đạo và quả ở mức của thiền (jhāna) mà họ đã chứng đắc trước khi đạt đến đạo¹. Cho nên, có hai cách đạt đến trạng thái siêu thế: Vipassanā-yānika (tức là thông qua sự thực hành thiền minh sát (Vipassanā) khô như là cỗ xe hay phương tiện) và

¹ Xem chi tiết ở CMA 72-73

Samatha-yānika (tức là thông qua sự thực hành thiền chỉ tịnh như là cỗ xe hay phương tiện trước khi (hành) thiền minh sát (Vipassanā)). Hành giả có thể trước hết phát triển cận định bằng cách thực hành thiền chỉ tịnh và rồi tiến hành thiền minh sát (Vipassanā). Do đó, cận định là nền tảng của thiền minh sát hay cho sự thấu hiểu vào một trong ba tướng trạng; điều này sẽ cho phép hành giả đạt đến trạng thái của đạo và quả. Bây giờ, chúng ta hãy xem xét trường hợp hành giả trước hết phát triển một tầng thiền (jhāna) thông qua thiền chỉ và dùng tầng thiền (jhāna) này làm nền tảng cho thiền minh sát (Vipassanā) của mình. Nếu hành giả sử dụng thiền (jhāna) thứ nhất làm nền tảng, tâm đạo thứ nhất của hành giả cũng được đi kèm theo bởi thiền (jhāna) thứ nhất và do đó, được biết đến là lộ tâm nhập lưu đạo sơ thiền. Tương tự, nếu hành giả sử dụng thiền (jhāna) thứ hai, thứ ba, thứ tư hay thứ năm làm nền tảng, tâm đạo thứ nhất của hành giả sẽ được đi kèm theo bởi thiền (jhāna) tương ứng. Do đó, lộ tâm nhập lưu đạo có năm loại. Cũng vậy, mỗi một trong số những lộ tâm đạo và quả còn lại cũng có năm loại.

Một khi hành giả trở thành Thánh nhân (ariya) thông qua sự sanh lên của lộ tâm đạo, hành giả không bao giờ trở ngược lại thành một phàm nhân nữa; cho nên, tâm chuyển tộc (gotrabhū) sẽ không sanh lên với những lộ tâm đạo khác, thay vào đó, tâm dữ tịnh (vodāna) sẽ sanh lên. Trong trường hợp của sự chứng đắc sơ đạo, sát-na này được gọi là “chuyển tộc” vì nó đánh dấu sự chuyển đổi từ dòng dõi phàm nhân sang dòng dõi Thánh nhân. Thuật ngữ này tiếp tục được dùng một cách bóng bẩy là chuyển tộc cho thời điểm chuyển tiếp sang những đạo cao hơn. Tuy nhiên, đôi lúc, nó được chỉ định bằng tên gọi khác là dữ tịnh (vodāna). Điều này là do bởi sự thanh lọc dần dần thêm những

phiền não và vì nó bắt Níp-bàn (Nibbāna) làm cảnh thật sự tinh khiết.

Ba Giả Thuyết

Những ai phát triển thiền minh sát (Vipassanā) trên nền tảng thiền định (jhāna) sẽ chứng đắc đạo quả tương ứng với mức độ của thiền định (jhāna) mà đã được chứng đắc trước khi giác ngộ đạo quả. Những giáo thọ sư cổ xưa đưa ra ba giả thuyết khác nhau về tầng mức thiền định (jhāna) của đạo quả. Một trường phái tư tưởng cho rằng, thiền nền (pādakajjhāna) được dùng làm nền để định tâm trí trước khi phát triển thiền minh sát sẽ là thiền vượt trội hay được định hình trong sự chứng đắc đạo. Trường phái thứ hai cho rằng, mức độ thiền (jhāna) của đạo được xác định bởi thiền định (jhāna) được dùng làm đối tượng cho việc quán tưởng của thiền minh sát; cái này được gọi là thiền định được quán sát hay được thấu hiểu (sammāsittajjhāna). Trường phái tư tưởng thứ ba cho rằng, khi hành giả thuần thục trong nhiều tầng thiền (jhāna), hành giả có thể chọn mức độ thiền định (jhāna) của đạo thông qua ước nguyện hay thiền hưởng cá nhân (puggalajjhāsaya). Tuy nhiên, cho đâu sự lý giải nào được tiếp nhận và được chấp thuận, vẫn không có sự khác nhau khi bàn về lộ trình tâm đạo và quả.

Lộ Tâm Đạo Và Lộ Tâm Phán Khán

Có bốn lộ tâm đạo, mỗi lộ có năm tầng thiền (jhāna), như vậy, có tất cả 20 lộ ($4 \times 5 = 20$). Nhân bởi hai hạng người: độn căn và lợi căn, dẫn đến 40 lộ ($20 \times 2 = 40$).

Sau mỗi lộ tâm đạo, có những lộ tâm phản khán theo sau. Sau lộ tâm đạo thứ nhất chẳng hạn, sẽ có những lộ tâm phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp-bàn (Nibbāna), phản khán các phiền não đã được đoạn diệt, và phản khán các phiền não chưa được đoạn diệt; như vậy, có năm lộ tâm phản khán theo sau. Cũng giống như vậy, lộ tâm đạo thứ hai và lộ tâm đạo thứ ba cũng được đi theo sau bởi năm lộ phản khán. Tuy nhiên, trong trường hợp của đạo thứ tư, các phiền não đã được đoạn diệt và do đó, chỉ có bốn lộ phản khán xảy ra.

Như vậy, cơ bản là có tổng cộng mười chín lộ tâm phản khán ($3 \times 5 + 4 = 19$)¹. Tính chi tiết hơn theo sự chứng đắc thiền thì mỗi đạo có năm lộ tâm khác nhau. Do đó, có tổng cộng 20 lộ tâm. Trong số này, các lộ đạo thứ nhất, thứ hai và thứ ba nhân với năm lộ phản khán cho ra 75 lộ tâm ($15 \times 5 = 75$). Vì mỗi trong số năm lộ tứ đạo (năm là chỉ cho năm tầng thiền (jhāna)) chỉ được đi theo sau bởi bốn lộ phản khán, cho nên, nó trở thành 20 lộ ($5 \times 4 = 20$). Như vậy, có tổng cộng 95 lộ tâm phản khán ($75 + 20 = 95$) đi theo sau tất cả những lộ tâm đạo.

Tâm (Citta) Và Đối Tượng

Những tâm (citta) sau đây tham dự vào lộ tâm thiền (jhāna) thứ nhất: một tâm hướng ý môn, hai tâm đồng lực (javana) thiện dục giới thọ hỷ hợp trí, một tâm nhập lưu đạo và một tâm nhập lưu quả. Như vậy, có tất cả năm tâm. Tất cả các tâm (citta)², ngoại trừ tâm hữu phần (bhavaṅga) và tâm làm chức năng chuyển tộc, có

¹ ND: Trong nguyên bản tiếng Anh ghi: $3 \times 5 = 15 + 4 = 19$.

² ND: Ở đây chúng ta phải hiểu ngầm là tác giả không bao gồm những tâm siêu thế.

đối tượng là các pháp hữu vi trong tam giới (Điều này có nghĩa là các đối tượng danh và sắc trong tam giới: dục giới, sắc giới và vô sắc giới). Tâm (citta) làm chức năng chuyển tộc, đạo và quả thì có Níp-bàn (Nibbāna) làm đối tượng của chúng.

Cõi Và Chúng Sinh

Lộ tâm nhập lưu đạo sơ thiền này sanh lên trong bảy cõi dục giới thiện thú và mười cõi sắc giới, ngoại trừ năm cõi tịnh cư. Nó sanh lên trong ba hạng người: phàm nhân có tâm tục sinh tam nhân, người mà chúng đặc nhập lưu đạo và nhập lưu quả. Trong thực tế, sát-na tâm (citta) hướng ý môn, các sát-na đồng lực (javana) dục giới: chuẩn bị, cận hành, thuận thứ và chuyển tộc sanh lên trong phàm nhân, sát-na đồng lực (javana) đạo sanh lên trong người nhập lưu đạo và các sát-na đồng lực (javana) quả sanh lên trong người đã chứng đặc trạng thái quả; các tiến trình này diễn ra trong các cõi dục giới và sắc giới. Như vậy, bốn tâm (citta) quả dục giới tam nhân và năm tâm (citta) quả sắc giới làm chức năng hộ kiếp (bhavaṅga).

Những Lộ Tâm Đạo Và Thiên (Jhāna) Cao Hơn

Chúng ta nên hiểu rằng những lộ tâm nhập lưu đạo nhị thiền đến ngũ thiền và những thiên (jhāna) cao hơn, cũng như những tâm (citta), đối tượng, cõi và hạng người của chúng thì rất tương tự với lộ tâm nhập lưu đạo sơ thiền. Tuy nhiên, chúng ta nên lưu ý rằng, trong lộ tâm đạo ngũ thiền, những đồng lực (javana) dục giới sơ bộ (tức là chuẩn bị, cận hành, thuận thứ và chuyển tộc) sanh lên trước tâm đạo phải là hai tâm thiện dục giới thọ

xả hợp trí. Cũng vậy, tất cả những tâm đồng lực (javana citta) đạo và quả thực hiện chức năng bằng những tâm (citta) tương ứng của chúng. Những lộ tâm nhất lai đạo và bất lai đạo được tìm thấy trong bảy cõi dục giới thiện thú, mười cõi sắc giới và bốn cõi vô sắc. Lộ tâm A-la-hán (Arahanta) đạo còn có sanh lên trong năm cõi tịnh cư nữa. Tùy thuộc vào cõi, những tâm hữu phần (bhavaṅga citta) được thể hiện thông qua một trong bốn tâm (citta) dục giới tam nhân hay một trong chín tâm (citta) đạo đại. Về hạng người, người phạm tam nhân đã chứng đắc nhập lưu đạo sẽ tiến đến chứng đắc nhập lưu quả và chỉ có người đó mới có thể chứng đắc nhất lai đạo. Cho nên, lộ tâm nhất lai đạo sanh lên trong ba hạng người: người đã chứng đắc nhập lưu quả, người đã chứng đắc nhất lai đạo và người đã chứng đắc nhất lai quả.

Trong số những lộ tâm phản khán, ba¹ tiến trình xem xét lại đạo, quả và Níp-bàn (Nibbāna) là dùng tám tâm (citta) thiện và duy tác dục giới hợp trí. Khi xem xét lại những phiền não đã được tẩy trừ và chưa được đoạn diệt, mười sáu tâm (citta) thiện và duy tác dục giới làm chức năng đồng lực (javana). Đối tượng của những lộ tâm này thì giống với đối tượng mà chúng xem xét lại. Đối với hạng người, những tâm (citta) thiện sanh lên trong các bậc Thánh hữu học trong khi chỉ có những tâm (citta) duy tác sanh lên trong bậc A-la-hán (Arahanta). Chỉ có những vị đã chứng đạt quả mới có khả năng phản khán, và do đó, lộ tâm phản khán chỉ sanh lên trong bốn hạng Thánh nhân (tức là bốn người Quả).

¹ ND: Trong bản tiếng Anh ghi là “these” (những cái này), nhưng có thể đó là lỗi đánh máy của từ “three” (ba).

Lộ Tâm Quả (Phalagamāpatti Vīthi)

Lộ Tâm Nhập Thiền Quả

Lộ tâm nhập thiền quả thì cũng có năm loại như lộ tâm đặc đạo tùy thuộc vào những tầng cấp khác nhau của thiền (jhāna). Lộ tâm nhập thiền quả thiền (jhāna) thứ nhất diễn ra như sau. Vị Thánh nhập lưu, người mà đã chứng đắc thiền (jhāna) thứ nhất, đạo và quả, sẽ muốn trải nghiệm quả vị của sự chứng đắc của mình. Hướng đến việc bắt Níp-bàn (Nibbāna) làm đối tượng, vị đó hành thiền trên những trạng thái hữu vi của hiện tượng danh sắc¹. Khi một trong ba tướng trạng của thế giới hữu vi đi vào vùng nắm bắt của ý môn của hành giả một cách rõ ràng, dòng hữu phần (bhavaṅga) rung động hai lần và bị bắt giữ. Tâm (citta) hướng ý môn sanh lên. Rồi, nếu cá nhân đó là độn căn, tâm thuận thứ sanh lên bốn lần làm những đồng lực (javana) sơ bộ. Nếu hành giả là lợi căn, tâm thuận thứ chỉ sanh lên ba lần làm những đồng lực (javana) sơ bộ. Rồi, những đồng lực (javana) quả sanh lên bao lâu tùy theo ước muốn của hành giả. Khi hành giả xuất khỏi thiền quả, có sự chìm vào dòng hữu phần (bhavaṅga).

Cũng theo cách này, chúng ta phải nên hiểu tiến trình nhập vào những tầng thiền quả khác một cách tương ứng.

¹ ND: Câu nguyên văn tiếng Anh là: “By taking Nibbāna as an object, he meditates on the conditioning states of mental and material phenomenon.” Câu văn này không chuẩn về chi pháp. Chúng tôi mạn phép dịch thoáng như trên.

Lộ Tâm Nhập Sơ Thiên Nhập Lưu Quả Của Người Độn Căn

SB	"VB	AB	MA	CO	CO	CO	CO	FJ	...	"..."	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Tâm Nhập Sơ Thiên Nhập Lưu Quả Của Người Lợi Căn

SB	"VB	AB	MA	CO	CO	CO	FJ	...	"..."	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Ghi chú: FJ = đồng lực (javana) quả; ... = đồng lực quả (nhiều tùy thuộc vào ý nguyện)

Giải Thích

Có bốn hạng Thánh nhân: vị nhập lưu, vị nhất lai, vị bất lai và vị A-la-hán (Arahanta). Mỗi hạng Thánh nhân có thể nhập vào lộ thiên quả tương ứng với sự chứng đắc của vị đó. Cũng như một vị vua trải nghiệm sự an lạc của hoàng gia và một thiên nhân (deva) trải nghiệm sự an lạc của thiên giới, các bậc Thánh lưu trú trải nghiệm an lạc Níp-bàn (Nibbāna) trong hiện tại. Đối tượng của tâm (citta) quả là Níp-bàn (Nibbāna). Cho nên, tiến trình nhập thiên quả có nghĩa là trải nghiệm Níp-bàn (Nibbāna). Vị Thánh nhân có thể sống trong trạng thái này bao lâu tùy thích, nhiều nhất là bảy ngày. Như vậy, sống với sự an lạc của Níp-bàn (Nibbāna) thông qua sự sanh lên liên tục của những đồng lực (javana) quả được gọi là nhập thiên quả. Cũng vậy, sự

chìm vào dòng hữu phần (bhavaṅga) được gọi là xuất khỏi thiền quả.

Theo truyền thống cổ điển thì có 120 lộ nhập thiền quả khác nhau. Tuy nhiên, chúng ta chỉ tính 40 lộ khác nhau như đã được giải thích trong phần trình bày về lộ đắc đạo. Những lộ tâm này cũng có thể xảy ra trong dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Tuy nhiên, điều cần nên được lưu ý là những lộ nhập thiền nhập lưu quả và nhất lai quả không thể xảy ra trong năm cõi tịnh cư. Tất cả những chức năng hộ kiếp (bhavaṅga) cho người này được thực hiện bởi một trong mười ba tâm hữu phần (bhavaṅga citta), tức là bốn tâm (citta) quả thiện (ND: dục giới) hợp trí và chín tâm (citta) quả sắc giới và vô sắc giới.

Chức năng đồng lực (javana) thuận thứ ở trong ba lộ tâm nhập thiền quả đầu tiên được thực hiện bởi một trong những tâm (citta) thiện hợp trí, và ở trong lộ nhập thiền quả A-la-hán (Arahanta) thì được thực hiện bởi một trong những tâm (citta) duy tác hợp trí. Có phải tâm thiền (jhāna citta) thứ năm được đi kèm theo bởi thọ xả không? Và tâm thiền (jhāna citta) khác thấp hơn được đi kèm theo bởi thọ hỷ hay thọ xả? Chúng ta phải nên hiểu điều này tùy theo tầng mức của thiền (jhāna), hạng người và các giai đoạn của quả.¹

Thuận Thứ (Anuloma)

Tên gọi của đồng lực (javana) sơ bộ ngay trước đồng lực (javana) quả là thuận thứ (anuloma). Trong Bộ

¹ ND: Các câu văn nguyên tác tiếng Anh không chuẩn về ngữ nghĩa, chúng tôi mạn phép dịch thoáng như vậy.

Duyên Hệ (Paṭṭhāna)¹ có nói như sau: “arahato anulomaṃ phalasaṃpattiyā anantara paccayena paccayo, sekkhānaṃ anulomaṃ phalasaṃpattiyā anantara paccayena paccayo.” Tuy nhiên, trong Thanh Tịnh Đạo, ngài Ācariya Buddhaghosa lại đặt tên nó là chuyển tộc (gotrabhū).

Đồng lực (javana) thuận thứ, ở ngay trước đồng lực (javana) quả, không bắt Níp-bàn (Nibbāna) làm cảnh như tâm chuyển tộc ở ngay trước đồng lực (javana) đạo. Thật vậy, đối tượng của tâm thuận thứ là trạng thái hữu vi của hiện tượng danh sắc. Dĩ nhiên, chức năng của đạo là phóng thích chúng sanh, giải thoát họ khỏi vòng đau khổ. Do đó, tâm chuyển tộc ở ngay trước tâm đạo không bắt các pháp hữu vi làm cảnh; thay vào đó, nó bắt Níp-bàn (Nibbāna) làm cảnh cho phù hợp với tâm đạo. Ở mặt khác, chức năng của các tâm (citta) quả thì không phải là phóng thích như vậy, mà lại là trải nghiệm sự an lạc của Níp-bàn (Nibbāna) ngay tại hiện tiền. Cho nên, các tâm đồng lực (javana citta) thuận thứ ngay trước tâm quả không có nhu cầu nhất thiết phải rời bỏ đối tượng là các pháp hữu vi. Do đó, các đồng lực (javana) thuận thứ ngay trước đồng lực (javana) quả không bắt Níp-bàn (Nibbāna) làm đối tượng mà vẫn bắt các pháp hữu vi làm đối tượng. Điều này thì không giống với tâm chuyển tộc (hay dữ tịnh) ngay trước tâm đạo².

Hai hay ba đồng lực (javana) quả sanh lên trong lộ đắc đạo; tuy nhiên, đây không phải là một dạng nhập thiền quả mà chúng chỉ sanh lên như là kết quả của đồng lực (javana) đạo. Để nhập thiền quả, hành giả phải thực

¹ Paṭṭhāna (Bộ sách Thắng Pháp (Abhidhamma) thứ bảy) Vol. I, p. 138

² Visuddhimagga Mahātikā, Vol. II, p. 479-480

hành thiền sơ bộ mà không có đạo, bằng cách quan sát những pháp hữu vi là vô thường, khổ và vô ngã. Cho nên, sự sanh lên của những đồng lực (javana) quả mà không có đạo thì được gọi là nhập thiền quả. Trước khi nhập thiền quả, hành giả phải ước nguyện về thời gian hành giả sẽ an trú trong trạng thái đó (nhiều nhất là bảy ngày). Khi khoảng thời gian như đã được chú nguyện trước này chấm dứt, lộ tâm đồng lực (javana) quả chấm dứt và tâm hữu phần (bhavaṅga citta) sanh lên. Sự xuất hiện của tâm hữu phần (bhavaṅga) tại điểm kết thúc của đồng lực (javana) quả được gọi là sự xuất khỏi thiền quả.

Lộ Tâm Thần Thông (Abhiññā Vīthi)

Lộ tâm thần thông thì có bảy loại: (i) thần túc thông, (ii) thiên nhĩ thông/minh, (iii) tha tâm thông/minh, (iv) túc mạng thông/minh, (v) thiên nhãn thông/minh, (vi) sanh tử thông, và (vii) vị lai trí¹. Trong số chúng, thần túc thông có ba loại²: (i) thành công/kết quả do bởi tiến trình quyết định/ước muốn, (ii) thành công/kết quả như là một tiến trình chuyển hóa và (iii) thành công/kết quả như là tiến trình do ý tạo.

Lộ tâm thần thông về sự thành công/kết quả do bởi tiến trình quyết định/ước muốn diễn ra như sau: Thông thường, đối với một người đã thuần thục trong tám tầng thiền định, nếu muốn thể hiện những loại thần thông khác nhau, trước hết người này quan sát một trong các đối tượng/đề mục kasiṇa và rồi nhập vào thiền. Đây là lộ

¹ (ND: Trong nguyên tác có sự nhầm lẫn về chú thích bắt đầu từ đây) i) Iddhividha Abhiññā, ii) Dibbasota Abhiññā, iii) Paracittavijānana Abhiññā, iv) Pubbenivāsānussati Abhiññā, v) Dibbacakkhu Abhiññā, vi) Yathākammupaga Abhiññā, vii) Anāgatama Abhiññā
² i) Adhiṭṭhānidhi, ii) Vikubbaniddhi, iii) Manomayiddhi

nhập thiền cơ bản hay làm nền cho thần thông. Rồi, nếu hành giả ước muốn hiện ra nhiều bản sao của chính mình, hành giả ước nguyện như sau “hãy làm hiện ra một trăm hay một ngàn bản sao riêng biệt giống hệt nhau của chính tôi.” Rồi lộ tâm ý môn đồng lực (javana) dục giới làm công việc (chuẩn bị) sơ bộ diễn ra; đây là tiến trình cơ bản hay nền tảng cần thiết phải được trải nghiệm trong sự ước muốn của hành giả. Rồi, một lần nữa quan sát một trong những đối tượng/đề mục kasiṇa, hành giả nhập vào thiền (jhāna) sắc giới thứ năm; đây là lộ tâm nền hay cơ bản của thần thông. Rồi, quan sát (hay suy tưởng về) một trăm hay một ngàn thân tướng (tức là lấy một trăm hay một ngàn thân tướng làm đối tượng), lộ tâm thần thông diễn ra khiến cho hành giả có thể tạo ra số lượng thân tướng mà hành giả đã ước nguyện tạo ra. Những thần thông khác nhau xuất hiện một cách tự nhiên tùy theo ước nguyện của hành giả.

Lộ Thiên Cơ Bản Hay Lộ Thiên Nền

SB	"VB	AB	MA	PR	AC	CO	CL	JC	JC	JC"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Tâm Làm Công Việc (Chuẩn Bị) Sơ Bộ

SB	"VB	AB	MA	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Lộ Tâm Thần Thông (Abhiññā)

SB	"VB	AB	MA	PR	AC	CO	CL	DK"	SB
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Ghi chú: DK = thần thông (Abhiññā)

Giải Thích

Khả năng hay năng lực đặc biệt mà đi cùng với tâm thiện và tâm duy tác thiền (jhāna) sắc giới thứ năm được gọi là thần thông. Do đó, toàn bộ thiền (jhāna) sắc giới thứ năm được chỉ định hay được định đặt là thần thông (abhiññā). Thần thông (abhiññā) thì có bảy như sau:

- (i) Thần túc thông (iddhividha abhiññā): Năng lực tạo ra các vật thể, bay trong hư không, đi trên nước, độn thổ và vân vân.
- (ii) Thiên nhĩ thông (dibbasota abhiññā): Năng lực làm cho hành giả có thể nghe được những âm thanh thô hay tế, xa hay gần.
- (iii) Tha tâm thông (paracittavijānana): Năng lực xâm nhập vào tâm trí của những người khác để hiểu biết được những suy nghĩ của họ.
- (iv) Túc mạng thông (Pubbenivāsānussati): Năng lực nhớ lại những kiếp sống trước của chính bản thân và những cảnh giới đã từng sống trong đó.
- (v) Thiên nhãn thông (Dibba-cakkhu): Năng lực làm cho hành giả có thể thấy được những vật thô hay

tế, xa hay gần, cũng như những cảnh giới của Thiên chúng và các đọa xứ.

(vi) Sanh tử thông (Yathākammūpaga ñāṇa): Năng lực thấy được chúng sanh trong 31 cõi và biết được nghiệp (kamma) tương ứng đưa họ tái sanh vào những cõi đó.

(vii) Vị lai trí (Anāgatamsa ñāṇa): Năng lực biết được những kiếp sống trong tương lai và những cảnh giới trong tương lai.

Các tầng thiền (jhāna) sắc giới được liệt kê là bốn và các tầng thiền (jhāna) vô sắc cũng có bốn. Do đó, điều được ghi nhận là: “có tám sự chứng đắc kiên cố thiên”. Một người ước muốn chứng đạt thân thông phải thuần thục trong tất cả tám tầng thiền. Tức là người này không chỉ chứng đắc tám tầng thiền mà còn phải lão luyện trong sự chứng đắc. Trong Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga) có nói: “Hành giả phải đạt được tám sự chứng đắc trong cả tám đề mục kasaṇa (đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ và trắng). Hành giả cũng phải có được sự điều khiển tâm trí một cách hoàn chỉnh theo mười bốn phương cách sau: (i) theo thứ tự (thuận chiều) của đề mục kasaṇa, (ii) theo thứ tự nghịch chiều của đề mục kasaṇa, (iii) theo thứ tự thuận chiều và nghịch chiều của đề mục kasaṇa, (iv) theo thứ tự (thuận chiều) của các tầng thiền (jhāna), (v) theo thứ tự nghịch chiều của các tầng thiền (jhāna), (vi) theo thứ tự thuận chiều và nghịch chiều của các tầng thiền (jhāna), (vii) nhảy bỏ bằng các tầng thiền (jhāna), (viii) nhảy bỏ bằng các đề mục kasaṇa, (ix) nhảy bỏ bằng các tầng thiền (jhāna) và các đề mục kasaṇa, (x) sự chuyển đổi vị trí của các chi thiền, (xi) sự chuyển đổi vị trí của đối tượng, (xii) sự chuyển đổi vị trí của các chi thiền và đối tượng, (xiii) sự

miêu tả các chi thiền và (xiv) sự miêu tả đối tượng.” Tuy nhiên, đối với những vị có trí tuệ sắc bén hay những vị có sự thấu hiểu sâu sắc thì ngay theo sau sự chứng đắc thiền (jhāna) thứ năm hay ngay theo sau sự chứng đắc đạo quả, các vị này chứng đạt thần thông ngay tức thì¹.

Một người có thần thông và ước muốn thể hiện thần thông, trước hết, nhập vào lộ thiền nền và lộ tâm làm công việc (chuẩn bị) sơ bộ. Rồi, người đó nhập vào thiền (jhāna) thứ năm làm nền và rồi nhập vào lộ thần thông (abhiññā). Không có số lượng nhất định của các tâm thiền (jhāna) trong lộ thiền (jhāna) nền. Đây là một loại nhập thiền, tức là các tâm thiền (jhāna) có thể sanh lên nhiều chừng nào tùy theo sự cần thiết và rồi theo sau là các lộ tâm phản khán các chi thiền như thường lệ.

Ích lợi của việc nhập vào các lộ thiền nền là gì? Đối với hành giả nhập vào các lộ thiền nền, định (samādhi) của hành giả trở nên rất mạnh. Điều này làm cho hành giả có thể thiết lập nên những hoạt động sơ bộ. Hành giả nguyện rằng: “Hãy làm hiện ra một trăm hay một ngàn bản sao riêng biệt giống hệt nhau của chính tôi.” Tâm trí của hành giả vững chắc hướng về đối tượng hành giả đang chú nguyện. Do đó, việc nhập vào lộ thiền nền là thiết yếu.

Ở đây, các từ “hãy làm hiện ra một trăm hay một ngàn” không được tụng niệm đi lại nhiều lần. Mà đây chỉ là một việc bày tỏ nguyện vọng của hành giả. Do đó, tiến trình này cũng được gọi là “lộ tâm ước nguyện”, và nó là một lộ ý môn đồng lực (javana) dục giới. Lộ tâm này có thể phải xảy ra nhiều lần để hoàn thành ước nguyện. Rồi, hành giả nhập vào lại thiền (jhāna) thứ năm làm

¹ Xem Path of Purification (Thanh Tịnh Đạo), p. 410.

nền cho lộ thần thông (abhiññā). Tại sao hành giả phải nhập vào lại thiền (jhāna) thứ năm làm nền cho lộ thần thông (abhiññā)? Lý do là vì hành giả cần phải nhập vào lại lộ thiền nền để làm cho quyết định của mình có đầy đủ năng lực. Do đó, để có sự hiển thị thần thông (abhiññā) mạnh mẽ, hành giả phải nhập vào lộ thiền nền. Đối với những ai mà thần thông là tự nhiên hay đã trở thành bản năng thì lộ thiền nền có thể không cần thiết nữa. Cho nên, ngài Ācariya Anuruddha và những nhà chú giải khác đã không nhắc đến lộ thiền (jhāna) nền sau cùng này.

Những lúc lộ thần thông không sanh lên thì có nhiều lộ thiền (jhāna) nền và những lộ hoạt động sơ bộ sẽ diễn ra lặp đi lặp lại. Tiến trình này không thể xảy ra trong vô sắc giới vì tại đó không có sự nhập vào thiền (jhāna) sắc giới thứ năm. Tuy nhiên, nó có xảy ra trong bảy cõi dục giới thiện thú và mười lăm cõi sắc giới. Do đó, một trong bốn tâm (citta) quả dục giới tam nhân hay năm tâm (citta) quả sắc giới tham dự vào làm tâm hữu phần (bhavaṅga) tương ứng. Những lộ tâm thần thông này sanh lên trong năm hạng người: người phạm tam nhân và bốn bậc Thánh nhân. Các lộ tâm thần thông (abhiññā) duy tác xảy ra trong vị A-la-hán (Arahant) và những lộ tâm thần thông (abhiññā) thiện xảy ra trong người phạm tam nhân và ba bậc Thánh hữu học. Những tâm đồng lực (javana citta) đi trước tâm thông (abhiññā) phải là những tâm (citta) thiện và duy tác dục giới thọ xả, tức là chúng phải phù hợp với thiền (jhāna) sắc giới thứ năm. Nếu hành giả là lợi căn, đồng lực (javana) sơ bộ chỉ sanh lên ba lần.

Chúng ta đã giải thích sơ lược lộ thần thông (abhiññā) cơ bản, những lộ thiền nền và những lộ tâm làm việc sơ bộ. Những lộ thần thông còn lại cho những

loại thần thông khác nhau thì giống như vậy, ngoại trừ những lộ tâm làm việc sơ bộ¹.

Lộ Tâm Nhập Thiên Diệt (Nirodhasamāpatti Vīthi)

Chúng ta hãy bàn về hai bậc Thánh nhân: vị bất lai và vị A-la-hán (Arahant), những vị mà đã thành tựu trong việc chứng đắc cả tám tầng thiên, ở trong dục giới và sắc giới, những vị mà thấy rằng ngũ uẩn là một gánh nặng, chán bỏ chúng và ước muốn sống trải nghiệm an lạc Níp-bàn (Nibbāna) trong thực tại. Trước hết, hai bậc này nhập vào thiên hiệp thể thứ nhất. Rồi các ngài thực hành thiên trên tâm thiên và các chi thiên của nó, quan sát tính vô thường, khổ và vô ngã của chúng. Rồi cũng theo cách đó, các ngài nhập vào thiên (jhāna) sắc giới thứ hai, thứ ba và thứ tư, và rời thiên (jhāna) vô sắc thứ nhất và thứ hai, từng tầng thiên một. Bất cứ khi nào các ngài xuất khỏi một tầng thiên, các ngài quan sát tâm thiên và các chi thiên tương ứng là vô thường, khổ và vô ngã. Các ngài nhập vào thiên vô sắc thứ ba và xuất khỏi đó; nhưng các ngài không quan sát hay thực hành thiên trên tâm thiên (jhāna) và những chi thiên. Thay vào đó là có sự diễn ra của những lộ tâm ý môn đồng lực (javana) dục giới làm bốn nhiệm vụ: ước nguyện không có tai họa xảy ra cho vật sở hữu khác (nānābaddha avikopana), sự chờ đợi của Tăng chúng (saṅgha paṭimānana), lệnh truyền gặp của Đức Phật (satthupakkosana) và giới hạn của đời sống còn lại (addhānapariccheda). Rồi, các ngài nhập vào thiên (jhāna) vô sắc thứ tư, tức là thiên phi tướng phi phi tướng. Sau hai sát-na thiên (jhāna), các ngài nhập vào

¹ Op. Cit.

thiền diệt với sự ngưng lại của tâm thức, các tâm sở (cetasika) và sắc pháp do tâm tạo¹. Khi các ngài xuất khỏi thiền diệt, một đồng lực (javana) quả sanh lên. Nếu hành giả là vị bất lai thì đó là đồng lực bất lai quả, và nếu hành giả là vị A-la-hán (Arahant) thì đồng lực (javana) A-la-hán (Arahatta) quả sanh lên. Rồi có sự chìm vào dòng hữu phần (bhavaṅga).

¹ Cittaja rūpa

Lộ Tâm Nhập Thiên Diệt

SB	"VB	AB	MA	PR	AC	CO	CL	JC	JC	Sự Ngưng Lại	FC"	SB
000 000	000 000	000 000	000 000	000 000	000 000	000 000	000 000	000 000	000 000	000 000	000 000

Giải Thích

Chỉ có hai hạng Thánh nhân có thể nhập vào thiền diệt: vị bất lai và vị A-la-hán (Arahant) mà đã chứng đắc tám tầng thiền. Sự chứng nhập thiền diệt được chứng đắc nhờ vào năng lực của thiền chỉ tịnh (samatha) và thiền minh sát (vipassanā). Sự nhập thiền diệt là sự không diễn ra của tâm và các tâm sở do bởi sự ngưng lại một cách lâu dài của chúng. Hành giả muốn nhập vào thiền diệt trước hết phải chứng đắc tất cả các tầng thiền và phải thực hành thiền minh sát (vipassanā). Hành giả phải quan sát các tâm thiền và những chi thiền là vô thường, khổ và vô ngã. Như vậy, phát triển cả thiền chỉ (samatha) và thiền quán (vipassanā) cùng với nhau, hành giả mới có thể chứng đạt được trạng thái thiền diệt. Hãy lưu ý rằng trong vô sắc giới, tiến trình này không thể xảy ra vì không có thiền (jhāna) sắc giới để nhập vào, tức là không thể chứng đắc được thiền sắc giới. Tuy nhiên, tiến trình này có thể xảy ra trong dục giới thiện thú và sắc giới.

Bốn Điều Ước Nguyện

Ngay trước khi nhập vào thiền diệt, vị cao nhân này chú nguyện bốn điều sau đây:

(i) Không có tai họa xảy ra cho những vật sở hữu khác (nānābaddha avikopana): Trước khi hành giả nhập vào thiền diệt, hành giả nên chú nguyện rằng: “Những vật sở hữu khác như thế này và thế này sẽ không bị hư hoại hay bị tàn phá bởi lửa, gió, trộm cướp và vân vân.” Những vật phụ tùng như y nội và y ngoại, trong khi hành giả ngồi quay mặt về hướng đông, là ở cùng với hành giả cho nên, do năng lực của thiền diệt, không thể bị hủy hoại. Những vật sở hữu khác như bát, giường, ghế,

phòng trọ hay bất kỳ những vật phụ tùng khác nhau thuộc quyền sở hữu của hành giả hay của những người khác có thể bị hủy hoại trong suốt thời gian hành giả ở trong thiền diệt. Do đó, hành giả chú nguyện điều này trước khi nhập vào thiền diệt.

(ii) Sự chờ đợi của Tăng chúng (saṅgha paṭimānana): Tăng chúng (Saṅgha) có thể đang chờ đợi hành giả thực hành những Tăng sự. Do đó, hành giả chú nguyện rằng: “Trong khi tôi đang ngồi nhập thiền trong bảy ngày, nếu Tăng chúng (Saṅgha) cần tôi, tôi sẽ xuất khỏi thiền.” Ước nguyện này làm cho hành giả có thể xuất thiền trước khi một tu sĩ nào đó đến để kêu gọi hành giả. Nếu hành giả không chú nguyện như vậy, Tăng chúng (Saṅgha) có thể gọi một tu sĩ đến triệu tập hành giả. Ngay khi vị tu sĩ gọi tên hành giả, hành giả sẽ xuất khỏi thiền diệt.

(iii) Lệnh truyền gặp của Đức Phật (satthupakkosana): Hành giả chú nguyện rằng: “Nếu Đức Phật cần tôi với bất kỳ nguyên nhân gì, tôi sẽ xuất khỏi thiền trước khi một ai đó đến triệu tập tôi.” Lời nguyện này làm cho hành giả có thể xuất khỏi thiền diệt trước khi một ai đó đến triệu tập hành giả. Tuy nhiên, nếu hành giả không chú nguyện như vậy trước khi nhập thiền diệt, hành giả sẽ xuất thiền ngay khi một ai đó đến triệu tập hành giả.

(iv) Giới hạn của đời sống còn lại (addhānapariccheda): Hành giả phải nên rất cẩn thận xác định giới hạn của tuổi thọ còn lại của mình. Tuy nhiên, nếu tuổi thọ của hành giả là ngắn hơn bảy ngày (của thiền diệt), hành giả phải xuất thiền trước khi tử. Nếu hành giả chết đi tại thời điểm xuất khỏi thiền diệt, hành giả sẽ (trong trường hợp của vị bất lai) lỡ mất cơ hội thực hành để chứng đắc quả vị A-la-hán (Arahant). Nếu hành giả là bậc A-la-hán (Arahanta), hành giả sẽ

không có thời gian thông báo cho Tăng chúng (Saṅgha) về việc chứng đắc quả vị A-la-hán (Arahant) của mình và cũng không có thời gian chia sẻ những hướng dẫn của mình đến cho Tăng chúng (Saṅgha). Cho nên, việc chú nguyện này là thiết yếu nhất, và hành giả phải chú nguyện điều này trước khi nhập vào thiền diệt. Những điều chú nguyện khác thì không thiết yếu.

Trong lộ tâm này, thiền (jhāna) là thiền vô sắc thứ tư, tức là phi tưởng phi phi tưởng. Nếu hành giả là bậc bất lai, đồng lực (javana) thiện và tâm (citta) quả bất lai diễn ra. Nếu hành giả là bậc A-la-hán (Arahant), đồng lực (javana) duy tác và tâm (citta) quả A-la-hán (Arahatta) diễn ra. Những tâm (citta) thiện và duy tác dục giới thọ xả hợp trí làm chức năng đồng lực (javana) sơ bộ, vân vân¹, ngay trước tâm thiền (jhāna) thọ xả. Bốn tâm (citta) quả dục giới tam nhân² và năm tâm (citta) quả sắc giới làm chức năng hộ kiếp (bhavaṅga) trong bảy trạng thái dục giới và năm trạng thái sắc giới³. Sự chứng đắc thiền diệt là sự hưởng lợi đạt được từ trí tuệ của đạo. Trong thiền minh sát (vipassanā), sự chứng đắc thiền quả là sự hưởng lợi. Thần thông là kết quả của định (samādha) hiệp thế.

Tại sao chỉ có hai tâm thiền (jhāna) sanh lên trước khi nhập vào thiền diệt? Lý do là vì tất cả những nỗ lực chuẩn bị sơ bộ chỉ là để được nhập vào thiền diệt. Ví dụ, trước khi nhập vào thiền diệt, hành giả phải nỗ lực nhập vào sơ thiền và vân vân. Sự phát triển cả thiền chỉ

¹ Chuẩn bị (parikamma), cận hành (upacāra), thuận thứ (anumola) và chuyển tộc (gotrabhū)

² ND: Những từ tiếng Anh là: “four sense-sphere triple cittas”

³ ND: Chúng tôi không rõ có phải ý của tác giả là 7 cõi dục giới thiện thú và 15 cõi sắc giới không.

(samatha) và thiền minh sát (vipassanā) tại mỗi tầng thiền không phải là để nhập vào thiền (jhāna) phi tưởng phi phi tưởng, mà những sự phát triển đó là chỉ để nhập vào thiền diệt. Do đó, trong tiến trình của thiền phi tưởng phi phi tưởng, sau hai sát-na thiền (jhāna), hành giả nhập vào thiền diệt¹.

Vị nhập lưu và vị nhất lai không thể chứng đạt được thiền diệt. Điều này là vì các ngài chưa tẩy trừ được khuynh hướng ái dục tiềm ẩn. Đây là triển cái hay chướng ngại chính yếu cho định hay cho sự tập trung, và (do đó) định của các ngài vẫn còn yếu. Trong khi đó, vị bất lai và vị A-la-hán (Arahant) đã nhổ tận gốc rễ khuynh hướng ái dục tiềm ẩn; do đó, định (samādhi) của các ngài cực kỳ mạnh và vừa đủ cho các ngài nhập vào thiền diệt. Bất cứ khi nào các ngài quan sát sự sanh diệt của các pháp hành, các ngài cảm thấy bất toại nguyện hay chán bỏ về chúng, và ước muốn sống một cách an lạc, tự tại khỏi những pháp hữu vi, và do đó, nhập vào thiền diệt.

Khi dùng vật thực, một người trong dục giới có thể duy trì hay tồn tại trong bảy ngày; theo đó, hành giả có thể an trú trong thiền diệt nhiều nhất là bảy ngày. Dục giới ở đây có nghĩa là cõi nhân loại, những cõi dục thiện thú cao hơn thì đầy những dục lạc khác nhau và rất khó tìm được một nơi cô lập yên tịnh tại đó. Cho nên, vị bất lai sẽ tái sanh vào các cõi thiên, hay vào các cõi tịnh cư; sau đó, các ngài sẽ trở thành A-la-hán (Arahant) và chứng đạt vô dư Níp-bàn (Parinibbāna).

¹ Một vài giáo thọ sư cho rằng điều này xảy ra chỉ sau một tâm thiền (jhāna).

Sự khác nhau giữa một người chết và một vị đang nhập thiên diệt là gì? Khi một người chết, người đó đã kết thúc đời sống của mình. Các thân hành, ngữ hành và ý hành của người đó đã ngưng lại và khá tĩnh lặng. Đời sống của người đó đã cạn kiệt, nhiệt lượng của người đó đã giảm thiểu và các căn quyền của người đó bị gãy vỡ. Trong khi đó, khi một người nhập thiên diệt, các thân hành, ngữ hành và ý hành của người đó đã ngưng lại và khá tĩnh lặng, nhưng đời sống của người đó không cạn kiệt, nhiệt độ của người đó không giảm thiểu và các căn quyền của người đó vẫn khá toàn vẹn.

Sự chứng đắc thiên diệt không được phân loại là pháp hữu vi hay pháp vô vi, hay hiệp thế hay siêu thế. Điều này là vì nó không có bản chất như là thực tại. Tuy nhiên, vì trạng thái thiên diệt được chứng đạt bởi một người có nỗ lực vượt bậc, cho nên, nếu nó cần phải được phân loại, nó sẽ được xem là được tạo ra hay được sản sinh ra (nipphanna), chứ không phải là không được tạo ra hay không được sản sinh ra (anipphanna)¹.

Lộ Tâm Tử (Maraṇāsanna Vīthi)

Lộ Tử Ngũ Môn

Lộ tâm tử có hai loại: lộ ngũ môn và lộ ý môn. Lộ ngũ môn thì được chia nhỏ ra làm năm loại: lộ nhãn môn, lộ nhĩ môn, lộ tỷ môn, lộ thiệt môn và lộ thân môn. Trong số này, lộ nhãn môn có bốn loại: tâm tử sanh lên sau đồng lực (javana), tâm tử sanh lên sau đồng lực (javana) và hữu phần (bhavaṅga), tâm tử sanh lên sau tâm na cảnh, và tâm tử sanh lên sau tâm na cảnh và hữu

¹ PP 824--833

phần (bhavaṅga). Tiến trình mà trong đó tâm tử sanh lên sau đồng lực (javana) diễn ra như sau:

Khi một cảnh sắc xuất hiện tại mắt của một người đang chết, sau một hữu phần (bhavaṅga) trôi qua, nó đi vào vùng năm bắt của con mắt của người đó; tâm hữu phần (bhavaṅga citta) rung động trong hai sát-na và bị bắt giữ. Rồi tâm hướng ngũ môn sanh lên và diệt đi hướng về cùng cảnh sắc đó. Ngay lập tức sau đó, các tâm sau sanh lên và diệt đi theo thứ tự: tâm nhãn thức thấy đối tượng đó, tâm tiếp thân tiếp nhận nó, tâm quan sát điều tra nó và tâm đoán định xác nhận nó. Theo sau đó, bất kỳ một trong số 29 tâm đồng lực (javana citta) tử dục giới sanh lên trong năm sát-na. Sau những đồng lực (javana), tâm tử sanh lên và được đi theo sau bởi tâm tục sinh. Rồi mười lăm hay mười sáu tâm hữu phần (bhavaṅga citta) sanh lên tương ứng và rồi tâm (citta) hướng ý môn và được theo sau là bảy tâm đồng lực (javana citta) hữu dục (bhava-nikantika). Rồi tiếp theo là sự chìm vào dòng hữu phần (bhavaṅga).

Lộ Tử Với Tâm Tử Sanh Lên Sau Đồng Lực (Javana)¹

¹ ND: Có một vài điểm sai lệch trong sơ đồ của lộ tâm trong nguyên tác tiếng Anh.

SB	"PB	VB	AB	FA	EC	RC	IC	DC	JC	JC	JC	JC	JC	CC	PC	BC	BC	BC	BC
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000
BC	BC	BC	BC	BC	BC	BC	BC	BC	BC	BC	BC	MA	JC	JC	JC	JC	JC	JC	JC
000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000
BC	JC"	SB	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000

Ghi chú: ooo = ba tiểu sát-na sanh, trụ và diệt của một sát-na tâm; SB = dòng tâm hữu phần (bhavaṅga); PB = hữu phần (bhavaṅga) vừa qua; VB = hữu phần (bhavaṅga) rúng động; AB = hữu phần (bhavaṅga) dứt dòng; FA = hướng ngũ môn; EC = nhãn thức; RC = tâm tiếp thụ; IC = tâm quan sát; DC = tâm đoán định; JC = tâm đồng lực (javana); RS = tâm na cảnh; CC = tâm tử (cuti); PC = tâm tục sinh (paṭisandhi); BC = tâm hữu phần (bhavaṅga); MA = tâm hướng ý môn

Giải Thích

Bất kỳ lộ tâm nào mà khiến cho tâm tử sanh lên tại phía cuối của lộ tâm (có hoặc không có tâm hữu phần (bhavaṅga) xen vào) thì được gọi là “lộ tâm tử”. Các giáo thọ sư cổ xưa của Thắng Pháp (Abhidhamma) đã không nhắc đến lộ tâm tục sinh một cách riêng biệt mà lại bao gồm nó trong lộ tâm tử. Cho nên, ở đây, cả hai lộ tâm tử và tục sinh được giải thích một cách ngắn gọn.

Lộ tâm tử được miêu tả ở trên xảy ra với cảnh rất lớn. Ba điều kiện có mặt trong lộ tâm này: đồng lực (javana) dục giới, chúng sanh dục giới và cõi dục. Tuy nhiên, tâm na cảnh không sanh lên¹. Khi sắc pháp do nghiệp (kamma) tạo diệt đi, tâm tử sẽ sanh lên². Hơn

¹ ND: Nguyên văn tiếng Anh là “However, registration is arising,” tức có nghĩa là “Tuy nhiên, tâm na cảnh đang sanh lên”. Chúng tôi nghĩ rằng đây là lỗi đánh máy hay lỗi biên tập do dựa vào cấu trúc của câu nguyên văn tiếng Anh và do dựa vào sơ đồ lộ tâm trên. Chúng tôi mạn phép dịch như trên.

² ND: Chúng tôi cũng tin rằng đây là lỗi biên tập, vì sắc pháp do nghiệp tạo diệt đi tại tiểu sát-na tử của tâm tử. Xin độc giả tham khảo các tài liệu Thắng Pháp khác, chẳng hạn như Cẩm Nang Nghiên Cứu Thắng Pháp, Tập Hai, mục 6.6.

nữa, đối với người có tâm tục sinh thọ xả, cảnh thì rất đáng được khao khát và đồng lực (javana) thì đi kèm với thọ ưu, thì trong trường hợp này, tâm (citta) tử sẽ sanh lên không có tâm na cảnh như được trình bày ở trên.

Với lộ tâm mà trong đó tâm (citta) tử sanh lên sau đồng lực (javana) và hữu phần (bhavaṅga), tâm hữu phần (bhavaṅga citta) sanh lên không chỉ một sát-na, mà là hai, ba hay nhiều sát-na sẽ sanh lên miễn là sắc pháp do nghiệp (kamma) tạo chưa diệt đi. Đối với những người có tâm (citta) tục sinh thọ xả, đối tượng là rất đáng được khao khát và đồng lực (javana) là thọ ưu, thì loại lộ tâm này sẽ xảy ra. Và rồi, đối với những ai có tâm tục sinh thọ hỷ, nhưng đồng lực (javana) lại được đi kèm theo bởi thọ ưu, thì lộ tâm xảy ra cho họ với tâm hữu phần (bhavaṅga) khách. Không chỉ với cảnh rất lớn, mà với lộ tâm cảnh lớn, tâm tử cũng có sanh lên sau đồng lực (javana). Chúng ta nên hiểu rằng những lộ tâm tương tự cũng xảy ra cho những cảnh dục khác liên quan với năm môn giác quan.

Có 54 tâm (citta) dục giới xảy ra trong lộ tâm tử ngũ môn này. Chín đồng lực (javana) duy tác được loại ra vì những đồng lực (javana) duy tác chỉ xảy ra trong các vị A-la-hán (Arahant); các vị A-la-hán (Arahant) không chứng đạt Níp-bàn (Nibbāna) với những lộ ngũ môn. Những tâm hữu phần (bhavaṅga) và tâm (citta) tử của kiếp sống trước bắt cảnh là nghiệp (kamma), nghiệp tướng hay thú tướng mà vốn là đối tượng của đồng lực (javana) của kiếp sống quá khứ. Tuy nhiên, về câu “mà vốn là đối tượng của đồng lực (javana) của kiếp sống quá khứ” thì vẫn không được rõ ràng.

Cùng với những tâm hữu phần (bhavaṅga) và tâm (citta) tử còn có những tâm (citta) khác xảy ra trong lộ

tâm này, ví dụ như tâm (citta) hướng ngũ môn và vân vân. Những tâm này bắt một trong năm cảnh dục về nghiệp (kamma), nghiệp tướng hay thú tướng làm đối tượng. Thật vậy, đối tượng của lộ tâm tử được gọi tên là một trong nghiệp (kamma), nghiệp tướng hay thú tướng. Nghiệp (kamma) có nghĩa là tâm sở tư thông qua đó người đó đã thực hành những việc tốt hay xấu trong quá khứ của cùng đời sống đó. Cho nên, năm cảnh dục không thể được gọi là nghiệp (kamma). Thú tướng là một biểu tượng của cảnh giới mà người đang chết gần tái sanh vào và do đó, một vài giáo thọ sư cho rằng thú tướng này không thể xuất hiện trong lộ ngũ môn; nó chỉ có thể xuất hiện trong lộ ý môn. Nghiệp tướng có nghĩa là một đối tượng hay hình ảnh có liên quan với việc tốt hay xấu mà sẽ xác định việc tái sanh, hay là một công cụ đã được dùng để thực hiện việc đó. Ấn tướng này là nguyên nhân chính yếu của nghiệp (kamma) đã thành tựu¹; cho nên, nó được gọi là nghiệp tướng. Ấn tướng hay công cụ này là một trong những cảnh dục. Lộ tâm ngũ môn chỉ bắt cảnh dục hiện tại, cho nên, nó được nói là “lộ tâm bắt cảnh ngũ hiện tại của nghiệp tướng làm đối tượng.”

Tâm (citta) tục sinh và các tâm hữu phần (bhavaṅga citta) trong kiếp sống mới cũng bắt cảnh ngũ (dục) của nghiệp tướng làm cảnh, nhưng sự phân biệt giữa nghiệp tướng hiện tại và quá khứ thì phụ thuộc vào tiến trình. Ví dụ sau đây minh họa cho điểm này. Từ hữu phần (bhavaṅga) vừa qua cho đến tâm (citta) tử, nếu cảnh dục chưa hoàn thành đời sống dài mười bảy sát-na tâm của nó thì tâm (citta) tục sinh và một vài tâm hữu phần (bhavaṅga citta) sẽ có cảnh dục hiện tại của nghiệp tướng làm đối tượng của chúng; và tâm hữu phần

¹ Nghiệp (kamma) thành tựu

(bhavaṅga citta) tiếp theo bắt cảnh dục quá khứ là nghiệp tướng. Nếu đối tượng của kiếp sống trước đã hoàn thành đời sống mười bảy sát-na tâm tại thời điểm tử thì tâm (citta) tục sinh và những tâm hữu phần (bhavaṅga citta) khác bắt cảnh dục quá khứ là nghiệp tướng. Do đó, chúng ta nên hiểu như vậy về đối tượng của tâm tục sinh và những tâm hữu phần (bhavaṅga citta) trong kiếp sống mới.

Tâm (citta) hướng ý môn và bảy tâm đồng lực (javana citta) hữu dục (tức là khao khát và nắm giữ vào sự hiện hữu) bắt đối tượng là các danh uẩn quả và các sắc pháp do nghiệp tạo (kaṭattā) mà được gọi là sự tục sinh (paṭisandhi) (Các tâm (citta) quả thực hiện việc tục sinh, các tâm sở (cetasika) kết hợp của chúng và các sắc pháp do nghiệp (kamma) tạo sanh lên cùng với chúng được gọi là sự tục sinh (paṭisandhi)). Ví dụ, tâm (citta) quả thiện thứ nhất, 33 tâm sở (cetasika) kết hợp của nó và ba nhóm sắc (kalāpa) do nghiệp tạo được gọi là “sự tục sinh (paṭisandhi) tam nhân¹”. Sự tục sinh (paṭisandhi) này cũng được gọi là hữu (bhava) và những tâm đồng lực (javana citta) thêm khát các pháp đó và bắt chúng làm đối tượng (tức là thêm khát sự hiện hữu). Cho nên, những đồng lực này được gọi là “những đồng lực hữu dục (bhavanikantika javana).” (Điều này là chung cho tất cả chúng sanh hữu tình, cho dầu sự tái sanh là trong các cõi thiện thú hay trong các cõi ác thú. Họ có sự dính mắc vào chính đời sống hay chính sự hiện hữu của họ.)

Tại thời điểm tử, các nhóm sắc pháp (kalāpa) do nghiệp tạo không còn sanh lên sau sát-na tâm thứ mười

¹ Tihetukapaṭisandhi = Tâm tục sinh liên kết với vô tham (alobha), vô sân (adosa) và vô si (amoha)

bảy tính ngược từ tâm tử. Cho nên, không giống như trong những lộ tâm bình nhật, các tâm giác quan (mắt, tai, vân vân) trong lộ tâm tử lại có sự nương tựa của chúng trong năm vật sanh lên tại tiểu sát-na sanh của tâm thứ mười bảy tính ngược từ tâm tử. Điều có thể xảy ra là năm tâm giác quan nương tựa trên bất kỳ vật nào đang hiện hữu tại thời điểm sanh lên của chúng. Cũng vậy, những tâm (citta) khác (ngoại trừ những tâm giác quan) cũng sanh lên tại sắc ý vật mà đã sanh lên với tâm (citta) thứ mười bảy tính ngược từ tâm (citta) tử. Không giống như trong các lộ tâm bình nhật, trong lộ tâm tử, không có sắc ý vật sanh lên với mỗi tâm (citta) đi ngay trước¹.

Tâm (citta) tục sinh mới trong kiếp sống hiện tại không có sắc ý vật sanh lên với tâm (citta) đi ngay trước; cho nên, nó dựa vào sắc ý vật sanh lên cùng với nó. Tâm hữu phần (bhavaṅga), hướng ý môn và các tâm đồng lực (javana citta) dựa vào sắc ý vật mà sanh lên với những tâm (citta) đi ngay trước tương ứng. Ví dụ, tâm hữu phần (bhavaṅga) thứ nhất sau tâm (citta) tục sinh dựa vào sắc ý vật sanh lên cùng với tâm (citta) tục sinh, và vân vân.

Những lộ tâm ngũ môn này xảy ra trong dục giới và trong sắc giới cho những ai vừa chết đi trong dục giới và sẽ tái sanh lại trong dục giới. Điều này cũng xảy ra cho những ai vừa chết đi trong sắc giới và sẽ tái sanh vào dục

¹ ND: Câu văn nguyên tác tiếng Anh là “As in the course of existence process, there is no heart base that arises with each preceding citta”. Chúng tôi tin rằng đây có lẽ là lỗi biên tập do vì câu văn này là không đúng. Chúng tôi mạn phép chỉnh sửa và dịch như trên. Độc giả có thể tham khảo thêm với các tài liệu khác, chẳng hạn như Cẩm Nang Nghiên Cứu Thắng Pháp, Tập Hai, phần 6.5.1.

giới. (Lưu ý rằng, người chết trong sắc giới và tái sanh vào dục giới sẽ không có các lộ tâm tử, thiết và thân môn vì ba môn đó không tồn tại trong sắc giới, và na cảnh cũng sẽ không sanh lên.) Những lộ tâm ngũ môn sẽ không xảy ra trong những ai sẽ tái sanh vào sắc giới và vô sắc giới. Điều này là vì cảnh nghiệp tướng của người sẽ tái sanh vào những cảnh giới đó là kasiṇa đất, vân vân¹.

Người tái sanh từ vô sắc giới vào dục giới sẽ không có đối tượng là sắc pháp. Do đó, những lộ ngũ môn sẽ không xảy ra ở đó vì người đó không thể bắt sắc pháp làm đối tượng. Những lộ tâm này xảy ra trong sáu hạng người: bốn loại phàm nhân, vị nhập lưu và vị nhất lai. Những lộ tâm này sẽ không xảy ra trong vị bất lai và vị A-la-hán (Arahant)² vì các ngài sẽ không tái sanh vào dục giới nữa.

Lộ Tử Ý Môn

Có hai lộ tử ý môn: lộ tử dành cho phàm nhân và Thánh bậc hữu học, và lộ tử dành cho bậc A-la-hán (Arahant). Trong số này, lộ tử dành cho phàm nhân và bậc Thánh hữu học có bốn loại, giống như trong lộ tử ngũ môn. Chúng là: lộ tâm có tâm (citta) tử sanh lên sau đồng lực (javana), sau đồng lực (javana) và hữu phần (bhavaṅga), sau na cảnh, và sau na cảnh và hữu phần (bhavaṅga). Nếu người đó chết đi trong dục giới và tái sanh vào những cảnh giới khác thì chỉ có hai loại lộ tâm xảy ra: lộ tâm có tâm (citta) tử sanh lên sau đồng lực (javana) hay lộ tâm có tâm (citta) tử sanh lên sau đồng

¹ Hãy xem mười loại kasiṇa, CMA, 330

² Vị A-la-hán (Arahanta) không bao giờ còn trở lại bất kỳ cảnh giới nào bao gồm cả dục giới.

lực (javana) và hữu phần (bhavaṅga). Điều này cũng đúng cho người chết đi trong những cảnh giới khác và tái sinh vào dục giới.

Giải Thích

Chúng ta hãy xem trường hợp một người chết đi trong dục giới và tái sinh vào cùng dục giới. Đối với người này, nếu ba điều kiện là đồng lực (javana) dục giới, chúng sanh dục giới và cảnh rõ ràng có tồn tại, thì lộ tâm tử sẽ xảy ra với na cảnh. Nếu đối tượng là mờ nhạt, nhưng cái chết rất gần kề thì na cảnh sẽ không sanh lên. Điều này cũng xảy ra thậm chí với cảnh dục rõ ràng. Như vậy, có bốn loại lộ tâm xảy ra trong quá trình tử của phàm nhân và Thánh hữu học. Chúng ta hãy xem trường hợp một người chết trong dục giới và tái sinh vào những cảnh giới khác (sắc giới và vô sắc giới). Mặc dầu có đồng lực (javana) dục giới và chúng sanh dục giới, nhưng na cảnh không thể sanh lên. Vì các đối tượng của tâm (citta) tục sinh trong sắc giới và vô sắc giới thì hoặc là khái niệm hoặc là đáo đại một cách tương ứng, cho nên, người đang tái sinh vào những cảnh giới này từ dục giới cũng phải có đối tượng là khái niệm hay đáo đại, và trong những trường hợp này, na cảnh không thể sanh lên. Đối với người chết đi trong những cảnh giới khác và đang tái sinh vào dục giới, người này không phải là chúng sanh dục giới, và do đó, na cảnh không thể sanh lên. Như vậy, nếu một người chết đi trong dục giới và tái sinh vào những cảnh giới khác, chỉ có hai loại lộ tâm xảy ra cho người ấy. Điều này cũng đúng cho người chết đi trong những cảnh giới khác và tái sinh vào dục giới.

Những lộ tâm này có những đối tượng khác nhau: dục giới quá khứ hay hiện tại, đáo đại và khái niệm.

Trong số này, đối tượng là nghiệp tướng hiện tại hay nghiệp thú. Nếu tâm (citta) tử sanh lên sau đồng lực (javana) thì có mười sát-na tâm tính từ hữu phần (bhavaṅga) vừa qua cho đến tâm (citta) tử. Cho nên, tâm (citta) tục sinh và sáu tâm hữu phần (bhavaṅga citta) theo sau tâm tục sinh bắt cùng cảnh dục hiện tại. Và rồi “nghiệp thú” có phải là thuật ngữ đúng để sử dụng không? Trong trường hợp của lộ tử ý môn (ngoại trừ lộ tử của bậc A-la-hán (Arahant)), có 32 tâm (citta) dục giới. Được loại trừ khỏi những tâm này là ngũ song thức, ba tâm của ý giới (mà chỉ xảy ra riêng cho ngũ môn) và chín đồng lực (javana) duy tác (mà chỉ xảy ra trong bậc A-la-hán (Arahant)). Đối với những ai tái sanh vào sắc giới, đối tượng là một khái niệm, tức là một nghiệp tướng. Trong vô sắc giới, đối tượng là một pháp đảo đại hay một khái niệm nghiệp tướng một cách tương ứng. Đối với những ai tái sanh vào dục giới, đối tượng là cảnh dục của nghiệp (kamma), nghiệp tướng hay thú tướng. Xin hãy tham khảo *A Comprehensive Manual of Abhidhamma* để có thêm nhiều chi tiết khác.

Những lộ tâm này diễn ra trong mọi cảnh giới, ngoại trừ cõi của những chúng sanh vô tướng, và xảy ra trong bảy hạng người: bốn loại phàm nhân và ba bậc Thánh hữu học, một cách tương ứng.

Tiến Trình Hộ Kiếp (Bhavaṅga)

Có mười chín tâm (citta) làm chức năng hữu phần (bhavaṅga). Chúng là: hai tâm (citta) quan sát thọ xả, tám tâm quả dục giới, năm tâm quả sắc giới và bốn tâm quả vô sắc. Trong số chúng, chỉ có một tâm (citta) là làm chức năng hữu phần (bhavaṅga) cho toàn bộ kiếp sống của một chúng sanh cụ thể nào đó. Tâm đó là tâm (citta)

nào thì phụ thuộc vào hạng người, cảnh giới và các tình huống khác. Do đó, trong phương thức hay trong thủ tục này, có cảnh giới nhất định, những loại tâm (citta) tử và những loại tâm tái sinh nhất định. Những yếu tố này xác định tâm (citta) nào làm chức năng hữu phần (bhavaṅga) trong đời sống trước và tâm nào làm chức năng hữu phần (bhavaṅga) trong đời sống mới. Chúng ta nên hiểu rằng trong một đời sống cụ thể nào đó, những tâm hữu phần (bhavaṅga) và tâm tử là tương tự và bất cùng một cảnh. Do đó, chúng ta sẽ giải thích ở đây mối quan hệ giữa tâm (citta) tử trong kiếp sống trước và tâm (citta) tục sinh trong kiếp sống liền kề. Sự giải thích này sẽ giúp cho học viên hiểu không chỉ tâm hữu phần (bhavaṅga) mà còn việc một người tái sinh từ cõi này đến cõi khác như thế nào.

Theo sau một trong hai tâm tử vô nhân và bốn tâm tử nhị nhân của kiếp sống trước, một trong mười tâm (citta) tục sinh dục giới xảy ra. Người vô nhân và người nhị nhân (những hạng người này đã không chứng đắc thiên định nào) sẽ tái sinh vào dục giới. Việc tái sinh này sẽ được thực hiện với một trong mười tâm (citta): hai tâm quả vô nhân và tám tâm quả nhị nhân. Do đó, trong lộ tâm tử của kiếp sống trước, tâm hữu phần (bhavaṅga) được thực hiện bởi một trong hai tâm (citta) vô nhân và bốn tâm (citta) nhị nhân, và trong kiếp sống mới thì bằng một trong mười tâm hữu phần (bhavaṅga) dục giới ($2+8=10$).

Trong trường hợp của những chúng sanh tam nhân, sau một trong bốn tâm (citta) tử dục giới, sự tái sinh diễn ra với một trong mười chín tâm (citta) tục sinh, và một sự tục sinh sắc pháp (tức là sự tục sinh chỉ

liên quan đến vật chất) dành cho chúng sanh vô tướng¹. Trong trường hợp của các bậc thượng nhân, sau một trong bốn tâm (citta) tử dục giới, sự tục sinh xảy ra với một trong bốn tâm (citta) tam nhân dục giới hay một trong số chín tâm (citta) sắc giới và vô sắc giới ($4+9=13$).

Bây giờ chúng ta hãy bàn đến sự chết của chúng sanh vô tướng. Vì người này đã không thể chứng đắc các tầng thiên nào, ông ta sẽ không tái sinh vào sắc giới và vô sắc giới. Tuy nhiên, do năng lực của cận định, ông ta có thể có sự tục sinh dục giới nhị nhân. Do đó, trong trường hợp của người vô tướng, cái chết được đi theo sau bởi một trong bốn tâm (citta) dục giới nhị nhân hay một trong bốn tâm (citta) tục sinh tam nhân. Bây giờ chúng ta hãy xem trường hợp của một phàm nhân sau sự sanh lên của một trong năm tâm (citta) tử². Trong mười cõi sắc giới tính từ cõi sơ thiên cho đến cõi tứ thiên đầu tiên, tức là cõi Quảng Quả (vehapphala), một trong mười bảy tâm (citta) tục sinh hữu nhân đi theo: tám tâm quả dục giới và chín tâm quả đáo đại ($8+9=17$). Chúng ta hãy xem trường hợp của một Thánh nhân, người mà trải nghiệm một trong bốn tâm (citta) tử (trừ tâm quả thiên thứ năm) trong chín cõi sắc giới thấp, cho đến cõi Biến Tịnh Thiên (Subhakiṇha). Vì một người có thể tái sinh lại vào cõi đang ở, cho nên đối với vị Thánh nhân này, tâm tục sinh theo sau có thể là bất kỳ một trong chín tâm quả đáo đại đi vào một trong những cõi sắc giới và vô sắc giới cao hơn³. Các bậc Thánh nhân trong các cõi

¹ Asaññasatta

² ND: Tức là năm tâm quả sắc giới

³ ND: Câu tiếng Anh không được chuẩn và không được rõ lắm. Cụ thể, chúng ta có thể hiểu rằng, đối với vị Thánh nhân này, tâm tục sinh theo sau tâm tử sẽ là tâm quả thiên mà sẽ đưa vị này tái sinh vào một cõi không thấp hơn cõi mà vị này vừa mới chết đi.

thiên sẽ không tái sanh vào những cõi thấp hơn. (Brahmalokagatā heṭṭhā ariyā nopapajjare)¹

Khi các Phạm thiên trong cõi Quảng Quả chết đi, các ngài sẽ không tái sanh vào bất kỳ cõi nào khác. Các ngài có thể chưa chứng đắc quả vị A-la-hán (Arahant) vì năm quyền tín, tấn, niệm, định và tuệ của các ngài có thể là chưa phát triển toàn diện và trong trường hợp này, các ngài có thể tái sanh lại vào cõi đó. Cõi Quảng Quả và cõi phi tưởng phi phi tưởng là đỉnh của các cõi; từ những cõi này, các Phạm thiên (Brahma) sẽ không tái sanh vào bất kỳ cõi nào khác². Một người chết đi trong các cõi Tịnh Cư là một Thánh nhân: là bậc bất lai hay là bậc A-la-hán (Arahant). Vị bất lai sẽ không tái sanh vào cùng cõi mà thay vào đó, sẽ tái sanh vào một trong những cõi cao hơn. Do đó, sau khi tâm (citta) tử xảy ra ở cõi Tịnh Cư, chỉ có sự tái sanh vào cõi Tịnh Cư thông qua thiền (jhāna) thứ năm. Đối với những ai chết đi trong cõi Tịnh Cư cao nhất, sẽ không có sự tái sanh nào theo sau vì các ngài là A-la-hán (Arahant) và không còn tái sanh nữa cho các ngài.

Nếu một phàm nhân chết đi trong một cõi vô sắc giới, người đó có thể tái sanh vào chính cõi đó hoặc có thể tái sanh vào một trong những cõi cao hơn. Ông ta cũng có thể có sự tái sanh tam nhân vào dục giới. Do đó, sau khi chết, sự tục sinh xảy ra thông qua một trong bốn tâm (citta) tam nhân hay một trong bốn tâm (citta) quả vô sắc (4+4=8). Nếu một vị Thánh nhân chết đi từ một trong những cõi này, sự tục sinh có thể xảy ra trong cùng cõi đó hay vào một trong những cõi cao hơn thông qua bốn tâm quả vô sắc.

¹ Brahmalokagatā heṭṭhā ariya nopapajjare.....

² ND: Xin độc giả lưu ý là chúng ta đang nói về các bậc Thánh nhân.

Như vậy, chúng ta nên hiểu những lộ tâm tử bằng cách nghiên cứu tâm (citta) tử đi trước và những tâm (citta) tục sinh theo sau, như được áp dụng vào những hạng người và cảnh giới tương ứng.

Lộ Nhập Diệt Hay Lộ Níp-bàn (Parinibbāna Vīthi)

Tiến trình nhập diệt (Parinibbāna), nếu xảy ra trong lộ ý môn đồng lực (javana) dục giới, thì có bốn loại: lộ tâm có sự nhập diệt (parinibbāna) xảy ra sau đồng lực (javana); hay sau đồng lực (javana) và hữu phần (bhavaṅga); hay sau na cảnh; hay sau na cảnh và hữu phần (bhavaṅga). Nếu sự nhập diệt xảy ra trong lộ tâm đồng lực (javana) đáo đại thì có thêm bốn loại nữa: (i) lộ liên thiên (jhāna), (ii) lộ liên phản khán, (iii) lộ liên thông (abhiññā) và (v) lộ đặc đạo tột mạng (jīvitasamasīsī)¹.

Giải Thích

Lộ nhập diệt (cho người hành thiền Minh sát khô (Sukka-vipassaka)): Chúng ta hãy xem trường hợp một người đã không chứng đạt bất kỳ tầng thiên nào cả nhưng chứng đắc quả vị A-la-hán (Arahant) thông qua thiền minh sát (Vipassanā) mà thôi. Trường hợp tương tự, giả sử vị đó có chứng đắc các tầng thiên nhưng không nhập vào các tầng thiên. Đối với cả hai loại người này, sự nhập diệt (parinibbāna) xảy ra tại điểm kết thúc của lộ ý môn đồng lực (javana) dục giới. Đối với hạng A-la-hán (Arahant) này, lộ nhập diệt (parinibbāna) thì giống với

¹ i) Jhānasamanantara vīthi, ii) Peccavekkhasamanantara vīthi, iii) Abhiññāsamanantara vīthi, iv) Jīvitasamasīsī vīthi

lộ tử ý môn như đã được trình bày ở trên. Tuy nhiên, sau sự nhập diệt (parinibbāna) thì không có tiến trình tái sanh vì tất cả các lậu hoặc đã được tẩy trừ và do đó, các ngài sẽ không còn tái sanh nữa.

Đối tượng của những tâm (citta) trong lộ nhập diệt (parinibbāna) thì không giống với những lộ tâm tử khác. Lộ tâm nhập diệt (parinibbāna) có thể có đối tượng là (ví dụ như) hướng ý môn hay na cảnh, hay bất kỳ một cảnh nào trong số những đối tượng danh sắc và những khái niệm trong tam giới (dục, sắc và vô sắc). Sẽ không có quả của nghiệp (kamma) cho những kiếp sống tương lai và sẽ cũng không có sinh thú. Cho nên, nghiệp (kamma), nghiệp tướng và thú tướng sẽ không sanh lên làm đối tượng của những tâm (citta) của lộ tử. Thay vào đó, một trong những khái niệm hay hiện tượng danh sắc hiệp thể thông thường sẽ xuất hiện làm cảnh; và các tâm (citta) trong lộ nhập diệt (parinibbāna) sẽ bắt một trong số chúng làm đối tượng của lộ tâm. Tuy nhiên, chính tâm (citta) nhập diệt (parinibbāna) thì lại bắt cùng đối tượng (nghiệp (kamma), nghiệp tướng hay thú tướng) đã được bắt bởi tâm tục sinh của kiếp sống hiện tại. Điều này được miêu tả trong Chương 5 của *A Comprehensive Manual of Abhidhamma* như sau: “tâm tục sinh, tâm hữu phần (bhavaṅga) và tâm tử trong một kiếp sống cụ thể thì tương tự nhau và có đối tượng là y hết.”

Bây giờ, chúng ta hãy xem trường hợp một người đã chứng đạt các tầng thiền. Nếu vị này chết đi hay nhập diệt (parinibbāna) tại cuối sự chứng đắc thiền, sẽ có xuất hiện đối tượng của khái niệm kasiṇa tương ứng mà đã được dùng làm đối tượng của thiền (jhāna). Điều này có nghĩa là các tâm thiền (jhāna citta) là các đồng lực (javana) tử và đối tượng của thiền (jhāna) là đối tượng của đồng lực (javana) tử. Nếu một người nhập diệt

(parinibbāna) sau khi xuất khỏi các tầng thiền và tại điểm cuối của sự phản khán các chi thiền thì việc phản khán các chi thiền là những đồng lực (javana) tử và những chi thiền là đối tượng của những đồng lực (javana) tử. Nếu một người nhập diệt (parinibbāna) tại điểm kết thúc của lộ thân thông thì hình thể do nghiệp tạo (tức là đối tượng của thân thông) xuất hiện làm đối tượng. Vị A-la-hán (arahant) đắc đạo tột mạng (jīvitasamasīsi arahant) nhập diệt (parinibbāna) sau lộ A-la-hán (arahatta) đạo và lộ phản khán; trong trường hợp này, đạo và quả là đối tượng của lộ phản khán và xuất hiện làm đối tượng của những đồng lực (javana) tử. Do đó, những đồng lực (javana) tử ngay trước tâm (citta) nhập diệt (parinibbāna) có đối tượng là một trong những hiện tượng danh, sắc hay khái niệm. Tuy nhiên, chính tâm (citta) nhập diệt (parinibbāna) lại có cảnh là cùng đối tượng của tâm (citta) tục sinh trong kiếp sống hiện tại.

Tuy nhiên, Phụ Sớ Vibhāvanī¹ lại trình bày rằng (theo một vài giáo thọ sư) tâm (citta) nhập diệt (parinibbāna) cũng có đối tượng là một hiện tượng danh hay sắc. (Các ngài nói rằng) cái này thì giống với những đồng lực (javana) tử, và loại trừ đi nghiệp (kamma), nghiệp tướng và thú tướng. Tuy nhiên, quan điểm này thì mâu thuẫn với quy luật chung của Thắng Pháp (Abhidhamma), tức là cho rằng trong cùng một kiếp sống, tâm (citta) tục sinh, tâm hữu phần (bhavaṅga citta) và tâm (citta) tử phải có cùng đối tượng².

¹ Vibhv. (120)

² Paṭisandhi bhavaṅgaṅca, tathācavana manasaṃ. Ekameva tatheveka, visayanceka jātiyaṃ. (Xem CMA, 199)

Đối Tượng Của Tâm (Citta) Tử Của Đức Phật

Một vài giáo thọ sư đã nói rằng đối tượng của tâm tử của Đức Phật là Níp-bàn (Nibbāna). Để hỗ trợ hay chứng minh cho lập luận này, các ngài trích dẫn đoạn văn sau từ Kinh Bát Niết Bàn (Parinibbāna Sutta): “Anejo santimārabha, yaṃ kāmakarī muni¹.” Chuyển ngữ của đoạn văn này là: “Bậc tịnh giả, ly ái, sau khi hướng tâm đến Níp-bàn, đã mệnh chung.”² Tuy nhiên, các giáo thọ sư này đã không chú ý đến Parittārammanatika trong Dhammasaṅgani. Trong đó có giải thích rằng 23 tâm (citta) quả dục giới, tâm (citta) hướng ngũ môn và tâm (citta) tiểu sinh luôn luôn có các đối tượng dục giới. Giáo lý Thắng Pháp (Abhidhamma) không có ngoại lệ. Tâm (citta) nhập diệt (parinibbāna) của Đức Phật thì giống với tâm (citta) tục sinh của Ngài, tức là tâm (citta) thứ nhất trong tám tâm (citta) đại quả dục giới. Tâm (citta) quả dục giới này không thể bắt Níp-bàn (Nibbāna) làm đối tượng của nó. Khi Đức Phật (ND: còn là Bồ-tát) tái sinh vào cõi nhân loại, đối tượng của tâm (citta) tục sinh của Ngài là thú tướng về cõi nhân loại. Do đó, đối tượng của tâm (citta) nhập diệt (parinibbāna) cũng phải là cùng thú tướng đó. Tâm (citta) tử (tức là tâm (citta) cuối cùng của một kiếp sống) bắt cùng đối tượng đã được bắt bởi tâm (citta) tục sinh và tâm hữu phần (bhavaṅga citta) của kiếp sống mà gần kết thúc.

¹ Di. II, 128 Chuyển dịch sát như sau: anejo = người đã giải thoát khỏi ái; muni = bậc hiền triết, Đức Phật; santim = hướng đến Níp-bàn (Nibbāna); ārabha = vì mục đích; kāmam = lúc nhập diệt (parinibbāna); yaṃ akarī = đã làm như vậy

² ND: Chúng tôi xin tri ân Thượng tọa Giác Nguyên về sự chuyển ngữ này.

Hơn nữa, đoạn kinh trong Kinh Đại Bát Níp-bàn (Mahāparinibbāna Sutta) có nghĩa là lúc gần nhập diệt (parinibbāna), Đức Phật hướng về Níp-bàn (Nibbāna). Do đó, sớ giải của bài kinh đó đã không nói “santim ārammaṇaṃ katvā”, có nghĩa là “Níp-bàn (Nibbāna) được bắt làm làm đối tượng.” Thay vào đó, nó nói “santimarabbhāti anupādisesaṃ nibbānaṃ ārabha (vì, do) paṭicca (phụ thuộc vào) sandhāya (liên quan tới)”, có nghĩa là “hướng về vô dư Níp-bàn (Nibbāna)”. Vô dư Níp-bàn (anupādisesa nibbāna)¹ được trải nghiệm bởi các vị A-la-hán (Arahant) và chư Phật sau khi chết. Tuy nhiên, sớ giải Theragāthā² có nói “santimarabbhāti santim anupādisesaṃ nibbānaṃ ārammaṇaṃ katvā”, có nghĩa là “đã là đối tượng/cảnh vô dư Níp-bàn (Nibbāna).” Điều này dường như mâu thuẫn với sớ giải của Kinh Đại Bát Níp-bàn (Mahāparinibbāna Sutta). Tuy nhiên, nếu nó có nghĩa là trước lộ nhập diệt (parinibbāna), Đức Phật đã sống với cảnh Níp-bàn (Nibbāna), thì sẽ không có sự bất đồng giữa hai sớ giải. Dĩ nhiên, trước tâm nhập diệt (parinibbāna), Đức Phật nhập vào các tầng thiền, phản khán các chi thiền và rời mệnh chung ngay lập tức. Trong trường hợp này, trước khi nhập diệt (parinibbāna), các khái niệm kasiṇa có xuất hiện trong tâm trí của Ngài. Đây là những đối tượng của các tầng thiền. Các chi thiền làm đối tượng của lộ tâm phản khán cũng xuất hiện trong Ngài. Cuối cùng, tâm nhập diệt (parinibbāna) sanh lên và diệt đi mãi mãi. Không có thời điểm, không có sát-na nào mà tại đó cảnh Níp-bàn (Nibbāna) sanh lên.

Do đó, chúng ta phải hiểu rằng, trước khi nhập vào các tầng thiền, Đức Phật có thể đã có hoặc không có sống

¹ DiA. II, 186

² Theragāthā Atthakathā, p. 389

với Níp-bàn (Nibbāna) (ND: tức là bắt Níp-bàn làm cảnh). Tuy nhiên, hướng về Níp-bàn không có nghĩa là tại thời điểm từ, và Níp-bàn (Nibbāna) không phải là đối tượng của tâm nhập diệt (Parinibbāna). Thay vào đó, đối tượng là thú tướng về kiếp sống cuối cùng này trong vòng luân hồi (Saṃsāra), tức là đối tượng của tâm (citta) tục sinh.

Lộ Liên Thiên (Jhāna)

Lộ liên thiên (jhāna) xảy ra trong dục giới thiện thú, sắc giới và vô sắc giới nơi mà thiên (jhāna) sanh lên nhiều lần theo ý muốn và cần thiết. Lộ tâm này chỉ xảy ra trong các vị A-la-hán (Arahant), cho nên, những tâm (citta) duy tác làm chức năng đồng lực (javana). Đối tượng là một kasiṇa, một khái niệm, vân vân tùy theo tầng thiên (jhāna) tương ứng. Đối tượng của những tâm hữu phần (bhavaṅga) đi trước và của tâm (citta) nhập diệt là như thường lệ, tức là một trong nghiệp (kamma), nghiệp tướng hay thú tướng. Tâm (citta) nhập diệt có thể xảy ra sau thiên (jhāna) hay sau thiên (jhāna) và hữu phần (bhavaṅga). Hai loại lộ tâm này nhân với chín tâm (citta) duy tác cho mười tám lộ tâm ($9 \times 2 = 18$) và nhân với hai hạng người (lợi căn và độn căn) cho 36 lộ tâm tổng cộng ($18 \times 2 = 36$).

Lộ Liên Phản Khán

Những đồng lực (javana) trong lộ này là dục giới và chúng sanh lên chỉ có năm sát-na vì đây là lộ tâm từ. Chúng cũng được tìm thấy (giống như những lộ tâm từ liên thiên (jhāna)) trong cả dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Đối tượng của chúng là những chi thiên. Trong lộ tâm này, tâm nhập diệt có thể sanh lên sau đồng lực (javana) và hữu phần (bhavaṅga). Do đó, có hai loại lộ

tâm: trong một loại, tâm nhập diệt sanh lên sau đồng lực (javana) và trong loại còn lại, tâm nhập diệt sanh lên sau đồng lực (javana) và hữu phần (bhavaṅga). Hai lộ nhân cho năm chi thiền trong thiền (jhāna) thứ nhất trở thành mười lộ ($2 \times 5 = 10$); nhân cho bốn chi thiền trong thiền (jhāna) thứ hai trở thành tám lộ ($2 \times 4 = 8$); nhân cho ba chi thiền trong thiền (jhāna) thứ ba cho ra sáu lộ ($2 \times 3 = 6$), nhân cho hai chi thiền trong thiền (jhāna) thứ tư ($2 \times 2 = 4$) và nhân cho hai chi thiền trong thiền (jhāna) thứ năm ($2 \times 2 = 4$). Như vậy, có tổng cộng 32 lộ tâm liên phản khán. Những lộ tâm này được giải thích trong sớ giải của Kinh Đại Bát Níp-bàn (Mahāparinibbāna Sutta). Sớ giải này nói “bhavaṅgaṃ otinnassa tattheva parinibbānaṃ¹”, có nghĩa là “sau khi chìm vào dòng hữu phần (bhavaṅga), tại trong sát-na hữu phần (bhavaṅga) đó sự nhập diệt xảy ra.” Như vậy, có những lộ tâm trong đó tâm hữu phần (bhavaṅga) và sự nhập diệt sanh lên, sau thiền (jhāna) hay sau lộ phản khán. Tâm (citta) nhập diệt và hữu phần (bhavaṅga) là như nhau, có nghĩa là có những lộ tâm trong đó tâm nhập diệt (parinibbāna) sanh lên sau thiền (jhāna) và đồng lực (javana) phản khán.

Lộ Liên Thông

Loại lộ tâm này được tìm thấy trong sớ giải của Udana. Có nhiều loại thần thông, nhưng trong bối cảnh này, thần thông (abhiññā) chỉ có nghĩa là thần túc thông (Iddhividha abhiññā), tức là thần thông biến hóa ra các vật thể, bay trong hư không, đi trên nước, độn thổ và vân vân. Trong lộ tâm nhập diệt (parinibbāna), có hai lộ tâm sanh lên sau thần thông (abhiññā), và sau thần thông (abhiññā) và hữu phần (bhavaṅga). Những lộ tâm này chỉ được tìm thấy trong dục giới và sắc giới. Lộ tâm này

¹ DiA. II, 187

không thể xảy ra trong vô sắc giới vì ở đó không có sự chứng đắc thiền cần thiết cho lộ thần thông.

Lộ Đắc Đạo Tột Mạng (Jīvitasamasī)

Vô minh là yếu tố chính yếu hay dẫn đầu của các phiền não và mạng quyền là yếu tố chính yếu hay dẫn đầu của sự tồn tại. Cho nên, vô minh là kẻ chỉ đạo của tất cả các phiền não và đời sống là kẻ chỉ đạo của vòng duyên khởi khổ đau hay vòng luân hồi (saṃsāra). Khi vô minh diệt đi, tất cả dấu vết của các phiền não cũng diệt đi. Cũng theo cách đó, khi chuỗi đời sống bị cắt đứt, các duyên khởi của sự đau khổ trong vòng luân hồi (saṃsāra) cũng diệt đi. Chúng ta hãy lấy ví dụ một người đang đau khổ vì một căn bệnh trầm kha. Ông ta ngán ngẩm với sự duyên khởi của sự đau khổ trong vòng luân hồi (saṃsāra) và cho nên, thực hành thiền một cách nghiêm túc. Ông ta phát triển tất cả các tầng tuệ minh sát. Cuối cùng, với sự chứng đắc A-la-hán (Arahant) đạo, người đó tẩy trừ được vô minh. Tại cùng thời điểm, giả sử đời sống của người đó cũng diệt đi. Trong tình huống này, vô minh (yếu tố dẫn đầu của các phiền não) và mạng quyền (yếu tố dẫn đầu của sự duyên khởi) đều diệt đi tại cùng một thời điểm. Loại người này được gọi là đắc đạo tột mạng (jīvita-sama-sī).

Điều nên được lưu ý là, mặc dầu sự kết thúc đời sống và sự đoạn diệt của vô minh được nói là xảy ra cùng lúc, nhưng điều này không có nghĩa là cùng một thời điểm mà chỉ là trong cùng một tiến trình. Thời điểm vô minh được đoạn diệt là thời điểm chứng đắc A-la-hán (Arahatta) đạo. Sau khi tâm A-la-hán (Arahatta) đạo sanh lên, hai hay ba sát-na A-la-hán (Arahatta) quả theo sau. Có một vài tâm hữu phần (bhavaṅga) chen vào, rồi lộ tâm phản khán xảy ra. Cuối cùng, tại điểm kết thúc

của lộ phản khán, tâm nhập diệt (parinibbāna) diệt đi và đời sống cũng diệt đi. Như vậy, sự đoạn diệt của vô minh và sự kết thúc của đời sống xảy ra trong cùng tiến trình, chứ không phải tại cùng một thời điểm. Trong cùng một tiến trình, vô minh diệt đi và đời sống cũng diệt đi. Cho nên, nó được nói là sự đoạn diệt của vô minh và của đời sống là có cùng thời gian. Lộ đặc đạo tột mạng (jīvitasamasī) này được giải thích trong sơ giải của *Āṅguttara-nikāya*¹. Lộ tâm này xảy ra trong dục giới. Sự nhập diệt có thể sanh lên sau đồng lực (javana) và hữu phần (bhavaṅga).

Như vậy, chúng ta đã giải thích một cách ngắn gọn lộ trình tâm trong tám phần: (i) lộ ngũ môn; (ii) lộ ý môn đồng lực (javana) dục giới; (iii) lộ ý môn đồng lực (javana) đáo đại (thiền: jhāna); (iv) lộ đặc đạo; (v) lộ nhập thiền quả; (vi) lộ thần thông (abhiññā); (vii) lộ nhập thiền diệt và (viii) lộ tử².

Kết Thúc Lộ Trình Tâm

¹ Jīvita = mạng quyền, sama = sự đồng hạng, sự ngang bằng, sīsa = sự dẫn đầu, hàng đầu. Jīvitena samaṃ sisamaṃ yassāti jīvitasamasī. Sự đoạn diệt mạng quyền có sự ngang bằng như trong sự đoạn diệt vô minh của hành giả.

² AnA. (Sattaka nipāta): i) Pañcadvāra vīthi, ii) (Kāmajavanavāra) manodvāra vīthi, iii) (Appanājavanavāra) jhāna vīthi, iv) (Appanājavanavāra) magga vīthi, v) (Appanājavanavāra) phala vīthi, vi) (Appanājavanavāra) abhiññā vīthi, vii) (Appanājavanavāra) nirodhasamāpatti vīthi, viii) (Appanājavanavāra) maraṇāsanna vīthi

Chương V: Lộ Trình Sắc Pháp

Sắc Pháp (Rūpa)

Sắc pháp là một trong bốn pháp chân đế trong Thắng Pháp (Abhidhamma). Thuật ngữ “rūpa” thông thường được chuyển ngữ là sắc pháp, vật chất, thân xác, hình dáng, vân vân. Tuy nhiên, không có từ nào trong đó truyền đạt hết được nghĩa chính xác của thuật ngữ, và trong số chúng, vật chất là từ tương đương gần nhất. Thuật ngữ Pāli “rūpa” được giải thích trong Thắng Pháp (Abhidhamma) bằng cách đi về nguồn gốc của nó từ động từ “ruppati” mà có nghĩa là bị thay đổi hay bị biến dạng. Từ góc nhìn của Phật giáo, sắc pháp (rūpa) không chỉ bị thay đổi mà còn tan rã vì nó chỉ tồn tại mười bảy sát-na tâm. Theo Vibhāvanīṭikā¹, sắc pháp (rūpa) được gọi như vậy vì nó trải nghiệm và áp đặt sự biến đổi, do bởi những điều kiện vật lý bất lợi như sự lạnh và nhiệt, vân vân. Dĩ nhiên, sắc pháp (rūpa) có thể thay đổi trạng thái, hình dạng và màu sắc do nhiệt và sự lạnh giống như vật chất. Tuy nhiên, mặc dầu hình dáng và khối lượng trở nên rõ ràng khi một lượng đáng kể sắc pháp (rūpa) tích tụ lại, nhưng ở nghĩa tận cùng hay theo chân đế, thì sắc pháp (rūpa) là không có hình dạng và không có khối lượng, giống như năng lượng vậy.

Các nhà khoa học ngày nay biết rằng vật chất và năng lượng là tương đương hay chúng ta có thể nói là có thể hoán chuyển qua lại; theo nghĩa chân đế, vật chất và năng lượng là giống hệt nhau. Tại thời kỳ của Đức Phật, một dạng sơ khởi của cái mà chúng ta gọi là thuyết nguyên tử đã được thịnh hành tại Ấn Độ. Các nhà tư tưởng người Ấn đã có nói về nguyên tử (paramāṇu) và

¹ Smv.

họ đã phân tích nó như sau: một rathareṇu bao gồm 36 tajjāri; một tajjāri là 36 aṇu và một aṇu là 36 paramāṇu. Những phần tử bụi nhỏ bé được nhìn thấy trong ánh nắng mặt trời được gọi là rathareṇu. Một paramāṇu là 1 phần 46.656 của một rathareṇu. Paramāṇu này được xem là không thể chia nhỏ được. Đức Phật đã phân tích sắc pháp theo kalāpa, tức là một nhóm những yếu tố hay những phần tử hạ nguyên tử: một thực thể tối hậu hay chân đế mà không thể được chia nhỏ ra nữa.

Thăng Pháp (Abhidhamma) liệt kê ra 28 sắc pháp. Những sắc pháp này cơ bản được chia ra làm hai thể loại: bốn sắc tứ đại (mahābhūta) và 24 sắc y sinh (upādārūpa). Bốn sắc tứ đại là những yếu tố vật chất căn bản (dhātu): đất, nước, lửa và gió. Đây là những thành tố nền móng của vật chất. Chúng không thể bị/được tách rời ra, và dưới những dạng kết hợp khác nhau, chúng có trong thành phần của mọi vật chất từ phần tử nhỏ nhất cho đến những dãy núi lớn rộng. Sắc y sinh là những sắc pháp phụ thuộc vào hay có gốc rễ trong sắc tứ đại. Sắc tứ đại có thể so sánh với trái đất, sắc y sinh sẽ là cây cối và bụi rậm mọc lên nương tựa vào trái đất.

28 sắc pháp được phân chia thành mười một loại dựa vào tính chất:

1. Bốn sắc tứ đại: đất, nước, lửa, gió (4)
2. Sắc thần kinh: có trong mắt, tai, mũi, lưỡi và thân (5)

3. Sắc cảnh giới: cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh khí và cảnh vị¹ (4)
4. Sắc giới tính: sắc tố nữ và sắc tố nam (2)
5. Sắc ý vật (1)
6. Sắc mạng quyền (1)
7. Sắc vật thực² (1)
8. Sắc giao giới (1)
9. Sắc biểu tri: thân biểu tri và ngữ biểu tri (2)
10. Sắc đặc biệt: khinh sắc, nhu sắc và sắc thích nghiệp cùng với hai sắc biểu tri (3)
11. Sắc tứ tướng: sắc hình thành, sắc thừa tiếp, sắc lão suy và sắc vô thường³ (4)

(Xin hãy xem *A Comprehensive Manual of Abhidhamma*, Chương VI để biết thêm chi tiết)

Sắc Pháp Được Tạo Ra Một Cách Cụ Thể

Những sắc pháp trong các nhóm 1 cho đến 7 ở trên (ngoại trừ sắc cảnh xúc, tức là bao gồm đất, lửa và gió) tạo nên mười tám sắc pháp mà được gọi chung là sắc pháp chân đế (*nipphanna rūpa*), tức là sắc pháp được

¹ Cảnh xúc là sự kết hợp của ba sắc tứ đại: đất, lửa và gió.

² $4+5+4+2+1+1+1=18$ được gọi là *Nipphanna rūpa* (sắc pháp có thực tính), vân vân (Xem CMA p. 240)

³ $1+2+3+4=10$ được gọi là *Anipphanna rūpa* (sắc pháp phi thực tính), vân vân (Xem CMA p. 242)

tạo ra một cách cụ thể. Điều này là vì chúng hứng chịu hay trải qua sự biến dạng (tức là một trong những đặc tính tất yếu của sắc pháp) và chúng được tạo ra hay được duyên lên do nghiệp (kamma), tâm (citta), nhiệt lượng (utu) và dưỡng tố. Mỗi một trong số mười tám sắc pháp này có những tính chất nội tại, chẳng hạn như sự cứng mềm đối với đất và nhiệt đối với lửa. Do đó, chúng được gọi là *sabhāva rūpa*, tức là sắc pháp sở hữu bản chất nội tại. Mỗi một trong số những sắc pháp này cũng có tướng trạng bẩm sinh, tức là những đặc tính sanh (*jāti*), lão (*jaratā*) và tử (*aniccatā*). Cho nên, chúng cũng được miêu tả là sắc pháp sở hữu các tướng trạng thật (*salakkhaṇarūpa*). Điều này là vì chúng nên được quán tưởng bởi thiền minh sát là có các đặc tính vô thường, khổ và vô ngã; chúng cũng được gọi là *sammasana rūpa*, tức là sắc pháp được thấu hiểu bởi minh sát.

Sắc Pháp Được Tạo Ra Một Cách Không Cụ Thể

Mười loại sắc pháp trong các nhóm 8 cho đến 11 được định đặt là sắc pháp phi thực tính (*anipphanna rūpa*), tức là sắc pháp được tạo ra một cách không cụ thể. Điều này là vì chúng không sanh lên trực tiếp từ bốn nguyên nhân chính: nghiệp (kamma), tâm (citta), nhiệt lượng và dưỡng tố. Thay vào đó, chúng tồn tại như là những phương thức hay thuộc tính của sắc pháp chân đế. Chúng cũng được biết đến là *asabhāva*, tức là sắc pháp không có những đặc tính vốn có bẩm sinh cũng như những tướng trạng sanh, lão và tử (*alakkhaṇarūpa*); và chúng không nên được dùng để quán tưởng trong thiền minh sát. Nói một cách đúng đắn, chúng không được bao gồm trong những pháp chân đế.

Kalāpa - Một Nhóm Các Yếu Tố

Các sắc pháp không xảy ra đơn lẻ, mà là xảy ra trong những sự kết hợp hay theo các nhóm được biết đến là rūpākālāpa (nhóm sắc pháp nhỏ bé) hay là kalāpa. Kalāpa (nhóm sắc pháp) cơ bản bao gồm tám thành phần: bốn sắc tứ đại (đất, nước, lửa và gió) và màu sắc (vaṇṇa), mùi (gandha), vị (rasa) và dưỡng tố (ojā). Những sắc pháp này không thể bị tách rời, tức là bất ly¹. Có tất cả 21 kalāpa được liệt kê trong Thắng Pháp (Abhidhamma). Tất cả những sắc pháp trong một kalāpa cùng sanh lên và cùng diệt đi. Chúng đều phụ thuộc vào các sắc tứ đại có mặt trong kalāpa đó để sanh khởi, tức là chúng có một sự phụ thuộc chung. Chúng hòa lẫn thông suốt đến nỗi chúng không thể được phân biệt, cho nên chúng cùng xảy ra từ sự sanh khởi cho đến sự hủy diệt. Điều đó có nghĩa là: các kalāpa nhỏ đến nỗi chúng không thể được nhìn thấy, nhỏ hơn cả một nguyên tử và có thể so sánh với các hạt electron, proton và neutron về kích cỡ.

Các Kalāpa Do Nghiệp (Kamma) Tạo² (9)

Tất cả các sắc pháp xuất nguồn từ bốn nguyên nhân khác nhau: nghiệp (kamma), tâm, nhiệt lượng và dưỡng tố. Mười tám loại sắc pháp xuất nguồn từ nghiệp (kamma) và chúng được nhóm lại thành chín kalāpa do nghiệp (kamma) tạo. Ví dụ, sắc mạng quyền (mà được bao gồm trong tất cả các kalāpa) và tám sắc bất ly cùng nhau tạo nên một tổ chức đơn giản nhất: một kalāpa do nghiệp (kamma) tạo. Nhóm này được gọi là jīvita-navaka-kalāpa, có nghĩa là một nhóm có chín sắc pháp

¹ CMA 244--246

² CMA 253

bao gồm sắc mạng quyền. Nó có thể được viết gọn lại thành “nhóm mạng quyền”.

Chín nhóm sắc pháp được liệt kê như sau:

1. Bằng cách cộng nhóm mạng quyền với thần kinh thị giác, chúng ta có nhóm nhãn (cakkhudasaka): bao gồm tám sắc bất ly, sắc mạng quyền và thần kinh thị giác;

2. Với thần kinh thính giác thì nhóm này được gọi là nhóm nhĩ (sotadasaka): bao gồm tám sắc bất ly, sắc mạng quyền và thần kinh thính giác;

3. Với thần kinh khứu giác thì nhóm này được gọi là nhóm tỷ (ghāṇadasaka): bao gồm tám sắc bất ly, sắc mạng quyền và thần kinh khứu giác;

4. Với thần kinh vị giác thì nhóm này được gọi là nhóm thiệt (jīvhādasaka): bao gồm tám sắc bất ly, sắc mạng quyền và thần kinh vị giác;

5. Với thần kinh xúc giác thì nhóm này được gọi là nhóm thân (kāyadasaka): bao gồm tám sắc bất ly, sắc mạng quyền và thần kinh xúc giác;

6. Với sắc tố nữ thì nhóm này được gọi là nhóm nữ tính (itthibhāvadasaka): bao gồm tám sắc bất ly, sắc mạng quyền và sắc tố nữ;

7. Với sắc tố nam thì nhóm này được gọi là nhóm nam tính (pumbhāvadasaka): bao gồm tám sắc bất ly, sắc mạng quyền và sắc tố nam;

8. Với sắc ý vật thì nhóm này được gọi là nhóm ý vật (hadayadasaka): bao gồm tám sắc bất ly, sắc mạng quyền và sắc ý vật; và

9. Nhóm mạng quyền (jīvita-navaka): bao gồm tám sắc bất ly và sắc mạng quyền.

Các Kalāpa Do Tâm Tạo¹ (6)

Mười bốn loại sắc pháp (ngoại trừ sắc giao giới) được nhóm thành sáu kalāpa do tâm tạo.

Chúng có thể được liệt kê như sau:

1. Tám sắc bất ly nguyên thủy do tâm tạo được gọi là nhóm thuần sắc tâm (cittaja-suddhatthaka): bao gồm tám sắc bất ly;

2. Cộng thêm thân biểu tri, nó được gọi là nhóm thân biểu tri (kāyaviññatti-navaka): bao gồm tám sắc bất ly và thân biểu tri;

3. Với ngữ biểu tri và sắc cảnh thính, nó được gọi là nhóm thính ngữ biểu tri (vacīviññatti-sadda-navaka)²: bao gồm tám sắc bất ly, ngữ biểu tri và sắc cảnh thính;

4. Với sắc khinh, sắc nhu và sắc thích nghiệp, nó được gọi là nhóm đặc biệt (lahutādi ekādasaka): bao gồm tám sắc bất ly, sắc khinh, sắc nhu và sắc thích nghiệp;

¹ CMA 253

² ND: Trong tài liệu Handbook of Abhidhamma Studies (Cẩm Nang Nghiên Cứu Thắng Pháp, Tập Hai), ngài U Sīlānanda không bao gồm từ sadda (thính).

5. Với thân biểu tri và sắc khinh, sắc nhu và sắc thích nghiệp, nó được gọi là nhóm thân biểu tri đặc biệt (*kāyaviññatti-lahutādi dvādasaka*): bao gồm tám sắc bất ly, thân biểu tri và sắc khinh, sắc nhu và sắc thích nghiệp; và

6. Với ngữ biểu tri, sắc cảnh thính và sắc khinh, sắc nhu và sắc thích nghiệp, nó được gọi là nhóm thính ngữ biểu tri đặc biệt (*vacīviññatti-sadda-lahutādi-terasaka*): bao gồm tám sắc bất ly, ngữ biểu tri, sắc cảnh thính và sắc khinh, sắc nhu và sắc thích nghiệp.

Các Kalāpa Do Nhiệt Lượng Tạo¹ (4)

Mười hai sắc pháp (ngoại trừ sắc giao giới) được nhóm thành bốn kalāpa do nhiệt lượng tạo.

Những nhóm này được liệt kê như sau:

1. Tám sắc bất ly nguyên thủy do nhiệt lượng tạo được gọi là nhóm thuần nhiệt lượng (*utuja-suddhatthaka*): bao gồm tám sắc bất ly;

2. Cộng thêm sắc cảnh thính, nó được gọi là nhóm cảnh thính (*saddanavaka*): bao gồm tám sắc bất ly và sắc cảnh thính;

3. Với sắc khinh, sắc nhu và sắc thích nghiệp, nó được gọi là nhóm đặc biệt (*lahutādi ekādasaka*): bao gồm tám sắc bất ly, sắc khinh, sắc nhu và sắc thích nghiệp; và

¹ CMA 253-254

4. Với sắc cảnh thính và sắc khinh, sắc nhu và sắc thích nghiệp, nó được gọi là nhóm thính đặc biệt (saddalahutādi dvādasaka): bao gồm tám sắc bất ly, sắc cảnh thính và sắc khinh, sắc nhu và sắc thích nghiệp.

Các Kalāpa Do Dưỡng Tố Tạo (2)¹

Mười một sắc pháp do dưỡng tố tạo (ngoại trừ sắc giao giới) được nhóm thành hai kalāpa do dưỡng tố tạo.

Các nhóm này được liệt kê như sau:

1. Tám sắc bất ly nguyên thủy do dưỡng tố tạo được gọi là nhóm thuần dưỡng tố (āhāraja-suddhatthaka): bao gồm tám sắc bất ly; và

2. Cộng thêm ba sắc đặc biệt, nó được gọi là nhóm đặc biệt (lahutādi-ekādasaka): bao gồm tám sắc bất ly và sắc khinh, sắc nhu và sắc thích nghiệp.

Sự Diễn Ra Của Lộ Trình Sắc Pháp

Icevaṃ, paṭisandhim upādāya
kammamuṭṭhānā, Dutiyacittam upādāya
cittamuṭṭhānā, Tṭhikālam upādāya utusamuṭṭhānā,
Ojāpharaṇam upādāya āhārajasamuṭṭhānā cā ti
catusamuṭṭhāna-rūpākālāpasantati kāmaloke dīpajāla
viya nadīsoto viya ca yāvatāyukaṃ abbhocchinnaṃ
pavattati.

“Như vậy, sự tiếp diễn của các nhóm sắc pháp được tạo ra trong bốn cách, đó là: do nghiệp (kamma) tạo từ

¹ CMA 254 (ND: Vị trí chú thích trong bản tiếng Anh là không đúng.)

thời điểm sanh lên của tâm (citta) tục sinh, do tâm tạo từ thời điểm sanh lên của tâm hữu phần (bhavaṅga citta) thứ nhất (mà sanh lên ngay sau tâm (citta) tục sinh), do nhiệt lượng tạo từ thời điểm trụ của tâm (citta) tục sinh và do dưỡng tố tạo từ lúc có sự khuếch tán hay truyền dẫn của dưỡng tố - sự việc này diễn ra, trôi chảy trong dục giới một cách không gián đoạn cho đến tận cùng của sự sống, giống như ngọn lửa của một cây đèn hay dòng chảy của một con sông.”¹

Theo truyền thống, lộ trình sắc pháp có nghĩa là tiến trình của các kalāpa được tạo ra do nghiệp (kamma), do tâm, do nhiệt lượng hay do dưỡng tố. Tiến trình này có hai: tiến trình của các kalāpa xảy ra của chúng sanh trong dục giới và trong sắc giới. Phật giáo nhìn nhận bốn loại tục sinh, đó là: noãn sanh (andaja), thai sanh (jalābuja), thấp sanh (saṃsedaja) và hóa sanh (opapātika). Tuy nhiên, noãn sanh được ngâm bao gồm trong thai sanh, tức là được tính chung với chúng sanh thai sanh (gabbhaseyyaka sattā). Cho nên, tiến trình sanh khởi của sắc pháp cho chúng sanh dục giới thì có ba loại: cho thai sanh, cho thấp sanh và cho hóa sanh. Tuy nhiên, chúng ta sẽ chỉ giải thích ở đây lộ sắc cho chúng sanh thai sanh.

Chúng ta có thể tìm thấy nhiều loại kalāpa trong Thắng Pháp (Abhidhamma), chẳng hạn như: các kalāpa do dưỡng tố tạo được duyên bởi nghiệp (kamma), các kalāpa do dưỡng tố tạo được duyên bởi tâm (citta), các kalāpa do dưỡng tố tạo được duyên bởi nhiệt lượng, các kalāpa do dưỡng tố tạo được duyên bởi dưỡng tố và các kalāpa do nhiệt lượng tạo được duyên bởi nhiệt lượng ngoại. Tuy nhiên, các giáo thọ sư Thắng Pháp

¹ CMA 256

(Abhidhamma) đã không nhắc đến tiến trình sanh khởi của chúng. Do đó, ở đây chúng ta sẽ chỉ giải thích những kalāpa đã được làm rõ trong *A Comprehensive Manual of Abhidhamma*. Cũng vậy, một vài loại kalāpa do tâm (citta) tạo, do nhiệt lượng tạo và do dưỡng tố tạo (như nhóm cảnh thính, nhóm thính đặc biệt, vân vân) sẽ không được giải thích ở đây, vì chúng không phải lúc nào cũng sanh lên trong đời sống của chúng sanh. Như vậy, ở đây, chúng ta sẽ giải thích tiến trình của những kalāpa thuần túy, cùng với những lộ tâm tục sinh, lộ nhãn môn, lộ nhập thiên diệt và lộ tâm tử.

Lộ Trình Của Các Kalāpa

Các Kalāpa Do Nghiệp (Kamma) Tạo

Có bốn loại lộ trình của các kalāpa sanh lên một cách không gián đoạn trong chúng sanh thai sanh. Chúng là: các nhóm sắc do nghiệp (kamma) tạo, do tâm tạo, do nhiệt lượng tạo và do dưỡng tố tạo. Trong số này, ba loại kalāpa do nghiệp (kamma) tạo (nhóm thân, nhóm giới tính và nhóm ý vật) bắt đầu sanh lên từ thời điểm sanh của tâm (citta) tục sinh. Điều này có nghĩa là ba loại kalāpa này sanh lên tại mọi tiểu sát-na, từ tiểu sát-na đầu tiên nhất của tâm tục sinh và tại lúc sanh lên của tất cả các tâm (citta) theo sau (bhavaṅga).¹

Do đó, tại thời điểm diệt của tâm hữu phần (bhavaṅga citta) thứ mười sáu sau tâm (citta) tục sinh, có tất cả 153 kalāpa. Trong số này, ba kalāpa là ở giai đoạn sanh, 147 kalāpa² là ở giai đoạn trụ và ba kalāpa còn lại là ở giai đoạn diệt. Trước sự sanh lên của nhóm

¹ CMA 247

² $51 \times 3 = 153$, $153 - (3 + 3) = 147$

kalāpa mạng quyền và những nhóm kalāpa (gồm mười sắc pháp) khác, số nhóm kalāpa là bằng nhau tại ba tiểu sát-na của mỗi tâm (citta). Đời sống của mỗi kalāpa là mười bảy sát na tâm, tức là 51 tiểu sát-na.

Các Kalāpa Do Tâm Tạo

Các kalāpa do tâm tạo bắt đầu xuất hiện tại thời điểm sanh khởi của tâm hữu phần (bhavaṅga citta) thứ nhất, tức là tâm hữu phần sanh lên ngay sau tâm (citta) tục sinh. Sau đó, chúng sanh lên tại thời điểm sanh khởi của những tâm (citta) theo sau¹. Các kalāpa sanh lên tại thời điểm sanh khởi của tâm hữu phần (bhavaṅga citta) thứ nhất sẽ diệt đi tại thời điểm diệt hoại của tâm (citta) hướng ý môn, sau khi chúng đã hoàn thành đời sống dài mười bảy sát-na tâm của chúng. Có mười bảy kalāpa do tâm tạo tại thời điểm diệt hoại của tâm (citta) hướng ý môn. Trong số chúng, mười sáu kalāpa là ở giai đoạn trụ và một nhóm còn lại là ở giai đoạn diệt. Con số này giữ nguyên trước sự sanh khởi của ngũ song thức, và các kalāpa do tâm tạo không sanh lên trong suốt thời gian nhập thiên diệt (nirodha-samāpatti). Những kalāpa này chỉ sanh lên tại sát-na sanh của các tâm (citta).

Các Kalāpa Do Nhiệt Lượng Tạo

Yếu tố lửa, hay được gọi là nhiệt lượng, có tồn tại trong ba kalāpa do nghiệp (kamma) tạo mà sanh lên cùng với tâm (citta) tục sinh. Nhiệt lượng này có đủ sức mạnh tại thời điểm của giai đoạn trụ của chính nó, cũng tức là giai đoạn trụ của tâm (citta) tục sinh, có thể tạo ra ba loại kalāpa do nhiệt lượng tạo. Điều này có nghĩa là ba kalāpa do nhiệt lượng tạo bắt đầu sanh lên tại tiểu

¹ CMA 247

sát-na trụ của tâm (citta) tục sinh, và thêm nữa các kalāpa mới do nhiệt lượng tạo sanh lên tại tiểu sát-na diệt của nó. Theo cùng phương thức này, chúng sanh lên và diệt đi tại mỗi tiểu sát-na. Những kalāpa do nhiệt lượng tạo này có sự kết nối với những kalāpa do nghiệp (kamma) tạo, cho nên chúng được gọi là các kalāpa do nhiệt lượng tạo được duyên bởi nghiệp (kamma)¹.

Xin độc giả hãy tham khảo Table I trong phần Phụ Lục ở cuối sách.

Yếu tố lửa (nhiệt lượng) cũng có tồn tại trong các kalāpa do tâm tạo, mà sanh lên tại tiểu sát-na sanh của tâm hữu phần (bhavaṅga) thứ nhất. Chúng cũng bắt đầu tạo ra một kalāpa do nhiệt lượng tạo từ tiểu sát-na trụ của tâm hữu phần (bhavaṅga) thứ nhất. Nhiệt lượng trong các kalāpa do tâm tạo, mà sanh lên tại tiểu sát-na sanh của tâm hữu phần (bhavaṅga) thứ hai, tạo ra kalāpa do nhiệt lượng tạo tại tiểu sát-na trụ của tâm hữu phần (bhavaṅga) thứ hai. Như vậy, các kalāpa do nhiệt lượng tạo được duyên bởi tâm cũng sanh lên tại tiểu sát-na trụ của những tâm (citta) theo sau. Do đó, có mười ba kalāpa do nhiệt lượng tạo được duyên bởi nghiệp (kamma); và có mười sáu kalāpa tại tiểu sát-na diệt của tâm hữu phần (bhavaṅga) thứ nhất; có mười chín kalāpa tại tiểu sát-na sanh của tâm hữu phần (bhavaṅga) thứ hai; và có 23 kalāpa tại tiểu sát-na trụ của tâm hữu phần (bhavaṅga) thứ hai. (Ở đây, mười ba kalāpa và mười sáu kalāpa là chỉ cho bao nhiêu loại nhóm kalāpa mà có thể sanh lên trong thân xác.) Những tiến trình được giải thích ở đây xảy ra tại lúc tục sinh, tức là lúc mà không có các kalāpa do dưỡng tố ngoại tạo sanh lên; cho nên, các kalāpa do dưỡng tố tạo được bỏ qua trong tiến trình này.

¹ CMA 250, Table I

Các Kalāpa Mạng Quyền

Theo các số giải, kalāpa mạng quyền sanh lên trong chúng sanh dục giới, như nhóm thân, trong toàn bộ thân xác sau sự sanh khởi của tâm (citta) tục sinh và sanh lên tại bất kỳ một trong ba tiểu sát-na của tâm (citta) đó. Ví dụ, để giúp cho việc hiểu rõ, giả sử nó sanh lên tại thời điểm sanh của một tâm (citta). Thì có 153 kalāpa do nghiệp (kamma) tạo tại tiểu sát-na sanh của tâm đó, cùng với nhóm mạng quyền sẽ trở thành 154 kalāpa. Tại tiểu sát-na trụ, nó trở thành 155 và tại tiểu sát-na diệt, nó trở thành 156 kalāpa. Từ lúc sanh khởi của nó cho đến tiểu sát-na thứ 51, có 204 kalāpa do nghiệp (kamma) tạo. Trong số này, bốn kalāpa là ở giai đoạn sanh, 196 kalāpa¹ là ở giai đoạn trụ và 4 kalāpa là ở giai đoạn diệt. Con số này sẽ giữ nguyên cho đến lúc sanh khởi của kalāpa nhãn chẳng hạn.

Số kalāpa do tâm tạo chỉ là mười bảy. Khi kalāpa mạng quyền sanh lên (tại thời điểm trụ của nó), yếu tố lửa hay nhiệt lượng (mà đi cùng với nhóm mạng quyền) cũng tạo ra các kalāpa do nhiệt lượng tạo. Hơn nữa, tại thời điểm đó, 170 kalāpa do nhiệt lượng tạo đã hiện hữu, cho nên, tổng số là có tất cả 171 kalāpa. Như vậy, các kalāpa mạng quyền sanh lên tại mỗi tiểu sát-na. Thêm vào đó, tại mỗi tiểu sát-na trong giai đoạn trụ của chúng, số lượng kalāpa do nhiệt lượng tạo được duyên bởi nghiệp (kamma) tăng lên. Tuy nhiên, tại lúc xảy ra của tiểu sát-na thứ 51, nhóm mạng quyền nguyên thủy và những kalāpa do nhiệt lượng tạo mà được kết nối với nó diệt đi. Khi kalāpa mạng quyền nguyên thủy hoàn thành đời sống mười bảy sát-na tâm của nó thì có 220 kalāpa do nhiệt lượng tạo hiện hữu. Rồi, tại thời điểm sanh

¹ $51 \times 4 = 204$, $204 - (4 + 4) = 196$

khởi của tâm (citta), một kalāpa do nhiệt lượng tạo được duyên bởi nghiệp (kamma) (được kết nối với những kalāpa mạng quyền) được cộng vào, cho nên bây giờ có tổng cộng là 221 kalāpa. Rồi số lượng của kalāpa không sanh mà cũng không giảm nữa. Trong số 221 kalāpa, bốn kalāpa do nhiệt lượng tạo được duyên bởi nghiệp (kamma) thì ở giai đoạn sanh, vì những kalāpa do nhiệt lượng tạo được duyên bởi tâm diệt đi tại thời điểm sanh khởi của tâm (citta), năm kalāpa thì ở giai đoạn diệt và 212 kalāpa thì ở giai đoạn trụ. Tại thời điểm trụ của một tâm (citta) (vì các kalāpa do nhiệt lượng tạo được duyên bởi tâm thì luôn luôn sanh lên), năm kalāpa thì ở giai đoạn sanh, bốn kalāpa thì ở giai đoạn diệt và 212 thì ở giai đoạn trụ. Tại thời điểm diệt của một tâm (citta), các kalāpa do nhiệt lượng tạo được duyên bởi tâm (citta) chưa sanh lên và diệt đi; cho nên, bốn kalāpa thì ở giai đoạn sanh, bốn kalāpa thì ở giai đoạn diệt và 213 kalāpa thì ở giai đoạn trụ.¹

Điều này được trình bày chi tiết trong Table II trong phần Phụ Lục ở cuối sách.

Các Kalāpa Do Dưỡng Tố Tạo

Khi chất dinh dưỡng được tiêu thụ bởi một người mẹ đang mang thai lan truyền vào cơ thể của thai nhi, dưỡng tố có trong chất dinh dưỡng tại thời điểm trụ tạo ra kapāla do dưỡng tố tạo. Kalāpa do dưỡng tố tạo có thể sanh lên tại bất kỳ tiểu sát-na nào, tức là sanh, trụ hay diệt. Tuy nhiên, để cho đơn giản dễ hiểu, chúng ta hãy lấy ví dụ khi nó sanh lên tại tiểu sát-na sanh của tâm (citta). Dưỡng tố có trong chất dinh dưỡng được tiêu thụ bởi người mẹ tạo ra các kalāpa do dưỡng tố tạo tại mỗi

¹ Table II

tiểu sát-na vì dưỡng tố mới sanh lên tại mỗi tiểu sát-na. Do đó, tại thời điểm sanh, có một kalāpa do dưỡng tố tạo, tại thời điểm trụ, có hai kalāpa, tại thời điểm diệt, có ba kalāpa và vân vân. Khi kalāpa dưỡng tố đầu tiên nhất đạt đến tiểu sát-na thứ 51 thì có tất cả 51 kalāpa và trong số này, một kalāpa là ở giai đoạn sanh, một kalāpa là ở giai đoạn diệt và 49 kalāpa là ở giai đoạn trụ.

Ojāsankhāto āhāro āhārasamuṭṭhānarūpaṃ
ajjhoharaṇakāle ṭhānapattova samuṭṭhāpeti.¹

Chất dinh dưỡng, được biết đến là dưỡng tố, khi đạt đến giai đoạn trụ của nó, sản sinh ra sắc pháp do dưỡng tố tạo tại thời điểm nó được nuốt xuống.

Số lượng kalāpa do nghiệp (kamma) tạo và do tâm (citta) tạo không tăng lên hay giảm xuống. Tuy nhiên, kalāpa do nhiệt lượng tạo sanh lên tại thời điểm trụ của những kalāpa do dưỡng tố tạo đầu tiên nhất. Do đó, có tổng cộng là 222 kalāpa: 221 kalāpa là trụ và 1 kalāpa là mới đang sanh lên. Cho nên, kalāpa do nhiệt lượng tạo được duyên bởi dưỡng tố tăng lên từng nhóm một tại từng tiểu sát-na. Đến lúc tiểu sát-na thứ 51 sanh lên, tổng số nhóm sắc pháp tăng lên thêm 51 kalāpa, dẫn đến tổng số là 271 kalāpa. (Chúng ta nên hiểu các giai đoạn sanh, trụ và diệt của các kalāpa) Rồi cho đến khi những kalāpa nhãn và vân vân sanh lên, số lượng kalāpa do nghiệp (kamma) tạo, do tâm (citta) tạo, do nhiệt lượng tạo và do dưỡng tố tạo không tăng cũng không giảm.²

Xin độc giả hãy tham khảo Table III trong phần Phụ Lục ở cuối sách.

¹ CMA 250

² Table III

Kalāpa Nhãn, Vân Vân

Bốn bộ kalāpa do nghiệp (kamma) tạo (tức là nhóm nhãn, nhóm nhĩ, nhóm tỷ và nhóm thiết theo các số giải) bắt đầu sanh lên một cách tự phát vào tuần thứ mười một sau khi thọ thai. Mặc dầu trong thực tế, việc chúng sanh lên cùng một lúc là khó xảy ra. Tuy nhiên, để đơn giản dễ hiểu, giả sử chúng sanh lên một cách tự phát vào thời điểm sanh của một tâm (citta). Chúng ta nên hiểu rằng nếu số lượng kalāpa do nghiệp (kamma) tạo tăng lên thì kalāpa do nhiệt lượng tạo được duyên bởi nghiệp (kamma) cũng tăng lên tại thời điểm trụ. Do đó, khi những kalāpa này sanh lên tại tiểu sát-na đầu tiên nhất của tâm (citta) thì đã có 204 kalāpa do nghiệp (kamma) tạo tồn tại. Bằng cách cộng thêm bốn kalāpa mới, tổng số trở thành 208, với 272 kalāpa do nhiệt lượng tạo cũng đã tồn tại. Tại thời điểm trụ, có 212 kalāpa do nghiệp (kamma) tạo và 276 kalāpa do nhiệt lượng tạo. Tại thời điểm diệt, có tồn tại 216 kalāpa do nghiệp (kamma) tạo và 280 kalāpa do nhiệt lượng tạo. Như vậy, cho đến thời điểm sanh lên của tiểu sát-na thứ 51, số lượng kalāpa tăng lên thêm bốn tại mỗi tiểu sát-na. Tại tiểu sát-na thứ 51, có 408 kalāpa do nghiệp (kamma) tạo; và tại tiểu sát-na tiếp theo, có 476 kalāpa do nhiệt lượng tạo hiện hữu. (Chúng ta nên hiểu các giai đoạn sanh, trụ và diệt của các kalāpa) Số lượng những kalāpa giữ nguyên tại mọi lúc, ngoại trừ trong thời gian của lộ tâm ngũ môn và lộ nhập thiền diệt.¹

Xin độc giả hãy tham khảo Table IV trong phần Phụ Lục ở cuối sách.

¹ Table IV

Lộ Tâm Ngũ Môn

Một chuỗi những kalāpa sanh lên trong thời gian của lộ ngũ môn. Ngũ song thức không thể tạo ra sắc pháp, cho nên, tại thời điểm sanh của chúng, chỉ có mười sáu kalāpa do tâm (citta) tạo. Trong số này, mười lăm kalāpa là ở giai đoạn trụ và một là ở giai đoạn diệt. Điều này có nghĩa là từ tiểu sát-na đầu tiên nhất của chuỗi tâm tính từ sự sanh lên của tâm giác quan cho đến tiểu sát-na diệt thứ 51 (tức là sát-na tâm thứ mười bảy), chỉ có mười sáu kalāpa do tâm (citta) tạo. Tại tiểu sát-na diệt của sát-na tâm thứ mười bảy, không có nhóm sắc pháp nào ở giai đoạn diệt mà tất cả mười sáu kalāpa thì ở giai đoạn trụ. Tuy nhiên, tại tiểu sát-na sanh của sát-na tâm thứ mười tám, một kalāpa do tâm (citta) tạo sanh lên và tổng số lại trở thành mười bảy kalāpa. Sau đó, số lượng kalāpa không tăng cũng không giảm.¹

Xin độc giả hãy tham khảo Table V trong phần Phụ Lục ở cuối sách.

Lộ Tâm Nhập Thiên Diệt

Không có tâm nào trong quá trình nhập thiên diệt. Cho nên, tại tiểu sát-na diệt của giai đoạn đồng lực (javana) phi tưởng phi phi tưởng, chỉ có mười bảy kalāpa do tâm (citta) tạo đang tồn tại. Rồi, với mỗi ba tiểu sát-na, một kalāpa diệt đi, cho nên, tại thời điểm của tâm (citta) thứ mười sáu, tất cả kalāpa do tâm (citta) tạo đã diệt hết. Khi xuất khỏi thiên diệt, tại thời điểm sanh lên của đồng lực (javana) bất lai hoặc đồng lực A-la-hán (arahanta javana), các kalāpa do tâm (citta) tạo sanh lên từng nhóm một tại mỗi thời điểm. Tại sát-na tâm thứ

¹ Table V

mười bảy, mười bảy kalāpa do tâm (citta) tạo hiện hữu như thông thường. Các kalāpa do nhiệt lượng tạo tăng lên hoặc giảm xuống tùy thuộc vào sự tăng lên hay giảm xuống của các kalāpa do tâm (citta) tạo. Tuy nhiên, số lượng kalāpa do nghiệp (kamma) tạo giữ nguyên không thay đổi cho đến thời điểm tử.¹

Xin độc giả hãy tham khảo Table VI và Table VII trong phần Phụ Lục ở cuối sách.

Thời Điểm Tử

Có 21 nhóm sắc pháp được gọi là kalāpa: chín, sáu, bốn và hai do nghiệp (kamma), do tâm (citta), do nhiệt lượng và do dưỡng tố tạo một cách tương ứng; trôi chảy liên tiếp cho đến cuối đời sống như dòng chảy của một dòng sông hay ngọn lửa của một ngọn đèn. Đây là cái chúng ta gọi là thân xác nhân loại. Nói một cách khác, thân xác nhân loại được tạo nên bởi những kalāpa bé nhỏ sanh lên và diệt đi tại mỗi một thời điểm, hàng tỷ lần trong một đời sống. Hầu hết trong số chúng diệt đi khỏi tiến trình sanh diệt của chính chúng tại lúc tử. Việc này xảy ra như thế nào?

Tại lúc tử, các kalāpa do nghiệp (kamma) tạo không sanh lên nữa, bắt đầu từ tiểu sát-na sanh của tâm (citta) thứ mười bảy tính ngược từ tâm tử. Số lượng của chúng giảm xuống từ thời điểm này đến thời điểm sau, và tại tiểu sát-na diệt của tâm tử, tất cả kalāpa do nghiệp (kamma) tạo diệt đi mãi mãi trong kiếp sống hiện tại này.

¹ Table VI và Table VII

Các kalāpa do tâm (citta) tạo cũng không sanh lên nữa sau tâm tử. Với sự diệt đi của chúng, số lượng kalāpa do tâm tạo giảm xuống từng nhóm một tại mỗi thời điểm. Tại tiểu sát-na thứ 48 sau tâm tử, tất cả những kalāpa do tâm tạo đã diệt hết.

Các kalāpa do dưỡng tố tạo có thể sanh lên cho đến thời điểm diệt của tâm tử. Do đó, chúng diệt đi toàn bộ chỉ tại tiểu sát-na thứ 50 sau tâm tử.

Tuy nhiên, các kalāpa do nhiệt lượng tạo vẫn tồn tại kéo dài dưới dạng của xác chết và sau đó, duy trì như là một tiến trình sanh diệt ở những dạng khác nhau một cách tương ứng.¹

Xin độc giả hãy tham khảo Table VIII trong phần Phụ Lục ở cuối sách.

--ooOoo--

¹ Table VIII

PHỤ LỤC

1 - BẢNG NÊU CHI PHÁP

Table 1: Tiến Trình Của Các Kalāpa Tại Thời Điểm Tục Sinh

<i>Tâm (Citta)</i>	<i>Tiêu Sát-na</i>	<i>Do Nghiệp (Kamma) Tạo</i>	<i>Do Tâm (Citta) Tạo</i>	<i>Do Nhiệt Lượng Tạo</i>	<i>Tổng Số Kalāpa</i>
Tâm (Citta) Tục Sinh	Sanh	3	x	x	3
	Trụ	6	x	3	9
	Diệt	9	x	6	15
Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) 1	Sanh	12	1	9	22
	Trụ	15	1	13	29
	Diệt	18	1	16	35
Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) 2	Sanh	21	2	19	42
	Trụ	24	2	23	49
	Diệt	27	2	26	55
Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) 3	Sanh	30	3	29	62
	Trụ	33	3	33	69
	Diệt	36	3	36	75
Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) 4	Sanh	39	4	39	82
	Trụ	42	4	43	89
	Diệt	45	4	46	95
Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) 5	Sanh	48	5	49	102
	Trụ	51	5	53	109
	Diệt	54	5	56	115
Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) 6	Sanh	57	6	59	122
	Trụ	60	6	63	129
	Diệt	63	6	66	135

Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) 7	Sanh	66	7	69	142
	Trụ	69	7	73	149
	Diệt	72	7	76	155
Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) 8	Sanh	75	8	79	162
	Trụ	78	8	83	169
	Diệt	81	8	86	175
Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) 9	Sanh	84	9	89	182
	Trụ	87	9	93	189
	Diệt	90	9	96	195
Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) 10	Sanh	93	10	99	202
	Trụ	96	10	103	209
	Diệt	99	10	106	215
Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) 11	Sanh	102	11	109	222
	Trụ	105	11	113	229
	Diệt	108	11	116	235
Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) 12	Sanh	111	12	119	242
	Trụ	114	12	123	249
	Diệt	117	12	126	255
Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) 13	Sanh	120	13	129	262
	Trụ	123	13	133	269
	Diệt	126	13	136	275
Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) 14	Sanh	129	14	139	282
	Trụ	132	14	143	289
	Diệt	135	14	146	295
Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) 15	Sanh	138	15	149	302
	Trụ	141	15	153	309
	Diệt	144	15	156	315
Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) 16	Sanh	147	16	159	322
	Trụ	150	16	163	329
	Diệt	153	16	166	335

Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) 17	Sanh	153	17	169	339
	Trụ	153	17	170	340
	Diệt	153	17	170	340
Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) 18	Sanh	153	17	170	340
	Trụ	153	17	170	340
	Diệt	153	17	170	340

Table 2: Tiến Trình Của Các Kalāpa Tại Lúc Sanh Khởi Của Các Kalāpa Mạng Quyền

<i>Tâm (Citta)</i>	<i>Tiêu Sát-na</i>	<i>Do Nghiệp (Kamma) Tạo</i>	<i>Do Tâm (Citta) Tạo</i>	<i>Do Nhiệt Lượng Tạo</i>	<i>Tổng Số Kalāpa</i>
Tâm (Citta)	Sanh	154	17	170	341
	Trụ	155	17	171	343
	Diệt	156	17	172	345
Tâm (Citta)	Sanh	157	17	173	347
	Trụ	158	17	174	349
	Diệt	159	17	175	351
Tâm (Citta)	Sanh	160	17	176	353
	Trụ	161	17	177	355
	Diệt	162	17	178	357
Tâm (Citta)	Sanh	163	17	179	359
	Trụ	164	17	180	361
	Diệt	165	17	181	363
Tâm (Citta)	Sanh	166	17	182	365
	Trụ	167	17	183	367
	Diệt	168	17	184	369
Tâm (Citta)	Sanh	169	17	185	371
	Trụ	170	17	186	373
	Diệt	171	17	187	375

Tâm (Citta)	Sanh	172	17	188	377
	Trụ	173	17	189	379
	Diệt	174	17	190	381
Tâm (Citta)	Sanh	175	17	191	383
	Trụ	176	17	192	385
	Diệt	177	17	193	387
Tâm (Citta)	Sanh	178	17	194	389
	Trụ	179	17	195	391
	Diệt	180	17	196	393
Tâm (Citta)	Sanh	181	17	197	395
	Trụ	182	17	198	397
	Diệt	183	17	199	399
Tâm (Citta)	Sanh	184	17	200	401
	Trụ	185	17	201	403
	Diệt	186	17	202	405
Tâm (Citta)	Sanh	187	17	203	407
	Trụ	188	17	204	409
	Diệt	189	17	205	411
Tâm (Citta)	Sanh	190	17	206	413
	Trụ	191	17	207	415
	Diệt	192	17	208	417
Tâm (Citta)	Sanh	193	17	209	419
	Trụ	194	17	210	421
	Diệt	195	17	211	423
Tâm (Citta)	Sanh	196	17	212	425
	Trụ	197	17	213	427
	Diệt	198	17	214	429

Tâm (Citta)	Sanh	199	17	215	431
	Trụ	200	17	216	433
	Diệt	201	17	217	435
Tâm (Citta)	Sanh	202	17	218	437
	Trụ	203	17	219	439
	Diệt	204	17	220	441
Tâm (Citta)	Sanh	204	17	221	442
	Trụ	204	17	221	442
	Diệt	204	17	221	442

Table 3: Tiến Trình Của Các Kalāpa Tại Lúc Sanh Khởi Của Các Kalāpa Do Dưỡng Tố Tạo

Tâm (Citta)	Tiêu Sát-na	Do Nghiệp (Kamma) Tạo	Do Tâm (Citta) Tạo	Do Dưỡng Tố Tạo	Do Nhiệt Lượng Tạo	Tổng Số Kalāpa
Tâm (Citta)	Sanh	204	17	1	221	443
	Trụ	204	17	2	222	445
	Diệt	204	17	3	223	447
Tâm (Citta)	Sanh	204	17	4	224	449
	Trụ	204	17	5	225	451
	Diệt	204	17	6	226	453
Tâm (Citta)	Sanh	204	17	7	227	455
	Trụ	204	17	8	228	457
	Diệt	204	17	9	229	459
Tâm (Citta)	Sanh	204	17	10	230	461
	Trụ	204	17	11	231	463
	Diệt	204	17	12	232	465
Tâm (Citta)	Sanh	204	17	13	233	467
	Trụ	204	17	14	234	469
	Diệt	204	17	15	235	471

Tâm (Citta)	Sanh	204	17	16	236	473
	Trụ	204	17	17	237	475
	Diệt	204	17	18	238	477
Tâm (Citta)	Sanh	204	17	19	239	479
	Trụ	204	17	20	240	481
	Diệt	204	17	21	241	483
Tâm (Citta)	Sanh	204	17	22	242	485
	Trụ	204	17	23	243	487
	Diệt	204	17	24	244	489
Tâm (Citta)	Sanh	204	17	25	245	491
	Trụ	204	17	26	246	493
	Diệt	204	17	27	247	495
Tâm (Citta)	Sanh	204	17	28	248	497
	Trụ	204	17	29	249	499
	Diệt	204	17	30	250	501
Tâm (Citta)	Sanh	204	17	31	251	503
	Trụ	204	17	32	252	505
	Diệt	204	17	33	253	507
Tâm (Citta)	Sanh	204	17	34	254	509
	Trụ	204	17	35	255	511
	Diệt	204	17	36	256	513
Tâm (Citta)	Sanh	204	17	37	257	515
	Trụ	204	17	38	258	517
	Diệt	204	17	39	259	519
Tâm (Citta)	Sanh	204	17	40	260	521
	Trụ	204	17	41	261	523
	Diệt	204	17	42	262	525

Tâm (Citta)	Sanh	204	17	43	263	527
	Trụ	204	17	44	264	529
	Diệt	204	17	45	265	531
Tâm (Citta)	Sanh	204	17	46	266	533
	Trụ	204	17	47	267	535
	Diệt	204	17	48	268	537
Tâm (Citta)	Sanh	204	17	49	269	539
	Trụ	204	17	50	270	541
	Diệt	204	17	51	271	543
Tâm (Citta)	Sanh	204	17	51	272	544
	Trụ	204	17	51	272	544
	Diệt	204	17	51	272	544

Table 4: Tiến Trình Của Các Kalāpa Tại Lúc Sanh Khởi Của Nhóm Nhân, Vân Vân

Tâm (Citta)	Tiêu Sát-na	Do Nghiệp (Kamma) Tạo	Do Tâm (Citta) Tạo	Do Dưỡng Tổ Tạo	Do Nhiệt Lượng Tạo	Tổng Số Kalāpa
Tâm (Citta)	Sanh	208	17	51	272	548
	Trụ	212	17	51	276	556
	Diệt	216	17	51	280	564
Tâm (Citta)	Sanh	220	17	51	284	572
	Trụ	224	17	51	288	580
	Diệt	228	17	51	292	588
Tâm (Citta)	Sanh	232	17	51	296	596
	Trụ	236	17	51	300	604
	Diệt	240	17	51	304	612
Tâm (Citta)	Sanh	244	17	51	308	620
	Trụ	248	17	51	312	628
	Diệt	252	17	51	316	636

Tâm (Citta)	Sanh	256	17	51	320	644
	Trụ	260	17	51	324	652
	Diệt	264	17	51	328	660
Tâm (Citta)	Sanh	268	17	51	332	668
	Trụ	272	17	51	336	676
	Diệt	276	17	51	340	684
Tâm (Citta)	Sanh	280	17	51	344	692
	Trụ	284	17	51	348	700
	Diệt	288	17	51	352	708
Tâm (Citta)	Sanh	292	17	51	356	716
	Trụ	296	17	51	360	724
	Diệt	300	17	51	364	732
Tâm (Citta)	Sanh	304	17	51	368	740
	Trụ	308	17	51	372	748
	Diệt	312	17	51	376	756
Tâm (Citta)	Sanh	316	17	51	380	764
	Trụ	320	17	51	384	772
	Diệt	324	17	51	388	780
Tâm (Citta)	Sanh	328	17	51	392	788
	Trụ	332	17	51	396	796
	Diệt	336	17	51	400	804
Tâm (Citta)	Sanh	340	17	51	404	812
	Trụ	344	17	51	408	820
	Diệt	348	17	51	412	828
Tâm (Citta)	Sanh	352	17	51	416	836
	Trụ	356	17	51	420	844
	Diệt	360	17	51	424	852
Tâm (Citta)	Sanh	364	17	51	428	860
	Trụ	368	17	51	432	868
	Diệt	372	17	51	436	876

Tâm (Citta)	Sanh	376	17	51	440	884
	Trụ	380	17	51	444	892
	Diệt	384	17	51	448	900
Tâm (Citta)	Sanh	388	17	51	452	908
	Trụ	392	17	51	456	916
	Diệt	396	17	51	460	924
Tâm (Citta)	Sanh	400	17	51	464	932
	Trụ	404	17	51	468	940
	Diệt	408	17	51	472	948
Tâm (Citta)	Sanh	408	17	51	476	952
	Trụ	408	17	51	476	952
	Diệt	408	17	51	476	952

Table 5: Tiến Trình Của Các Kalāpa Tại Lúc Sanh Khởi Của Lộ Tâm Ngũ Môn

Tâm (Citta)	Tiểu Sát-na	Do Nghiệp (Kamma) Tạo	Do Tâm (Citta) Tạo	Do Dưỡng Tổ Tạo	Do Nhiệt Lượng Tạo	Tổng Số Kalāpa
Hữu Phần (Bhavaṅga) Vừa Qua	Sanh	408	17	51	476	952
	Trụ	408	17	51	476	952
	Diệt	408	17	51	476	952
Hữu Phần (Bhavaṅga) Rúng Động	Sanh	408	17	51	476	952
	Trụ	408	17	51	476	952
	Diệt	408	17	51	476	952
Hữu Phần (Bhavaṅga) Dứt Dòng	Sanh	408	17	51	476	952
	Trụ	408	17	51	476	952
	Diệt	408	17	51	476	952
Hướng Ngũ Môn	Sanh	408	17	51	476	952
	Trụ	408	17	51	476	952
	Diệt	408	17	51	476	952

Ngũ Song Thúc	Sanh	408	16	51	475	950
	Trụ	408	16	51	475	950
	Diệt	408	16	51	475	950
Tiếp Thâu	Sanh	408	16	51	475	950
	Trụ	408	16	51	475	950
	Diệt	408	16	51	475	950
Quan Sát	Sanh	408	16	51	475	950
	Trụ	408	16	51	475	950
	Diệt	408	16	51	475	950
Đoán Định	Sanh	408	16	51	475	950
	Trụ	408	16	51	475	950
	Diệt	408	16	51	475	950
Đồng Lực (Javana)	Sanh	408	16	51	475	950
	Trụ	408	16	51	475	950
	Diệt	408	16	51	475	950
Đồng Lực (Javana)	Sanh	408	16	51	475	950
	Trụ	408	16	51	475	950
	Diệt	408	16	51	475	950
Đồng Lực (Javana)	Sanh	408	16	51	475	950
	Trụ	408	16	51	475	950
	Diệt	408	16	51	475	950
Đồng Lực (Javana)	Sanh	408	16	51	475	950
	Trụ	408	16	51	475	950
	Diệt	408	16	51	475	950
Đồng Lực (Javana)	Sanh	408	16	51	475	950
	Trụ	408	16	51	475	950
	Diệt	408	16	51	475	950
Đồng Lực (Javana)	Sanh	408	16	51	475	950
	Trụ	408	16	51	475	950
	Diệt	408	16	51	475	950

Đồng Lược (Javana)	Sanh	408	16	51	475	950
	Trụ	408	16	51	475	950
	Diệt	408	16	51	475	950
Na Cảnh	Sanh	408	16	51	475	950
	Trụ	408	16	51	475	950
	Diệt	408	16	51	475	950
Na Cảnh	Sanh	408	16	51	475	950
	Trụ	408	16	51	475	950
	Diệt	408	16	51	475	950
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	16	51	475	950
	Trụ	408	16	51	475	950
	Diệt	408	16	51	475	950
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	16	51	475	950
	Trụ	408	16	51	475	950
	Diệt	408	16	51	475	950
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	16	51	475	950
	Trụ	408	16	51	475	950
	Diệt	408	16	51	475	950
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	16	51	475	950
	Trụ	408	16	51	475	950
	Diệt	408	16	51	475	950
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	17	51	475	951
	Trụ	408	17	51	476	952
	Diệt	408	17	51	476	952

Table 6: Tiến Trình Của Các Kalāpa Tại Lúc Nhập Thiền Diệt

Tâm (Citta)	Tiểu Sát-na	Do Nghiệp (Kamma) Tạo	Do Tâm (Citta) Tạo	Do Dưỡng Tố Tạo	Do Nhiệt Lượng Tạo	Tổng Số Kalāpa
Thiền (Jhāna)	Sanh	408	17	51	476	952
	Trụ	408	17	51	476	952
	Diệt	408	17	51	476	952
Thiền (Jhāna)	Sanh	408	17	51	476	952
	Trụ	408	17	51	476	952
	Diệt	408	17	51	476	952
Từ thời điểm này trở đi, tiến trình tâm thức bị dừng lại.		408	16	51	476	951
		408	16	51	475	950
		408	16	51	475	950
		408	15	51	475 ^(a)	949
		408	15	51	474	948
		408	15	51	474	948
		408	14	51	474	947
		408	14	51	473	946
		408	14	51	473	946
		408	13	51	473	945
		408	13	51	472	944
		408	13	51	472	944
		408	12	51	472	943
		408	12	51	471	942
		408	12	51	471	942
		408	11	51	471	941
		408	11	51	470	940
	408	11	51	470	940	

408	10	51	470	939
408	10	51	469	938
408	10	51	469	938
408	9	51	469	937
408	9	51	468	936
408	9	51	468	936
408	8	51	468	935
408	8	51	467	934
408	8	51	467	934
408	7	51	467	933
408	7	51	466	932
408	7	51	466	932
408	6	51	466	931
408	6	51	465	930
408	6	51	465	930
408	5	51	465	929
408	5	51	464	928
408	5	51	464	928
408	4	51	464	927
408	4	51	463	926
408	4	51	463	926
408	3	51	463	925
408	3	51	462	924
408	3	51	462	924
408	2	51	462	923
408	2	51	461	922
408	2	51	461	922
408	1	51	461	921
408	1	51	460	920
408	1	51	460	920

	408		51	460	919
	408		51	459	918
	408		51	459	918

ND: (a) trong bản gốc ghi 474 là không đúng

Table 7: Tiến Trình Của Các Kalāpa Tại Lúc Xuất Khỏi Thiên Diệt

Tâm (Citta)	Tiêu Sát-na	Do Nghiệp (Kamma) Tạo	Do Tâm (Citta) Tạo	Do Dưỡng Tố Tạo	Do Nhiệt Lượng Tạo	Tổng Số Kalāpa
Quả (Siêu Thế)	Sanh	408	1	51	459	919
	Trụ	408	1	51	460	920
	Diệt	408	1	51	460	920
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	2	51	460	921
	Trụ	408	2	51	461	922
	Diệt	408	2	51	461	922
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	3	51	461	923
	Trụ	408	3	51	462	924
	Diệt	408	3	51	462	924
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	4	51	462	925
	Trụ	408	4	51	463	926
	Diệt	408	4	51	463	926
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	5	51	463	927
	Trụ	408	5	51	464	928
	Diệt	408	5	51	464	928
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	6	51	464	929
	Trụ	408	6	51	465	930
	Diệt	408	6	51	465	930

Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	7	51	465	931
	Trụ	408	7	51	466	932
	Diệt	408	7	51	466	932
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	8	51	466	933
	Trụ	408	8	51	467	934
	Diệt	408	8	51	467	934
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	9	51	467	935
	Trụ	408	9	51	468	936
	Diệt	408	9	51	468	936
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	10	51	468	937
	Trụ	408	10	51	469	938
	Diệt	408	10	51	469	938
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	11	51	469	939
	Trụ	408	11	51	470	940
	Diệt	408	11	51	470	940
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	12	51	470	941
	Trụ	408	12	51	471	942
	Diệt	408	12	51	471	942
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	13	51	471	943
	Trụ	408	13	51	472	944
	Diệt	408	13	51	472	944
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	14	51	472	945
	Trụ	408	14	51	473	946
	Diệt	408	14	51	473	946
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	15	51	473	947
	Trụ	408	15	51	474	948
	Diệt	408	15	51	474	948
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	16	51	474	949
	Trụ	408	16	51	475	950
	Diệt	408	16	51	475	950

Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	408	17	51	475	951
	Trụ	408	17	51	476	952
	Diệt	408	17	51	476	952

Table 8: Tiến Trình Của Các Kalāpa Tại Lúc Từ

Tâm (Citta)	Tiểu Sát-na	Do Nghiệp (Kamma) Tạo	Do Tâm (Citta) Tạo	Do Dưỡng Tổ Tạo	Do Nhiệt Lượng Tạo	Tổng Số Kalāpa
Hữu Phần (Bhavaṅga) Vừa Qua	Sanh	408	17	51	476	952
	Trụ	400	17	51	476	944
	Diệt	392	17	51	468	928
Hữu Phần (Bhavaṅga) Rúng Động	Sanh	384	17	51	460	912
	Trụ	376	17	51	452	896
	Diệt	368	17	51	444	880
Hữu Phần (Bhavaṅga) Dứt Dòng	Sanh	360	17	51	436	864
	Trụ	352	17	51	428	848
	Diệt	344	17	51	420	832
Hương Ngũ Môn	Sanh	336	17	51	412	816
	Trụ	328	17	51	404	800
	Diệt	320	17	51	396	784
Nhân Thức	Sanh	312	16	51	388	767
	Trụ	304	16	51	379	750
	Diệt	296	16	51	371	734
Tiếp Thâu	Sanh	288	16	51	363	718
	Trụ	280	16	51	355	702
	Diệt	272	16	51	347	686
Quan Sát	Sanh	264	16	51	339	670
	Trụ	256	16	51	331	654
	Diệt	248	16	51	323	638

Đoán Định	Sanh	240	16	51	315	622
	Trụ	232	16	51	307	606
	Diệt	224	16	51	299	590
Đồng Lực (Javana)	Sanh	216	16	51	291	574
	Trụ	208	16	51	283	558
	Diệt	200	16	51	275	542
Đồng Lực (Javana)	Sanh	192	16	51	267	526
	Trụ	184	16	51	259	510
	Diệt	176	16	51	251	494
Đồng Lực (Javana)	Sanh	168	16	51	243	478
	Trụ	160	16	51	235	462
	Diệt	152	16	51	227	446
Đồng Lực (Javana)	Sanh	144	16	51	219	430
	Trụ	136	16	51	211	414
	Diệt	128	16	51	203	398
Đồng Lực (Javana)	Sanh	120	16	51	195	382
	Trụ	112	16	51	187	366
	Diệt	104	16	51	179	350
Na Cảnh	Sanh	96	16	51	171	334
	Trụ	88	16	51	163	318
	Diệt	80	16	51	155	302
Na Cảnh	Sanh	72	16	51	147	286
	Trụ	64	16	51	139	270
	Diệt	56	16	51	131	254
Hữu Phần (Bhavaṅga)	Sanh	48	16	51	123	238
	Trụ	40	16	51	115	222
	Diệt	32	16	51	107	206
Tứ	Sanh	24	16	51	99	190
	Trụ	16	16	51	91	174
	Diệt	8	16	51	83	158

2 - BẢNG LIỆT KÊ THUẬT NGỮ PĀḲI – VIỆT

--ooOoo--

A

Akusala: bất thiện	Adukkha-masukha: thọ không lạc không khổ
Akusala cetasika: tâm sở bất thiện	Adosa: vô sân
Añña: kia, khác	Addhānapariccheda: giới hạn của đời sống, tuổi thọ
Aññanamāna cetasika: tâm sở tự tha	Adhimokkha: thắng giải, quyết định
Aññanamāna: tự tha, chung cho cái kia	Anāgataṃsa ñāṇa: vị lai trí
Ati-avibhūta: lộ tâm cảnh rất mờ nhạt	Aniccata: tử, chết
Ati-iṭṭha: cực kỳ được khao khát	Aniṭṭha: cái không được khao khát
Ati-vibhūta: lộ tâm cảnh rất rõ	Anipphanna rūpa: sắc pháp phi thực tính, sắc pháp không được tạo ra một cách cụ thể
Atiparitta: đối tượng được xem "rất mờ nhỏ	Anubandhika vīthi: lộ tâm nối đuôi, lộ tâm theo sau
Atīta-bhavaṅga: hữu phần vừa qua	Anuloma: thuận thứ
Atthaggaṇa vīthi: lộ tâm phân định hình dáng của đối tượng	Anottappa: vô úy
	Anga: yếu tố

Andaja: noãn sanh	Avibhūta: đối tượng được gọi là "mờ nhạt"
Appanā-javanavāra: với đồng lực kiên cố	Asabhāva: sắc pháp với tính chất bảm sinh
Appanā-javanavāra-manodvāra vīthi: lộ tâm ý môn đồng lực kiên cố	Asura: (người) chậm chạp, hèn nhát, a-tu-la
Appamaññā: các vô lượng tâm	Ahirika: vô tầm
Abhiññā: thần thông	Ahetu: vô nhân, không có gốc rễ
Abhiññā vīthi: lộ tâm thần thông	Ahetuka: vô nhân, không có nguyên nhân
Abhidhamma: thẳng pháp, a-tỳ-đàm	Ahetuka-kiriya: duy tác vô nhân
Amoha: vô si	Āgantuka-bhavaṅga: hữu phần khách (āgantuka: vị khách)
Ariya: thánh nhân	Ātman: linh hồn, bản ngã
Arūpa: vô sắc	Ādikammika: tiến trình của người sơ cơ
Arūpāvacara vipāka: (tâm) quả vô sắc	Āyatana: (mười hai) xứ
Alakkhaṇa rūpa: sắc phi tướng	Ālambana: cảnh, đối tượng
Alobha: vô tham	Āhāraja-suddhatthaka: sắc pháp bất ly do dưỡng tố tạo
Āvajjana kicca: chức năng hướng tâm	
Aviparīta: bất biến	

B

Bhanga: diệt, hoại

Bhava: hữu, trở thành

Bhava-nikantika: hữu ái

Bhavanikantika javana: đồng lực hữu ái

Bhavaṅga: hữu phần, hộ kiếp

Bhavaṅga kicca: chức năng hữu phần

Bhavaṅgacalana: hữu phần rúng động

Bhavaṅgupaccheda: hữu phần dứt dòng

Bhūmi: cõi

C

Cakkhudasaka: nhóm nhãn

Cakkhu-dvāra-vīthi: lộ tâm nhãn môn

Cakkhu-vatthu: nhãn vật

Cakkhu-viññāṇa: nhãn thức

Cakkhu-viññāṇa-dhātu: nhãn thức giới

Citta: tâm

Cittakammaññatā: tâm sở thích tâm

Cittakkhaṇa: sát-na tâm

Citta-niyāma: trật tự cố định của tâm thức, quy luật của tâm thức

Cittapāguññatā: tâm sở thuần tâm

Cittapassaddhi: tâm sở tĩnh tâm

Cittamudutā: tâm sở nhu tâm

Cittalahutā: tâm sở khinh tâm

Citta vīthi: lộ trình tâm

Cittaja-suddhatthaka: nhóm sắc pháp bất ly do tâm tạo

Cittujukatā: tâm sở chánh tâm

Cuti kicca: chức năng tử

Cuti citta: tâm tử

Cetanā: tâm sở tư

Chanda: dục, tâm sở dục,
ước muốn, khao khát

Cetasika: tâm sở

D

Dassanādi kicca: chức
năng thấy

Duhetuka-puggala: người
nhị nhân

Diṭṭhi: tà kiến

Domanassa: thọ ưu

Dibba-cakkhu: nhãn thông

Dosa: sân

Dibbasota abhiññā: nhĩ
thông

Dvāra: môn

Dukkha: thọ khổ

Dhātu: giới

Duggati-ahetuka-puggala:
người vô nhân ác thú

E

Ekaggatā: định, nhất tâm, nhất thống

G

Gati-nimitta: thú tướng

Ghāṇa-dvāra-vīthi: lộ tâm
tỷ môn

Gandha: mùi, hương, khí

Ghāṇa-viññāṇa: tỷ thức

Gabbhaseyyaka sattā:
chúng sanh thai sanh

Ghāṇa-viññāṇa-dhātu: tỷ
thức giới

Gotrabhū: chuyển tộc

Ghāṇa-vatthu: tỷ vật

Ghāṇadasaka: nhóm tỷ

H

Hadayadasaka: nhóm ý vật

Hetu: nhân

Hirī: tầm

I

Itṭha: đáng được khao khát

Iddhividha abhiññā: thần túc thông

Itṭhamajjhatta: đáng được khao khát một cách bình thường

Indriya: căn, quyền

Issā: tật đố, ganh tỵ

Itthibhāvasaka: sắc tố nữ

J

Jaratā: suy thoái, lão suy

Jīvita-navaka-kalāpa: nhóm mạng quyền

Jalābuja: sự sinh ra của chúng sanh thai sanh

Jīvitasamasī: cùng diệt với đời sống (đắc đạo tột mạng)

Javana: đồng lực, giai đoạn năng động của lộ tâm

Jīvhādasaka: nhóm thiệt

Javana kicca: chức năng đồng lực

Jīvhā-dvāra-vīthi: lộ tâm thiệt môn

Javana citta: tâm đồng lực

Jīvhā-viññāṇa: thiệt thức

Javanavāra: tiến trình kết thúc với đồng lực

Jīvhā-viññāṇa-dhātu: thiệt thức giới

Jāti: sự sanh khởi, sự sanh ra

Jhāna: thiền

Jāvitindriya: mạng quyền

K

Kaṭattā: bảo trì (nghiệp),
sắc pháp do nghiệp tạo

Kamma: nghiệp

Kammanimitta: nghiệp
tướng

Karuṇā: lòng bi mẫn

Kalāpa: nhóm (sắc)

Kasiṇa: đê mục hoàn tịnh

Kāma-javana vīthi: lộ tâm
đồng lực dục giới

Kāmāvacara vipāka: (tâm)
quả dục giới

Kāya-dvāra-vīthi: lộ tâm
thân môn

Kāyapassaddhi: tâm sở
tĩnh tánh

Kāyapāguññatā: tâm sở
thuần tánh

Kāyamudutā: tâm sở nhu
tánh

Kāyakammaññatā: tâm sở
thích tánh

Kāyalahutā: tâm sở khinh
tánh

Kāya-vatthu: thân vật

Kāyaviññatti-lahutādi
dvādasaka: nhóm thân
biểu tri đặc biệt

Kāyaviññatti-navaka:
nhóm thân biểu tri

Kāya-viññāṇa: thân thức

Kāya-viññāṇa-dhātu: thân
thức giới

Kāyujukatā: tâm sở chánh
tánh

Kāraṇa: nguyên nhân

Kicca: chức năng, sự

Kiriya: duy tác

Kusala: thiện

Kukkucca: hối hận

Khaṇa: sat-na, khoảnh
khắc

L

Lahutādi ekādasaka: nhóm sắc đặc biệt
Lobha: tham

M

Magga vīthi: lộ đặc đạo
Macchariya: tâm sở xan lận
Majjhima-bhāṇaka: những bài kệ trung bình
Mahaggata: đạo đại
Mahaggata-vipāka: quả đạo đại
Mahanta: lớn
Mahābhūta: sắc tứ đại
Manasikāra: sở hữu tác ý
Māna: ngã mạn
Mano-dvāra-vīthi: lộ tâm ý môn
Middha: thụy miên
Manodvārāvajjana: tâm hướng ý môn
Muditā: tùy hỷ
Mano-dhātu: ý giới
Mūla: căn, gốc
Mano-viññāṇa: ý thức
Moghavāra: phương thức hư thoát
Mano-viññāṇa-dhātu: ý thức giới
Moha: si

N

Natthi kiñci: không có bất cứ cái gì cả
Nāmagāhikā: lộ tâm phân định tên gọi
Nānābaddha avikopana: ước nguyện không có tai hại gì xảy ra cho những vật sở hữu khác
Nāmaggaṇa vīthi: lộ tâm phân định tên gọi của đối tượng

Nāmasallakkhaṇā: lộ tâm nhận ra tên gọi

Nikanti: sự dính mắc nhẹ, yếu

Nipphanna rūpa: sắc pháp được tạo ra một cách cụ thể, sắc pháp chân đế

Nibbattita: trùu tượng

Nibbāna: Níp-bàn, sự an lạc cuối cùng

Nirodhasamāpatti: sự chứng đắc thiền diệt

O

Ojā: dưỡng tố

Ottappa: úy, ghê sợ tội lỗi

Opapātika: chúng sanh hóa sanh

P

Pakiṇṇaka cetasika: tâm sở biệt cảnh

Paccaya: duyên, điều kiện

Pañcakkhandha: ngũ uẩn

Pañcadvārāvajjana: hương ngũ môn

Pañca-dvāra vīthi: lộ tâm ngũ môn

Paññatti: khái niệm, chế định

Paññā: trí tuệ

Paṭibhāga-nimitta: quang tướng

Paṭisandhi: sự tục sinh

Paṭisandhi kicca: chức năng tục sinh

Paṭisandhi citta: tâm tục sinh

Pathavī: đất

Pathavī kasiṇa: đê mục đất

Paracittavijānana: tha tâm thông

Paramattha: pháp chân đế

Paramparā: dòng dõi, truyền thống

Parikappanā: sản phẩm cấu thành từ tinh thần

Parikamma: chuẩn bị, sơ bộ

Pubbenivāsānussati: túc mạng minh

Parikamma-nimitta: chuẩn (bị) tương

Pumbhāvasaka: nhóm sắc tố nam

Paritta: nhỏ, nhẹ

Peta: ngựa quỷ, ma đói

Parinibbāna: nhập diệt của vị A-la-hán

Phala: quả (siêu thế)

Pīti: hỷ, phi lạc

Phalasangāhāri: lộ nhập thiên quả

Puggalajjhāsayā: ước muốn hay thiên hương cá nhân

Phassa: xúc

R

Rasa: vị chất; phận sự, chức năng

Rūpākalāpa: nhóm sắc pháp

Rūpa: sắc pháp, vật chất; cảnh sắc; sắc giới

Rūpāvacara vipāka: (tâm) quả sắc giới

S

Samsedaja: sự tái sanh của chúng sanh thấp sanh

Saddhā: tín, niềm tin

Saññā: tưởng

Satthupakkosana: sự triệu tập của Đức Phật

Sati: niệm

Sanketaggahaṇa vīthi: lộ tâm bắt đối tượng đã được nhận ra làm cảnh

Saddanavaka: nhóm cảnh thính

Saddalahutādi dvādasaka: nhóm thính đặc biệt

Saṅgha: toát yếu; sự kết hợp

Saṅgha paṭimānana: sự chờ đợi của Tăng chúng

Santīraṇa: quán sát

Samatha: (thiền) chỉ tịnh

Samatha yāna: cỗ xe chỉ tịnh

Samatha-yānika: sự thực hành có thiền chỉ tịnh làm phương tiện trước thiền minh sát

Samādhi: định

Samāpajjana: sự nhập thiền

Samāpajjana vīthi: lộ nhập thiền

Samudaya: nguyên thủy (như là sự thật cao quý)

Samudayagāhikā: sự phân định đối tượng là một tổng thể

Samūhaggahaṇa vīthi: lộ tâm phân định đối tượng là một tổng thể

Sampaticchana: tâm tiếp xúc

Sampaticchana kicca: chức năng tiếp xúc

Sambandhaggahaṇa vīthi: tiến trình về sự kết nối giữa hình tướng đã được nhận ra và âm thanh

Sammasana rūpa: sắc pháp được thấu hiểu hay được quán chiếu bởi thiền minh sát

Sammasitajjhāna: thiền được quán sát hay được thấu hiểu

Sammā-ājīva: chánh mạng

Sammākammanta: chánh nghiệp

Sammāvācā: chánh ngữ

Sammuti: sự thật chế định

Sabhāva: bản chất nội tại

Sabhāva rūpa: sắc pháp có bản chất nội tại

Salakkhaṇarūpa: sắc pháp có đặc tính thực chất

Sasankhārika: (tâm) hữu trợ

Sādhāraṇa: chung, phổ biến

Sīla: giới

Sukkhavipassaka: hành giả mà chỉ thực hành thiền minh sát

Sugati-ahetuka-puggala: người vô nhân thiện thú

Suddha-manodvāra-vīthi: lộ tâm ý môn thuần túy

Subhakiṇha: cõi Biển Tịnh Thiên

Sotadasaka: nhóm nhĩ

Sota-dvāra-vīthi: lộ tâm nhĩ môn

Sota-vatthu: nhĩ vật

Sota-viññāṇa: nhĩ thức

Sota-viññāṇa-dhātu: nhĩ thức giới

Sobhana: tịnh hảo

Sobhana cetasika: tâm sở tịnh hảo

Sobhana-sādhāraṇa: tâm sở tịnh hảo biến hành

Somanassa: thọ hỷ

T

Tṭhiti: hiện hữu hay thời điểm tồn tại

Tatramajjhataṭṭā: tâm sở hành xả

Tadanuvattika manodvāra: tiến trình ý môn theo sau (nối đuôi)

Tadanuvattika manodvāravīthi: lộ tâm ý môn theo sau (nối đuôi)

Tadārammaṇa: tâm na cảnh

Tadārammaṇa-vāca: tiến trình kết thúc với tâm na cảnh

Tadālamḃana: thời điểm giữ lại, nghĩa đen là có đối tượng đó

Tihetuka-puggala: người tam nhân

Thina: hôn trầm

U

Uggaha-nimitta: học
tướng, thủ tướng

Utu: thời tiết, nhiệt lượng

Utuja-suddhatthaka:
nhóm sắc pháp bất ly do
nhiệt lượng tạo

Uddhacca: phóng dật

Upacāra: kế cận, tiến vào

Upacāra samādhi: cận
định

Upādārūpa: sắc y sinh

Upekkhā: thọ xả, hành xả

Upekkhā-brahmavihāra:
tâm xả trong tứ vô lượng
tâm

Uppāda: thời điểm sanh
khởi

V

Vacīviññatti-sadda-
navaka: nhóm thanh khẩu
biểu tri

Vacīviññatti-sadda-
lahutādi-terasaka: nhóm
thanh khẩu biểu tri đặc
biệt

Vaṇṇa: màu sắc

Vaṇṇasallakkhaṇā: sự
nhận ra màu sắc

Vatthu: vật

Vatthugāhikā: sự phân
định vật thể

Vatthusallakkhaṇā: sự
nhận ra vật thể

Vāra: cơ hội, dịp

Vicāra: tứ

Vicikicchā: hoài nghi

Vicikkichā citta: tâm đi
cùng với hoài nghi

Viññattigahāna vīthi: lộ
tâm thấu hiểu sự biểu tri

Viññāṇa: thức

Viññāṇa-dhātu: thức giới

Vitakka: tâm

Vinicchayaggahaṇa vīthi:
lộ ý môn quyết định

Vipassanā: thiên minh sát

Vipassanā yāna: cỗ xe
minh sát

Vipassanā yānika: sự thực
hành chỉ riêng thiên minh
sát làm phương tiện giác
ngộ

Vibhūta: (cảnh) rõ rệt

Viratī: các sự ngăn trừ

Vīriya: cần, tinh tấn

Vīthi: lộ tâm, con đường,
con lộ

Yathākammūpaga ñāṇa:
sinh tử minh

Yamaka-pāṭihāriya: song
thông lực của Đức Phật

Vedanā: cảm thọ

Vehapphala: cõi Quảng
Quả

Voṭṭhabbana: sự đoán
định (cảnh)

Voṭṭhabbanavāra: một tiến
trình kết thúc với sự đoán
định

Vodāna: dữ tợn

Vohāra: những chế độ biểu
hiện theo chế định

Y

Yāna: cỗ xe

Yoniso manasikāra: tác ý
khéo

Tài Liệu Tham Khảo

1. “Process of Consciousness and Matter” by (Aggamahāpaṇḍita) Bhaddanta Dr. Rewata Dhamma
2. “A Comprehensive Manual of Abhidhamma, First BPS Pariyatti Edition” by Bhikkhu Bodhi
3. “Handbook of Abhidhamma Studies, First Edition” by Venerable Sayādaw U Sīlānanda
4. “Cẩm Nang Nghiên Cứu Thắng Pháp, Tập Một” của Pháp Triều
5. “Cẩm Nang Nghiên Cứu Thắng Pháp, Tập Hai” của Pháp Triều

PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ

○ Phật tử hải ngoại:

- Sư cô Khanh An
- Sư bà Chân Phước
- Toàn thể Phật tử tại Vô Môn Thiên Tự, Hoa Kỳ
- Gia đình cô Liên Phan
- Gia đình chị Chi
- Gia đình cô Oanh Trần
- Gia đình Thy Lam
- Gia đình Hương Ngọc
- Gia đình Katherine Trần
- Gia đình Diệu Tiên
- Gia đình Diệu Bạch
- Gia đình Phần và An
- Gia đình Phước Duyên
- Gia đình Khiết Ngọc
- Gia đình Khiết Ngã
- Gia đình Tâm Phật Nhẫn
- Gia đình Tâm Phật Tuệ
- Gia đình Thu
- Gia đình Triết Ngọc
- Gia đình Vũ Phương Trần
- Gia đình Lê Diễm Hà
- Gia đình Liliane Trần
- Gia đình Nhan Diễm Thúy
- Gia đình Lan Nghiêm
- Gia đình Tuệ Nha
- Gia đình Từ Quán
- Gia đình Lưu Tâm
- Gia đình Nguyễn Trần Thủy
- Gia đình Nguyễn Thị Nhung
- Gia đình Visakha Truong
- Gia đình Quảng Trinh
- Gia đình Huỳnh Phước Thành
- Gia đình Nayxuan Heng
- Gia đình Tuan Lam
- Gia đình Tô Mỹ Hương (hồi hướng cho mẹ Huỳnh Thị Năm)
- Gia đình Huỳnh Thị Bé
- Gia đình Huỳnh Thị Thùy Vân
- Gia đình Huỳnh Văn Thanh
- Gia đình Huỳnh Văn Dũng
- Gia đình Nông Văn Hằng
- Gia đình Trần Thị Quế Anh
- Gia đình Nông Đình Hoàng
- Gia đình Nông Đình Hải
- Gia đình Nông Thị Mai Trâm
- Gia đình Nông Thị Mai Thoa
- Gia đình Nông Đình Hùng

PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ

○ Phật tử tại Việt Nam

- Sư Pháp Hỷ
- Sư Phước Viên
- Sư An Thiên
- Sư Thiện Đạt
- Thầy Vạn Thiện
- Thầy Thích Trí Hạnh
- Thầy Thích Quảng Châu
- Sư cô Như Hiếu
- Sư cô Quảng Nghiêm
- Sư cô Phước Hỷ
- Sư cô Tâm Tâm
- Sư cô Thanh Tâm
- Thích nữ Bửu Quang
- Thích nữ Liên Thuận
- Tu nữ Giác Tuệ
- Toàn thể Phật tử hùn phước với Tu nữ Phước Thủy
- Toàn thể Phật tử Tam Bảo Tự, Đà Nẵng hùn phước với chị Nguyễn Thị Chính Nghĩa
- Gia đình Như Minh Viên Hạnh
- Gia đình Hồ Triều Nam
- Gia đình Phạm Phú Phúc
- Gia đình Đoàn Nguyên Vương
- Gia đình Phạm Thùy Vân
- Gia đình Bùi Thị Xíu
- Gia đình Bùi Tấn Kha
- Gia đình Đỗ Hoàng Cường
- Gia đình Phan Bình
- Gia đình Hoàng Văn Phi
- Gia đình Ngô Thúy Ngân
- Gia đình Ngô Hương Trang
- Gia đình Trần Văn Giao
- Gia đình Vũ Thị Châu Giang
- Gia đình Nguyễn Quốc Hùng
- Gia đình Nguyễn Thị Chi
- Gia đình Dương Chí Thiên
- Gia đình Đỗ Hiếu Thảo
- Gia đình Hồng Thị Nonh
- Gia đình Nguyễn Thị Thanh Thủy
- Gia đình Nguyễn Thị Ngón
- Gia đình Ma Khắc Khiêm
- Gia đình Nguyễn Đình Huy
- Gia đình Nguyễn Thị Thu
- Gia đình Võ Thị Kim Thúy
- Gia đình Lâm Quang Hiệp
- Gia đình Nguyễn Đình Minh
- Gia đình Hoàng Văn Phi
- Gia đình Lê Văn Ngọc
- Gia đình Nguyễn Thị Chi
- Gia đình cô Kim Dung
- Gia đình cô Diệu Ánh
- Gia đình cô Thủy Vân
- Gia đình Tô Võ Thành
- Gia đình Nguyễn Thị Kim Xuân
- Gia đình Huỳnh Thanh Tuyền
- Gia đình Trương Thị Hoài Hương
- Gia đình Đỗ Hoàng Cường
- Gia đình mợ Diệp
- Gia đình bạn Nguyễn
- Gia đình Nguyễn Thị Xuân Hồng
- Gia đình Đồng Thị Thiên Hương
- Gia đình Nguyễn Thị Thanh Thủy
- Gia đình Đình Thị Thanh Vân

- Gia đình cô Thu
- Gia đình Nguyễn Thị Kim Cương
- Gia đình Nguyễn Thị Thúy Nhị
- Gia đình Tạ Chiêu Minh
- Gia đình Trần Thị Hoa
- Gia đình Hồng Thị Nhon
- Gia đình Nguyễn Ngọc Kim Chi
- Gia đình Trần Thị Hồng
- Gia đình Nguyễn Thị Thu Linh
- Gia đình Diệu Liên
- Gia đình Bùi Thị Hồng
- Gia đình Vi Thị Nam Hương
- Gia đình Dư Thị Kim Phượng
- Gia đình Nguyễn Sĩ Hậu
- Gia đình Nguyễn Thị Tuyết Sương
- Gia đình Tạ Quang Cát Tường
- Gia đình Bùi Thị Dung
- Gia đình Võ Thanh Thảo
- Gia đình Nguyễn Thị Hồng
- Gia đình Nguyễn Thị Kim Chi
- Gia đình Nguyễn Phương Nghĩa
- Gia đình Nguyễn Thị Hồng Chi
- Gia đình Nguyễn Bá Trường Vô danh
- Gia đình Huỳnh Kim Hoa
- Gia đình Phạm Thị Hai
- Gia đình Võ Thị Cẩm Châu
- Gia đình Hồ Triều Nam
- Gia đình Phạm Phú Phúc
- Gia đình Võ Phúc Tấn
- Gia đình Nguyễn Ngọc Thùy
- Gia đình Võ Thị Lớn
- Gia đình Trần Thị Hồng Đào
- Gia đình Trần Thị Như Ngọc
- Gia đình Nguyễn Thị Ngọc Dung
- Gia đình Đỗ Hiếu Thảo
- Gia đình Dương Chí Thiên
- Gia đình Trần Quốc Thanh
- Gia đình Trần Thị Chiêu Minh
- Gia đình Đỗ Quang Thuận
- Gia đình Đỗ Quang Tiếng
- Gia đình Nguyễn Trần Thanh Trà
- Gia đình Nguyễn Thị Thanh
- Gia đình Trần Thị Liễu
- Gia đình Võ Tấn Trọng
- Gia đình Phan Bình
- Gia đình Phạm Thị Hồng Hạnh
- Gia đình Lê Thanh Hải
- Gia đình Trần Thị Hải
- Gia đình Trịnh Công Thành
- Gia đình Huỳnh Thị Nương
- Gia đình Nguyễn Thị Bạch Tuyết
- Gia đình Nguyễn Chính
- Gia đình Đặng Thị Ánh Hồng
- Gia đình Vũ Minh Tuấn
- Gia đình Nguyễn Thị Tuyết Nga
- Gia đình Lâm Cảnh Phong
- Gia đình Cang – Hoa
- Gia đình Đỗ Xuân Duy
- Gia đình Phạm Thà
- Gia đình Huỳnh Nguyễn Thùy Trang
- Gia đình Lê Thị Thanh Vân

- Gia đình Lê Thúy Quỳnh Trang
- Gia đình Mi Yoen Nguyen
- Gia đình Đoàn Thị Phước
- Gia đình Diễm Phước
- Gia đình Võ Trọng Phi
- Gia đình Nguyễn Thị Chính Nghĩa
- Gia đình Nguyễn Thị Minh Khuê
- Gia đình Chow Nhuận Phát
- Gia đình Hoàng Đình An
- Gia đình Trịnh Ngọc Trác
- Gia đình cô Trần Thị Thanh Xuân
- Gia đình Đào Thị Ngọc Anh
- Gia đình Trần Thị Lý
- Gia đình Lê Thị Kiều Loan
- Gia đình Đặng Bích Toàn
- Gia đình Nguyễn Thị Thanh Thúy
- Gia đình Đoàn Ngọc Mỹ Linh
- Gia đình Đoàn Ngọc Bích Thủy
- Gia đình Sukhita Nguyệt
- Gia đình Lại Thế Quân
- Gia đình bác Ân Gái
- Gia đình bác Khả bác Sâm
- Gia đình Cher Nguyen
- Gia đình cô Thanh Hạnh
- Gia đình cô Hựu Huyền
- Gia đình Nguyễn Đức Vui
- Gia đình anh Lộc chị Đoạt
- Gia đình bé Phước Bình
- Gia đình Tâm Diệu
- Gia đình Hoàng Thị Lựu
- Gia đình Nguyễn Thị Hồng Nga
- Gia đình Phan Ngọc Hiếu
- Gia đình chị Lan Danh
- Gia đình Trần Thị Lan
- Gia đình Võ Tấn Trọng
- Gia đình Diệu Tường Nguyễn Thị Vân
- Gia đình Diệu Kiết Nguyễn Thị Phong
- Gia đình Đặng Thị Hằng

ĐỊA CHỈ PHÂN PHỐI

❖ TP. Hồ Chí Minh

1 - Tu nữ Phước Thủy

Chùa Bửu Quang
171/10 - Quốc lộ 1A
P. Bình Chiểu - Q. Thủ Đức
ĐT: 0919763531

2 - Vũ Thị Châu Giang

511/9 Huỳnh Văn Bánh - P. 14, Q. Phú Nhuận
ĐT: 0909129098 – 0903129098

❖ Đà Nẵng

Nguyễn Thị Chính Nghĩa

16 Hoàng Văn Thụ - Q. Hải Châu
ĐT: 0905688670

❖ Huế

Võ Trọng Phi

40 Bà Triệu
ĐT: 0979165701

❖ Bắc Ninh

Sư Nguyên Tuệ

Chùa Hộ Pháp Đào Xuyên
Thôn Đào Xuyên
Xã Trung Chính, huyện Lương Tài
ĐT: 0932595152

❖ Hà Nội

Vũ Đình Lâm

173/59/7 Hoàng Hoa Thám - Q. Ba Đình
ĐT: 0903448797

Lộ Trình Tâm Và Sắc Pháp

Tác giả: Bhaddanta Dr. Rewata Dhamma

Dịch giả: Pháp Triều

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội

ĐT: 04-37822845 - Fax: (04) 37822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Giám đốc – Tổng biên tập

Nguyễn Công Oánh

Biên tập: Nguyễn Thị Hà

Bìa & Trình bày: Thiện Tuệ

Sửa bản in: Pháp Triều

Đơn vị liên kết: Ông Võ Trọng Phi

Địa chỉ: 40 Bà Triệu, Thành Phố Huế

Số lượng in: 1500 bản, khổ 14 x 20 cm.

In tại: Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng, 420 Lê Duẩn, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Số ĐKXB: 742 – 2016/CXBIPH/08 – 53/TG

Mã ISBN: 978-604-61-3541-8

QĐXB: 166/QĐ-NXBTG ngày 24 tháng 3 năm 2016

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2016.